

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Thị Thanh Tâm

TÁC ĐỘNG CỦA VẤN ĐỀ HỒNG KÔNG ĐỐI VỚI
BIẾN ĐỔI ĐỊA - CHÍNH TRỊ KHU VỰC ĐÔNG Á

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Thị Thanh Tâm

TÁC ĐỘNG CỦA VẤN ĐỀ HỒNG KÔNG ĐỐI VỚI
BIẾN ĐỔI ĐỊA - CHÍNH TRỊ KHU VỰC ĐÔNG Á

Chuyên ngành: Chính trị học
Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch Hội đồng đánh giá
Luận án Tiến sĩ

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS. Nguyễn Văn Chiền

PGS.TS. Trần Thọ Quang

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả xin cam đoan Luận án “*Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á*” là công trình nghiên cứu hoàn toàn độc lập. Các tài liệu tham khảo, các số liệu thống kê phục vụ mục đích nghiên cứu công trình này được sử dụng đúng quy định, không vi phạm quy chế bảo mật của Nhà nước. Các kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Tác giả xin cam đoan những vấn đề nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tác giả xin hoàn toàn chịu trách nhiệm!

Hà Nội ngày 1 tháng 8 năm 2026

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Trần Thị Thanh Tâm

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ quý báu của nhiều cơ quan, tổ chức, các thầy giáo, cô giáo, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè. Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Phòng Đào tạo và Công tác người học, Phòng Quản lý Khoa học cùng các đơn vị chức năng của Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc tới hai người hướng dẫn khoa học trực tiếp là PGS.TS. Trần Thọ Quang và TS. Nguyễn Thu Hồng. Quý Thầy, Cô đã tận tâm chỉ dẫn, định hướng nghiên cứu, gợi mở những vấn đề khoa học quan trọng, đồng thời luôn động viên và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án. Sự tâm huyết, trách nhiệm và những đóng góp quý báu của Thầy Cô là nền tảng quan trọng giúp tôi vượt qua những khó khăn, hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và Hội đồng đánh giá tổng thể luận án cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đã dành thời gian đọc, nhận xét, đóng góp những ý kiến khoa học sâu sắc, giúp luận án được hoàn thiện hơn.

Tôi xin cảm ơn Ban chủ nhiệm Khoa, Quý Thầy, Cô, cán bộ, giảng viên và chuyên viên của Khoa Khoa học chính trị cùng các đơn vị liên quan đã hỗ trợ tôi trong quá trình thu thập tài liệu, tham khảo học thuật và thực hiện các thủ tục nghiên cứu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn cơ quan, đồng nghiệp nơi tôi công tác đã luôn động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân và bạn bè đã luôn đồng hành, chia sẻ, động viên và ủng hộ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Sự yêu thương, sẻ chia và động viên của mọi người là nguồn sức mạnh tinh thần lớn lao giúp tôi hoàn thành luận án này.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, luận án chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế. Tôi rất mong tiếp tục nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, Quý Thầy Cô và bạn bè để công trình nghiên cứu được hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 08 năm 2026
Tác giả luận án

Trần Thị Thanh Tâm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	8
1. Lý do chọn đề tài	8
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	11
2.1. Mục đích nghiên cứu	11
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	11
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	12
3.1. Đối tượng nghiên cứu	12
3.2. Phạm vi nghiên cứu	12
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	12
4.1. Cơ sở lý luận	12
4.2. Phương pháp nghiên cứu	13
5. Đóng góp mới của luận án	14
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án	15
6.1. Ý nghĩa lý luận	15
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	16
7. Kết cấu của luận án.	16
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN	
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	17
1.1. Các nghiên cứu về Hồng Kông trước năm 2014	17
1.1.1. Các nghiên cứu về lịch sử hình thành, địa vị pháp lý và mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" của Hồng Kông	17
1.1.2. Các nghiên cứu về vai trò của Hồng Kông đối với phát triển kinh tế, chính trị và an ninh của Trung Quốc	19
1.2. Các nghiên cứu về vấn đề Hồng Kông từ sau 2014	22
1.2.1. Các nghiên cứu về nguyên nhân của biến động chính trị Hồng Kông từ năm 2014 đến nay	22

1.2.2. Các nghiên cứu về diễn biến, đặc điểm và sự thay đổi mô hình quản trị Hồng Kông	25
1.3. Các công trình nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông	28
1.3.1. Các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc	28
1.3.2. Các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực Đông Á	31
1.4. Đánh giá chung kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết	34
1.4.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án	34
1.4.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tập trung giải quyết	37
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	38
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BỐI CẢNH TRƯỚC KHI DIỄN RA BIẾN ĐỘNG CHÍNH TRỊ TẠI HỒNG KÔNG (TRƯỚC NĂM 2014)	39
2.1. Cơ sở lý luận và khung lý thuyết phân tích áp dụng cho luận án	40
2.1.1. Quan niệm về “vấn đề Hồng Kông”	40
2.1.2. Khái niệm khu vực Đông Á	41
2.1.3. Khái niệm địa - chính trị và biến đổi địa - chính trị	42
2.1.4. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á	44
2.1.4.1. Chủ nghĩa hiện thực / tân hiện thực (Realism / Neorealism)	44
2.1.4.2. Chủ nghĩa tự do (Liberalism / Institutionalism)	47
2.1.4.3. Chủ nghĩa kiến tạo (Constructivism)	49
2.1.5. Khung phân tích tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á	51
2.2. Bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến vận động chính trị của Hồng Kông đầu thế kỷ XXI.	54

2.2.1. Sự vận động trong tương quan sức mạnh và quyền lực tại khu vực	54
2.2.2. Sự vận động trong mẫu hình quan hệ tại khu vực	57
2.2.3. Sự vận động của các luật chơi an ninh - chính trị và sự cạnh tranh chiến lược nước lớn.	59
2.3. Vị trí, vai trò chiến lược của Hồng Kông tại khu vực và thế giới	65
2.3.1. Vị trí chiến lược của Hồng Kông	65
2.3.2. Vị trí quan trọng của Hồng Kông trong tuyến hàng hải quốc tế	67
2.3.3. Vị trí, vai trò của Hồng Kông trong kinh tế, thương mại và đầu tư toàn cầu	69
2.4. Vai trò của Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc.	71
2.4.1. Vai trò kết nối Trung Quốc đại lục với thị trường tài chính toàn cầu, thúc đẩy đầu tư, điều phối thương mại	73
2.4.2. Thúc đẩy tham vọng của Trung Quốc quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ trên toàn cầu	75
2.4.3. Vai trò trong các chiến lược, sáng kiến lớn của Trung Quốc	80
2.4.4. Vai trò quan trọng đối với môi trường an ninh của Trung Quốc .	81
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	82
CHƯƠNG 3: NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH TRỊ TẠI HỒNG KÔNG TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY	83
3.1. Diễn biến cơ bản và nguồn gốc của biến động chính trị của Hồng Kông	84
3.1.1. Diễn biến vận động chính trị của Hồng Kông trong thời gian gần đây	84
3.1.2. Nguồn gốc những diễn biến chính trị tại Hồng Kông	102
3.2. Phản ứng của Trung Quốc đối với diễn biến chính trị tại Hồng Kông .	109
3.2.1. Mong muốn chung của người dân Hồng Kông	109

3.2.2. Quan điểm nền tảng chi phối chính sách của Chính phủ Trung Quốc với Hồng Kông	111
3.2.3. Phương châm giải quyết vấn đề Hồng Kông hiện nay của Chính phủ Trung Quốc	112
3.2.4. Chính sách cụ thể của Chính phủ Trung Quốc đối với Hồng Kông	114
3.3. Phản ứng của một số quốc gia đối với vấn đề Hồng Kông	120
3.3.1. Phản ứng của Hoa Kỳ	120
3.3.2. Phản ứng của một số quốc gia và tổ chức quốc tế khác đối với quá trình biến động chính trị tại Hồng Kông	129
3.4. Ảnh hưởng của biến động chính trị đối với Hồng Kông và Trung Quốc	138
3.4.1. Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với an ninh, phát triển của Trung Quốc	138
3.4.2. Những vấn đề đặt ra đối với an ninh chính trị và phát triển kinh tế của Hồng Kông	148
3.5. Về bản chất vấn đề biến động chính trị ở Hồng Kông	163
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	169
CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG CỦA VẤN ĐỀ HỒNG KÔNG ĐỐI VỚI ĐỊA - CHÍNH TRỊ KHU VỰC ĐÔNG Á VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM	170
4.1. Xu hướng phát triển của vấn đề Hồng Kông sau khi Luật An ninh quốc gia được ban hành	170
4.1.1. Xu hướng ổn định hóa đời sống chính trị và trật tự xã hội ở Hồng Kông	171
4.1.2. Xu hướng hoàn thiện mô hình quản trị Hồng Kông theo hướng tăng cường vai trò của Chính phủ Trung ương	174
4.1.3. Xu hướng tái định vị vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc	175

4.1.4. Xu hướng Hồng Kông tiếp tục là một điểm cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và các nước phương Tây	178
4.2. Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á	179
4.2.1. Tác động đối với an ninh chính trị, giải quyết xung đột, điểm nóng an ninh trong khu vực	179
4.2.2. Tác động đối với mô hình liên kết, cấu trúc kinh tế khu vực Đông Á	187
4.2.3. Tác động đối với trật tự an ninh chính trị khu vực Đông Á	190
4.2.4. Tác động đối với cạnh tranh quyền lực, cạnh tranh chiến lược nước lớn tại khu vực	193
4.2.5. Tác động đối với chiến lược phát triển, chính sách ngoại giao của các quốc gia Đông Nam Á	198
4.3. Tác động, ảnh hưởng của vấn đề Hồng Kông đến Việt Nam và hàm ý chính sách cho Đảng và Nhà nước Việt Nam.	200
4.3.1. Khái lược quan hệ giữa Việt Nam và Hồng Kông	200
4.3.2. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam rút ra từ biến động chính trị tại Hồng Kông	206
4.3.2.1. Bài học về quản lý hoạt động tôn giáo gắn với bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội	207
4.3.2.2. Bài học về chủ động phòng ngừa nguy cơ "cách mạng màu" và giữ vững ổn định chính trị	211
4.3.2.3. Bài học về chủ động ứng phó với tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đối với ổn định và phát triển đất nước.	216
4.3.3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam từ vấn đề Hồng Kông .	219
4.3.3.1. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội gắn với nâng cao năng lực quản trị quốc gia	220

4.3.3.2. <i>Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia gắn với tận dụng quá trình tái cấu trúc không gian kinh tế khu vực</i>	227
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4	231
KẾT LUẬN	233
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	236
TÀI LIỆU THAM KHẢO	237

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Đặc khu hành chính Hồng Kông	HKSAR
2	Đảng Cộng sản Trung Quốc	ĐCSTQ
3	Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển	UNCLOS
4	Các nền kinh tế mới công nghiệp hóa	NIEs
5	Tổng sản phẩm quốc nội	GDP
6	Đô la Hồng Kông	HKD
7	Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông	HKMA
8	Ủy ban Chứng khoán và Hợp đồng tương lai Hồng Kông	SFC
9	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	FDI
10	Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông	HKEX
11	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	IPO
12	Chứng chỉ Giáo dục Hồng Kông	HKCEE
13	Đô la Singapore	SGD
14	Cục Hàng không Dân dụng Trung Quốc	CAAC
15	Sân bay Quốc tế Hồng Kông	HKIA
16	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương	NATO
17	Liên minh châu Âu	EU
18	Nghị viện châu Âu	EP
19	Nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới	G7
20	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	ASEAN
21	Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc	UNHRC
22	Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ	CIA
23	Quỹ Quốc gia Hỗ trợ Dân chủ	NED
24	Tổ chức Thương mại Thế giới	WTO
25	Hệ thống Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ	Fed
26	Người Hồng Kông mang hộ chiếu hải ngoại của Anh	BNO
27	Tổ chức phi chính phủ	NGO

28	Quỹ Tiền tệ Quốc tế	IMF
29	Ngân hàng Thế giới	WB
30	Chỉ số Morgan Stanley Capital International	MSCI
31	Quỹ hoán đổi danh mục	ETF
TT	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
32	Hội đồng Độc lập Khiếu nại Cảnh sát	IPCC
33	Luật an ninh quốc gia	NSL
34	Khu vực Vịnh Lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao	GBA
35	Sáng kiến Vành đai và Con đường	BRI
36	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực	RCEP
37	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	CPTPP
38	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á	AIIB

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hồng Kông được trao trả về Trung Quốc vào tháng 7/1997 theo chính sách “Một nước, hai chế độ” - một cam kết mang tính pháp lý về mức độ tự trị cao được quy định trong Tuyên bố chung Anh - Trung năm 1984. Kể từ cuộc trao trả năm 1997, hiệp ước này đã định hình thành “Tiểu hiến pháp” trên thực tế của Hồng Kông mang tên Luật Cơ bản. Theo Luật Cơ bản, Trung Quốc cam kết duy trì quyền tự trị, nhiều quyền tự do mà chính Đại lục cũng không có trong thời gian chuyển tiếp 50 năm, tới năm 2047. Mô hình “Một nước, hai chế độ” được thực hiện tương đối suôn sẻ trong thập kỷ đầu sau khi Hồng Kông trở về với Đại lục. Trong thời gian này, do sự chênh lệch trình độ phát triển khi Hồng Kông đã là nền kinh tế phát triển, “con Rồng” kinh tế của châu Á, thuộc nhóm các nền công nghiệp mới phát triển (NIEs) trong khi Trung Quốc ở trạng thái đang phát triển, bắt đầu thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, Trung Quốc đã không can thiệp quá sâu và để cho Hồng Kông hoạt động gần giống như khi còn thuộc sự kiểm soát của Anh.

Với một xã hội ổn định và nền kinh tế năng động, Hồng Kông đã trở nên ngày càng thịnh vượng với cơ chế chính trị sau khi trở về Trung Quốc phần lớn không thay đổi. Hồng Kông vừa đóng vai trò trực tiếp, vừa đóng vai trò trung gian then chốt cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc khi trở thành cầu nối thương mại then chốt đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu của Trung Quốc, cửa ngõ tài chính thiết yếu tạo thuận lợi cho dòng vốn ra vào Trung Quốc và là trung tâm tài chính lớn thứ ba thế giới (Sau New York và London). Các đặc trưng về thể chế riêng biệt của Hồng Kông dưới vị thế tự trị của Đặc khu hành chính mang đến một giải pháp thay thế thích hợp cho những hạn chế trong khuôn khổ thể chế và kinh tế của Trung Quốc đang cản trở các nhà đầu tư Trung Quốc và nước ngoài. Đây là mối quan hệ cộng sinh, đảm bảo quyền tiếp cận toàn cầu với độ mở ngày càng cao của nền kinh tế Trung Quốc. Trong ưu thế mà Hồng Kông có được, yếu tố tự thân của Hồng Kông là cơ bản, nhưng sự ủng hộ của Mỹ và các nước phương Tây khác bằng cơ chế ưu đãi đặc biệt cũng là nhân tố quan trọng, tạo ra sự khác biệt giữa Hồng Kông và các trung tâm tài chính khác.

Trong những năm gần đây, với những lo ngại an ninh từ làn sóng biểu tình tại Hồng Kông dưới dạng thức của “cách mạng ô dù” (2014) và với tiềm lực trong nước và vị thế quốc tế nâng cao, Trung Quốc đã mất “kiên nhẫn chiến lược” đối với vấn đề Hồng Kông khi không thể “đợi” đến năm 2047 để thu hồi Hồng Kông hoàn toàn như cam kết đã ký với các nước năm 1984 và theo Luật Cơ bản năm 1992 (theo đó, Hồng Kông được quyền tự trị trong 50 năm tiếp theo sau khi trở về Trung Quốc). Bằng nhiều cách thức khác nhau, Trung Quốc liên tục mở rộng quyền kiểm soát chính trị, can dự vào quá trình kinh tế, gây ảnh hưởng đến quyền tự trị toàn diện của Hồng Kông dù ở một mức độ nhất định vẫn tiếp tục thúc đẩy quyền tự do về kinh tế để duy trì chức năng của thành phố này như một trung tâm tài chính bên ngoài và “trạm trung chuyển” hàng hóa, đầu tư quốc tế vào Đại lục. Ngày 30/6/2020, Luật An ninh quốc gia cho Hồng Kông (gọi tắt là Luật An ninh), sau khi được Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc (Nhân đại - Quốc hội Trung Quốc) biểu quyết thông qua, đã chính thức đưa vào Luật cơ bản của Hồng Kông. Đây được xem là công cụ để Trung Quốc đảm bảo “ổn định” xã hội Hồng Kông. Luật an ninh quốc gia có tiến trình ban hành chỉ mất hơn 1 tháng, được cho là đã bỏ qua quyền cơ quan lập pháp Hồng Kông và không tiến hành tham vấn rộng rãi tại Hồng Kông, nên đã vấp phải sự công kích mạnh mẽ của giới thực hành dân chủ ở Hồng Kông khi được Trung Quốc ban hành. Theo lập luận của nhóm này: Luật có tính chất khắc nghiệt hơn so với dự thảo Luật dẫn độ, xói mòn Điều 23 Luật Cơ bản và làm lung lay nguyên tắc “một nước, hai chế độ”, “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông” và tính độc lập tư pháp của Hồng Kông. Ngày 7/7/2020, để thực hiện Luật An ninh, Trung Quốc đã khai trương Văn phòng Bảo vệ An ninh Quốc gia của Chính quyền Nhân dân Trung ương tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông (HKSAR). Theo Luật An ninh mới, Văn phòng này chịu trách nhiệm phân tích và đánh giá những diễn biến liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia ở Hồng Kông, đưa ra các ý kiến và đề xuất về những chiến lược lớn và chính sách quan trọng, đồng thời giám sát, hướng dẫn, điều phối và hỗ trợ đặc khu đảm nhận các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Văn phòng trên cũng thu thập và phân

tích tin tình báo và các thông tin về an ninh quốc gia, xử lý các hành động vi phạm đe dọa đến an ninh quốc gia.

Những nỗ lực cứng rắn của Trung Quốc nhằm can dự sâu rộng vào tình hình chính trị nội bộ của Hồng Kông nhằm kiểm chế đặc khu này đã và đang tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị, suy giảm nghiêm trọng năng lực phát triển, gây ra sự bất ổn và tổn hại đến niềm tin đã có từ lâu đối với quyền tự trị của Hồng Kông. Mặt khác, vấn đề Hồng Kông đã gây ảnh hưởng lớn không chỉ đối với Hồng Kông mà còn đối với toàn bộ khu vực Đông Á. Trong thời gian dài, Hồng Kông không chỉ là một trung tâm kinh tế độc lập, tách biệt mà còn là một mắt xích quan trọng trong cấu trúc an ninh, kinh tế và chiến lược của Đông Á; qua đó tác động đến môi trường đầu tư, dòng chảy tài chính quốc tế, cấu trúc liên kết khu vực, cũng như làm sâu sắc thêm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại đây. Theo đó, việc nghiên cứu vấn đề Hồng Kông không thể chỉ dừng lại ở góc độ chính trị nội bộ hay pháp lý, mà cần được tiếp cận trong mối quan hệ hữu cơ với biến đổi địa - chính trị khu vực. Các biến động từ năm 2014 đến nay (đặc biệt sau Luật An ninh quốc gia 2020) cho thấy sự chuyển dịch rõ nét trong tư duy và hành xử chiến lược của Trung Quốc, nên vấn đề Hồng Kông cần được phân tích sâu hơn dưới góc độ chính trị học và địa - chính trị khu vực, từ đó, làm rõ mối quan hệ giữa chính trị nội bộ - chiến lược quốc gia - trật tự khu vực. Đây là chủ đề còn thiếu những nghiên cứu hệ thống ở Việt Nam.

Cùng với đó, trên phương diện khoa học, tuy rằng thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề Hồng Kông, song phần lớn các nghiên cứu này tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ như cải cách chính trị, phong trào dân chủ, chính sách của Trung Quốc, hoặc phản ứng của các nước phương Tây; tiếp cận vấn đề Hồng Kông từ góc độ dân chủ - nhân quyền hoặc cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ; tập trung làm rõ yêu cầu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và tính tất yếu của việc điều chỉnh mô hình quản trị Hồng Kông trong bối cảnh mới. Ở Việt Nam, số lượng công trình nghiên cứu chuyên sâu về Hồng Kông còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mức độ bài viết, báo cáo hoặc nghiên cứu đơn ngành, chưa có nhiều công trình tiếp cận vấn đề này một cách hệ thống dưới góc độ chính trị học và địa - chính trị khu vực. Đặc biệt, hiện vẫn còn thiếu vắng các công

trình khoa học nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, nhất là từ sau năm 2014. Khoảng trống nghiên cứu thể hiện ở việc chưa làm rõ được mối liên hệ biện chứng giữa biến động chính trị tại Hồng Kông với sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc, sự can dự của các nước lớn, cũng như những chuyển dịch trong cấu trúc an ninh và phát triển của khu vực Đông Á.

Mặt khác, nội dung của chủ đề Hồng Kông luôn mang giá trị thực tiễn quan trọng đối với đất nước đang phát triển như Việt Nam. Là một quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á, liền kề khu vực Đông Á, Việt Nam chịu tác động trực tiếp và gián tiếp từ những biến động địa - chính trị trong khu vực. Việc nghiên cứu vấn đề Hồng Kông giúp Việt Nam nhận diện rõ hơn xu hướng điều chỉnh chiến lược của các nước lớn, cách thức xử lý các điểm nóng chính trị, cũng như những hệ lụy của can dự quốc tế đối với ổn định và phát triển. Từ đó, nghiên cứu có thể cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định chính sách đối ngoại, an ninh và phát triển của Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới đang biến động nhanh chóng, phức tạp. Từ những lý do khoa học và thực tiễn, chúng tôi chọn vấn đề ***“Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa- chính trị khu vực Đông Á”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Chính trị học..

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu, làm rõ vấn đề Hồng Kông và những biến động chính trị tại đây từ năm 2014 đến nay với những tác động đối với an ninh, phát triển và biến đổi địa - chính trị của khu vực Đông Á. Từ đó, đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu

Hai là, làm rõ cơ sở lý luận và bối cảnh trước khi diễn ra biến động chính trị tại Hồng Kông.

Ba là, làm rõ những diễn biến chính trị phức tạp tại Hồng Kông từ 2014 - 2020 và bản chất của những biến động chính trị này.

Bốn là, làm rõ quan điểm, phương châm giải quyết vấn đề Hồng Kông của chính phủ Trung Quốc

Năm là, làm rõ phản ứng quốc tế với vấn đề Hồng Kông và tác động của vấn đề Hồng Kông đến an ninh và phát triển của chính Hồng Kông và với Trung Quốc

Sáu là, làm rõ tác động của vấn đề Hồng Kông tới địa - chính trị khu vực Đông Á

Bảy là, làm rõ tác động của vấn đề Hồng Kông đến Việt Nam và đề xuất các đối sách cần thiết cho Việt Nam trước biến động của vấn đề Hồng Kông.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề Hồng Kông và tác động đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: từ năm 2014 - khi các cuộc biểu tình quy mô lớn bắt đầu diễn ra khiến vấn đề Hồng Kông trở nên phức tạp, cho đến nay (thời điểm hoàn thành luận án).

Không gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu trong phạm vi diễn ra những biến động chính trị Hồng Kông và các không gian chịu tác động trực tiếp và lan tỏa của vấn đề này. Trong đó tập trung vào Hồng Kông, Trung Quốc, khu vực Đông Á (không gian chịu tác động trực tiếp) và các khu vực khác như Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam (các không gian chịu tác động lan tỏa của vấn đề Hồng Kông).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là hệ thống các quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị, về nhà nước, chính quyền, đảng cầm quyền ; những nhận định, đánh giá của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính trị quốc tế cũng như các quan điểm, chủ trương, đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một cách chọn lọc các lý thuyết chính trị học và chính trị quốc tế hiện đại. Cụ thể, luận án vận dụng lý thuyết thể chế chính trị để

phân tích cách thức tổ chức và vận hành quyền lực trong mô hình ‘một quốc gia, hai chế độ’; đồng thời kết hợp với lý thuyết về chủ quyền và quyền lực nhà nước để làm rõ cách tiếp cận của chính quyền trung ương Trung Quốc đối với vấn đề chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đảm bảo ổn định an ninh chính trị.

Ở bình diện quan hệ quốc tế, luận án tham chiếu các lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo nhằm phân tích phản ứng, điều chỉnh chính sách và phát ngôn của các chủ thể quốc tế liên quan đến vấn đề Hồng Kông, qua đó làm rõ tác động của vấn đề này đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á.

Việc vận dụng các lý thuyết trên được thực hiện có chọn lọc, phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu, nhằm bảo đảm tính khoa học, khách quan và nhất quán trong lập luận của luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của vấn đề Hồng Kông và mối liên hệ của nó với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á. Cụ thể, phương pháp lịch sử được vận dụng để tái hiện tiến trình hình thành và biến đổi của vấn đề Hồng Kông qua các giai đoạn, từ sau năm 1997 đến nay; trong khi phương pháp logic được sử dụng để hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề lý luận và làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố nội tại, yếu tố quốc tế và các tác động địa - chính trị của vấn đề Hồng Kông.

Luận án cũng vận dụng các phương pháp thống kê, so sánh và phân tích chính sách để đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với quan hệ giữa các chủ thể trong khu vực. Trong đó, phương pháp thống kê được sử dụng nhằm tổng hợp các số liệu liên quan đến kinh tế, chính trị và xã hội của Hồng Kông; phương pháp so sánh được vận dụng để đối chiếu vấn đề Hồng Kông với các trường hợp và xu hướng tương đồng trong khu vực Đông Á; còn phương pháp phân tích chính sách được sử dụng để làm rõ cách thức các chủ thể điều chỉnh chiến lược và phản ứng trước các biến động liên quan đến Hồng Kông.

Đồng thời, nhằm nâng cao tính khoa học và chiều sâu phân tích, luận án bổ sung một số phương pháp nghiên cứu hiện đại. Cụ thể như: phương pháp nghiên

cứu tình huống, được sử dụng xuyên suốt luận án với việc coi Hồng Kông là một trường hợp điển hình trong cạnh tranh địa - chính trị khu vực, qua đó làm rõ sự tương tác giữa các yếu tố nội tại và quốc tế trong một không gian cụ thể; phương pháp phân tích địa - chính trị, đặt vấn đề Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, từ đó lý giải cơ chế hình thành và lan tỏa các tác động địa - chính trị đối với khu vực Đông Á.

Bên cạnh đó, phương pháp phân tích diễn ngôn và văn bản chính sách được vận dụng nhằm nhận diện lập trường, cách tiếp cận và chiến lược của các chủ thể liên quan thông qua các tuyên bố chính thức, văn kiện và tài liệu chính sách. Phương pháp phân tích xu hướng được sử dụng để xây dựng và đánh giá xu hướng phát triển của vấn đề Hồng Kông trong tương lai, từ đó làm rõ các tác động tiềm tàng đối với cấu trúc địa - chính trị khu vực Đông Á.

Về nguyên tắc xử lý nguồn dữ liệu, luận án sử dụng chủ yếu các nguồn dữ liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu khoa học, tài liệu chính thống, báo cáo của các tổ chức quốc tế và các nguồn học thuật có độ tin cậy cao. Việc lựa chọn và sử dụng nguồn được thực hiện theo nguyên tắc đối chiếu, kiểm chứng đa chiều và gắn với khung phân tích của luận án nhằm bảo đảm tính khách quan, chính xác và nhất quán trong nghiên cứu.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án đã góp phần làm rõ bản chất của vấn đề Hồng Kông trong bối cảnh lịch sử và chính trị đương đại, coi đây là một vấn đề phức hợp, chịu sự chi phối đồng thời của mô hình “một quốc gia, hai chế độ”, các nhân tố nội sinh của Hồng Kông và những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế. Cách tiếp cận này giúp nhận diện đầy đủ hơn động lực và tính chất của vấn đề Hồng Kông, qua đó góp phần bổ sung cách nhìn mang tính hệ thống và dài hạn.

Luận án làm rõ nguồn gốc căn bản của những bất ổn chính trị tại Hồng Kông thời gian qua, trong đó nhấn mạnh sự tương tác giữa các yếu tố nội tại của Hồng Kông với sự can dự của các chủ thể bên ngoài, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ, truyền thông quốc tế, các tổ chức tôn giáo và các yếu tố gắn với “cách mạng màu”. Đây là đóng góp mới trong việc lý giải chiều sâu và tính phức tạp của các

biến động chính trị tại Hồng Kông cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm cho các nước trong khu vực trong việc đảm bảo an ninh chính trị, trong đó có Việt Nam.

Luận án nghiên cứu, đánh giá có hệ thống quá trình biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014 đến nay và phân tích tác động của các biến động này đối với mô hình phát triển của Hồng Kông cũng như đối với chính Trung Quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy những điều chỉnh quan trọng trong phương thức quản trị của chính quyền Trung ương, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, cũng như định hướng phát triển của Trung Quốc trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở tiếp cận từ góc độ khu vực và quốc tế, luận án đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với môi trường an ninh, phát triển, tạo ra những biến đổi địa - chính trị ở khu vực Đông Á. Qua đó, luận án góp phần làm rõ mối liên hệ giữa vấn đề Hồng Kông với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự điều chỉnh trong cấu trúc quyền lực khu vực.

Từ các kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất một số hàm ý chính sách có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong việc theo dõi, đánh giá và ứng xử trước những biến động liên quan đến vấn đề Hồng Kông, góp phần bảo đảm an ninh, ổn định và phát triển của Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều biến động.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Nghiên cứu vấn đề Hồng Kông và tác động của nó đối với môi trường địa - chính trị khu vực giúp có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về một trong những vấn đề chính trị quan trọng của Trung Quốc, cung cấp những minh chứng khoa học cho việc làm rõ những đặc điểm của cục diện địa - chính trị khu vực Đông Á trong bối cảnh sự trỗi dậy và gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc và sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực.

Đề tài góp phần bổ sung, làm rõ cơ sở lý luận về quan hệ quốc tế, về mối quan hệ giữa các chủ thể quan hệ quốc tế trong đó có quan hệ giữa các nước lớn với nhau, quan hệ giữa chủ thể vùng lãnh thổ với các quốc gia dân tộc; về và cách mạng màu trong quan hệ quốc tế, những hệ lụy và cách thức xử lý, cũng như kinh nghiệm về xử lý các điểm nóng chính trị.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề tài góp phần cung cấp các minh chứng để đánh giá quá trình biến động chính trị của Hồng Kông thời gian từ năm 2014 đến nay, trong đó bao gồm: Những thay đổi chính sách của Trung Quốc đối với Hồng Kông; những biến động chính trị phức tạp tại Hồng Kông khi có những thay đổi chính sách; sự phản ứng và điều chỉnh chính sách của các nước đối với vấn đề Hồng Kông. Từ đó đánh giá, phân tích hệ quả của những biến động chính trị đối với Hồng Kông, Trung Quốc, đối với môi trường quốc tế, đặc biệt là đối với môi trường an ninh, phát triển của khu vực Đông Á.

Hồng Kông là một đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam cả về chính trị - ngoại giao lẫn thương mại - đầu tư, nên việc nghiên cứu làm rõ vấn đề Hồng Kông và những tác động đến khu vực, và đề xuất một số hàm ý chính sách cho Việt Nam không chỉ góp phần tạo sự chủ động cho Việt Nam trước tác động của vấn đề Hồng Kông, mà còn thúc đẩy việc hợp tác hiệu quả hơn với Hồng Kông nói riêng và Trung Quốc nói chung.

7. Kết cấu của luận án.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Các công trình nghiên cứu, và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận và bối cảnh trước khi diễn ra biến động chính trị tại Hồng Kông (trước năm 2014)

Chương 3: Những diễn biến chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014 đến nay

Chương 4: Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với địa - chính trị khu vực Đông Á và hàm ý định hướng chính sách cho Việt Nam

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các nghiên cứu về Hồng Kông trước năm 2014

1.1.1. Các nghiên cứu về lịch sử hình thành, địa vị pháp lý và mô hình

"Một quốc gia, hai chế độ" của Hồng Kông

Lịch sử hình thành, địa vị pháp lý và mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" là một trong những chủ đề được nghiên cứu sớm và tương đối toàn diện trong các công trình về Hồng Kông. Các nghiên cứu được công bố trong và ngoài nước đã tiếp cận chủ đề này từ nhiều góc độ khác nhau như lịch sử, luật hiến pháp, khoa học chính trị và nghiên cứu khu vực. Nhìn chung, các công trình tập trung vào ba nhóm vấn đề chủ yếu: (i) quá trình hình thành và phát triển của Hồng Kông dưới thời kỳ thuộc địa và quá trình chuyển giao chủ quyền năm 1997; (ii) cơ sở pháp lý của việc thành lập Đặc khu hành chính Hồng Kông; và (iii) nội dung, đặc điểm và cơ chế vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ".

Ở góc độ lịch sử, nhiều học giả tập trung phân tích quá trình hình thành và phát triển của Hồng Kông từ một thuộc địa của Anh trở thành Đặc khu hành chính của Trung Quốc. Tiêu biểu là công trình *A Concise History of Hong Kong* của John M. Carroll (Hong Kong University Press, 2007), trong đó tác giả khái quát tiến trình phát triển của Hồng Kông từ thời kỳ thuộc địa đến sau khi trở về Trung Quốc, đồng thời phân tích những biến đổi về kinh tế, xã hội và chính trị đã hình thành nên đặc trưng của Hồng Kông hiện đại. Theo John M. Carroll, sự kết hợp giữa hệ thống pháp luật Anh, nền kinh tế thị trường và vị trí cửa ngõ giao thương quốc tế đã tạo nên tính đặc thù của Hồng Kông, đồng thời là tiền đề quan trọng cho việc hình thành mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" [Carroll, 2007].

Tiếp cận từ góc độ lịch sử chính trị, Steve Tsang trong cuốn *A Modern History of Hong Kong* (I.B. Tauris, 2004) đã phân tích sâu quá trình chuyển đổi của Hồng Kông từ thuộc địa Anh sang Đặc khu hành chính của Trung Quốc, nhấn mạnh tác động của bối cảnh Chiến tranh Lạnh, quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc và đàm phán Trung - Anh đối với việc xác lập tương lai chính trị của Hồng Kông. Công trình có giá trị ở chỗ không chỉ mô tả tiến trình lịch sử mà còn lý giải những

nhân tố lịch sử tạo nên sự khác biệt về thể chế và bản sắc của Hồng Kông so với Trung Quốc đại lục [Tsang, 2004].

Ở góc độ luật hiến pháp, công trình có ảnh hưởng lớn nhất là *Hong Kong's New Constitutional Order: The Resumption of Chinese Sovereignty and the Basic Law* của Yash Ghai (Hong Kong University Press, tái bản lần thứ hai năm 1999). Đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên phân tích có hệ thống Luật Cơ bản (Basic Law) trong mối quan hệ với Hiến pháp Trung Quốc, Tuyên bố chung Trung Quốc - Anh năm 1984 và quá trình chuyển giao chủ quyền năm 1997. Yash Ghai cho rằng Luật Cơ bản là nền tảng hiến định của Đặc khu hành chính Hồng Kông, đồng thời là thiết chế nhằm cân bằng giữa yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia của Trung Quốc và việc duy trì mức độ tự trị cao của Hồng Kông. Công trình cũng phân tích những vấn đề pháp lý có thể phát sinh trong quá trình thực thi Luật Cơ bản, đặc biệt là mối quan hệ giữa quyền tự trị của Hồng Kông và quyền hạn của Chính quyền Trung ương. Đây được xem là công trình nền tảng đối với các nghiên cứu về địa vị pháp lý và mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" [Ghai, 1999].

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu của Albert H. Y. Chen, tiêu biểu là cuốn *An Introduction to the Legal System of the People's Republic of China* (Chen, 2011) và các bài viết của tác giả trên Hong Kong Law Journal, đã phân tích vị trí của Luật Cơ bản trong hệ thống pháp luật Trung Quốc, cơ chế giải thích Luật Cơ bản của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và những vấn đề đặt ra trong việc thực thi nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ". Các nghiên cứu của Albert Chen có giá trị ở việc kết hợp giữa cách tiếp cận luật học và thực tiễn vận hành của mô hình quản trị Hồng Kông, qua đó bổ sung góc nhìn pháp lý đối với các nghiên cứu lịch sử và chính trị [Chen, A. H. Y, 2011].

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về chủ đề này chủ yếu tập trung giới thiệu quá trình chuyển giao chủ quyền, cơ sở pháp lý và những đặc điểm cơ bản của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ". Tiêu biểu là cuốn *Hồng Kông mười năm trở về với Trung Quốc* của Phùng Thị Huệ (Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, 2011), trong đó tác giả hệ thống hóa quá trình Hồng Kông trở về Trung Quốc, phân tích những thay đổi về tổ chức bộ máy chính quyền, kinh tế và xã hội trong mười năm

đầu sau khi chuyển giao. Công trình góp phần cung cấp một cách nhìn tương đối toàn diện về quá trình thực hiện mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" dưới góc độ nghiên cứu Trung Quốc ở Việt Nam [Phùng Thị Huệ, 2011].

Cùng hướng nghiên cứu đó, bài viết "Hệ thống chính trị và hệ thống pháp luật của Đặc khu hành chính Hồng Kông" của Đinh Ngọc Vượng (*Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 2008) tập trung phân tích cơ cấu tổ chức chính quyền, vị trí của Luật Cơ bản và những đặc điểm của hệ thống pháp luật Hồng Kông sau năm 1997 [Đinh Ngọc Vượng, 2008]. Trong khi đó, bài viết "Hồng Kông - Thành tựu và những vấn đề cần suy nghĩ sau mười năm trở về Trung Quốc" của Vương Kiến Dân, Hoàng Thế Anh và Nguyễn Thanh Giang (*Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 2007) đánh giá những kết quả bước đầu của việc thực hiện mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", đồng thời chỉ ra một số thách thức về quản trị và phát triển xã hội đã bắt đầu xuất hiện [Vương Kiến Dân, Hoàng Thế Anh, & Nguyễn Thanh Giang, 2007].

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm sáng tỏ khá toàn diện cơ sở lịch sử, pháp lý và thể chế của Hồng Kông; phân tích quá trình hình thành, nội dung và cơ chế vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ"; đồng thời lý giải vị trí pháp lý của Đặc khu hành chính Hồng Kông trong cấu trúc nhà nước của Trung Quốc. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để luận án kế thừa khi phân tích bối cảnh hình thành của vấn đề Hồng Kông.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc lý giải quá trình hình thành và cơ chế vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", trong khi chưa phân tích đầy đủ mối liên hệ giữa những đặc điểm lịch sử và thể chế đó với các biến động chính trị diễn ra từ năm 2014, cũng như chưa xem xét Hồng Kông như một nhân tố có khả năng tác động đến cục diện địa - chính trị khu vực Đông Á. Đây là khoảng trống mà luận án tiếp tục nghiên cứu ở các chương sau.

1.1.2. Các nghiên cứu về vai trò của Hồng Kông đối với phát triển kinh tế, chính trị và an ninh của Trung Quốc

Cùng với các nghiên cứu về lịch sử hình thành và mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", vai trò của Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc là chủ đề

thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quản trị công và quan hệ quốc tế. Các công trình nghiên cứu đều thống nhất rằng, sau khi thực hiện chính sách cải cách và mở cửa năm 1978, Hồng Kông không chỉ là một đặc khu hành chính mà còn trở thành cầu nối quan trọng giữa Trung Quốc với nền kinh tế thế giới. Trong những năm gần đây, cùng với sự thay đổi của môi trường quốc tế và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhiều nghiên cứu tiếp tục mở rộng phân tích vai trò của Hồng Kông từ phương diện kinh tế sang các khía cạnh chính trị, an ninh và chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc.

Ở góc độ kinh tế, Richard Y. C. Wong trong cuốn *Hong Kong as an International Financial Centre: Emergence and Development 1945–1965* (Hong Kong University Press, 2002) đã phân tích quá trình hình thành Hồng Kông như một trung tâm tài chính quốc tế và chỉ ra rằng lợi thế về thể chế thị trường, hệ thống pháp luật theo thông luật (common law) và môi trường kinh doanh mở đã giúp Hồng Kông trở thành cửa ngõ quan trọng để thu hút đầu tư, công nghệ và dòng vốn quốc tế vào Trung Quốc. Theo tác giả, chính vai trò trung gian này đã tạo điều kiện để Trung Quốc từng bước hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn đầu cải cách mở cửa [Wong, 2002].

Tiếp cận từ góc độ kinh tế khu vực, Sung Yun-wing trong công trình *The China–Hong Kong Connection: The Key to China's Open Door Policy* (Cambridge University Press, 1991) cho rằng Hồng Kông giữ vai trò đặc biệt trong quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của Trung Quốc. Thông qua mạng lưới doanh nghiệp, tài chính, thương mại và đầu tư xuyên biên giới, Hồng Kông đã trở thành kênh truyền dẫn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), công nghệ và kinh nghiệm quản trị hiện đại vào Trung Quốc đại lục. Công trình cũng chỉ ra rằng mối liên kết kinh tế giữa Hồng Kông với khu vực đồng bằng Châu Giang là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng của miền Nam Trung Quốc trong giai đoạn đầu cải cách [Sung, 1991].

Ở góc độ phát triển quốc gia, Joseph Y. S. Cheng trong nhiều nghiên cứu về quan hệ giữa Hồng Kông và Trung Quốc, đặc biệt là cuốn *The Hong Kong Special Administrative Region in Its First Decade* (City University of Hong Kong Press,

2007), cho rằng vai trò của Hồng Kông không chỉ thể hiện ở đóng góp kinh tế mà còn ở việc hỗ trợ Trung Quốc mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực quản trị kinh tế và thử nghiệm một số cơ chế cải cách thể chế trong quá trình hội nhập. Theo tác giả, việc duy trì sự ổn định và phát triển của Hồng Kông có ý nghĩa trực tiếp đối với uy tín quốc tế và hiệu quả thực hiện chiến lược phát triển của Trung Quốc [Cheng, 2007].

Một hướng nghiên cứu khác tập trung phân tích vị trí của Hồng Kông trong chiến lược phát triển vùng và hội nhập kinh tế quốc gia. Tiêu biểu là nghiên cứu của Richard Y. C. Wong về vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao (Guangdong–Hong Kong–Macao Greater Bay Area). Tác giả cho rằng sự kết nối về tài chính, logistics, dịch vụ chất lượng cao và đổi mới sáng tạo đã giúp Hồng Kông trở thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển vùng của Trung Quốc. Theo hướng tiếp cận này, Hồng Kông không chỉ là trung tâm tài chính quốc tế mà còn là cầu nối giữa thị trường Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Trung Quốc [Wong, 2019].

Ở Việt Nam, nhiều công trình cũng đã đề cập đến vai trò của Hồng Kông trong tiến trình phát triển của Trung Quốc. Tiêu biểu là cuốn *40 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc (1978–2018)* do Viện Nghiên cứu Trung Quốc chủ biên (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2018), trong đó các tác giả đánh giá Hồng Kông là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình cải cách, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc. Công trình phân tích vai trò của Hồng Kông trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, phát triển dịch vụ tài chính và mở rộng quan hệ thương mại với thế giới [Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2018].

Ở góc độ nghiên cứu thể chế và phát triển, Đỗ Tiến Sâm trong cuốn *Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc (1978–2003)* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2003) cho rằng việc duy trì thành công mô hình “Một quốc gia, hai chế độ” tại Hồng Kông có ý nghĩa không chỉ về kinh tế mà còn về chính trị và chiến lược đối với Trung

Quốc. Theo tác giả, Hồng Kông là một mô hình đặc thù phản ánh khả năng kết hợp giữa mục tiêu bảo đảm chủ quyền quốc gia với yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường. Những kinh nghiệm từ Hồng Kông cũng có giá trị tham khảo đối với quá trình hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị quốc gia của Trung Quốc [Đỗ Tiến Sâm, 2003].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất rằng Hồng Kông có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của Trung Quốc. Nếu các nghiên cứu trước đây chủ yếu nhấn mạnh vai trò của Hồng Kông như một trung tâm tài chính, thương mại và cửa ngõ hội nhập quốc tế, thì các nghiên cứu gần đây đã mở rộng phân tích sang các khía cạnh chính trị, quản trị, phát triển vùng và an ninh quốc gia. Điều này phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của giới học giả về vị trí của Hồng Kông trong chiến lược phát triển tổng thể của Trung Quốc.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn chủ yếu xem xét vai trò của Hồng Kông đối với quá trình phát triển của Trung Quốc, trong khi chưa phân tích sâu sự thay đổi của vai trò đó dưới tác động của các biến động chính trị từ năm 2014 và sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu đánh giá sự chuyển biến từ vai trò kinh tế truyền thống sang vai trò địa - chính trị và an ninh của Hồng Kông trong bối cảnh cấu trúc khu vực Đông Á đang có nhiều thay đổi. Đây là khoảng trống quan trọng mà luận án sẽ tiếp tục làm rõ ở các chương tiếp theo.

1.2. Các nghiên cứu về vấn đề Hồng Kông từ sau 2014

1.2.1. Các nghiên cứu về nguyên nhân của biến động chính trị Hồng Kông từ năm 2014 đến nay

Các biến động chính trị diễn ra tại Hồng Kông từ năm 2014, đặc biệt là Phong trào Ô dù (Umbrella Movement) năm 2014 và các cuộc biểu tình phản đối Dự luật Dẫn độ năm 2019, đã trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm của đông đảo học giả quốc tế và trong nước. Nếu các nghiên cứu trước năm 2014 chủ yếu tập trung vào mô hình “Một quốc gia, hai chế độ” và cơ chế vận hành của Đặc khu hành chính Hồng Kông, thì các công trình được công bố sau năm 2014 chuyển

trọng tâm sang phân tích nguyên nhân dẫn đến các biến động chính trị, làm rõ sự tương tác giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, thể chế, bản sắc chính trị và môi trường quốc tế. Mặc dù có sự khác biệt về cách tiếp cận, phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất rằng các biến động chính trị tại Hồng Kông là kết quả của sự tác động đồng thời của nhiều nhân tố, trong đó vừa có những nguyên nhân nội tại của Hồng Kông, vừa có những yếu tố xuất phát từ bối cảnh khu vực và quốc tế.

Một trong những hướng nghiên cứu nổi bật tập trung lý giải các nguyên nhân từ góc độ phát triển xã hội và sự biến đổi của bản sắc chính trị. Tiêu biểu là công trình *Political Development in Hong Kong: State, Political Society, and Civil Society* của Ma Ngok (Hong Kong University Press, 2007). Mặc dù được xuất bản trước năm 2014, công trình đã xây dựng khung phân tích quan trọng về mối quan hệ giữa nhà nước, xã hội chính trị và xã hội dân sự tại Hồng Kông. Theo Ma Ngok, quá trình phát triển kinh tế nhanh nhưng cải cách chính trị diễn ra chậm đã làm gia tăng khoảng cách giữa kỳ vọng tham gia chính trị của người dân với cơ chế quản trị hiện hành. Sự phát triển của xã hội dân sự, tầng lớp trung lưu và ý thức về bản sắc địa phương trở thành những nhân tố nền tảng góp phần hình thành các phong trào phản kháng trong giai đoạn sau [Ma, 2007].

Tiếp cận từ lý thuyết phong trào xã hội, Edmund W. Cheng và Wai Yin Chan trong bài báo *Explaining Spontaneous Occupation: Antecedents, Contingencies and Spaces in the Umbrella Movement* (*Social Movement Studies*, 2017) cho rằng Phong trào Ô dù không chỉ xuất phát từ tranh cãi về cải cách bầu cử mà còn là kết quả của quá trình tích tụ các mâu thuẫn xã hội và sự phát triển của các mạng lưới huy động xã hội. Các tác giả nhấn mạnh vai trò của giới trẻ, các tổ chức xã hội dân sự, truyền thông xã hội và những sự kiện kích hoạt trong việc chuyển hóa bất mãn xã hội thành hành động tập thể. Công trình góp phần mở rộng cách tiếp cận từ phân tích thể chế sang phân tích động lực xã hội của các phong trào chính trị [Cheng & Chan, 2017].

Trong khi đó, công trình *Hong Kong's Summer of Uprising: From Anti-Extradition to Anti-Authoritarian Protests* của Francis L. F. Lee và cộng sự, đăng trên *The China Review* (2019), tập trung lý giải nguyên nhân bùng phát phong trào

phản đối Dự luật Dẫn độ năm 2019. Các tác giả cho rằng việc phản đối dự luật chỉ là nguyên nhân trực tiếp, còn sự phát triển của phong trào phản ánh những bất đồng sâu sắc hơn về mô hình quản trị, mức độ tự trị của Hồng Kông và niềm tin của người dân đối với chính quyền. Công trình chỉ ra rằng phong trào năm 2019 có quy mô, mức độ huy động và tính chất xã hội rộng lớn hơn đáng kể so với Phong trào Ô dù năm 2014 [Lee et al., 2019].

Từ góc độ xã hội học chính trị, Ching Kwan Lee (2019) trong công trình *Take Back Our Future: An Eventful Sociology of the Hong Kong Umbrella Movement* (Cornell University Press, 2019) tiếp cận Phong trào Ô dù như một "sự kiện xã hội" (eventful sociology), nhấn mạnh vai trò của các quá trình tương tác giữa nhà nước và xã hội trong việc hình thành các phong trào chính trị. Theo tác giả, sự kết hợp giữa bất bình đẳng xã hội, sự thay đổi trong cấu trúc cơ hội chính trị và quá trình hình thành bản sắc tập thể đã tạo điều kiện cho các phong trào phản kháng phát triển mạnh mẽ [C. K. Lee, 2019].

Một hướng nghiên cứu khác nhấn mạnh vai trò của bản sắc chính trị và sự hình thành chủ nghĩa địa phương (localism) trong các biến động chính trị tại Hồng Kông. Tiêu biểu là nghiên cứu *The Rise of "Localism" and Civic Identity in Post-handover Hong Kong: Questioning the Chinese Nation-state* của Sebastian Veg đăng trên *The China Quarterly*. Thông qua phân tích quá trình hình thành và phát triển của bản sắc chính trị sau khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc, tác giả cho rằng sự gia tăng nhận thức về bản sắc "người Hồng Kông" cùng với những khác biệt về giá trị chính trị, thể chế và lối sống giữa Hồng Kông và Trung Quốc đại lục đã thúc đẩy sự phát triển của các phong trào xã hội sau năm 2014. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng bản sắc chính trị mang tính công dân (civic identity) ngày càng trở nên khác biệt với quan niệm dân tộc mang tính văn hóa do Bắc Kinh thúc đẩy, từ đó góp phần lý giải sự gia tăng các phong trào phản kháng trong giai đoạn gần đây [Veg, 2017].

Ở Việt Nam, công trình *Về vấn đề biến động chính trị tại Hồng Kông* của Trần Thọ Quang, Phạm Quốc Thành và Nguyễn Thị Thanh Vân (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2022) là một trong những nghiên cứu có tính hệ thống về chủ đề này. Trên cơ sở tổng hợp nhiều nguồn tài liệu trong nước và quốc tế, các tác

giả phân tích các nguyên nhân dẫn đến biến động chính trị từ nhiều góc độ như kinh tế, xã hội, thể chế, quan hệ giữa Trung ương và Đặc khu, cũng như tác động của môi trường quốc tế. Công trình góp phần cung cấp cách nhìn tương đối toàn diện về các nhân tố tác động đến tình hình Hồng Kông trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay [Trần Thọ Quang, Phạm Quốc Thành, Nguyễn Thị Thanh Vân, 2022].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận nguyên nhân của biến động chính trị Hồng Kông từ nhiều góc độ khác nhau, phản ánh tính chất phức hợp của vấn đề. Các nghiên cứu đã góp phần làm rõ vai trò của các yếu tố kinh tế - xã hội, bản sắc chính trị, xã hội dân sự và những thay đổi trong quan hệ giữa Hồng Kông với Trung Quốc đại lục. Đồng thời, các công trình cũng cho thấy không thể lý giải các biến động chính trị chỉ từ một nguyên nhân đơn lẻ mà cần đặt trong mối quan hệ tương tác giữa nhiều nhân tố trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tập trung giải thích nguyên nhân của các biến động chính trị tại Hồng Kông, trong khi chưa phân tích đầy đủ sự tác động qua lại giữa các nguyên nhân này với quá trình điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và những biến đổi trong cấu trúc địa - chính trị khu vực Đông Á. Đặc biệt, còn thiếu những nghiên cứu kết hợp đồng thời cách tiếp cận chính trị học, quan hệ quốc tế và địa - chính trị để đánh giá tác động lan tỏa của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực. Đây là khoảng trống mà luận án tiếp tục nghiên cứu trong các chương tiếp theo.

1.2.2. Các nghiên cứu về diễn biến, đặc điểm và sự thay đổi mô hình quản trị Hồng Kông

Bên cạnh các nghiên cứu tập trung lý giải nguyên nhân của các biến động chính trị, nhiều học giả trong và ngoài nước còn quan tâm phân tích diễn biến của các phong trào phản kháng cũng như những thay đổi trong mô hình quản trị Hồng Kông sau năm 2019. Nếu các nghiên cứu ban đầu chủ yếu tập trung mô tả tiến trình phát triển của Phong trào Ô dù năm 2014 và phong trào phản đối Dự luật Dẫn độ năm 2019 thì từ sau khi Luật An ninh quốc gia đối với Hồng Kông được ban hành năm 2020, trọng tâm nghiên cứu đã chuyển sang đánh giá sự điều chỉnh về thể chế, pháp luật và phương thức quản trị của Trung Quốc đối với Đặc khu hành chính

Hồng Kông. Các công trình tiêu biểu tập trung vào ba nội dung chính: (i) đặc điểm và xu hướng phát triển của các phong trào chính trị; (ii) tác động của Luật An ninh quốc gia và cải cách hệ thống bầu cử; (iii) sự thay đổi trong mô hình quản trị Hồng Kông dưới tác động của những điều chỉnh chính sách từ Trung ương.

Nghiên cứu về diễn biến và đặc điểm của các biến động chính trị được thể hiện khá rõ trong các công trình của Sonny Shiu-hing Lo. Trong bài báo "Hong Kong in 2020: National Security Law and Truncated Autonomy" đăng trên *Asian Survey* (2021), tác giả phân tích diễn biến chính trị của Hồng Kông trong năm 2020, đặc biệt là quá trình ban hành và thực thi Luật An ninh quốc gia. Theo Sonny Lo, năm 2020 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ giai đoạn đối đầu chính trị kéo dài sang giai đoạn tái lập trật tự quản trị với trọng tâm là bảo đảm an ninh quốc gia, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và kiểm soát các hoạt động bị coi là đe dọa ổn định chính trị. Công trình cũng đánh giá những tác động của Luật An ninh quốc gia đối với hệ thống chính trị, giáo dục, truyền thông và xã hội Hồng Kông, qua đó cho thấy sự thay đổi đáng kể trong môi trường quản trị của Đặc khu [Lo, 2021].

Ở góc độ pháp luật và thể chế, Michael C. Davis trong cuốn *Making Hong Kong China: The Rollback of Human Rights and the Rule of Law* (Association for Asian Studies, 2020) tập trung phân tích những thay đổi của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" sau các biến động chính trị năm 2019. Tác giả cho rằng việc ban hành Luật An ninh quốc gia cùng với các điều chỉnh về tổ chức bộ máy và thực thi pháp luật đã tạo nên bước chuyển đáng kể trong phương thức quản trị Hồng Kông. Đóng góp nổi bật của công trình là đặt sự thay đổi của mô hình quản trị trong mối quan hệ giữa yêu cầu bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia và việc duy trì các thiết chế pháp quyền của Đặc khu, qua đó mở rộng cách tiếp cận từ phân tích sự kiện sang phân tích sự thay đổi của cơ chế quản trị [Davis, 2020].

Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào cải cách thiết chế chính trị và hệ thống bầu cử của Hồng Kông. Đại diện tiêu biểu là Simon N. M. Young. Trong cuốn *Electing Hong Kong's Chief Executive* (viết cùng Richard Cullen, Hong Kong University Press, 2010), hai tác giả phân tích quá trình hình thành và phát triển của cơ chế bầu chọn Trưởng Đặc khu, làm rõ những đặc điểm của Ủy ban Bầu cử, cơ sở

pháp lý của hệ thống bầu cử và các vấn đề đặt ra đối với tiến trình cải cách chính trị của Hồng Kông. Công trình được xem là một tài liệu nền tảng để nghiên cứu cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Hồng Kông sau năm 1997 [Young, 2010]. Sau khi tranh luận về cải cách chính trị bùng phát mạnh vào năm 2014, Simon N. M. Young tiếp tục công bố bài nghiên cứu "Realising Universal Suffrage in Hong Kong after the Standing Committee's Decision" đăng trên *Hong Kong Law Journal* (2014). Từ việc phân tích quyết định ngày 31/8/2014 của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc về cải cách bầu cử, tác giả cho rằng những giới hạn trong tiến trình phổ thông đầu phiếu và cơ chế đề cử ứng cử viên đã trở thành một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Phong trào Ô dù. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh rằng mọi cải cách chính trị của Hồng Kông đều phải được xem xét trong khuôn khổ Luật Cơ bản và mối quan hệ hiến định giữa Trung ương với Đặc khu. Công trình này có giá trị trong việc lý giải mối liên hệ giữa cải cách thể chế với các biến động chính trị diễn ra sau năm 2014 [Young, S. N. M., 2014].

Tại Việt Nam, nghiên cứu về sự thay đổi mô hình quản trị Hồng Kông sau năm 2019 còn chưa nhiều. Phần lớn các công trình chủ yếu tập trung giới thiệu diễn biến các cuộc biểu tình, nội dung của Luật An ninh quốc gia và những điều chỉnh trong chính sách của Trung Quốc đối với Hồng Kông, song chưa hình thành được các nghiên cứu chuyên sâu về quá trình chuyển đổi mô hình quản trị của Đặc khu dưới góc độ khoa học chính trị hoặc quản trị công.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ quá trình chuyển biến trong mô hình quản trị Hồng Kông sau các biến động chính trị từ năm 2014 đến nay. Nếu Sonny Shiu-hing Lo tập trung phân tích diễn biến chính trị và tác động trực tiếp của Luật An ninh quốc gia, thì Michael C. Davis nhấn mạnh những thay đổi về cơ chế pháp quyền và quản trị hiến định, còn Simon N. M. Young tiếp cận từ góc độ cải cách thiết chế chính trị và hệ thống bầu cử. Bên cạnh đó, Brian C. H. Fong trong nghiên cứu về quá trình tái cấu trúc quản trị Hồng Kông cho rằng sau năm 2020, trọng tâm quản trị của Đặc khu chuyển từ việc duy trì mức độ tự trị tương đối sang nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, nguyên tắc "những người yêu nước quản trị Hồng Kông" và tăng

cường sự phối hợp thể chế giữa Chính quyền Trung ương với Đặc khu. Theo tác giả, những điều chỉnh này không chỉ làm thay đổi cơ cấu chính trị mà còn định hình lại phương thức quản trị và mối quan hệ giữa Hồng Kông với chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc [Fong, 2023]. Những cách tiếp cận này bổ sung cho nhau, giúp làm rõ nhiều khía cạnh của quá trình điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn chủ yếu xem xét sự thay đổi của mô hình quản trị trong phạm vi nội bộ Hồng Kông, trong khi chưa phân tích đầy đủ mối liên hệ giữa quá trình điều chỉnh đó với chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc và tác động đối với cục diện địa - chính trị khu vực Đông Á. Đặc biệt, còn thiếu những nghiên cứu tích hợp giữa phân tích quản trị, quan hệ quốc tế và địa - chính trị để đánh giá tác động lan tỏa của vấn đề Hồng Kông đối với môi trường chiến lược khu vực. Đây là khoảng trống mà luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu trong các chương tiếp theo.

1.3. Các công trình nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông

1.3.1. Các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc

Sau các biến động chính trị diễn ra từ năm 2014, đặc biệt là các sự kiện năm 2019 và việc ban hành Luật An ninh quốc gia đối với Hồng Kông năm 2020, nhiều học giả đã chuyển trọng tâm nghiên cứu từ việc phân tích nguyên nhân và diễn biến của các phong trào phản kháng sang đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc. Các công trình tập trung phân tích ảnh hưởng của những biến động này trên các phương diện phát triển kinh tế, quản trị quốc gia, an ninh quốc gia, quan hệ trung ương - địa phương và vị thế quốc tế của Trung Quốc. Mặc dù có sự khác biệt về cách tiếp cận, phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất rằng vấn đề Hồng Kông đã vượt ra ngoài phạm vi của một vấn đề nội bộ địa phương, trở thành một nội dung có ý nghĩa chiến lược trong quá trình phát triển và bảo đảm lợi ích quốc gia của Trung Quốc.

Tiếp cận từ góc độ quan hệ trung ương - địa phương và quản trị quốc gia, Sonny Shiu-hing Lo trong cuốn *Hong Kong in the Shadow of China: Living with*

the Leviathan (Palgrave Macmillan, 2010) phân tích sự thay đổi trong quan hệ giữa Chính phủ Trung ương và Chính quyền Đặc khu sau khi Hồng Kông được trao trả. Tác giả cho rằng cùng với sự phát triển nhanh của Trung Quốc đại lục, mức độ phụ thuộc của Hồng Kông vào Trung Quốc ngày càng gia tăng trên các phương diện kinh tế, chính trị và xã hội. Điều này dẫn tới những điều chỉnh trong phương thức quản trị của Trung ương nhằm bảo đảm vừa duy trì mức độ tự trị của Hồng Kông theo Luật Cơ bản, vừa bảo vệ lợi ích quốc gia và ổn định chính trị. Công trình có giá trị ở chỗ làm rõ mối quan hệ giữa quản trị Đặc khu với chiến lược phát triển tổng thể của Trung Quốc, tạo nền tảng để lý giải các điều chỉnh chính sách sau năm 2019 [Lo, 2010].

Ở góc độ chính sách đối ngoại và lợi ích quốc gia, Suisheng Zhao trong cuốn *Chinese Foreign Policy: Pragmatism and Strategic Behavior* (Routledge, 2004) cho rằng Hồng Kông luôn được Trung Quốc xem là một bộ phận của lợi ích cốt lõi, không chỉ vì giá trị kinh tế mà còn vì ý nghĩa chính trị và chủ quyền quốc gia. Theo tác giả, cách thức xử lý vấn đề Hồng Kông phản ánh rõ đặc trưng của chính sách đối ngoại Trung Quốc là kết hợp giữa mục tiêu bảo vệ chủ quyền, duy trì môi trường quốc tế thuận lợi và phục vụ phát triển đất nước. Mặc dù nghiên cứu được thực hiện trước các biến động gần đây, nhưng khung phân tích của Suisheng Zhao vẫn được nhiều học giả sử dụng để lý giải các điều chỉnh chính sách của Trung Quốc đối với Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt [Zhao, 2004]. Bên cạnh đó, Suisheng Zhao cho rằng việc xử lý vấn đề Hồng Kông phản ánh cách tiếp cận của Trung Quốc trong việc kết hợp giữa bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và duy trì môi trường quốc tế thuận lợi cho phát triển. Quan điểm này tiếp tục được tác giả phát triển trong các nghiên cứu gần đây về cạnh tranh chiến lược Trung Quốc – Hoa Kỳ, trong đó Hồng Kông được xem là một nội dung gắn với lợi ích cốt lõi và chiến lược đối ngoại của Trung Quốc [Zhao, 2022].

Một hướng nghiên cứu khác tập trung đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với hình ảnh và vị thế quốc tế của Trung Quốc. Tiêu biểu là công trình *Hong Kong's Transitions, 1842–1997*, do Judith M. Brown và Rosemary Foot đồng

chủ biên (Palgrave Macmillan, 1997). Mặc dù nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh trước khi Hồng Kông được trao trả, các tác giả đã đặt ra vấn đề về ý nghĩa của Hồng Kông đối với chiến lược phát triển và hội nhập quốc tế của Trung Quốc sau năm 1997. Các chương nghiên cứu trong cuốn sách phân tích Hồng Kông không chỉ như một trung tâm kinh tế mà còn là phép thử đối với năng lực quản trị, uy tín quốc tế và khả năng thực hiện các cam kết quốc tế của Trung Quốc. Khung phân tích này tiếp tục được nhiều nghiên cứu sau năm 2019 kế thừa khi đánh giá tác động của các biến động chính trị Hồng Kông đối với quan hệ của Trung Quốc với các nước phương Tây và môi trường quốc tế [Brown & Foot, 1997].

Tiếp cận từ góc độ chính trị so sánh, Kerry Brown trong cuốn *China Incorporated: The Politics of a World Where China Is Number One* (Bloomsbury, 2023) cho rằng các vấn đề tại Hồng Kông phản ánh thách thức của Trung Quốc trong việc dung hòa giữa yêu cầu phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc gia và duy trì hình ảnh của một cường quốc đang lên. Theo tác giả, những điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông sau năm 2019 không chỉ tác động đến mô hình quản trị của Đặc khu mà còn ảnh hưởng đến cách nhìn nhận của cộng đồng quốc tế đối với năng lực quản trị và vai trò của Trung Quốc trong trật tự khu vực [Brown, 2023].

Ở góc độ quan hệ quốc tế, Rosemary Foot cho rằng những diễn biến tại Hồng Kông sau năm 2019 đã trở thành một trong những nhân tố làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước phương Tây, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến nhân quyền, quản trị và trật tự quốc tế. Theo tác giả, vấn đề Hồng Kông không còn chỉ là vấn đề nội bộ mà đã trở thành một nội dung trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn [Foot, 2023].

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc còn tương đối hạn chế. Phần lớn các công trình tập trung phân tích Hồng Kông như một nội dung trong nghiên cứu về sự phát triển của Trung Quốc đương đại hoặc về cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Tiêu biểu là cuốn *Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI: Những vấn đề nổi bật* do Đỗ Tiến Sâm chủ biên (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2010), trong đó các tác giả đánh giá việc duy

trì ổn định tại Hồng Kông có ý nghĩa quan trọng đối với môi trường phát triển, tiến trình hội nhập quốc tế và việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trung Quốc. Tuy nhiên, do được công bố trước các biến động chính trị từ năm 2014, công trình chưa có điều kiện phân tích những tác động mới của vấn đề Hồng Kông đối với chiến lược phát triển của Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay [Đỗ Tiến Sâm, 2010].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã làm rõ nhiều khía cạnh về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc, từ phát triển kinh tế, quản trị quốc gia đến chính sách đối ngoại và vị thế quốc tế. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn tập trung đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với bản thân Trung Quốc, trong khi chưa phân tích đầy đủ sự lan tỏa của những tác động đó đối với môi trường an ninh, cấu trúc quyền lực và cục diện địa - chính trị khu vực Đông Á. Đặc biệt, còn thiếu các nghiên cứu tích hợp giữa chính trị học, quan hệ quốc tế và địa - chính trị để lý giải mối quan hệ giữa vấn đề Hồng Kông với những biến đổi của khu vực Đông Á.

1.3.2. Các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực Đông Á

Những biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014, đặc biệt là các sự kiện năm 2019 và việc ban hành Luật An ninh quốc gia năm 2020, đã làm xuất hiện một hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực quan hệ quốc tế và nghiên cứu khu vực Đông Á. Nếu các công trình trước đây chủ yếu xem Hồng Kông là một vấn đề thuộc phạm vi quản trị nội bộ của Trung Quốc thì nhiều nghiên cứu gần đây đã đặt vấn đề Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự điều chỉnh chính sách của các quốc gia trong khu vực và quá trình biến đổi của trật tự khu vực Đông Á. Theo đó, Hồng Kông không còn được nhìn nhận đơn thuần là một Đặc khu hành chính mà trở thành một biến số có ảnh hưởng đến môi trường an ninh, hợp tác và cạnh tranh chiến lược trong khu vực.

Tiếp cận từ góc độ chuyển đổi trật tự khu vực, David Shambaugh trong cuốn *China's Future* (Polity Press, 2016) cho rằng những vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị Hồng Kông phản ánh các thách thức mà Trung Quốc phải đối mặt khi chuyển từ một cường quốc đang phát triển sang một cường quốc có ảnh hưởng toàn

cầu. Theo tác giả, cách thức xử lý vấn đề Hồng Kông không chỉ tác động đến ổn định trong nước mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh, uy tín và vai trò lãnh đạo khu vực của Trung Quốc. Mặc dù công trình không nghiên cứu riêng về Hồng Kông, nhưng đã đặt Hồng Kông trong mối quan hệ với quá trình điều chỉnh vai trò của Trung Quốc trong trật tự Đông Á.[Shambaugh, 2016]. David Shambaugh trong bài viết *Where Great Powers Meet: America and China in Southeast Asia* đăng trên Oxford University Press cũng cho rằng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đang làm thay đổi cấu trúc quyền lực tại Đông Á và khiến các điểm nóng như Hồng Kông, Đài Loan và Biển Đông ngày càng có mối liên hệ chặt chẽ hơn trong tính toán chiến lược của các quốc gia [Shambaugh, 2020].

Ở góc độ cạnh tranh chiến lược và cân bằng thể chế, Kai He trong cuốn *Institutional Balancing in the Asia Pacific: Economic Interdependence and China's Rise* (Routledge, 2009) và bài báo “China's Rise, Institutional Balancing, and (Possible) Peaceful Order Transition in the Asia Pacific” đăng trên *The Pacific Review* (2022) cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc đang thúc đẩy các quốc gia Đông Á điều chỉnh chiến lược thông qua các cơ chế hợp tác và cân bằng thể chế, thay vì chỉ dựa trên cân bằng quân sự. Theo Kai He, cạnh tranh giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ ngày càng tác động sâu sắc đến tiến trình định hình trật tự khu vực; vì vậy, các vấn đề nhạy cảm liên quan đến chủ quyền và an ninh, trong đó có Hồng Kông, đều có khả năng ảnh hưởng đến nhận thức chiến lược và hành vi của các quốc gia Đông Á [He, 2009; He, 2022].

Từ góc độ trật tự khu vực Đông Á, Evelyn Goh trong bài viết *The Struggle for Order: Hegemony, Hierarchy, and Transition in Post-Cold War East Asia* cho rằng cạnh tranh giữa các nước lớn đang làm gia tăng tính liên kết giữa các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống trong khu vực. Theo tác giả, các điểm nóng như Hồng Kông, Đài Loan hay Biển Đông ngày càng trở thành những biến số có khả năng tác động đến nhận thức chiến lược và hành vi của các quốc gia Đông Á [Goh, 2013].

Tiếp cận từ góc độ an ninh khu vực, Thomas J. Christensen trong cuốn *The China Challenge: Shaping the Choices of a Rising Power* (W.W. Norton, 2015) cho

rằng những vấn đề liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và ổn định chính trị luôn giữ vị trí trung tâm trong hoạch định chính sách đối nội và đối ngoại của Trung Quốc. Theo tác giả, phản ứng của Bắc Kinh đối với các vấn đề như Hồng Kông, Đài Loan hay Biển Đông đều có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường an ninh khu vực và cách thức các nước láng giềng điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc. Công trình giúp mở rộng cách nhìn từ phạm vi nội bộ Hồng Kông sang tác động của vấn đề này đối với cấu trúc an ninh Đông Á [Christensen, 2015].

Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào quá trình điều chỉnh trật tự khu vực dưới tác động của cạnh tranh Mỹ – Trung. Trong cuốn *The Future of US–China Relations: Conflict Is Inevitable?* (Routledge, 2022), David M. Lampton, Selina Ho và Cheng-Chwee Kuik cho rằng các điểm nóng như Hồng Kông, Đài Loan và Biển Đông ngày càng gắn kết với nhau trong tổng thể cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc. Theo các tác giả, Hồng Kông không chỉ là vấn đề đối nội của Trung Quốc mà còn trở thành một nội dung trong tương tác chiến lược giữa Bắc Kinh với Hoa Kỳ và các đồng minh, qua đó ảnh hưởng đến môi trường chính trị và an ninh của toàn khu vực Đông Á [Lampton, Ho, & Kuik, 2022].

Rosemary Foot trong bài viết *China–US Relations in an Era of Strategic Competition* cho rằng những diễn biến tại Hồng Kông sau năm 2019 đã làm gia tăng những bất đồng giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ và nhiều nước phương Tây về các vấn đề quản trị, nhân quyền và trật tự quốc tế. Theo tác giả, Hồng Kông ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và có tác động đáng kể đến môi trường chính trị - an ninh của khu vực Đông Á [Foot, 2023].

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực Đông Á còn tương đối ít. Phần lớn các công trình tập trung phân tích diễn biến chính trị tại Hồng Kông hoặc tác động đối với Trung Quốc, trong khi những nghiên cứu xem xét Hồng Kông như một nhân tố ảnh hưởng đến biến đổi địa - chính trị khu vực mới chỉ dừng ở các nhận định khái quát, chưa xây dựng được khung phân tích chuyên biệt để đánh giá mối quan hệ giữa vấn đề Hồng Kông với sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và những biến đổi của cục diện Đông Á.

Qua khảo cứu có thể nhận thấy, các nghiên cứu quốc tế về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực Đông Á có xu hướng chuyển dịch từ cách tiếp cận coi Hồng Kông là một vấn đề quản trị nội bộ của Trung Quốc sang cách tiếp cận đặt Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược, chuyển đổi trật tự khu vực và điều chỉnh chính sách của các nước lớn. Mặc dù vậy, phần lớn các công trình vẫn xem Hồng Kông như một biến số trong nghiên cứu về cạnh tranh Mỹ – Trung hoặc sự trỗi dậy của Trung Quốc, thay vì coi đây là một đối tượng nghiên cứu độc lập có khả năng tác động đến biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á. Vì vậy, chưa có nhiều công trình xây dựng được một khung phân tích tổng hợp để lý giải cơ chế tác động của vấn đề Hồng Kông đến sự điều chỉnh chiến lược của các chủ thể khu vực, đến cấu trúc quyền lực và môi trường an ninh Đông Á. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà luận án hướng tới bổ sung thông qua việc phân tích một cách hệ thống tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á.

1.4. Đánh giá chung kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

1.4.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể thấy, vấn đề Hồng Kông đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như lịch sử, luật học, khoa học chính trị, quan hệ quốc tế, nghiên cứu khu vực và địa - chính trị. Mỗi nhóm công trình tập trung giải quyết một hoặc một số khía cạnh nhất định, góp phần hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc nghiên cứu vấn đề Hồng Kông trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã làm rõ khá toàn diện quá trình hình thành, địa vị pháp lý và cơ chế vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ". Những nghiên cứu này đã lý giải được bối cảnh lịch sử của việc trao trả Hồng Kông năm 1997, phân tích cơ sở pháp lý của Luật Cơ bản và làm rõ đặc điểm của mô hình quản trị đặc thù tại Đặc khu hành chính Hồng Kông. Đây là nền tảng quan trọng giúp nhận diện bối cảnh hình thành của các biến động chính trị sau này.

Thứ hai, các nghiên cứu đã phân tích khá sâu vai trò của Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc, đặc biệt trên các phương diện kinh tế, tài chính, thương mại, hội nhập quốc tế và quản trị quốc gia. Nhiều công trình cũng chỉ ra rằng cùng với sự phát triển của Trung Quốc và những biến động của môi trường quốc tế, vai trò của Hồng Kông đang có sự chuyển dịch từ một trung tâm kinh tế quốc tế sang một địa bàn có ý nghĩa ngày càng quan trọng về chính trị và an ninh quốc gia.

Thứ ba, các nghiên cứu về biến động chính trị Hồng Kông từ năm 2014 đến nay đã tiếp cận khá đa dạng từ các góc độ kinh tế - xã hội, bản sắc chính trị, thể chế, pháp luật và quản trị công. Các công trình đã góp phần lý giải nguyên nhân, diễn biến và đặc điểm của các phong trào phản kháng; đồng thời phân tích những điều chỉnh về pháp luật, tổ chức bộ máy và phương thức quản trị của Trung Quốc sau khi Luật An ninh quốc gia được ban hành năm 2020. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp cơ sở quan trọng để nhận diện sự thay đổi của mô hình quản trị Hồng Kông trong giai đoạn mới.

Thứ tư, nhiều nghiên cứu đã mở rộng phạm vi phân tích sang tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc và khu vực Đông Á. Các công trình gần đây có xu hướng đặt vấn đề Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc và những biến đổi của trật tự khu vực. Điều này phản ánh sự chuyển dịch trong nhận thức học thuật, từ việc xem Hồng Kông là một vấn đề quản trị nội bộ sang coi đây là một nhân tố có ảnh hưởng đến môi trường chiến lược khu vực.

Có thể nói, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề nghiên cứu với kết quả nghiên cứu khá phong phú, cho thấy đây là chủ đề thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Những vấn đề liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án đã được tiếp cận, đề cập, giải quyết ở những mức độ khác nhau, bao gồm cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn, vai trò của thể chế và luật lệ quốc tế, cũng như tác động của diễn ngôn, bản sắc và nhận thức chính trị. Có nhiều vấn đề như: lịch sử vấn đề Hồng Kông; cải cách tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Trung Quốc và vị trí của Hồng Kông; tác động của Hồng

Kông đối với sự phát triển Trung Quốc; Vấn đề Hồng Kông trong cạnh tranh môi trường an ninh, phát triển Trung Quốc, ... đã được giải quyết khá thỏa đáng. Đó là cơ sở quan trọng để luận án có thể kế thừa, sử dụng trong nghiên cứu của mình.

Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tiếp cận vấn đề này theo từng chiều cạnh riêng lẻ, tập trung hoặc vào bình diện nội bộ Hồng Kông, hoặc vào mối quan hệ Trung Quốc - phương Tây, mà chưa đặt Hồng Kông trong một khung phân tích tổng hợp gắn với biến động địa - chính trị của toàn bộ khu vực Đông Á. Điều này dẫn đến hạn chế trong việc lý giải đầy đủ tính lan tỏa và hệ quả dài hạn của vấn đề Hồng Kông đối với cấu trúc khu vực.

Đặc biệt, hiện nay còn thiếu vắng nhiều nghiên cứu có mục tiêu làm rõ vai trò của Hồng Kông như một nhân tố trung gian trong quá trình tái cấu trúc địa - chính trị khu vực. Trong khi nhiều công trình coi Hồng Kông là đối tượng chịu tác động của cạnh tranh nước lớn, ít nghiên cứu xem xét Hồng Kông như một biến số có khả năng tác động ngược trở lại môi trường khu vực, thông qua việc định hình nhận thức, hành vi và điều chỉnh chiến lược của các quốc gia liên quan. Khoảng trống này càng rõ nét khi xem xét mối liên hệ giữa Hồng Kông với các tiểu khu vực như Đông Bắc Á và Đông Nam Á, nơi các quốc gia phải điều chỉnh chính sách trong bối cảnh gia tăng bất định chiến lược. Đa số các công trình tập trung vào việc phân tích nguyên nhân, diễn biến hoặc tác động trực tiếp của các biến động chính trị đối với Hồng Kông và Trung Quốc, trong khi còn thiếu những nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống cơ chế tác động của vấn đề Hồng Kông đối với sự biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình làm rõ sự tương tác giữa biến động chính trị Hồng Kông với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và quá trình điều chỉnh chính sách của các quốc gia trong khu vực.

Các nghiên cứu hiện có chưa xây dựng được một khung phân tích tổng hợp để xem xét đồng thời mối quan hệ giữa nguyên nhân, diễn biến, tác động và những biến đổi địa - chính trị do vấn đề Hồng Kông tạo ra. Vì vậy, việc đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông chủ yếu vẫn được thực hiện theo từng lĩnh vực hoặc từng chủ thể nghiên cứu, thiếu một cách tiếp cận mang tính hệ thống.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu chuyên sâu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á còn khá ít. Phần lớn các công trình mới dừng ở việc giới thiệu diễn biến hoặc phân tích tác động đối với Trung Quốc, trong khi chưa đánh giá đầy đủ ảnh hưởng của vấn đề Hồng Kông đối với cục diện khu vực cũng như những hàm ý đối với Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

1.4.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tập trung giải quyết

Từ việc kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước, đồng thời xuất phát từ những khoảng trống nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, phân tích một cách hệ thống các biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014 đến nay, làm rõ nguyên nhân, diễn biến và sự thay đổi trong mô hình quản trị của Đặc khu hành chính Hồng Kông.

Thứ hai, đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc trên các phương diện chính trị, kinh tế, an ninh, đối ngoại và quản trị quốc gia.

Thứ ba, làm rõ cơ chế tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, thông qua việc phân tích sự điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc, Hoa Kỳ và một số chủ thể quan trọng trong khu vực.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích bối cảnh mới của khu vực Đông Á, đề xuất một số hàm ý chính sách và khuyến nghị đối với Việt Nam nhằm tận dụng cơ hội, hạn chế thách thức và chủ động thích ứng với những biến đổi của môi trường địa - chính trị khu vực.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã hệ thống hóa và phân tích có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án trên bốn nhóm nội dung chủ yếu: (i) các nghiên cứu về lịch sử hình thành, địa vị pháp lý và mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" của Hồng Kông; (ii) các nghiên cứu về vai trò của Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc; (iii) các nghiên cứu về nguyên nhân, diễn biến và sự thay đổi trong mô hình quản trị Hồng Kông từ năm 2014 đến nay; và (iv) các nghiên cứu về tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc và khu vực Đông Á.

Kết quả tổng quan cho thấy, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để nhận thức đầy đủ hơn về vị trí, vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển của Trung Quốc; làm rõ nguyên nhân, diễn biến và đặc điểm của các biến động chính trị từ năm 2014 đến nay; đồng thời bước đầu đề cập đến những tác động của vấn đề Hồng Kông đối với môi trường chính trị, an ninh và quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Á. Đây là nguồn tư liệu có giá trị để luận án kế thừa trong việc xây dựng cơ sở lý luận, lựa chọn cách tiếp cận và hoàn thiện khung phân tích.

Tuy nhiên, qua khảo cứu cũng cho thấy phần lớn các công trình vẫn tiếp cận vấn đề Hồng Kông theo từng lĩnh vực riêng biệt hoặc xem Hồng Kông như một bộ phận trong nghiên cứu về Trung Quốc và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Chưa có nhiều nghiên cứu phân tích một cách hệ thống cơ chế tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, cũng như chưa làm rõ sự tương tác giữa các biến động tại Hồng Kông với quá trình điều chỉnh chiến lược của các chủ thể khu vực và quốc tế.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu đã đạt được và xuất phát từ các khoảng trống nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung phân tích tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á dưới góc độ Chính trị học; đồng thời làm rõ những hàm ý đối với Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và môi trường khu vực đang có nhiều biến đổi.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ BỐI CẢNH TRƯỚC KHI DIỄN RA BIẾN ĐỘNG CHÍNH TRỊ TẠI HỒNG KÔNG (TRƯỚC NĂM 2014)

Hồng Kông được trao trả về Trung Quốc vào tháng 7/1997 theo chính sách “Một quốc gia, hai chế độ”, đây là một cam kết mang tính pháp lý về mức độ tự trị cao được quy định trong Tuyên bố chung Trung Quốc - Vương quốc Anh năm 1984 và được thể chế hóa trong Luật Cơ bản của Đặc khu Hành chính Hồng Kông có hiệu lực từ ngày 1/7/1997 [Ghai, 1999; Chen, 2011]. Kể từ sau cuộc trao trả đó, “tiểu Hiến pháp” trên thực tế của Hồng Kông mang tên Luật cơ bản. Theo Luật cơ bản, Trung Quốc cam kết duy trì quyền tự trị, nhiều quyền tự do mà chính Đại lục cũng không có trong thời gian chuyển tiếp 50 năm, tới năm 2047.

Trước năm 2014, Hồng Kông được xem là một trong những khu vực ổn định, thịnh vượng và năng động bậc nhất châu Á, là hình mẫu thành công của chính sách “một quốc gia, hai chế độ” do Trung Quốc đề xuất sau khi tiếp nhận quyền quản lý từ Anh vào năm 1997. Cơ chế chính trị của Hồng Kông phần lớn không thay đổi, mô hình “Một nước, hai chế độ” được thực hiện tương đối suôn sẻ trong thập niên đầu sau khi Hồng Kông trở về với Đại lục [Carroll, 2007; Tsang, 2004].

Trong giai đoạn 1997-2013, Hồng Kông duy trì được tính đặc thù của mình với tư cách là một đặc khu hành chính (SAR), có mức độ tự trị cao về kinh tế, tài chính, tư pháp và xã hội. Chính quyền đặc khu điều hành dựa trên Luật Cơ bản (Basic Law), trong đó bảo đảm các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp và một hệ thống pháp quyền theo mô hình Anh - Mỹ. Cấu trúc chính trị được duy trì ổn định, với Trưởng Đặc khu (Chief Executive) do Ủy ban bầu cử chọn ra, trong khi Bắc Kinh giữ quyền giám sát tối cao thông qua Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc [Ghai, 1999; Chen, 2011].

Về kinh tế, Hồng Kông trong hơn một thập niên đầu thế kỷ XXI được xem là trung tâm tài chính hàng đầu châu Á, đóng vai trò cửa ngõ trung gian giữa Trung Quốc đại lục và thế giới. Sự phát triển của thị trường chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm và dịch vụ logistics giúp Hồng Kông duy trì vị thế trung tâm giao dịch quốc tế, đứng trong nhóm các nền kinh tế có mức độ tự do kinh tế cao nhất thế giới theo Chỉ số Tự do Kinh tế (Index of Economic Freedom) của Heritage Foundation trong

hiệu lực liên tiếp [Heritage Foundation, 2013]. Đầu tư nước ngoài và dòng vốn từ đại lục chảy qua Hồng Kông tăng mạnh sau khi Trung Quốc gia nhập WTO (2001), đồng thời khu vực này cũng hưởng lợi lớn từ hiệp định hợp tác kinh tế song phương giữa Chính phủ Nhân dân Trung Hoa và Chính quyền Đặc khu Hành chính Hồng Kông (HKSAR) “Mainland and Hong Kong Closer Economic Partnership Arrangement” (CEPA) ký kết năm 2003, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004.[Sung, 1991; Wong, 2002; Joseph Y. S. Cheng, 2007]

Với một xã hội ổn định và nền kinh tế năng động, nền kinh tế Hồng Kông giai đoạn đầu sau khi trở về Trung Quốc đã trở nên ngày càng thịnh vượng, thể hiện được vai trò quan trọng của mình đối với khu vực, thế giới và với chính Trung Quốc đại lục. Đồng thời, bối cảnh thế giới và khu vực cũng xuất hiện những xu hướng tác động tới an ninh chính trị khu vực và tác động đến vận động chính trị tại Hồng Kông [Carroll, 2007; Cheng, 2007].

Chương này tập trung làm rõ cơ sở lý luận và bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội của Hồng Kông trước năm 2014 nhằm tạo nền tảng cho việc phân tích các biến động chính trị từ năm 2014 đến nay ở Chương 3. Do đó, các sự kiện, số liệu và nhận định trong chương chủ yếu được giới hạn trong khoảng thời gian trước năm 2014; những nội dung phát sinh sau thời điểm này chỉ được đề cập khi cần thiết để làm rõ bối cảnh hoặc khái niệm nghiên cứu.

2.1. Cơ sở lý luận và khung lý thuyết phân tích áp dụng cho luận án

2.1.1. Quan niệm về “vấn đề Hồng Kông”

Trong khuôn khổ của luận án, trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về mô hình “Một quốc gia, hai chế độ”, quản trị Đặc khu Hành chính Hồng Kông và quan hệ Trung Quốc - Hồng Kông [Ghai, 1999; Ma, 2007; Lo, 2010], “vấn đề Hồng Kông” được hiểu là tổng thể các vấn đề chính trị, pháp lý và xã hội phát sinh trong quá trình vận hành mô hình “một nước, hai chế độ” kể từ khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc năm 1997. Đây không chỉ là một vấn đề nội bộ, mà còn mang tính chất liên kết đa tầng, phản ánh sự tương tác giữa yếu tố trong nước và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược gia tăng.

Về nội hàm, “vấn đề Hồng Kông” bao gồm ba nhóm vấn đề chủ yếu. Thứ nhất, các vấn đề thể chế và quản trị, đặc biệt là mối quan hệ giữa chính quyền trung ương Trung Quốc với chính quyền đặc khu, cũng như mức độ thực thi nguyên tắc tự trị theo Luật Cơ bản. Thứ hai, các biến động chính trị - xã hội trong nội bộ Hồng Kông, thể hiện qua các phong trào biểu tình, xung đột xã hội và phản ứng chính sách của chính quyền. Thứ ba, yếu tố quốc tế, bao gồm sự quan tâm, can dự và cạnh tranh ảnh hưởng của các chủ thể bên ngoài, đặc biệt là các nước lớn [Ma, 2007; Lo, 2010; Davis, 2020].

Trên cơ sở đó, luận án xác định phạm vi nghiên cứu “vấn đề Hồng Kông” tập trung vào giai đoạn từ năm 1997 đến nay, với trọng tâm là các biến động gia tăng từ sau năm 2014 và đặc biệt từ năm 2019. Cách tiếp cận chủ đạo của luận án là tiếp cận địa - chính trị kết hợp với chính trị học, cho phép phân tích “vấn đề Hồng Kông” không chỉ như một hiện tượng nội bộ, mà như một nhân tố có khả năng lan tỏa và tác động đến cấu trúc khu vực Đông Á [(Shambaugh, 2016; Christensen, 2015)].

2.1.2. Khái niệm khu vực Đông Á

Khu vực Đông Á là một trong những khái niệm được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu quốc tế, song cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất do sự khác biệt về cách tiếp cận giữa các tổ chức quốc tế, các quốc gia và các học giả. Tùy theo mục đích nghiên cứu, khu vực Đông Á có thể được hiểu theo nghĩa địa lý, kinh tế, văn hóa, chính trị hoặc địa - chiến lược [Buzan & Wæver, 2003; Goh, 2013].

Theo cách tiếp cận địa lý, khu vực Đông Á thường bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ và Đài Loan. Trong khi đó, một số tổ chức quốc tế và các nghiên cứu về kinh tế - phát triển mở rộng phạm vi Đông Á theo nghĩa rộng, bao gồm cả khu vực Đông Nam Á, hình thành khái niệm Đông Á mở rộng (East Asia) hoặc Đông Á - Thái Bình Dương (East Asia and Pacific). Tuy nhiên, cách phân chia này chủ yếu phục vụ cho mục đích thống kê và phát triển kinh tế, chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của một không gian địa - chính trị [World Bank, 2013].

Dưới góc độ quan hệ quốc tế và địa - chính trị, nhiều học giả cho rằng Đông Á là một không gian chiến lược được hình thành trên cơ sở tương tác giữa các chủ

thể quyền lực lớn trong khu vực. Barry Buzan và Ole Wæver trong công trình *Regions and Powers: The Structure of International Security* (2003) xác định Đông Á là một phức hợp an ninh khu vực (Regional Security Complex), trong đó các vấn đề an ninh của các quốc gia có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và chịu tác động mạnh từ cạnh tranh giữa các nước lớn. Theo cách tiếp cận này, những biến động chính trị tại một chủ thể quan trọng trong khu vực có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với môi trường an ninh và cấu trúc quyền lực của toàn khu vực [Buzan & Wæver, 2003]

Mặc dù khu vực Đông Á có nhiều cách hiểu khác nhau, luận án lựa chọn cách tiếp cận Đông Á dưới góc độ địa - chính trị và quan hệ quốc tế. Theo đó, Đông Á được xem là một không gian chiến lược bao gồm các chủ thể chính như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên, Mông Cổ và Hồng Kông với tư cách là Đặc khu hành chính của Trung Quốc. Đồng thời, trong quá trình phân tích, luận án cũng xem xét sự tham gia của Hoa Kỳ và một số chủ thể ngoài khu vực khi các chủ thể này có ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc quyền lực và môi trường an ninh của Đông Á. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm thống nhất giữa phạm vi nghiên cứu của đề tài với việc đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, đồng thời tránh mở rộng nghiên cứu sang các khu vực không thuộc đối tượng nghiên cứu của luận án.

2.1.3. Khái niệm địa - chính trị và biến đổi địa - chính trị

Trong khoa học chính trị và quan hệ quốc tế, địa - chính trị được hiểu là sự tương tác giữa yếu tố quyền lực chính trị với không gian địa lý, trong đó các chủ thể (chủ yếu là nhà nước) theo đuổi lợi ích chiến lược thông qua việc kiểm soát, chi phối hoặc tác động đến các không gian có giá trị địa - chiến lược [Ó Tuathail, 1996; Flint, 2017]. Có quan điểm cho rằng địa - chính trị bắt nguồn từ địa lý chính trị với “thuyết tổ chức nhà nước” và lý thuyết “không gian sinh tồn” được đưa ra sau đó. Rudolf Kjellén là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ *geopolitics* để mô tả quốc gia như một thực thể địa lý gắn với không gian và quyền lực [Kjellén, 1916/2014]. Đến nay, tuy còn có nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau, nhưng có thể mô tả nội hàm khái niệm về địa - chính trị là cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát các “thực thể địa lý” với quy mô toàn cầu và đều hướng đến mục đích, lợi ích chính trị; đồng

thời là cách thức mà quyền lực chính trị được liên kết với không gian địa lý [Ó Tuathail, 1996; Flint, 2017]. Ngày nay, thuật ngữ địa - chính trị thường được sử dụng rộng rãi để chỉ chính trị quốc tế và thậm chí là các khía cạnh của chính trị trong nước, đặc biệt khi chính sách tác động đến quan hệ giữa các quốc gia.

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu về địa - chính trị hiện đại [Flint, 2017; Cohen, 2015], luận án cho rằng: Biến đổi địa - chính trị là quá trình chuyển biến, thay đổi mức độ lớn và có tính hệ thống trong cấu trúc quyền lực và quan hệ giữa các chủ thể chính trị trên bình diện khu vực và quốc tế. Điều này cũng thể hiện ở sự dịch chuyển trong phân bố quyền lực giữa các quốc gia và các trung tâm quyền lực, khiến tương quan lực lượng cũng như vị thế của các chủ thể trong hệ thống quốc tế có sự thay đổi, tác động sâu rộng đến năng lực chi phối của các nước lớn, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến không gian chiến lược và mức độ tự chủ của các quốc gia vừa và nhỏ [Cohen, 2015]. Mặt khác, biến đổi địa - chính trị cũng thể hiện ở sự điều chỉnh trong cấu trúc quan hệ giữa các nước lớn với khu vực và giữa các quốc gia trong cùng một khu vực. Các mối quan hệ song phương và đa phương quốc tế có thể được tái định hình thông qua việc hình thành, củng cố hoặc suy yếu các liên minh, đối tác chiến lược và cơ chế hợp tác khu vực [Brzezinski, 1997; Allison, 2017]. Điều này làm gia tăng tính phức tạp của môi trường an ninh - chính trị, đồng thời có thể dẫn đến sự phân cực hoặc tái cấu trúc trật tự khu vực trong những giai đoạn nhất định. Ngoài ra, biến đổi địa - chính trị còn gắn liền với sự thay đổi trong cách thức vận hành của các thiết chế chính trị, kinh tế và an ninh ở cả cấp độ quốc gia, khu vực và toàn cầu, thể hiện ở việc điều chỉnh chính sách, cải cách thể chế, hoặc sự suy yếu và tái cấu trúc của các cơ chế điều phối và quản trị hiện hành. Khi các thiết chế không còn đủ khả năng thích ứng với bối cảnh mới, trật tự khu vực hoặc quốc tế sẽ bị thách thức và buộc phải tái định hình [Nye, 2011].

Nhìn chung, các biến đổi địa - chính trị thường không xuất hiện như những hiện tượng đơn lẻ hay ngẫu nhiên, mà là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố tác động đan xen. Một mặt, những thay đổi trong nội bộ quốc gia, bao gồm điều chỉnh chính sách, thay đổi tình hình chính trị - xã hội và chuyển dịch mô hình phát triển, có thể tạo ra những tác động lan tỏa ra bên ngoài, ảnh hưởng đến quan hệ với các chủ thể

khác. Mặt khác, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy và định hình các biến đổi địa - chính trị khi các chủ thể này tìm cách mở rộng hoặc bảo vệ lợi ích và không gian ảnh hưởng của mình. Bên cạnh đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ, các yếu tố phi truyền thống ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy biến đổi địa - chính trị. Sự vận động của dòng vốn quốc tế, sự phát triển của công nghệ và sự lan tỏa của các tư tưởng và giá trị đã làm gia tăng tính liên thông và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Những yếu tố này không chỉ làm sâu sắc thêm các mối quan hệ kinh tế - chính trị mà còn góp phần làm thay đổi cách thức các chủ thể nhận thức, ứng xử và cạnh tranh trong không gian địa - chính trị đương đại. Biến đổi địa - chính trị diễn ra trên toàn diện các khía cạnh, song đặc biệt ảnh hưởng và tác động tới chính trị và kinh tế [Flint, 2017].

2.1.4. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á

Việc nghiên cứu tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á đòi hỏi một cách tiếp cận lý luận đa chiều, bởi đây là hiện tượng vừa mang tính chính trị nội bộ của Trung Quốc, vừa có tác động vượt ra ngoài phạm vi quốc gia, ảnh hưởng đến cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, môi trường an ninh khu vực và cấu trúc quyền lực ở Đông Á. Không có một lý thuyết quan hệ quốc tế nào có thể giải thích đầy đủ tất cả các khía cạnh của hiện tượng này. Vì vậy, luận án lựa chọn cách tiếp cận liên ngành và kế thừa có chọn lọc các luận điểm của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tân hiện thực, chủ nghĩa tự do thể chế và chủ nghĩa kiến tạo để xây dựng cơ sở lý luận cho việc phân tích tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á [Waltz, 1979; Keohane, 1984; Wendt, 1999].

Các lý thuyết này không được sử dụng như những khuôn mẫu giải thích riêng biệt mà được vận dụng bổ trợ lẫn nhau nhằm làm rõ các cơ chế tác động từ vấn đề Hồng Kông đến những thay đổi trong môi trường địa - chính trị khu vực.

2.1.4.1. Chủ nghĩa hiện thực / tân hiện thực (Realism / Neorealism)

Chủ nghĩa hiện thực là một trong những trường phái lý luận nền tảng và có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Quan điểm của chủ

nghĩa hiện thực là hệ thống quốc tế mang tính vô chính phủ, không tồn tại một quyền lực tối cao có khả năng điều tiết và cưỡng chế hành vi của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, quốc gia được coi là chủ thể trung tâm của quan hệ quốc tế, hành động dựa trên lợi ích quốc gia và ưu tiên cao nhất là bảo đảm an ninh và sinh tồn. Theo chủ nghĩa hiện thực cổ điển, cạnh tranh và xung đột trong quan hệ quốc tế bắt nguồn từ bản chất con người và khát vọng quyền lực của các nhà lãnh đạo quốc gia. Hans J. Morgenthau, một trong những đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện thực cổ điển, cho rằng chính trị quốc tế về bản chất là cuộc đấu tranh vì quyền lực (*the struggle for power*) và lợi ích quốc gia được xác định thông qua quyền lực [Morgenthau, 2006]; các chuẩn mực đạo đức, luật pháp quốc tế hay các thể chế chỉ đóng vai trò thứ yếu và thường bị chi phối bởi tương quan quyền lực giữa các chủ thể.

Trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh chủ nghĩa hiện thực cổ điển, chủ nghĩa tân hiện thực (hay chủ nghĩa hiện thực cấu trúc) do Kenneth Waltz khởi xướng đã tập trung phân tích từ bản chất con người sang cấu trúc của hệ thống quốc tế [Waltz, 1979]. Theo chủ nghĩa tân hiện thực, hành vi của các quốc gia không hoàn toàn do các nhà lãnh đạo quyết định mà bị chi phối bởi vị trí và vai trò của quốc gia đó trong cấu trúc quyền lực chung. Trong đó, yếu tố quyết định hình thái ổn định hay bất ổn của trật tự quốc tế chính là sự phân bố quyền lực trong hệ thống quốc tế, nhất là giữa các cường quốc. Chủ nghĩa tân hiện thực tuyên bố các quốc gia, dù khác nhau về thể chế chính trị hay giá trị, đều có xu hướng hành xử tương tự nhau khi đối mặt với những ràng buộc cấu trúc giống nhau. Trong môi trường vô chính phủ, các quốc gia buộc phải tự lực bảo vệ an ninh, dẫn đến hiện tượng “tiến thoái lưỡng nan an ninh” (*security dilemma*), khi các biện pháp tăng cường an ninh của một quốc gia có thể bị quốc gia khác coi là mối đe dọa, nên gia tăng nguy cơ cạnh tranh và xung đột, ngay cả khi không bên nào chủ ý đối đầu [Waltz, 1979; Jervis, 1978].

Trong nghiên cứu các vấn đề địa - chính trị đương đại, chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực cung cấp khung lý luận phù hợp để lý giải, phân tích các thực trạng cạnh tranh chiến lược giữa nước lớn cũng như sự hình thành các điểm nóng khu vực. Theo đó, các không gian nhạy cảm về chính trị hoặc có tính chất chiến lược quan trọng thường sẽ là nơi xảy ra những va chạm lợi ích của các cường quốc, cũng

phản ánh sự điều chỉnh trong cán cân quyền lực khu vực và toàn cầu. Các thể chế toàn cầu và luật lệ quốc tế dù có vai trò nhất định nhưng thường bị giới hạn trong khả năng điều tiết hành vi của các quốc gia khi lợi ích an ninh cốt lõi bị đe dọa. Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực và tân hiện thực cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, khi có xu hướng xem nhẹ vai trò của các yếu tố như bản sắc dân tộc, ý thức hệ và chuẩn mực cũng như tác động của các chủ thể phi nhà nước. Chính vì vậy, trong các nghiên cứu gần đây, cách tiếp cận hiện thực thường được sử dụng kết hợp với các lý thuyết khác nhằm lý giải đầy đủ hơn tính phức tạp của các vấn đề quan hệ quốc tế, đặc biệt là biến động địa - chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh đa chiều [Mearsheimer, 2001; Waltz, 1979].

Theo tiếp cận hiện thực và tân hiện thực, biến động địa - chính trị chủ yếu bắt nguồn từ sự dịch chuyển quyền lực giữa các quốc gia trong bối cảnh hệ thống quốc tế mang tính vô chính phủ khi thế giới không tồn tại một quyền lực tối cao chung có đủ khả năng, thẩm quyền điều phối toàn bộ các quốc gia, bởi vậy, những đất nước buộc phải theo đuổi lợi ích và bảo đảm an ninh thông qua cạnh tranh quyền lực. Sự thay đổi trong tương quan lực lượng, đặc biệt giữa các nước lớn, trở thành động lực trực tiếp thúc đẩy các biến động địa - chính trị ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu. Hệ thống quan hệ quốc tế chỉ là một hệ thống vô chính phủ và không tồn tại một quyền lực đứng trên các quốc gia nhằm điều chỉnh và quản lý mối quan hệ quốc tế. Vì vậy, mục tiêu của các quốc gia là tìm cách nâng cao quyền lực nhằm tự bảo đảm an ninh và sự tồn tại của mình trong hệ thống quốc tế thông qua việc cố gắng giành được càng nhiều nguồn lực càng tốt. Kenneth N. Waltz cho rằng trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, các quốc gia phải dựa vào năng lực tự thân (*self-help*) để bảo đảm an ninh [Waltz, 1979]; Stephen M. Walt cho rằng nhận thức về mối đe dọa (*perception of threat*), chứ không chỉ phân bố quyền lực, cũng có ảnh hưởng quan trọng đến hành vi cân bằng của các quốc gia. Điều này góp phần giải thích vì sao cùng một sự kiện nhưng các chủ thể khác nhau có thể đưa ra các phản ứng chiến lược khác nhau [Walt, 1987]. John J. Mearsheimer lập luận rằng các cường quốc luôn có xu hướng tối đa hóa quyền lực tương đối để bảo đảm an ninh lâu dài [Mearsheimer, 2001].

Như vậy, các điểm nóng địa - chính trị được xem là những không gian chiến lược nơi các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng và tìm cách tối đa hóa lợi ích quốc gia. Những không gian này không chỉ mang ý nghĩa về mặt địa lý mà còn hàm chứa giá trị chính trị, an ninh và kinh tế quan trọng. Do đó, các chủ thể tham gia thường coi việc kiểm soát hoặc chi phối các điểm nóng địa - chính trị là công cụ quan trọng nhằm củng cố vị thế, tăng cường sức mạnh và bảo đảm an ninh quốc gia trong dài hạn.

Đối với luận án này, chủ nghĩa hiện thực được vận dụng để phân tích cách thức vấn đề Hồng Kông tác động đến việc điều chỉnh lợi ích quốc gia, nhận thức về an ninh và chính sách của các chủ thể liên quan. Theo cách tiếp cận hiện thực, khi các biến động chính trị tại Hồng Kông bị nhìn nhận là có khả năng ảnh hưởng đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hoặc vị thế quốc gia, các quốc gia sẽ có xu hướng điều chỉnh chính sách nhằm bảo vệ lợi ích cốt lõi của mình. Điều này góp phần giải thích vì sao vấn đề Hồng Kông đã trở thành một nội dung trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc với một số nước lớn, từ đó tác động đến môi trường địa - chính trị khu vực Đông Á.

2.1.4.2. Chủ nghĩa tự do (Liberalism / Institutionalism)

Chủ nghĩa tự do là một trong những trường phái quan trọng của quan hệ quốc tế hiện đại, có quá trình hình thành và phát triển trên cơ sở phân tích, đánh giá lại những giới hạn của chủ nghĩa hiện thực trong việc lý giải hợp tác và ổn định tương đối trong hệ thống quốc tế. Khác với cách nhìn bi quan về môi trường vô chính phủ, chủ nghĩa tự do cho rằng dù hệ thống quốc tế thiếu vắng một chính quyền trung ương, các quốc gia vẫn có khả năng hợp tác bền vững thông qua các thể chế, luật lệ và cơ chế phối hợp chung [Keohane, 1984; Keohane & Nye, 2012]. Theo chủ nghĩa tự do, các quốc gia không chỉ theo đuổi lợi ích an ninh, mà còn quan tâm sâu sắc đến các lợi ích kinh tế, xã hội và phúc lợi dài hạn. Trong bối cảnh phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại, tài chính, đầu tư và công nghệ, chi phí của xung đột trở nên ngày càng lớn, từ đó tạo động lực thúc đẩy các quốc gia tìm kiếm hợp tác. Các tác giả lớn của chủ nghĩa tự do, Robert O. Keohane và Joseph S. Nye cho rằng quan hệ quốc tế đương đại không còn bị chi phối đơn thuần bởi sức mạnh quân sự mà ngày càng chịu tác động của các mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau và các thể chế quốc tế [Keohane & Nye, 2012]

Thực tế chứng minh, các tổ chức và cơ chế quốc tế được xem là công cụ quan trọng giúp giảm thiểu tính bất định của môi trường vô chính phủ. Thể chế quốc tế góp phần cung cấp thông tin, thiết lập chuẩn mực hành vi, giám sát việc tuân thủ cam kết và giải quyết tranh chấp, qua đó làm giảm chi phí giao dịch và hạn chế hành vi cơ hội của các quốc gia. Mặc dù không phủ nhận vai trò của quyền lực, chủ nghĩa tự do nhấn mạnh rằng các quy tắc và luật lệ chung có thể định hình hành vi quốc gia, tạo ra những khuôn khổ hợp tác ổn định ngay cả giữa các chủ thể có lợi ích khác biệt; thừa nhận vai trò ngày càng quan trọng của các chủ thể phi nhà nước, như doanh nghiệp đa quốc gia, tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức xã hội dân sự và các mạng lưới chuyên gia, góp phần thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới, lan tỏa chuẩn mực và tạo áp lực đối với các chính phủ trong quá trình hoạch định chính sách. Từ góc nhìn này, quyền lực không chỉ được đo lường bằng năng lực quân sự, mà còn bằng khả năng thiết lập luật chơi và ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định trong các thể chế quốc tế [Keohane, 1984].

Trong nghiên cứu các vấn đề khu vực và toàn cầu, chủ nghĩa tự do cung cấp công cụ phân tích hữu ích để lý giải sự hình thành và vận hành của các cấu trúc hợp tác khu vực, cũng như vai trò của các trung tâm kinh tế - tài chính trong việc kết nối các nền kinh tế. Các thể chế khu vực được xem là không gian trung gian giúp điều hòa lợi ích, quản lý cạnh tranh và giảm thiểu nguy cơ xung đột. Tuy nhiên, chủ nghĩa tự do cũng thừa nhận rằng hiệu quả của thể chế phụ thuộc lớn vào mức độ cam kết của các quốc gia thành viên và tương quan quyền lực giữa các chủ thể dẫn dắt. Mặc dù còn tồn tại những hạn chế, đặc biệt trong việc lý giải các hành vi đơn phương và cạnh tranh quyền lực gay gắt của các nước lớn, chủ nghĩa tự do vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung và cân bằng các phân tích hiện thực, cho phép xây dựng một khung phân tích toàn diện hơn, phản ánh đúng tính đa chiều và phức tạp của quan hệ quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng hiện nay [Keohane, 1984; Acharya, 2014].

Khác với tiếp cận hiện thực, trường phái tự do và thể chế nhấn mạnh vai trò điều tiết của luật pháp quốc tế, các thể chế đa phương và mức độ liên kết kinh tế - chính trị giữa các quốc gia. Trật tự quốc tế không chỉ được định hình bởi sức mạnh,

mà còn bởi các quy tắc, chuẩn mực và cơ chế hợp tác nhằm giảm thiểu xung đột và thúc đẩy lợi ích chung. Các thiết chế quốc tế và khu vực đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập khuôn khổ hợp tác, qua đó góp phần duy trì ổn định địa - chính trị; nhấn mạnh khả năng tiến bộ của con người và cho rằng các quốc gia thay vì cạnh tranh có thể hợp tác với nhau để cùng đạt được lợi ích chung, đặc biệt là thông qua các thể chế quốc tế. Những học giả tiên bối để lại dấu ấn sâu đậm nhất cho sự hình thành Chủ nghĩa Tự do là Immanuel Kant và Jeremy Bentham. Immanuel Kant trong *Perpetual Peace* cho rằng các quốc gia dân chủ có xu hướng duy trì hòa bình với nhau [Kant, 1795/2006]. Từ góc độ thể chế - tự do, biến động địa - chính trị được lý giải như hệ quả của sự suy yếu, khủng hoảng hoặc tái cấu trúc các thể chế hiện hành, cũng như sự gia tăng xung đột giữa lợi ích quốc gia với các chuẩn mực và cam kết quốc tế. Khi các cơ chế điều phối không còn đủ khả năng dung hòa mâu thuẫn giữa các chủ thể, các quốc gia có xu hướng ưu tiên lợi ích riêng, dẫn đến sự gia tăng căng thẳng và làm thay đổi cấu trúc quan hệ khu vực và quốc tế [Keohane, 1984; Keohane & Nye, 2012]. John G. Ikenberry cho rằng các thể chế quốc tế và trật tự dựa trên luật lệ có vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định và quản lý cạnh tranh giữa các nước lớn, ngay cả khi cấu trúc quyền lực quốc tế có sự thay đổi [Ikenberry, 2011].

Luận án sử dụng chủ nghĩa tự do thể chế để phân tích tác động của vấn đề Hồng Kông thông qua các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, tài chính, thương mại và vai trò của các thể chế quốc tế. Cách tiếp cận này giúp lý giải vì sao các biến động tại Hồng Kông không chỉ tạo ra phản ứng về chính trị mà còn ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư, thị trường tài chính, chuỗi cung ứng và hợp tác khu vực, từ đó tác động đến cục diện địa - chính trị Đông Á.

2.1.4.3. Chủ nghĩa kiến tạo (Constructivism)

Chủ nghĩa kiến tạo là một trường phái lý luận quan hệ quốc tế phát triển mạnh từ cuối Chiến tranh Lạnh, gắn liền với các công trình của Alexander Wendt, Peter J. Katzenstein và Martha Finnemore [Wendt, 1999; Katzenstein, 1996; Finnemore, 1996]. Khác với các tiếp cận truyền thống nhấn mạnh yếu tố vật chất như quyền lực hay lợi ích kinh tế, chủ nghĩa kiến tạo cho rằng cấu trúc của hệ thống

quốc tế không chỉ được quyết định bởi phân bố quyền lực mà còn bởi các yếu tố xã hội như ý tưởng, bản sắc, văn hoá truyền thống [Wendt, 1999]. Theo đó, hành vi của các chủ thể quốc tế được “xây dựng” trong quá trình tương tác chứ không phải là kết quả tất yếu của những ràng buộc vật chất khách quan. Chủ nghĩa kiến tạo cho rằng lợi ích và bản sắc quốc gia không tồn tại sẵn có, mà được hình thành và tái định hình thông qua các quá trình lịch sử, văn hóa và tương tác chính trị. Nhà nghiên cứu Alexander Wendt cho rằng "*anarchy is what states make of it*", hàm ý rằng môi trường vô chính phủ không tự nó quyết định hành vi của các quốc gia mà phụ thuộc vào cách các quốc gia nhận thức và tương tác với nhau [Wendt, 1992; Wendt, 1999].

Trong khuôn khổ chủ nghĩa kiến tạo, các khái niệm như “chủ quyền”, “an ninh”, “dân chủ”, “nhân quyền” hay “ổn định” không chỉ là thuật ngữ trung tính, mà mang nội hàm chính trị và giá trị, được các chủ thể sử dụng để chính danh hóa hành động của mình. Việc định nghĩa một vấn đề là “đe dọa an ninh”, “vấn đề nội bộ” hay “quan ngại quốc tế” sẽ kéo theo những phản ứng chính sách rất khác nhau. Chủ nghĩa kiến tạo cũng nhấn mạnh vai trò của các chủ thể phi nhà nước và các quá trình xã hội xuyên quốc gia trong việc lan tỏa chuẩn mực và hình thành nhận thức chung [Finnemore, 1996; Finnemore & Sikkink, 1998]. Mặt khác, truyền thông, mạng xã hội, tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng học giả có thể tác động đáng kể đến cách một vấn đề được nhìn nhận trong dư luận quốc tế, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến hành vi của các chính phủ. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin, khi ranh giới giữa đối nội và đối ngoại ngày càng mờ nhạt [Finnemore & Sikkink, 1998].

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế khu vực, chủ nghĩa kiến tạo cung cấp công cụ hữu ích để lý giải sự hình thành bản sắc khu vực, văn hóa chiến lược và các khuôn mẫu ứng xử tương đối ổn định giữa các quốc gia. Không chỉ dừng lại ở việc giải thích hành vi, tiếp cận kiến tạo còn cho phép phân tích cách các cấu trúc ý tưởng và chuẩn mực được duy trì, thách thức hoặc tái cấu trúc trong bối cảnh biến động quyền lực và cạnh tranh chiến lược [Katzenstein, 1996; Acharya, 2014]. Chủ nghĩa tiếp cận kiến tạo bổ sung một chiều cạnh quan trọng trong việc lý giải biến

động địa - chính trị khi nhấn mạnh vai trò của ý thức hệ, bản sắc, diễn ngôn và nhận thức trong việc hình thành hành vi chính trị của các chủ thể. Theo cách nhìn này, các quốc gia không chỉ hành động dựa trên lợi ích vật chất hay sức mạnh, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ cách họ hiểu và diễn giải thế giới xung quanh, cũng như từ những giá trị và niềm tin mà họ theo đuổi. Mỗi quốc gia có một *bản sắc quốc gia*, hay cách quốc gia đó nhận thức về bản thân mình, và bản sắc quốc gia này giúp định hình các mục tiêu mà quốc gia đó theo đuổi, như an ninh, chính sách đối ngoại hay phát triển triển kinh tế [Wendt, 1999].

Luận án vận dụng chủ nghĩa kiến tạo để phân tích vai trò của bản sắc, giá trị, nhận thức và diễn ngôn chính trị trong việc hình thành các phản ứng khác nhau của Trung Quốc, Hoa Kỳ và các chủ thể khác đối với vấn đề Hồng Kông. Cách tiếp cận này giúp làm rõ vì sao cùng một sự kiện nhưng các chủ thể lại có những cách diễn giải và chính sách khác nhau, từ đó ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nước và quá trình biến đổi địa - chính trị khu vực.

2.1.5. Khung phân tích tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á

Khung phân tích được xây dựng theo hướng xác định nguồn phát sinh tác động, cơ chế tác động và kết quả tác động nhằm làm rõ chuỗi quan hệ nhân quả trong nghiên cứu [Beach & Pedersen, 2013]. Để phân tích một cách hệ thống tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á, luận án xây dựng khung phân tích nhằm xác định rõ các thành tố của quá trình tác động và mối quan hệ giữa các thành tố đó. Khung phân tích được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các lý thuyết chủ yếu của quan hệ quốc tế đã trình bày ở mục 2.1.4, gồm chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tân hiện thực, chủ nghĩa tự do thể chế và chủ nghĩa kiến tạo. Việc kết hợp các cách tiếp cận này cho phép giải thích đồng thời động lực quyền lực, lợi ích quốc gia, sự phụ thuộc lẫn nhau, vai trò của thể chế cũng như ảnh hưởng của nhận thức và diễn ngôn trong quá trình hình thành những biến đổi địa - chính trị ở khu vực Đông Á [Waltz, 1979; Keohane & Nye, 2012; Wendt, 1999; Buzan & Wæver, 2003].

Trong khung phân tích của luận án, vấn đề Hồng Kông được xác định là nguồn phát sinh tác động. Đó không chỉ là các biến động chính trị diễn ra tại Hồng Kông từ năm 2014 đến nay mà còn bao gồm sự điều chỉnh chính sách của Chính phủ Trung ương Trung Quốc, phản ứng của chính quyền Hồng Kông và quá trình quốc tế hóa vấn đề này trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước lớn. Việc xác định vấn đề Hồng Kông là nguồn phát sinh tác động thể hiện quan điểm nghiên cứu của luận án rằng những biến đổi địa - chính trị ở Đông Á không bắt nguồn trực tiếp từ bản thân Hồng Kông, mà từ những tác động được tạo ra bởi chuỗi diễn biến chính trị và chiến lược liên quan đến Hồng Kông.

Tuy nhiên, tác động của vấn đề Hồng Kông không diễn ra theo quan hệ nhân quả trực tiếp mà được hình thành thông qua các cơ chế tác động. Đây là thành tố trung tâm của khung phân tích, phản ánh con đường mà thông qua đó các diễn biến tại Hồng Kông được chuyển hóa thành những thay đổi trong môi trường khu vực. Luận án xác định bốn cơ chế tác động chủ yếu.

Thứ nhất, cơ chế chính trị - an ninh phản ánh sự lan tỏa của các biến động tại Hồng Kông tới môi trường chính trị và an ninh khu vực. Những diễn biến tại Hồng Kông tác động đến nhận thức về chủ quyền, an ninh quốc gia, quản trị nhà nước và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, từ đó ảnh hưởng đến quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại và chính sách an ninh của các chủ thể liên quan. Cơ chế này được lý giải chủ yếu từ góc độ chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tân hiện thực, trong đó lợi ích quốc gia và an ninh vẫn là động lực cơ bản chi phối hành vi của các quốc gia [Waltz, 1979; Mearsheimer, 2001].

Thứ hai, cơ chế kinh tế - tài chính phản ánh tác động của vấn đề Hồng Kông đến mạng lưới liên kết kinh tế khu vực thông qua dòng vốn đầu tư, thương mại, chuỗi cung ứng, thị trường tài chính và vị thế của Hồng Kông với tư cách là trung tâm tài chính quốc tế. Do mức độ phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng giữa các nền kinh tế Đông Á, những thay đổi tại Hồng Kông có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với hoạt động kinh tế của khu vực cũng như chiến lược phát triển của các quốc gia. [Keohane & Nye, 2012].

Thứ ba, cơ chế pháp lý - thể chế thể hiện tác động của những thay đổi trong khuôn khổ pháp lý và thể chế liên quan đến Hồng Kông đối với môi trường khu vực. Việc ban hành Luật An ninh quốc gia đối với Hồng Kông, điều chỉnh cơ chế quản trị và sự khác biệt trong cách tiếp cận của các quốc gia đối với các nguyên tắc về chủ quyền, quyền tự trị và pháp quyền đã tạo ra những tranh luận và điều chỉnh trong quan hệ quốc tế. Cơ chế này cho thấy các quy định pháp lý và thể chế không chỉ điều chỉnh hành vi trong phạm vi Hồng Kông mà còn có thể ảnh hưởng đến cách thức các chủ thể hoạch định chính sách và xác lập quan hệ với Trung Quốc [Keohane, 1984; Ikenberry, 2011]

Thứ tư, cơ chế nhận thức - diễn ngôn phản ánh vai trò của bản sắc, giá trị, chuẩn mực và truyền thông trong quá trình hình thành nhận thức của các chủ thể đối với vấn đề Hồng Kông. Cùng một sự kiện nhưng các quốc gia có thể đưa ra những cách lý giải và phản ứng khác nhau tùy thuộc vào lợi ích, bản sắc và hệ giá trị của mình. Alexander Wendt cho rằng: "Bản sắc là nền tảng của lợi ích" (*Identities are the basis of interests*) [Wendt, 1992], nhấn mạnh rằng môi trường quốc tế không tự nó quyết định hành vi của các quốc gia mà phụ thuộc vào cách các quốc gia nhận thức và tương tác với nhau. Chính sự khác biệt trong nhận thức và diễn ngôn đã góp phần làm gia tăng hoặc hạn chế tác động của vấn đề Hồng Kông đối với môi trường khu vực. Cơ chế này được lý giải chủ yếu từ cách tiếp cận của chủ nghĩa kiến tạo [Wendt, 1999].

Bên cạnh các cơ chế tác động, luận án xác định phản ứng và sự điều chỉnh của các chủ thể là thành tố có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển hóa tác động của vấn đề Hồng Kông thành những biến đổi địa - chính trị cụ thể. Các chủ thể ở đây bao gồm Trung Quốc, Hoa Kỳ, các quốc gia Đông Á và một số chủ thể quốc tế khác có lợi ích liên quan. Trên cơ sở đánh giá lợi ích, nhận thức về môi trường chiến lược và mục tiêu chính sách, mỗi chủ thể có những phản ứng và điều chỉnh khác nhau. Chính những phản ứng này có thể khuếch đại, làm suy giảm hoặc chuyển hướng tác động của vấn đề Hồng Kông đối với khu vực. Vì vậy, trong khung phân tích của luận án, phản ứng của các chủ thể được xem là yếu tố trung gian, kết nối giữa các cơ chế tác động và những biến đổi địa - chính trị được quan sát trên thực tế.

Từ sự tương tác giữa nguồn phát sinh tác động, các cơ chế tác động và phản ứng của các chủ thể, luận án đánh giá biểu hiện của biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á trên bốn phương diện chủ yếu: sự điều chỉnh quan hệ quyền lực và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; những thay đổi trong môi trường chính trị - an ninh khu vực; sự điều chỉnh các liên kết kinh tế và lợi ích chiến lược; và sự thay đổi vị trí, vai trò của Hồng Kông trong cấu trúc khu vực. Những biểu hiện này là kết quả của quá trình tác động tổng hợp, không phải hệ quả trực tiếp của riêng vấn đề Hồng Kông mà còn chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh khu vực và quốc tế trong từng giai đoạn.

Trên cơ sở khung phân tích này, Chương 3 của luận án tập trung làm rõ các diễn biến của vấn đề Hồng Kông và phân tích các cơ chế tác động được hình thành từ những diễn biến đó. Chương 4 tiếp tục phân tích phản ứng và sự điều chỉnh của các chủ thể, từ đó đánh giá những biểu hiện của biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á dưới tác động của vấn đề Hồng Kông. Cách tiếp cận này bảo đảm sự liên kết logic giữa các chương, đồng thời giúp quá trình phân tích bám sát mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu của luận án.

2.2. Bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến vận động chính trị của Hồng Kông đầu thế kỷ XXI.

Hồng Kông là một đặc khu hành chính của Trung Quốc, nằm ở khu vực Đông Á và trong không gian địa - chính trị châu Á - Thái Bình Dương. Vì vậy, những vận động chính trị của Hồng Kông không chỉ chịu tác động của các nhân tố nội tại mà còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bối cảnh quốc tế và khu vực, đặc biệt là những biến động trong cấu trúc quyền lực, cạnh tranh chiến lược và hội nhập kinh tế ở châu Á - Thái Bình Dương.

2.2.1. Sự vận động trong tương quan sức mạnh và quyền lực tại khu vực

- Thứ nhất là sự vận động trong tương quan sức mạnh về kinh tế

Sự vận động trong tương quan sức mạnh về kinh tế tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Á trong những thập niên đầu thế kỷ XXI đã cho thấy xu hướng thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế phát triển trong khu vực. Biểu hiện ở sự tăng trưởng kinh tế nhanh và liên tục ở các nền kinh tế mới nổi, tiêu biểu là Trung Quốc và Ấn Độ, cùng với Nga trong

nhóm BRICS, so với những nền kinh tế phát triển nhưng đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, thậm chí có những giai đoạn rơi vào khủng hoảng như Mỹ, Nhật Bản... Minh chứng rõ nét là năm 2010, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Từ đó đến nay, quy mô kinh tế của Trung Quốc tiếp tục tăng nhanh và thu hẹp đáng kể khoảng cách với Hoa Kỳ, mặc dù thời điểm vượt Hoa Kỳ vẫn còn có những dự báo khác nhau giữa các tổ chức quốc tế [World Bank, 2024; IMF, 2025].

Cùng với đó, cán cân thương mại - đầu tư cũng nghiêng nhiều hơn về các nền kinh tế mới nổi. Ngay trong các nền kinh tế đang phát triển của khu vực cũng có những biến động về kinh tế: như việc Ấn Độ đã vượt Trung Quốc để trở thành nước có quy mô dân số lớn nhất thế giới hiện nay [United Nations, 2024]; hay chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các gói trừng phạt của Mỹ và các nước phương Tây với Nga do xung đột giữa Nga và Ucraina, đã khiến chuỗi cung ứng trong khu vực thay đổi, tạo nên sự dịch chuyển hàng hóa, vốn và đầu tư về các khu vực mới như Nam Á, Đông Nam Á [Asian Development Bank, 2024; World Bank, 2024].

- *Thứ hai, sự vận động trong tương quan sức mạnh quân sự*

Quan hệ nước lớn gia tăng cạnh tranh chiến lược, các điểm nóng trong khu vực tăng nhiệt... là yếu tố tạo nên xu hướng đối đầu, chạy đua vũ trang trong khu vực. Điều này tạo nên sự vận động trong tương quan sức mạnh về quân sự giữa các nước trong khu vực.

Giai đoạn trước 2010, trong khi Mỹ đang tập trung vào mặt trận chống khủng bố; các nước như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ đã tăng cường hiện đại hóa quân đội, tăng chi tiêu quốc phòng và đạt được những bước tiến lớn trong gia tăng sức mạnh quân sự. Tuy nhiên, từ 2010 đến nay, với việc nhận diện rõ mối nguy cơ trực tiếp từ sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự tăng nhanh sức mạnh an ninh - quốc phòng của một số nước trong khu vực; Mỹ đã chú ý tăng cường sức mạnh cứng và có nhiều động thái mở rộng tầm ảnh hưởng về quân sự - quốc phòng tại khu vực. Các vấn đề như cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina hiện nay, hay vấn đề Đài Loan, Triều Tiên... càng khiến cho xu hướng chạy đua vũ trang tại khu vực trở nên gay gắt. Các nước lớn chạy đua không chỉ về mức chi tiêu quốc phòng, phát triển vũ khí

mà còn chạy đua trong lĩnh vực khoa học công nghệ, tranh giành các vị trí địa chiến lược, các thị trường xuất khẩu vũ khí [SIPRI, 2024].

- Thứ ba, sự thay đổi trong tương quan sức mạnh về công nghệ

Trong các nội dung cạnh tranh chiến lược giữa các nước trong khu vực khoa học và công nghệ đã trở thành một trong những lĩnh vực cạnh tranh trọng yếu, phản ánh xu hướng chuyển dịch quyền lực sang các lĩnh vực công nghệ cao và đổi mới sáng tạo [Allison, 2017]. Các nước đều có xu hướng gia tăng đầu tư cho lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D) để có thể nắm lợi thế dẫn dắt, đi đầu trong cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ 4. Đồng thời, các nước lớn trong khu vực ngày càng tăng cường sự kiểm chế, trừng phạt lẫn nhau trong lĩnh vực công nghệ. Như việc Mỹ liên tục áp đặt các lệnh cấm chuyển giao công nghệ cho Trung Quốc, hay ra các đạo luật hỗ trợ phát triển công nghệ trong nước [CSIS, 2024]. Trước bối cảnh đó, Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi khác cũng có nhiều giải pháp đề ứng phó hiệu quả, với mục tiêu là sớm tự chủ về công nghệ, đặc biệt là các công nghệ lõi [Allison, 2017; CSIS, 2024].

- Thứ tư: xu hướng dịch chuyển phân tán quyền lực

+ Xu hướng dịch chuyển quyền lực từ siêu cường số 1 thế giới là Mỹ sang các cường quốc khác trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ;

Sự suy giảm trong tương quan sức mạnh của Mỹ ở nhiều khía cạnh như kinh tế, quân sự... đã khiến cho sức ảnh hưởng, chi phối của Mỹ tại khu vực có phần suy giảm tương đối về ưu thế. Nhiều cơ chế do Trung Quốc dẫn dắt đang ngày càng thu hút hơn các nước trong khu vực như Sáng kiến Vành đai con đường, Sáng kiến An ninh toàn cầu hay các cơ chế như Hiệp định thương mại toàn diện RCEP... Trung Quốc và Nga trong bối cảnh gia tăng căng thẳng với Mỹ và các nước Phương Tây cũng đang ngày càng xích lại gần nhau, tạo nên nhiều cơ chế hợp tác cả về kinh tế, thương mại lẫn an ninh chính trị, đối trọng với ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Trong đó bao gồm cả việc tạo ra các cơ chế trao đổi đồng nội tệ để mở rộng thị trường xuất khẩu dầu cho Nga, cũng như thúc đẩy quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ cho Trung Quốc. Điều này đã góp phần thúc đẩy xu hướng đa dạng hóa phương

thức thanh toán quốc tế và giảm sự phụ thuộc vào đồng USD trong một số giao dịch song phương.

+ Xu hướng chuyển dịch quyền lực từ các nước lớn sang các nước vừa và nhỏ trong khu vực.

Các nước ASEAN từ Hiệp hội đã phát triển thành Cộng đồng vào năm 2015, từ quy mô 473 tỷ USD vào năm 1992, khu vực ASEAN đã có sự tăng trưởng vượt bậc, đạt quy mô 3,63 nghìn tỷ USD vào năm 2023, trở thành khu vực kinh tế lớn thứ năm thế giới. ASEAN được dự báo sẽ trở thành một trong những khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất trên thế giới và dự kiến vươn lên vị trí thứ tư vào năm 2030 [ASEAN Secretariat, 2024]. ASEAN tiếp tục phát huy vai trò trung tâm, hình thành nhiều cơ chế hợp tác đa phương với các nước trong khu vực. Các cơ chế như ASEAN+1, ASEAN +3, ARF, EAS, ADMM, EAMF... đã góp phần duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế và xử lý nhiều vấn đề phức tạp trong khu vực. Như nhận định của Amitav Acharya “Chủ nghĩa khu vực ngày nay không còn được dẫn dắt một cách độc quyền bởi các cường quốc” [Acharya, 2014]. Sự vươn lên đóng vai trò trung tâm trong khu vực của ASEAN đã thể hiện sự gia tăng vai trò của các nước vừa và nhỏ trong khu vực Châu Á -Thái Bình Dương hiện nay, cho thấy sự chủ động của các nước vừa và nhỏ trong việc tham gia định hình cấu trúc khu vực, thúc đẩy hình thành trật tự đa cực, xây dựng cấu trúc rộng mở, bao trùm và dựa trên luật lệ tại khu vực.

2.2.2. Sự vận động trong mẫu hình quan hệ tại khu vực

Những mẫu hình quan hệ trong khu vực được hình thành và điều chỉnh thông qua quá trình tương tác giữa các quốc gia, phản ánh sự vận động của tương quan sức mạnh, lợi ích chiến lược và cấu trúc khu vực. Khi tương quan lực lượng và phân bố quyền lực thay đổi, các mẫu hình quan hệ giữa các chủ thể cũng có xu hướng điều chỉnh tương ứng [Buzan & Wæver, 2003; Acharya, 2014]

Hiện nay có thể thấy sự vận động trong các mẫu hình quan hệ chủ yếu như:

- *Quan hệ giữa các nước lớn: trở nên cạnh tranh ngày càng gay gắt và căng thẳng.*

Dù quan hệ nước lớn luôn tồn tại mâu thuẫn, nhưng trong giai đoạn những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, quan hệ này khá ổn định. Sau Chiến tranh Lạnh, Hoa Kỳ duy trì vị thế siêu cường duy nhất trong hệ thống quốc tế và tập trung củng cố vai trò lãnh đạo toàn cầu. Khi trật tự thế giới 2 cực không còn do hệ thống Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu tan rã. Sau sự kiện khủng bố 11/9/2001 Mỹ tập trung vào mục tiêu tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố; trong khi Trung Quốc giai đoạn này đang thực hiện chính sách “Giấu mình chờ thời” [Deng Xiaoping, 1993; Shambaugh, 2013] và Liên Bang Nga vẫn đang trong quá trình phục hồi sức mạnh quốc gia sau thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Song, khi tương quan lực lượng thay đổi rõ nét như đã nêu ở trên, các nước lớn đã có sự điều chỉnh chiến lược mạnh mẽ theo hướng xác định rõ đối thủ và tập trung mọi biện pháp để đối phó, kiềm chế và làm suy yếu đối thủ. Từ Chiến lược An ninh quốc gia năm 2017 và đặc biệt là Chiến lược An ninh quốc gia năm 2022, Hoa Kỳ xác định Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược lâu dài, trong khi Nga được coi là mối đe dọa cấp bách đối với an ninh châu Âu và trật tự quốc tế. Chiến lược An ninh quốc gia Hoa Kỳ năm 2022 khẳng định: "Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là đối thủ cạnh tranh duy nhất vừa có ý định định hình lại trật tự quốc tế, vừa ngày càng có đủ sức mạnh kinh tế, ngoại giao, quân sự và công nghệ để thực hiện điều đó." [The White House, 2022]. Các chiến lược đối trọng, kiềm chế, đáp trả lẫn nhau; các biện pháp “ăn miếng, trả miếng”, những màn khẩu chiến căng thẳng... đã đẩy quan hệ giữa các nước lớn, đặc biệt là quan hệ Mỹ - Trung, Mỹ và đồng minh với Nga... nhiều lúc trở nên vô cùng căng thẳng. Mặc dù các bên cũng đã có nỗ lực tìm kiếm khả năng hợp tác để ổn định quan hệ, song về cơ bản quan hệ giữa các nước lớn tại khu vực vẫn nổi lên tính cạnh tranh.

- Quan hệ nước lớn với nước vừa và nhỏ: Nước lớn tăng cường quan hệ để gia tăng ảnh hưởng chính trị, lôi kéo và gia tăng sức ép chiến lược đối với các nước vừa và nhỏ trong việc điều chỉnh chính sách đối ngoại hoặc lựa chọn mức độ liên kết với các nước lớn.

Trong ba thập kỷ qua, các nước lớn đều tăng cường thực hiện các chiến lược lớn với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Các chiến lược lớn này vừa là công cụ để nước lớn cạnh tranh với các đối thủ, nhưng cũng là hoạt động để gia

tăng kết nối quan hệ với các nước vừa và nhỏ trong khu vực. Thông qua các đại chiến lược như Sáng kiến Vành đai và con đường của Trung Quốc hay chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ, các quan hệ về kinh tế, chính trị, an ninh giữa nước lớn với các nước vừa và nhỏ không ngừng gia tăng.

Các quan hệ song phương của nước lớn với các nước vừa và nhỏ trong khu vực cũng được thúc đẩy tích cực. Nhiều Hiệp định thương mại song phương được ký kết, nhiều chuyến thăm giữa các bên được thúc đẩy.

Tuy nhiên, mẫu hình quan hệ này không cân bằng mà có mục tiêu không hề che giấu, đó là để nước lớn gia tăng ảnh hưởng chính trị, lôi kéo và thúc giục các nước vừa và nhỏ chọn bên, đặc biệt trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay [Kuik, 2021].

- Quan hệ giữa các nước vừa và nhỏ với nhau: Các nước vừa và nhỏ gia tăng gắn kết trong các cơ chế hợp tác đa phương

Mẫu hình quan hệ cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước lớn khiến khu vực và cả thế giới đứng trước rất nhiều nguy cơ bất ổn về an ninh - chính trị. Trong bối cảnh đó, các nước vừa và nhỏ có xu hướng gia tăng gắn kết trong các cơ chế hợp tác đa phương để cân bằng quan hệ với các nước lớn và để không phải chọn bên. Điều này có thể thấy biểu hiện rõ nét trong các cơ chế hợp tác do ASEAN dẫn dắt [Acharya, 2014; ASEAN Outlook on the Indo-Pacific, 2019].

Từ cuối những năm 2010, cùng với sự phổ biến của khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, các mẫu hình quan hệ trong khu vực tiếp tục có sự điều chỉnh theo hướng mở rộng không gian chiến lược và gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn [The White House, 2022; ASEAN Outlook on the Indo-Pacific, 2019].

2.2.3. Sự vận động của các luật chơi an ninh - chính trị và sự cạnh tranh chiến lược nước lớn.

- Sự vận động của các luật chơi an ninh - chính trị

Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đã thúc đẩy sự xuất hiện và phát triển của nhiều cơ chế hợp tác an ninh - chính trị với những cách tiếp cận và mục tiêu khác nhau, phản ánh quá trình định hình trật tự khu vực trong bối cảnh phân tán quyền lực [Acharya, 2014; Buzan & Wæver, 2003]. Các nước lớn đều có

gắng lôi kéo, tập hợp lực lượng nên các cơ chế hợp tác an ninh - chính trị do các nước lớn lập ra tại khu vực đã thu hút được rất nhiều quốc gia tham gia. Bên cạnh đó, các nước vừa và nhỏ như ASEAN cũng sáng lập nhiều các cơ chế hợp tác về an ninh - chính trị để thu hút các đối tác nước lớn, tạo vai trò kết nối, hòa giải. Kết quả là trong khu vực đồng thời tồn tại rất nhiều các cơ chế hợp tác về an ninh - chính trị. Tuy nhiên, do các nước lớn chưa đồng thuận với nhau, còn các nước vừa và nhỏ thì chưa đủ vai trò quyết định và khả năng dẫn dắt nên chưa hình thành được những luật chơi thống nhất và bao trùm tại khu vực [Ikenberry, 2011]. Hiện nay, ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung mới hình thành các luật chơi theo các tiểu vùng, tiểu khu vực hoặc theo nhóm vấn đề.

- Sự cạnh tranh chiến lược nước lớn.

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực là yếu tố quan trọng tác động đến vận động địa - chính trị của Hồng Kông, trong đó đặc biệt là cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc. Là cặp quan hệ quan trọng nhất trong nền chính trị quốc tế đương đại giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới, quan hệ Mỹ - Trung có vai trò quan trọng, góp phần định hình cục diện thế giới và tác động, ảnh hưởng tới mọi chủ thể quan hệ quốc tế. Mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc từ chính sách “can dự” với đặc điểm hợp tác là chủ đạo, đã chuyển sang xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng, nhất là từ khi Trung Quốc vượt Nhật trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới [Allison, 2017; Foot, 2023].

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã trở thành trục chính chi phối bàn cờ chính trị quốc tế, trong đó sẽ tác động đến các vấn đề trong khu vực, đặc biệt là những điểm nóng cạnh tranh như Hồng Kông. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc hiện nay đang có những đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, Mỹ - Trung gia tăng cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực: Từ kinh tế thương mại đến cạnh tranh trên lĩnh vực công nghệ...

Cạnh tranh về kinh tế thương mại: Căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc đã trở thành hiện tượng thường trực, vượt khỏi giới hạn của các nhiệm kỳ tổng thống và ranh giới đảng phái chính trị tại Mỹ. Cảm thấy thua thiệt trong quan hệ thương mại song phương, với mức thâm hụt cao kỷ lục với Trung Quốc, Tổng thống

Donald Trump ngay nhiệm kỳ đầu đã phát động “chiến tranh thương mại” với những màn áp thuế gay gắt, nhằm giảm thiểu nhập khẩu từ Trung Quốc và đưa sản xuất “trở lại nước Mỹ” [Bown, 2023]. Quan hệ thương mại hai bên có những lúc căng thẳng cao độ. Hàng loạt mức thuế quan và biện pháp hạn chế thương mại đã được Mỹ ban hành, nâng lên rồi hạ xuống. Các động thái này đã châm ngòi cho những biện pháp trả đũa mạnh mẽ từ phía Bắc Kinh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy kim ngạch thương mại song phương vẫn không ngừng gia tăng, phản ánh sự đan xen, phụ thuộc chặt chẽ lẫn nhau giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới [U.S. Census Bureau, 2024].

Cạnh tranh trong lĩnh vực khoa học công nghệ: Đây được xem là trục chính của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung hiện nay [Allison, 2017].

Từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu (2008), Trung Quốc bắt đầu chuyển chiến lược từ “công xưởng thế giới” sang cường quốc công nghệ, nhất là từ Đại hội XVIII, khi ông Tập Cận Bình lên nắm quyền, Trung Quốc đã xác định công nghệ cao là nền tảng của an ninh quốc gia và vị thế quốc tế. Trước tham vọng và quyết tâm ngày càng lớn của Trung Quốc, Mỹ - vốn là nước dẫn đầu trong các ngành công nghệ then chốt (bán dẫn, AI, quốc phòng, công nghệ cao, Internet vạn vật...), nhận thấy sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc chính là thách thức trực tiếp đối với bá quyền công nghệ và chuẩn mực quốc tế mà Mỹ dẫn dắt.

Cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung không chỉ là kinh tế - thương mại, mà là cuộc đấu về mô hình phát triển và quyền kiểm soát hạ tầng tương lai. Cuộc cạnh tranh này trải qua nhiều giai đoạn:

Giai đoạn Trung Quốc bứt phá, Mỹ cảnh giác (2010-2016). Mở đầu bằng việc Trung Quốc khởi động chiến lược “Made in China 2025” (MIC2025), đặt mục tiêu tự chủ công nghệ trong 10 lĩnh vực cốt lõi (robot, hàng không, xe điện, vi mạch, vật liệu mới [State Council of the PRC, 2015]). Trước chiến lược này của Trung Quốc, Mỹ bắt đầu cảnh giác, nhưng vẫn duy trì chính sách can dự, duy trì quan hệ hài hòa với Trung Quốc. Giai đoạn này, các doanh nghiệp công nghệ của Trung Quốc (Huawei, ZTE, Alibaba, Tencent, DJI) có nhiều thuận lợi và phát triển nhanh chóng.

Đến giai đoạn 2017-2020: Đây có thể coi là thời kỳ đối đầu toàn diện khi trong Chiến lược an ninh quốc gia năm 2017, Mỹ đã xác định Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược. Tổng thống Donald Trump lên nắm quyền nhiệm kỳ đã khởi đầu chiến tranh thương mại, sau đó lan sang chiến tranh công nghệ, với những chính sách cứng rắn để kiềm chế sự phát triển công nghệ của Trung Quốc như: Cấm Huawei và ZTE tiếp cận linh kiện Mỹ; Hạn chế xuất khẩu chip, thiết bị quang học, công nghệ 5G; Siết đầu tư của Trung Quốc vào các công ty công nghệ Mỹ (CFIUS)... Trung Quốc đáp trả mạnh mẽ bằng việc tăng đầu tư cho Nghiên cứu và phát triển R&D, khuyến khích doanh nghiệp nội địa phát triển, thực hiện tuần hoàn kép, tự chủ trong nước, giảm phụ thuộc phương Tây.

Giai đoạn hiện nay (từ 2021 đến nay), Cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung chuyển sang giai đoạn cạnh tranh về cấu trúc và hệ chuẩn. Từ thời Tổng thống Joe Biden, chính sách kiềm chế công nghệ Trung Quốc đã được thúc đẩy thể chế hóa và đa phương hóa. Mỹ ra đạo luật CHIPS và công nghệ (2022), trong đó quyết định đầu tư 52 tỷ USD để phục hồi sản xuất bán dẫn nội địa [CHIPS and Science Act, 2022]; Hình thành Liên minh công nghệ khi phối hợp với các quốc gia đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, EU nhằm thiết lập chuỗi cung ứng công nghệ “phi Trung Quốc”; ngăn Trung Quốc tiếp cận Chip tiên tiến (từ 7 nm trở xuống).

Trung Quốc cũng đã sẵn sàng ứng phó bằng Chiến lược “toàn dân công nghệ”, thúc đẩy nội địa hóa chip, AI, năng lượng sạch; Tăng cường hợp tác thông qua các khuôn khổ đa phương như RCEP, BRICS+, nhằm đa dạng hóa đối tác công nghệ. Trung Quốc cũng thống trị chuỗi cung ứng pin, đất hiếm và có những động thái hạn chế xuất khẩu các mặt hàng này khi căng thẳng thương mại và công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng.

Thứ hai, phạm vi cạnh tranh, không gian cạnh tranh ngày càng mở rộng

Cạnh tranh Mỹ - Trung hiện nay không chỉ còn bó hẹp trong những không gian truyền thống như trên bộ, trên biển, trên không, mà còn mở rộng ra cả không gian xa xôi như vũ trụ, mặt trăng và cả vùng Bắc cực [Arctic Council, 2024]. Cả Mỹ và Trung Quốc đều đang tích cực thúc đẩy các chương trình nghiên cứu không gian vũ trụ, phát triển vệ tinh, tên lửa và đang có một cuộc cạnh tranh quyết liệt trong cuộc

đưa chinh phục Mặt Trăng. Trung Quốc có tham vọng lớn khi lên kế hoạch đưa các phi hành gia lên Mặt Trăng vào năm 2030 bằng tên lửa có người lái thế hệ mới mà họ tự sản xuất [NASA, 2024].

Do biến đổi khí hậu có thể làm phát lộ tuyến đường biển huyết mạch, rút ngắn đáng kể về giao thông và tăng cường khả năng răn đe quân sự giữa các cường quốc, nên Bắc Cực đã trở thành không gian cạnh tranh chiến lược mới. Các cường quốc như Mỹ, Nga nỗ lực tăng cường hiện diện và kiểm soát khu vực này. Và ngay cả Trung Quốc, quốc gia ở xa và không có liên hệ trực tiếp với vùng Bắc cực cũng đã công bố việc phát triển “Con đường tơ lụa vùng Bắc cực”, đầu tư mạnh tay vào các tàu phá băng khổng lồ và tham vọng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân nổi ở Bắc Cực.

Các khu vực như Trung Đông - Châu Phi trước đây là địa bàn chịu ảnh hưởng chi phối chủ yếu bởi quan hệ với Mỹ, thì hiện nay cũng đang có động thái tăng cường quan hệ với Trung Quốc do những thu hút về kinh tế và những cam kết về chính trị từ cường quốc này.

Thứ ba, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là địa bàn ưu tiên chiến lược trong cạnh tranh Mỹ - Trung

Trong những năm gần đây, khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế sử dụng nhằm phản ánh sự mở rộng của không gian chiến lược khu vực, mặc dù phạm vi và nội hàm của khái niệm này có sự khác biệt giữa các chủ thể [ASEAN Outlook on the Indo-Pacific, 2019; The White House, 2022]. Đây là không gian địa - chiến lược rộng lớn, tập trung các tuyến hàng hải huyết mạch, các trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ hàng đầu thế giới và là nơi hội tụ lợi ích của hầu hết các cường quốc. Đồng thời, đây cũng là khu vực diễn ra sự chuyển dịch mạnh mẽ về tương quan sức mạnh, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, làm gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trước hết là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Vì vậy, mặc dù cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng mở rộng trên phạm vi toàn cầu, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vẫn là địa bàn ưu tiên chiến lược và là trọng tâm cạnh tranh giữa hai nước, trong đó Đông Á giữ vị trí trung tâm của sự cạnh tranh này.

Để mở rộng ảnh hưởng và định hình trật tự khu vực theo hướng có lợi cho mình, cả Trung Quốc và Hoa Kỳ đều triển khai nhiều chiến lược và cơ chế hợp tác quy mô lớn. Về phía Trung Quốc, Bắc Kinh thúc đẩy Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), thành lập Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), tăng cường vai trò trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), đồng thời tích cực tham gia và thúc đẩy thực thi Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) cùng nhiều cơ chế hợp tác kinh tế - chính trị khác nhằm mở rộng ảnh hưởng khu vực và quốc tế [Shambaugh, 2020; Acharya, 2014]. Về phía Hoa Kỳ, từ chính sách "Tái cân bằng sang châu Á - Thái Bình Dương" dưới thời Tổng thống Barack Obama đến Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP) dưới thời Tổng thống Donald Trump và Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (2022) dưới thời Tổng thống Joe Biden, Hoa Kỳ đều thể hiện rõ ưu tiên chiến lược đối với khu vực này. Song song với đó, Hoa Kỳ củng cố các liên minh truyền thống và thúc đẩy các cơ chế hợp tác mới như Bộ tứ (Quad) và Quan hệ đối tác an ninh AUKUS nhằm duy trì ưu thế chiến lược và cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực [The White House, 2022].

Bên cạnh vai trò là trung tâm tăng trưởng kinh tế của thế giới, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng tập trung nhiều điểm nóng an ninh như eo biển Đài Loan, bán đảo Triều Tiên, Biển Đông và Biển Hoa Đông. Những vấn đề này ngày càng trở thành tâm điểm cạnh tranh giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, vấn đề Hồng Kông không còn chỉ được nhìn nhận dưới góc độ quản trị nội bộ của Trung Quốc mà ngày càng gắn với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Các diễn biến chính trị tại Hồng Kông thường xuyên được Hoa Kỳ và một số nước phương Tây đưa vào chương trình nghị sự trong quan hệ với Trung Quốc, trong khi Bắc Kinh coi đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Vì vậy, cùng với Đài Loan và Biển Đông, Hồng Kông trở thành một trong những nội dung phản ánh mức độ cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, đồng thời là nhân tố tác động đến môi trường địa - chính trị và cấu trúc an ninh của khu vực Đông Á.

2.3. Vị trí, vai trò chiến lược của Hồng Kông tại khu vực và thế giới

2.3.1. Vị trí chiến lược của Hồng Kông.

Tên gọi “Hồng Kông” bắt nguồn từ cách gọi “Hương Cảng” theo tiếng Quảng Đông, có nghĩa là "cảng thơm", nơi các sản phẩm từ gỗ hương và hương liệu được buôn bán một thời ở khu vực ngày nay là Aberdeen, nằm trên đảo Hồng Kông. Nơi đây có bến cảng Victoria, vùng nước hẹp tách đảo Hồng Kông và bán đảo Cửu Long, được xem là một trong những hải cảng tự nhiên sâu nhất thế giới. Bờ biển dài với một bán đảo và hơn 200 hòn đảo nhỏ bao quanh, tạo cho lãnh thổ này nhiều vịnh biển đẹp, thuận lợi cho giao thương và du lịch. Nằm ở phía nam Trung Quốc, ở tọa độ khoảng 22.3 độ vĩ bắc và 114.2 độ kinh đông, Hồng Kông cách Thâm Quyến khoảng 32 km về phía đông bắc, và cách Quảng Châu khoảng 120 km về phía bắc. Vị trí này giúp Hồng Kông tiếp cận dễ dàng với thị trường Trung Quốc đại lục và các quốc gia Đông Nam Á.

Vị trí gần cửa sông Châu Giang và Biển Đông, làm cho Hồng Kông trở thành một trung tâm giao thương và vận tải biển quan trọng trong khu vực. Các tuyến đường hàng hải quốc tế đi qua Biển Đông, với hơn 400 chuyến container hàng tuần, di chuyển đến hơn 500 điểm đến trên toàn thế giới đã khiến Hồng Kông đóng vai trò là một điểm trung chuyển quan trọng, một trung tâm hậu cần và hàng hải hàng đầu ở Đông Nam Á và Đông Á, giúp thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với Trung Quốc đại lục. Với vị trí chiến lược ở cửa ngõ phía nam của Trung Quốc, Hồng Kông có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kết nối Trung Quốc với phần còn lại của thế giới.

Giáp ranh với thành phố Thâm Quyến (Shenzhen) và tỉnh Quảng Đông là các khu vực kinh tế phát triển mạnh mẽ của Trung Quốc, tuyến giao thương giữa Hồng Kông và các thành phố lớn của Trung Quốc đại lục. Sau khi Trung Quốc triển khai Chiến lược phát triển Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao (Greater Bay Area), vị trí của Hồng Kông càng trở nên quan trọng trong việc kết nối hệ thống tài chính quốc tế với các trung tâm công nghiệp, công nghệ và đổi mới sáng tạo của miền Nam Trung Quốc, đặc biệt là Thâm Quyến và Quảng Châu [State Council of the PRC, 2019].

Với mạng lưới giao thông đa dạng, bao gồm các tuyến đường bộ, đường sắt và đường thủy, việc vận chuyển hàng hóa từ Hồng Kông vào Trung Quốc đại lục và ngược lại ngày càng trở nên nhanh chóng và hiệu quả. Sau năm 2014, quá trình kết nối hạ tầng tiếp tục được tăng cường, tiêu biểu như Cầu Hồng Kông - Chu Hải - Ma Cao, hợp long năm 2018, đã kết nối Hồng Kông trực tiếp với thành phố Chu Hải của tỉnh Quảng Đông, rút ngắn thời gian di chuyển và tăng cường giao thương giữa khu vực Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Macau hay hệ thống tàu điện ngầm MTR và các tuyến đường cao tốc nối Hồng Kông với Thâm Quyển và nhiều khu vực khác của Trung Quốc đại lục, cũng thúc đẩy giao thương nhanh chóng và tiết kiệm chi phí, đã giúp tăng cường kết nối giữa Hồng Kông và Trung Hoa đại lục. Những dự án kết nối hạ tầng quy mô lớn không chỉ rút ngắn khoảng cách địa lý giữa Hồng Kông với Trung Quốc đại lục mà còn làm gia tăng mức độ gắn kết về kinh tế, xã hội và quản trị. Điều đó góp phần củng cố vị trí chiến lược của Hồng Kông trong cấu trúc phát triển của Trung Quốc, đồng thời làm cho mọi biến động chính trị tại Hồng Kông có khả năng lan tỏa nhanh hơn tới khu vực Đông Á thông qua các mạng lưới kinh tế, tài chính và logistics.

Xét dưới góc độ địa - chính trị, vị trí của Hồng Kông tạo nên sự giao thoa giữa không gian lục địa Trung Quốc với không gian biển của khu vực Đông Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Hồng Kông vừa là cửa ngõ để Trung Quốc kết nối với hệ thống kinh tế toàn cầu, vừa là điểm tiếp cận của các dòng vốn, thương mại, công nghệ và ảnh hưởng quốc tế vào Trung Quốc. Chính đặc điểm này làm cho Hồng Kông có ý nghĩa chiến lược vượt lên trên quy mô lãnh thổ của mình [Cohen, 2015; Flint, 2017]. Không giống nhiều đô thị ven biển khác của Trung Quốc, Hồng Kông đồng thời sở hữu ba đặc điểm chiến lược nổi bật: (i) là cửa ngõ hàng hải và tài chính kết nối Trung Quốc với thế giới; (ii) là trung tâm của Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao - cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của Trung Quốc; và (iii) là điểm giao thoa giữa lợi ích chiến lược của Trung Quốc với các nước lớn trong không gian Đông Á và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chính sự hội tụ này làm cho mọi biến động chính trị tại Hồng Kông không chỉ tác động đến

an ninh và phát triển của Trung Quốc mà còn có khả năng ảnh hưởng đến môi trường địa - chính trị khu vực.

2.3.2. Vị trí quan trọng của Hồng Kông trong tuyến hàng hải quốc tế

Nhờ vị trí nằm ở cửa ngõ phía nam Trung Quốc, tiếp giáp Biển Đông và trên các tuyến hàng hải quốc tế kết nối Đông Á với Đông Nam Á, Ấn Độ Dương và châu Âu, Hồng Kông từ lâu đã trở thành một trong những đầu mối hàng hải quan trọng của khu vực và thế giới. Không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, vị trí này còn tạo cho Hồng Kông giá trị địa chiến lược đặc biệt trong mạng lưới thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu [Flint, 2017; World Bank, 2024].

Trước năm 2014, cảng Hồng Kông là một trong những cảng container nhộn nhịp và có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới, được xem là biểu tượng cho vị thế thương mại và logistics quốc tế của Đặc khu. Cảng gồm 9 bến container nước sâu với tổng chiều dài cầu bến hơn 24 km, hoạt động liên tục 24/7 và là điểm dừng chiến lược của hầu hết các hãng tàu quốc tế lớn. Theo Lloyd's List, Hồng Kông giữ vị trí cảng container lớn nhất thế giới trong giai đoạn 1987–2004 và tiếp tục nằm trong nhóm cảng có lưu lượng hàng hóa lớn nhất toàn cầu trong nhiều năm sau đó [Lloyd's List, 2005]. Đáng chú ý, khoảng 70% lượng hàng hóa thông qua cảng là hàng trung chuyển, phản ánh vai trò của Hồng Kông như một trung tâm logistics quốc tế kết nối Trung Quốc đại lục với các thị trường Đông Á, Đông Nam Á, châu Âu và Bắc Mỹ [Hong Kong Marine Department, 2014]. Hoạt động cảng biển và logistics đóng góp khoảng 27–30% giá trị gia tăng của lĩnh vực logistics, tạo việc làm trực tiếp cho trên 250.000 lao động trước năm 2014 [Hong Kong Census and Statistics Department, 2014]. Những số liệu này cho thấy chức năng cốt lõi của cảng Hồng Kông không chỉ nằm ở quy mô vận tải mà còn ở vai trò là đầu mối trung chuyển (transshipment hub) của mạng lưới thương mại quốc tế. Chính đặc điểm này làm cho Hồng Kông trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu; vì vậy, bất kỳ biến động nào về chính trị, an ninh hay chính sách tại Hồng Kông đều có khả năng tác động đến dòng lưu chuyển hàng hóa, hoạt động logistics và kết nối kinh tế của Trung Quốc với khu vực Đông Á cũng như thế giới.

Không chỉ giữ vai trò là trung tâm hàng hải quốc tế, Hồng Kông còn là một trong những trung tâm vận tải hàng không quan trọng nhất của khu vực và thế giới. Sân bay Quốc tế Hồng Kông (Hong Kong International Airport - HKIA) chính thức đi vào hoạt động ngày 6/7/1998, thay thế sân bay Kai Tak và nhanh chóng trở thành một trong những trung tâm hàng không quốc tế lớn nhất châu Á. Với vị trí nằm ở cửa ngõ phía Nam Trung Quốc, HKIA đóng vai trò là đầu mối kết nối giữa Trung Quốc đại lục với các thị trường Đông Á, Đông Nam Á, châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Đông, góp phần hình thành mạng lưới logistics đa phương thức kết hợp giữa cảng biển, cảng hàng không và hệ thống giao thông đường bộ hiện đại. Trước năm 2014, HKIA liên tục được xếp trong nhóm các sân bay hàng đầu thế giới về vận tải hàng hóa và hành khách quốc tế. Riêng năm 2013, sân bay đã phục vụ khoảng 59,9 triệu lượt hành khách, xử lý khoảng 4,12 triệu tấn hàng hóa và thực hiện trên 372.000 lượt cất hạ cánh, đứng đầu thế giới về sản lượng hàng hóa hàng không quốc tế và nằm trong nhóm ba sân bay bận rộn nhất châu Á về lưu lượng hành khách quốc tế [Airport Authority Hong Kong, 2014; Airports Council International, 2014]. Mạng lưới của HKIA kết nối trực tiếp với hơn 180 điểm đến trên toàn thế giới thông qua trên 100 hãng hàng không, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại, đầu tư và giao lưu quốc tế của Hồng Kông cũng như khu vực phía Nam Trung Quốc.

Bên cạnh quy mô vận tải lớn, lợi thế nổi bật của HKIA nằm ở khả năng tích hợp chặt chẽ với hệ thống cảng biển Hồng Kông và các trung tâm sản xuất của Đồng bằng Châu Giang (Pearl River Delta). Thông qua hệ thống vận tải đa phương thức, hàng hóa có thể được vận chuyển trực tiếp từ các khu công nghiệp tại Quảng Đông đến sân bay hoặc cảng biển Hồng Kông để xuất khẩu ra thị trường quốc tế trong thời gian ngắn với chi phí cạnh tranh. Điều này giúp Hồng Kông trở thành một "siêu đầu mối logistics" (global logistics hub), đóng vai trò kết nối chuỗi cung ứng của Trung Quốc với mạng lưới sản xuất và tiêu dùng toàn cầu [Hong Kong Trade Development Council, 2014].

Dưới góc độ địa - chính trị, sự kết hợp giữa cảng biển quốc tế và sân bay hàng không quy mô lớn đã tạo cho Hồng Kông lợi thế chiến lược mà rất ít thành phố trong khu vực có được. Không chỉ là trung tâm trung chuyển hàng hóa và hành

khách, Hồng Kông còn là mắt xích quan trọng bảo đảm sự thông suốt của các chuỗi cung ứng quốc tế, đặc biệt đối với hoạt động xuất nhập khẩu của miền Nam Trung Quốc. Vì vậy, bất kỳ biến động chính trị hoặc sự gián đoạn nào tại Hồng Kông đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lưu chuyển thương mại, đầu tư, logistics và kết nối kinh tế của Trung Quốc với Đông Á và các thị trường toàn cầu. Đây cũng là một trong những cơ sở quan trọng lý giải vì sao vấn đề Hồng Kông không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn có tác động ngày càng rõ nét đến môi trường địa - chính trị khu vực Đông Á.

2.3.3. Vị trí, vai trò của Hồng Kông trong kinh tế, thương mại và đầu tư toàn cầu

Một trong những yếu tố tạo nên vị thế đặc biệt của Hồng Kông trong nền kinh tế toàn cầu là mô hình thể chế kinh tế và pháp lý đặc thù được duy trì theo nguyên tắc "một quốc gia, hai chế độ". Theo Luật Cơ bản của Đặc khu Hành chính Hồng Kông (Basic Law), Hồng Kông tiếp tục áp dụng hệ thống Luật cơ bản, độc lập với hệ thống pháp luật của Trung Quốc đại lục, đồng thời duy trì cơ chế bảo vệ quyền sở hữu tài sản, thực thi hợp đồng và giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế. Cùng với chính sách thương mại tự do, cơ chế quản lý ngoại hối linh hoạt và đồng đô la Hồng Kông (HKD) được neo tỷ giá với đồng USD, những yếu tố này đã tạo dựng môi trường đầu tư ổn định, minh bạch, có khả năng dự báo cao, trở thành nền tảng quan trọng để Hồng Kông thu hút các doanh nghiệp và nhà đầu tư quốc tế [Basic Law of Hong Kong; World Bank, 2020].

Trên nền tảng thể chế đó, Hồng Kông từng bước khẳng định vị thế là một trong những trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu thế giới. Hệ thống tài chính của Hồng Kông được quản lý theo các chuẩn mực quốc tế, dưới sự giám sát của Cơ quan Quản lý Tiền tệ Hồng Kông (Hong Kong Monetary Authority - HKMA) và Ủy ban Chứng khoán và Hợp đồng tương lai Hồng Kông (Securities and Futures Commission - SFC). Thị trường tài chính có tính thanh khoản cao, cơ chế giám sát minh bạch, khả năng huy động vốn quốc tế lớn và hệ thống ngân hàng phát triển đã giúp Hồng Kông duy trì vai trò là trung tâm tài chính quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo Global Financial Centres Index (GFCI), Hồng Kông thường xuyên nằm

trong nhóm ba trung tâm tài chính quốc tế lớn nhất thế giới cùng với New York và London trong nhiều năm trước và sau năm 2014 [Z/Yen Group, 2023].

Sức hấp dẫn của Hồng Kông còn được thể hiện qua chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc tế. Trong giai đoạn 1995–2019, Hồng Kông liên tục được Heritage Foundation xếp hạng là nền kinh tế có mức độ tự do kinh tế cao nhất thế giới, phản ánh môi trường kinh doanh cởi mở, chính sách thuế đơn giản, mức thuế thấp, thủ tục hành chính thuận lợi và khả năng kết nối quốc tế mạnh mẽ [Heritage Foundation, 2020]. Mặc dù từ sau năm 2014 môi trường kinh doanh chịu ảnh hưởng nhất định từ các biến động chính trị, các tổ chức quốc tế vẫn ghi nhận nền tảng thể chế của Hồng Kông duy trì năng lực cạnh tranh cao. Báo cáo Doing Business 2020 của Ngân hàng Thế giới xếp Hồng Kông đứng thứ 3 thế giới, chỉ sau New Zealand và Singapore, trong khi World Competitiveness Yearbook 2023 của Viện Phát triển Quản lý Quốc tế (IMD) tiếp tục đưa Hồng Kông vào nhóm các nền kinh tế có năng lực cạnh tranh hàng đầu thế giới [World Bank, 2020; IMD, 2023]. Những kết quả này phản ánh hiệu quả của hệ thống pháp luật, khả năng bảo vệ nhà đầu tư, tính thuận lợi trong thành lập doanh nghiệp, tiếp cận tín dụng và thực thi hợp đồng - những yếu tố cốt lõi tạo nên sức hấp dẫn của Hồng Kông đối với dòng vốn quốc tế.

Nhờ môi trường đầu tư thuận lợi, Hồng Kông đã trở thành nơi tập trung của nhiều tập đoàn tài chính và doanh nghiệp đa quốc gia. Các ngân hàng quốc tế lớn như HSBC, Standard Chartered, Citibank, Bank of China (Hong Kong) cùng hàng nghìn định chế tài chính, quỹ đầu tư và công ty bảo hiểm lựa chọn Hồng Kông làm trụ sở khu vực hoặc trung tâm điều hành các hoạt động tại châu Á. Theo khảo sát của InvestHK, Hồng Kông hiện có trên 9.000 công ty có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có hơn 1.300 trụ sở khu vực và hơn 2.000 văn phòng khu vực của các doanh nghiệp quốc tế [InvestHK, 2023]. Điều này phản ánh vai trò của Hồng Kông không chỉ là địa điểm đầu tư hấp dẫn mà còn là trung tâm điều phối hoạt động kinh doanh và tài chính của các tập đoàn xuyên quốc gia tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Dưới góc độ quản trị kinh tế toàn cầu, Hồng Kông giữ vai trò là "cửa ngõ hai chiều" giữa Trung Quốc và nền kinh tế thế giới. Đối với các doanh nghiệp quốc tế, Hồng Kông là điểm tiếp cận thuận lợi để đầu tư vào thị trường Trung Quốc thông qua hệ thống pháp luật theo thông lệ quốc tế, thị trường vốn phát triển và môi trường kinh doanh minh bạch. Ngược lại, đối với các doanh nghiệp Trung Quốc, Hồng Kông là kênh huy động vốn quốc tế, niêm yết cổ phiếu, phát hành trái phiếu và mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Chính chức năng kết nối hai chiều này đã tạo cho Hồng Kông vị thế đặc biệt trong mạng lưới kinh tế toàn cầu, trở thành một trong những đầu mối liên kết quan trọng giữa nền kinh tế Trung Quốc với thị trường tài chính và thương mại quốc tế.

2.4. Vai trò của Hồng Kông đối với sự phát triển của Trung Quốc.

Theo quy định trong Tuyên bố chung Anh - Trung Quốc năm 1984, Hồng Kông đã được trao trả cho Trung Quốc vào tháng 7/1997 [Sino-British Joint Declaration, 1984]. Trong thập niên đầu tiên, mô hình “Một nước, hai chế độ” được thực hiện tương đối suôn sẻ. Trung Quốc không can thiệp quá sâu vào Hồng Kông và để cho đặc khu này hoạt động gần giống như khi còn thuộc sự kiểm soát của Anh. Với một xã hội ổn định và nền kinh tế năng động, Hồng Kông đã trở nên ngày càng thịnh vượng, tiếp tục có vị thế vững chắc trong không gian kinh tế khu vực và thế giới. Cơ chế chính trị với tính tự trị cao của Hồng Kông phần lớn không thay đổi cho đến giai đoạn gần đây.

Thời điểm trở về Trung Quốc năm 1997 sau hơn 155 năm dưới sự cai trị của Anh, Hồng Kông được xem là một trong những trung tâm kinh tế và tài chính phát triển nhất châu Á. Năm 1997, GDP của Hồng Kông đạt khoảng 177,3 tỷ USD, tương đương khoảng 18% GDP của Trung Quốc, mặc dù dân số chỉ chiếm chưa đến 0,6% dân số cả nước [World Bank, 1998]. Với quy mô này, nền kinh tế Hồng Kông vượt hầu hết các đơn vị hành chính cấp tỉnh của Trung Quốc thời điểm đó và lớn hơn đáng kể so với tỉnh Quảng Đông – địa phương có tốc độ phát triển kinh tế nhanh nhất ở miền Nam Trung Quốc. Các ngành đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế của Hồng Kông gồm tài chính, thương mại, logistics, du lịch và các dịch vụ

hỗ trợ kinh doanh, tạo nền tảng để Hồng Kông trở thành cửa ngõ kết nối Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu.

Thực tế lịch sử cho thấy, Hồng Kông từ lâu đã đóng vai trò then chốt vừa trực tiếp, vừa trung gian cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Vào đầu những năm 1980, các doanh nghiệp của Hồng Kông là những nhà đầu tư tiên phong trong công cuộc cải cách kinh tế và mở cửa của Trung Quốc. Kể từ khi Trung Quốc thực hiện cải cách và mở cửa (1978), Hồng Kông luôn là một cầu nối thương mại quan trọng đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Trung Quốc. Trước tiên, Hồng Kông là một cửa ngõ tài chính thiết yếu, tạo thuận lợi cho dòng vốn ra vào Trung Quốc. Giao dịch chứng khoán ở Thượng Hải và Thâm Quyển có thể vượt trội Hồng Kông về quy mô giá trị vốn hóa thị trường, nhưng chủ yếu vẫn phục vụ thị trường trong nước bất chấp những nỗ lực cải cách mở cửa đang diễn ra, còn Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông là nơi huy động vốn hàng đầu thế giới cho các tổ chức phát hành của Hồng Kông, Trung Quốc và quốc tế. Các quyền tự do kinh tế của Hồng Kông theo Theo Luật Cơ bản của Đặc khu Hành chính Hồng Kông (được Quốc hội Trung Quốc thông qua năm 1990 và có hiệu lực từ ngày 1/7/1997) có mức độ tin cậy cao về mặt pháp lý quốc tế. Những đặc trưng không thể thiếu để duy trì một trung tâm tài chính, dịch vụ, kết nối toàn cầu theo Luật cơ bản bao gồm: Điều 19: Bộ máy tư pháp độc lập; Điều 25: Bình đẳng trước pháp luật; Điều 27: Tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản; Điều 109: Bảo vệ môi trường kinh tế và pháp lý để duy trì vị thế của Hồng Kông trong vai trò một trung tâm tài chính quốc tế; Điều 112: Không có các biện pháp kiểm soát ngoại hối và đồng đôla Hồng Kông (HKD) tự do chuyển đổi; Điều 116: Một khu vực hải quan tách biệt với Trung Quốc [Basic Law of the Hong Kong Special Administrative Region, 1990].

Theo thiết chế chính trị Hồng Kông, các tòa án của Hồng Kông, Cơ quan tiền tệ Hồng Kông (HKMA) và Ủy ban chứng khoán và hợp đồng tương lai (SFC) được quốc tế đánh giá cao trong việc điều tiết minh bạch và tính pháp lý chặt chẽ, hiện đại. Ngoài các yếu tố mang tính thể chế này, môi trường pháp lý của Hồng Kông càng thuận lợi hơn khi đi kèm một cơ sở hạ tầng thị trường được tổ chức khoa học, các dịch vụ chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc hợp tác quốc tế, bao gồm

dịch vụ kiểm toán và ngân hàng, các cơ quan tư vấn luật, trung tâm phân tích về giá trị tài sản, chính sách, chiến lược.

2.4.1. Vai trò kết nối Trung Quốc đại lục với thị trường tài chính toàn cầu, thúc đẩy đầu tư, điều phối thương mại

Hồng Kông đóng vai trò như một nơi thử nghiệm quan trọng các biện pháp, chính sách thiết lập các mối liên kết của Trung Quốc với các thị trường vốn toàn cầu. Vì thế, Hồng Kông ngày càng giữ vị trí then chốt đối với Trung Quốc nhờ việc kết nối các thị trường tài chính trong và ngoài nước; tạo điều kiện thuận lợi cho các dòng vốn thông qua việc mang đến cho nhà đầu tư các kênh đáng tin cậy trong cả hoạt động đầu tư trực tiếp lẫn gián tiếp của nước ngoài, giúp họ tránh được các chính sách hạn chế ở Trung Quốc. Trong những ưu thế có được về mặt tài chính, yếu tố tự thân của Hồng Kông là cơ bản, nhưng sự ủng hộ của Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác bằng cơ chế ưu đãi đặc biệt cũng là nhân tố quan trọng, tạo ra sự khác biệt giữa Hồng Kông và các địa bàn khác. Nhờ bối cảnh thuận lợi về mặt thể chế cho các nhà đầu tư, Hồng Kông đã giành được cho mình vị trí, tầm ảnh hưởng lớn trong việc xử lý các dòng chảy đầu tư ra và vào. Theo Cơ quan Quản lý Tiền tệ Hồng Kông (Hong Kong Monetary Authority - HKMA), trong suốt giai đoạn đầu cải cách, Hồng Kông đóng vai trò là nguồn cung cấp vốn chủ yếu, cũng như là cơ sở cho việc luân chuyển vốn và công nghệ vào Trung Quốc đại lục thuận lợi hơn. Hồng Kông giai đoạn này là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất vào Trung Quốc đại lục [Hong Kong Monetary Authority, 2018].

Nhiều năm qua, Hồng Kông là trung tâm tài chính lớn thứ ba thế giới, sau New York và London, là đường dẫn cho dòng chảy đầu tư khổng lồ ra và vào Trung Quốc, và hàng nghìn công ty nước ngoài. Các tập đoàn tài chính quốc tế quản lý khoảng 3.100 tỷ USD tài sản tại Hồng Kông. Trong đó, Hoa Kỳ có lợi ích trực tiếp tại Hồng Kông, khoảng 85.000 công dân Hoa Kỳ sinh sống ở đây. Hồng Kông tiếp tục khẳng định vị thế là trung tâm quản lý tài sản hàng đầu châu Á. Theo kết quả Khảo sát hoạt động quản lý tài sản và quản lý tài sản tư nhân năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán và Hợp đồng tương lai Hồng Kông (SFC), tổng giá trị tài sản được quản lý (Assets under Management - AUM) của Hồng Kông đạt khoảng 35,1 nghìn

tỷ HKD (tương đương khoảng 4,53 nghìn tỷ USD) vào cuối năm 2024, tăng 13% so với năm trước; đồng thời Hồng Kông tiếp tục duy trì vị thế là trung tâm quản lý tài sản lớn nhất châu Á và một trong những trung tâm quản lý tài sản xuyên biên giới hàng đầu thế giới [Securities and Futures Commission (Hong Kong), 2025].

Trước khi chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các biến động chính trị tại Hồng Kông diễn ra mạnh mẽ, Hồng Kông là một trong những đối tác thương mại mang lại thịnh vượng lớn nhất cho Hoa Kỳ tại khu vực châu Á. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ sang Hồng Kông đạt khoảng 37,4 tỷ USD, trong khi tổng vốn đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ tại Hồng Kông đạt khoảng 82,5 tỷ USD. Cùng với khoảng 1.300 doanh nghiệp Hoa Kỳ hoạt động tại Hồng Kông, trong đó gần một nửa lựa chọn Hồng Kông làm trụ sở khu vực, điều này phản ánh vai trò quan trọng của Hồng Kông như một cửa ngõ kết nối các doanh nghiệp và dòng vốn quốc tế với thị trường Trung Quốc [U.S. Department of State, 2019].

Ngoài ra, Hồng Kông là một cửa ngõ then chốt để thúc đẩy đầu tư gián tiếp nhanh chóng hơn vào thị trường Trung Quốc. Thông qua cơ chế kết nối Hồng Kông lần đầu tiên ra mắt vào năm 2014, các nhà đầu tư nước ngoài có khả năng tiếp cận lớn hơn tới thị trường chứng khoán và trái phiếu của Trung Quốc. Niềm tin vào môi trường điều tiết và các biện pháp bảo vệ của Hồng Kông đối với các quyền của nhà đầu tư đã mang lại uy tín quyết định cho thị trường chứng khoán Hồng Kông. Tính đến thời điểm hiện nay, vai trò sống còn của Hồng Kông chính là giữ vững vai trò một trung tâm tài chính thế giới. Hồng Kông có thị trường chứng khoán ưu thế vượt trội (dựa trên chỉ số Hang Seng và cổ phiếu H-share) và dịch vụ bảo đảm rủi ro tiền tệ - những yếu tố phần lớn chưa phát triển ở Trung Quốc nhưng lại có vai trò then chốt đối với các nhà đầu tư tài chính. Các đặc trưng về thể chế riêng biệt của Hồng Kông dưới vị thế tự trị của đặc khu hành chính mang đến một giải pháp thay thế thích hợp cho những hạn chế trong khuôn khổ thể chế và kinh tế của Trung Quốc, vốn vẫn đang là rào cản đối với các nhà đầu tư Trung Quốc và nước ngoài. Đây là mối quan hệ cộng sinh, bảo đảm quyền tiếp cận nguồn vốn toàn cầu trong khi duy trì quyền tự kiểm soát ở mức độ cao. Trong 2 năm 2017 và 2018, Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) luôn đứng đầu danh sách IPO (Cổ phiếu lần đầu

tiên phát hành ra công chúng) toàn cầu. Tổng cộng 160 công ty mới đã niêm yết trong 6 tháng đầu năm 2019 (trước các cuộc biểu tình), giúp HKEX thu được 37,2 tỷ USD, vượt cả các sở giao dịch chứng khoán New York và Nasdaq của Hoa Kỳ. Ngay trước khi các tác động của vấn đề Hồng Kông lan rộng hơn, theo báo cáo *China and Hong Kong IPO Markets: 2019 Review and 2020 Outlook* của KPMG China, đến cuối năm 2019, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông (HKEX) đã hoàn tất 160 đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), huy động tổng cộng 307,8 tỷ HKD (tương đương khoảng 39,9 tỷ USD), đứng đầu thế giới về giá trị vốn huy động từ IPO trong năm 2019 [KPMG China, 2019]. Công ty Alibaba đã tạo được vốn dòng 11,3 tỷ USD khi niêm yết tại HKEX, giúp đợt phát hành này trở thành đợt IPO lớn nhất toàn cầu trong năm 2019, đồng thời khẳng định khả năng, uy tín của thị trường chứng khoán Hồng Kông. Điều đó cho thấy nền kinh tế Trung Quốc hiện vẫn chưa thể thiếu Hồng Kông.

2.4.2. Thúc đẩy tham vọng của Trung Quốc quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ trên toàn cầu

Hồng Kông đóng vai trò quan trọng trong quá trình quốc tế hóa đồng nhân dân tệ, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc đang nỗ lực gia tăng ảnh hưởng của đồng nội tệ trên thị trường tài chính toàn cầu.

Một điểm quan trọng nữa là do mức độ quốc tế hóa của đồng nhân dân tệ vẫn thấp nên hầu hết các khoản đầu tư ra nước ngoài là bằng đồng đôla Mỹ - loại tiền tệ mà Trung Quốc chỉ có thể kiếm được một cách hiệu quả nhất thông qua Hồng Kông nhờ sự trao đổi tự do giữa đồng đôla Mỹ và đồng đôla Hồng Kông (HKD) (điều khoản Hoa Kỳ cho phép). Khi các công ty Trung Quốc mở rộng đầu tư ra nước ngoài, phần lớn lượng tiền đó được chuyển qua Hồng Kông. Cấp vốn bằng ngoại tệ ở Hồng Kông sẽ làm giảm dòng vốn từ Trung Quốc chảy ra ngoài. Các thị trường tài chính của Hồng Kông cũng giảm nhu cầu sử dụng dự trữ trao đổi ngoại tệ của Trung Quốc và do đó hạn chế sự bất ổn trong tỷ giá hối đoái giữa đồng nhân dân tệ và đồng đôla Mỹ. Hồng Kông là một trong những nơi hiếm hoi mà đồng nhân dân tệ được giao dịch bên ngoài Trung Quốc đại lục, việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ

đã đưa Hồng Kông trở thành trung tâm giao dịch quốc tế lớn nhất của đồng tiền này kể từ năm 2004, mang lại những dòng vốn khổng lồ từ Đại lục, phần lớn được đầu tư vào bất động sản. Nguồn vốn đầu tư lớn và dòng di cư mạnh của các gia đình giàu có từ Đại lục tới Hồng Kông đã khiến giá bất động sản tại đặc khu này tăng gấp hàng trăm lần, trong khi đó tiền lương tổng thể tăng chưa đến 50%, khiến Hồng Kông trở thành nơi có giá nhà ở đắt đỏ nhất thế giới.

Hồng Kông trở thành trung tâm giao dịch đồng nhân dân tệ lớn nhất ở bên ngoài Trung Quốc đại lục. Các dịch vụ tài chính liên quan đến đồng nhân dân tệ tại Hồng Kông tăng trưởng nhanh chóng, bao gồm giao dịch ngoại hối, tài trợ thương mại và đầu tư bằng đồng nhân dân tệ.

Với vai trò là một trung tâm tài chính toàn cầu, Hồng Kông tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng nhân dân tệ trong các giao dịch quốc tế. Theo báo cáo của Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông (HKMA), khối lượng giao dịch bằng đồng nhân dân tệ tại Hồng Kông chiếm phần lớn trong tổng khối lượng giao dịch đồng nhân dân tệ ở bên ngoài Trung Quốc đại lục. Vai trò của Hồng Kông trong quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ tiếp tục được duy trì sau năm 2014. Theo Báo cáo Khảo sát Ba năm của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) năm 2022, Hồng Kông tiếp tục là trung tâm giao dịch ngoại hối lớn thứ tư toàn cầu và là trung tâm giao dịch đồng Nhân dân tệ bên ngoài lãnh thổ lớn nhất thế giới. Trong tháng 4 năm 2022, khối lượng giao dịch ngoại hối bình quân hằng ngày tại Hồng Kông đạt 694,4 tỷ USD, tăng 9,8% so với tháng 4 năm 2019. Đáng chú ý, khối lượng giao dịch ngoại hối bằng đồng Nhân dân tệ tăng 77,7%, đạt 191,2 tỷ USD mỗi ngày, chiếm khoảng 27,5% tổng khối lượng giao dịch ngoại hối của Hồng Kông, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế của Hồng Kông là trung tâm giao dịch Nhân dân tệ ở nước ngoài lớn nhất thế giới [Hong Kong Monetary Authority, 2022]. Khối lượng giao dịch bằng đồng nhân dân tệ trên thị trường tài chính Hồng Kông tiếp tục gia tăng, đặc biệt trong các giao dịch chứng khoán và trái phiếu.

Hồng Kông cung cấp nhiều sản phẩm tài chính bằng đồng nhân dân tệ như các quỹ giao dịch hối đoái và cổ phiếu niêm yết bằng nhân dân tệ, trái phiếu ... giúp

thu hút nhà đầu tư quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng nhân dân tệ trong các hoạt động đầu tư toàn cầu. Điều này giúp tăng cường tính thanh khoản và sự chấp nhận của đồng nhân dân tệ trong thị trường tài chính thế giới.

Hồng Kông đã phát triển nhanh chóng Thị trường trái phiếu RMB phát hành ở ngoài Trung Quốc đại lục, thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế và các tổ chức tài chính lớn. Theo báo cáo của Hong Kong Monetary Authority, trong năm 2020, tổng giá trị phát hành trái phiếu bằng đồng Nhân dân tệ tại thị trường Hồng Kông (dim sum bonds) đạt khoảng 12,9 tỷ USD, tiếp tục khẳng định vai trò của Hồng Kông là trung tâm phát hành trái phiếu Nhân dân tệ ở nước ngoài lớn nhất thế giới [Hong Kong Monetary Authority, 2020]. Dù thị trường trái phiếu phát hành bằng đồng Nhân dân tệ thời gian qua gặp một số khó khăn do tỷ giá nhân dân tệ giảm và lãi suất của Trung Quốc tăng, song Hồng Kông vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc phát hành và giao dịch trái phiếu bằng nhân dân tệ, góp phần thúc đẩy quá trình quốc tế hóa đồng nội tệ của Trung Quốc.

Với vai trò là trung tâm trung chuyển thương mại của thế giới, việc thúc đẩy thanh toán bằng nhân dân tệ trong thương mại xuyên biên giới tại Hồng Kông đã giúp gia tăng sử dụng đồng nhân dân tệ trong các giao dịch quốc tế. Các ngân hàng tại Hồng Kông cung cấp nhiều dịch vụ tài chính liên quan, đồng thời hợp tác chặt chẽ với các tổ chức tài chính quốc tế và các trung tâm tài chính, giúp các doanh nghiệp dễ dàng thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế. Hồng Kông cũng ký kết nhiều thỏa thuận hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng trung ương của nhiều quốc gia, trong đó có thỏa thuận với Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Ngân hàng Anh (BoE). Các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ và hợp tác tài chính giữa Hồng Kông và các trung tâm tài chính trên thế giới đã giúp tăng cường tính thanh khoản và sự chấp nhận đối với đồng nhân dân tệ trên phạm vi toàn cầu.

Những yếu tố này đã giúp tăng cường vai trò của Hồng Kông như một trung tâm tài chính quốc tế và hỗ trợ quá trình quốc tế hóa đồng nhân dân tệ một cách hiệu quả.

Như đã trình bày ở trên, giá trị chiến lược và vị thế khu vực của Hồng Kông có được là do quyền tự trị được tạo lập từ quá trình phát triển trước và sau năm

1997. Vị thế đặc biệt của Hồng Kông được tạo ra bởi sự hậu thuẫn cũng như những ưu đãi mà Hoa Kỳ, các nước Tây Âu, Nhật Bản dành cho đặc khu này. Đây là điều cốt lõi tạo nên sức sống của nền kinh tế Hồng Kông, là nền tảng cho phép Hồng Kông đảm nhận vai trò là một “phương tiện” hay “hành lang nền” để kết nối Đông - Tây, là “cầu nối” để phương Tây vào Trung Quốc và đưa Trung Quốc ra với thế giới. Song hiện có nhiều tranh luận xoay quanh vấn đề vị thế của Hồng Kông. Về cơ bản, các ý kiến đều thống nhất cho rằng Hồng Kông có vị trí rất lớn trong không gian kinh tế, chính trị của Trung Quốc, khu vực và thế giới. Có quan điểm cho rằng, Trung Quốc không phát triển theo mô hình tư bản chủ nghĩa, do đó địa vị của Hồng Kông là không thể thay thế với vai trò kết nối sâu Trung Quốc với thế giới tư bản. Quan điểm này có chút mơ hồ, bởi rất khó phân biệt các hoạt động kinh tế giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh hiện nay. Ví dụ: hoạt động thương mại là chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản? Một phần lớn chức năng của Hồng Kông - trung tâm thương mại trước đây - đã được chuyển đến Đại lục. Thật khó để khẳng định rằng chức năng hiện nay của Hồng Kông - trung tâm tài chính - sẽ không bị chuyển đến Đại lục trong tương lai. Một quan điểm khác lại cho rằng, Hồng Kông đang sử dụng hệ thống pháp luật Anh, nếu không sử dụng hệ thống pháp luật này sẽ không thể xây dựng thành trung tâm tài chính, nhưng về quy mô, thị trường chứng khoán và trái phiếu của Trung Quốc đã vượt xa Hồng Kông về lượng giao dịch. Đối với các tổ chức tài chính và nhà đầu tư, điều quan trọng nhất là liệu họ có thể kiếm tiền hay không chứ không phải hệ thống pháp luật Anh hay hệ thống pháp luật châu Âu lục địa. Hơn 10 năm trước, người ta đã dự đoán Thượng Hải sẽ thay thế vị trí trung tâm tài chính của Hồng Kông. Điều này đã không xảy ra trong thập niên qua, và ngày càng ít nghe thấy dự đoán như vậy. Lý do duy nhất là bởi Đại lục mở cửa tài chính tương đối chậm và cũng khó thực hiện điều này trong tương lai gần.

Trên thực tế, việc Đại lục mở cửa tài chính chậm là do cách tiếp cận tương đối thận trọng. Thử tưởng tượng nếu cổ phiếu loại A có tỷ lệ vốn nước ngoài rất cao thì cũng rất khó để giữ vững được thị trường trong cuộc khủng hoảng cổ phiếu vào năm 2015 cho dù có sự hỗ trợ của nhà nước. Nếu các ngân hàng có vốn đầu tư nước

ngoài ồ ạt tiền vào Trung Quốc, rủi ro khủng hoảng nợ trong tương lai sẽ rất lớn. Việc có thể sử dụng Hồng Kông làm trung tâm tài chính ở bên ngoài, đồng thời thiết lập bức tường lửa về vốn giữa Hồng Kông và Đại lục là một trong những lý do chính khiến Trung Quốc không xảy ra khủng hoảng tài chính trong mấy chục năm qua. Theo ý nghĩa này, Hồng Kông rất quan trọng và khó thay thế. Tất nhiên, việc trở thành một trung tâm tài chính của Trung Quốc ở nước ngoài cũng mang lại lợi ích lớn cho Hồng Kông. Ví dụ: giá cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) đã tăng 75 lần trong 20 năm qua. Đến cuối năm 2020, mặc dù chịu tác động của các cuộc biểu tình quy mô lớn và đại dịch COVID-19, quy mô vốn hóa thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông (HKEX) vẫn tiếp tục tăng mạnh, từ khoảng 4,8 nghìn tỷ HKD vào cuối năm 2000 lên khoảng 47,5 nghìn tỷ HKD vào cuối năm 2020, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của Hồng Kông như một trung tâm huy động vốn quốc tế và cửa ngõ tài chính của Trung Quốc [Hong Kong Exchanges and Clearing Limited, 2025]. Nhìn từ lịch sử, vai trò lớn nhất của Hồng Kông là bù đắp cho những gì Đại lục không có hoặc chưa có. Trong Chiến tranh lạnh, Hồng Kông là kênh trao đổi chính giữa Trung Quốc và thế giới phương Tây. Sau khi tiến hành cải cách mở cửa, Trung Quốc đã trở thành công xưởng của thế giới và Hồng Kông là trung tâm thương mại của Trung Quốc, các bến cảng ở Hồng Kông từng có lúc trở thành bến cảng container bận rộn nhất thế giới. Kể từ đầu thế kỷ trước, nhiều công ty Trung Quốc đã bắt đầu niêm yết trên sàn chứng khoán Hồng Kông, khiến vùng lãnh thổ này trở thành địa điểm quan trọng nhất để các công ty Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài. Năm 2019, Tập đoàn Alibaba (Trung Quốc) niêm yết trên sàn chứng khoán Hồng Kông và đây là lần phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) lớn nhất thế giới trong năm 2019. Trong vài năm tới, có thể sẽ có nhiều công ty Trung Quốc niêm yết trên sàn chứng khoán Hoa Kỳ chuyển về Hồng Kông. Có thể dự đoán trong bối cảnh độ sức nước lớn, Hồng Kông với tư cách là trung tâm tài chính quốc tế duy nhất của Trung Quốc sẽ ngày càng có vai trò quan trọng. Vai trò của Hồng Kông trong các giai đoạn lịch sử khác nhau chủ yếu được quyết định ở việc Đại lục có thể làm được điều họ muốn làm hay không. Khi Đại lục có thể làm được, vai trò của Hồng Kông sẽ giảm dần. Ví dụ:

cùng với việc Đại lục xây dựng các cảng biển, vị thế là một trung tâm thương mại của Hồng Kông đang dần suy yếu. Hai mươi năm trước, Hồng Kông vẫn là cảng biển lớn nhất thế giới, nhưng năm 2019, lượng xuất và nhập container của Hồng Kông không còn nằm trong top 5 tại Trung Quốc. Cùng với việc Đại lục ngày càng có nhiều kinh nghiệm giao dịch với thế giới, vị thế trung gian của Hồng Kông suy giảm cũng là một thực tế không phải bàn cãi. Tháng 5 năm 2020, sau khi giá trị cổ phiếu sụt giảm khoảng 98% trong vòng một thập niên, Tập đoàn Li & Fung đã hoàn tất việc hủy niêm yết (delisting) khỏi Sở Giao dịch Chứng khoán Hồng Kông (HKEX), khép lại gần 30 năm niêm yết trên thị trường chứng khoán Hồng Kông [Li & Fung Limited, 2020]. Bối cảnh trên vừa là cơ hội vừa là sứ mệnh của Hồng Kông. Về cơ hội, Hồng Kông đang hướng đến thế giới đại dương phát triển, dựa vào thị trường khổng lồ của Trung Quốc để trao đổi với trong và ngoài nước, do đó có rất nhiều cơ hội kinh doanh. Về sứ mệnh, trước sự bất kịp nhịp độ phát triển của Đại lục, ưu thế hàng đầu của Hồng Kông sẽ không thể duy trì quá lâu, đòi hỏi phải tìm kiếm điểm tăng trưởng mới. Vì vậy, thành phố nhỏ này cần liên tục chuyển đổi mô hình vận hành và phát triển.

2.4.3. Vai trò trong các chiến lược, sáng kiến lớn của Trung Quốc

Để hiện thực hóa “Giấc mơ Trung Hoa”, Trung Quốc tích cực đề xuất những cơ chế hợp tác để mở rộng tầm ảnh hưởng trong khu vực và thế giới. Một trong những đại chiến lược quan trọng nhằm phục hưng đất nước, đó là sáng kiến “Vành đai và Con đường”, trong đó Hồng Kông đóng vai trò là cầu nối quan trọng. Hồng Kông, không chỉ tích cực tham gia xây dựng “Vành đai và Con đường” mà còn hỗ trợ phát triển sáng kiến bằng cách cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp như kế toán, thiết kế, tư vấn,... Với sự tham gia của Hồng Kông, Trung Quốc không chỉ giúp thúc đẩy việc xây dựng cơ sở hạ tầng của các quốc gia dọc tuyến đường mà còn thúc đẩy dòng chảy tự do của các yếu tố kinh tế và phân bổ nguồn lực hiệu quả.

Với vị thế là trung tâm tài chính quốc tế, Hồng Kông cung cấp các dịch vụ tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào các dự án hạ tầng toàn cầu, và Hồng Kông có thể tận dụng lợi thế này để hỗ trợ các dự án trong BRI, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính và đổi mới.

Là một trong những thành phố mang tính quốc tế nhất ở Trung Quốc, Hồng Kông có những lợi thế đặc biệt trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực, từ đó đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng Khu vực Vịnh lớn: Quảng Đông-Hồng Kông-Macao. Hồng Kông không chỉ là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất vào đại lục mà còn là trung tâm tài trợ nước ngoài lớn nhất cho các doanh nghiệp đại lục... Thông qua hợp tác với tỉnh Quảng Đông, Hồng Kông đã tạo dựng được những lợi thế mới trong các lĩnh vực như đổi mới công nghệ và quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ, đồng thời thúc đẩy “lưu thông kép” trong nước và quốc tế.

2.4.4. Vai trò quan trọng đối với môi trường an ninh của Trung Quốc

Với vai trò của một trong những trung tâm tài chính quốc tế lớn nhất thế giới, cửa ngõ quan trọng của Trung Quốc đại lục, sự ổn định và phát triển của Hồng Kông có ý nghĩa quan trọng, giúp bảo đảm an ninh kinh tế quốc gia.

Chính sách “Một quốc gia, hai chế độ” giúp duy trì ổn định chính trị tại Hồng Kông, giảm thiểu nguy cơ bất ổn chính trị, góp phần vào sự ổn định chính trị của toàn Trung Quốc.

Hồng Kông cũng là một trung tâm quan trọng cho việc giám sát và kiểm soát các hoạt động tài chính quốc tế, giúp ngăn chặn các hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố, giúp đối phó với các mối đe dọa an ninh, bảo vệ an ninh quốc gia của Trung Quốc.

Nằm gần các khu vực nhạy cảm ở Biển Đông và Đông Á, vị trí địa lý chiến lược quan trọng của Hồng Kông đã giúp hỗ trợ Trung Quốc trong triển khai các hoạt động quân sự, duy trì sự hiện diện để kiểm soát hiệu quả toàn khu vực, cũng như tạo thuận lợi để Trung Quốc có thể hỗ trợ các hoạt động quân sự trong khu vực một cách nhanh chóng và hiệu quả.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận và khung phân tích cho việc nghiên cứu tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á. Trên cơ sở làm rõ các khái niệm trung tâm và vận dụng có chọn lọc các lý thuyết quan hệ quốc tế, luận án xác lập khung phân tích gồm: nguồn phát sinh tác động, các cơ chế tác động, phản ứng và sự điều chỉnh của các chủ thể, cùng những biểu hiện của biến đổi địa - chính trị. Đây là cơ sở để phân tích một cách hệ thống mối quan hệ giữa vấn đề Hồng Kông và những biến đổi của môi trường địa - chính trị khu vực.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, vận động chính trị của Hồng Kông luôn chịu sự tác động đồng thời của các yếu tố nội tại và bối cảnh quốc tế, khu vực. Những chuyển dịch trong tương quan sức mạnh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là quan hệ Mỹ - Trung, đã tạo nên môi trường bên ngoài tác động trực tiếp đến Hồng Kông trước khi các biến động chính trị bùng phát từ năm 2014.

Bên cạnh đó, chương đã làm rõ vị trí và vai trò chiến lược đặc biệt của Hồng Kông đối với Trung Quốc, khu vực Đông Á và thế giới. Với vị trí địa - chiến lược quan trọng, hệ thống tài chính, thương mại và logistics phát triển cùng cơ chế "một quốc gia, hai chế độ", Hồng Kông không chỉ là cầu nối giữa Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu mà còn là không gian có ý nghĩa chiến lược trong cạnh tranh giữa các nước lớn. Chính những đặc điểm này khiến các biến động chính trị tại Hồng Kông không chỉ tác động đến nội bộ Trung Quốc mà còn có khả năng lan tỏa, ảnh hưởng đến môi trường địa - chính trị khu vực Đông Á.

Những kết quả nghiên cứu của Chương 2 là cơ sở để Chương 3 tập trung phân tích diễn biến của vấn đề Hồng Kông từ năm 2014 đến nay, làm rõ nguyên nhân, đặc điểm và cơ chế hình thành các biến động chính trị, qua đó tạo nền tảng cho việc đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á ở Chương 4.

CHƯƠNG 3: NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH TRỊ TẠI HỒNG KÔNG TỪ NĂM 2014 ĐẾN NAY

Trong những năm gần đây, khi tiềm lực trong nước và vị thế quốc tế gia tăng, Trung Quốc đã mất “kiên nhẫn chiến lược” đối với vấn đề Hồng Kông khi không thể “đợi” đến năm 2047 để thu hồi Hồng Kông hoàn toàn. Bằng nhiều cách thức khác nhau, Trung Quốc liên tục mở rộng quyền kiểm soát chính trị, can dự vào quá trình phát triển kinh tế, hạn chế quyền tự trị toàn diện của Hồng Kông, từ đó tạo nên những biến động mạnh mẽ về chính trị tại Hồng Kông mà dấu mốc là năm 2014.

Trước 2014, theo Luật Cơ bản (Basic Law), Hồng Kông sẽ tiến tới bầu Trưởng Đặc khu bằng phổ thông đầu phiếu (sớm nhất là năm 2017). Tuy nhiên, ngày 31/8/2014, Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc ra quyết định hạn chế quyền đề cử, yêu cầu ứng viên Trưởng Đặc khu phải được một ủy ban đề cử (do Chính quyền Bắc Kinh chi phối) chấp thuận. Việc này được xem là vi phạm tinh thần “phổ thông đầu phiếu thực sự”, và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến biểu tình quy mô lớn tại Hồng Kông. Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2014, hàng chục nghìn người chiếm đóng các khu trung tâm Hồng Kông, với khẩu hiệu chính: “Genuine universal suffrage” (Phổ thông đầu phiếu thực sự) và ô vàng - dùng để che dù cui và hơi cay, đã trở thành biểu tượng của phong trào này.

Theo đó, năm 2014 được xem là một dấu mốc bản lề trong tiến trình chính trị của Hồng Kông sau khi trở về Trung Quốc (1997) với đặc điểm: (1) làm thay đổi căn bản cục diện chính trị nội bộ Hồng Kông, đánh dấu bước ngoặt từ bất mãn xã hội sang đối đầu chính trị công khai; (2) thay đổi quan hệ giữa Chính quyền Trung ương Trung Quốc và chính quyền đặc khu, chuyển từ “khoan dung giám sát” sang “kiểm soát toàn diện”; (3) làm dấy lên tranh luận về mô hình “một quốc gia, hai chế độ” và khả năng Trung Quốc áp dụng chính sách tương tự với Đài Loan; đồng thời kích hoạt một loạt phản ứng từ các nước trong khu vực, thúc đẩy cạnh tranh Trung - Mỹ, dẫn tới các đạo luật và biện pháp trừng phạt liên quan đến nhân quyền của Hồng Kông.

Dấu mốc năm 2014 cũng bắt đầu cho một loạt diễn biến tiếp theo, trong đó nổi bật là việc ngày 30/6/2020, Luật an ninh quốc gia đối với Hồng Kông (gọi tắt là

Luật an ninh hay Luật an ninh quốc gia) chính thức đưa vào Luật cơ bản của Hồng Kông sau khi được Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc biểu quyết thông qua. Luật an ninh quốc gia được cho là có thể làm lung lay nguyên tắc “Một quốc gia, hai chế độ”, từng bước loại bỏ cơ chế “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông” và tính độc lập tư pháp của vùng lãnh thổ này. Những nỗ lực cứng rắn nhằm can dự sâu rộng vào chính trị nội bộ, kiềm chế sự phát triển của Hồng Kông đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị, suy giảm nghiêm trọng năng lực phát triển, gây ra sự bất ổn và tổn hại đến niềm tin đã có từ lâu đối với quyền tự trị của đặc khu này.

Giá trị chiến lược và vị thế khu vực của Hồng Kông có được là do quyền tự trị được tạo lập từ quá trình phát triển trước và sau năm 1997, do sự hậu thuẫn của các nước Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản và các nước tư bản lớn với việc dành cho Hồng Kông những ưu tiên cao nhất về lợi ích, chính sách, tạo nên sức sống cho nền kinh tế của Hồng Kông, cho phép Hồng Kông đảm nhận vai trò then chốt với tư cách là một “phương tiện” hay “hành lang nền” để kết nối Đông - Tây, “cầu nối” để phương Tây vào Trung Quốc và đưa Trung Quốc ra với thế giới.

Vì thế với những chính sách của chính quyền Trung ương Trung quốc và những biến động chính trị diễn ra tại đây từ năm 2014 đến nay, vị thế của Hồng Kông với tư cách một cửa ngõ tài chính có thể đang gặp nguy hiểm, mắc kẹt giữa những nhu cầu, tính toán khác nhau của Chính phủ Trung Quốc với nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Hồng Kông bằng vị thế hiện tại lẽ ra đã có thể đạt tới đỉnh cao mới của một trung tâm tài chính, dịch vụ hàng đầu thế giới, nhưng những xung đột chính trị thời gian qua khiến Hồng Kông có thể mất đi cơ hội này. Vấn đề Hồng Kông vì thế đã và sẽ gây ra sức ép lớn đối với các tham vọng kinh tế toàn cầu của Trung Quốc, trở thành điểm nóng tạo nên xung đột lớn trong đời sống chính trị quốc tế và khu vực.

3.1. Diễn biến cơ bản và nguồn gốc của biến động chính trị của Hồng Kông

3.1.1. Diễn biến vận động chính trị của Hồng Kông trong thời gian gần đây

Nhìn lại những biến động chính trị tại Hồng Kông thời gian qua có thể thấy, những dấu hiệu đáng ngại đã xuất hiện từ năm 2003, khi Trung Quốc bắt đầu kiểm

duyet những người mua bán, trao đổi các tài liệu có nội dung chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc hay Chính phủ Trung ương, đặc biệt là những nội dung kêu gọi ly khai, thúc đẩy độc lập. Nhiều người trong số họ đã bị bắt bằng nhiều biện pháp hoặc giam giữ với những lý do khác nhau. Những biện pháp này được cho là để kiểm soát tiếng nói tự do. Việc các đặc vụ Đại lục hoạt động tại thành phố tự trị này là bất hợp pháp, nhưng vụ mất tích của 5 người bán sách ở Hồng Kông, vốn được biết đến với việc xuất bản các bài viết nói xấu lãnh đạo Trung Quốc vào năm 2014 đã khiến nhiều người chỉ trích Trung Quốc đã vượt qua giới hạn đỏ. Khi Lý Ba, một trong số những người bán sách nói trên, biến mất khỏi Hồng Kông, vụ việc đã bị cộng đồng quốc tế lên án và dẫn tới các cuộc biểu tình dưới tên gọi là phong trào “cách mạng Ô dù”, nhiều người cho rằng quyền tự trị và luật pháp của thành phố đang bị xâm phạm. Sau đó, vào năm 2017, quyền tự trị của Hồng Kông đã bị lung lay khi chính quyền Trung Quốc bắt Tiêu Kiến Hoa, một nhà tài chính người Canada gốc Hoa, tại khách sạn Four Seasons để đưa đến Trung Quốc xét xử. Những bí ẩn xoay quanh vụ mất tích của tỷ phú Tiêu Kiến Hoa đã làm dấy lên nhiều lo ngại về khả năng can thiệp của Trung Quốc đại lục vào Hồng Kông. Nhiều cơ quan truyền thông và giới quan sát quốc tế cho rằng vụ việc có thể liên quan đến bối cảnh chiến dịch chống tham nhũng đang được triển khai tại Trung Quốc [Reuters, 2017].

Từ năm 2014, Hồng Kông đã phải trải qua một hành trình đầy biến động để đối phó với chính sách “thu hồi thật”, “thu hồi sâu” của Chính phủ Trung ương. Như đã trình bày ở trên, theo thỏa thuận bàn giao năm 1997 với Anh, Trung Quốc đã đồng ý bảo đảm cho Hồng Kông một số quyền tự do nhất định, bao gồm quyền tự trị tư pháp và lập pháp trong 50 năm theo một dàn xếp được gọi là chính sách “Một nước, hai chế độ”. Mặc dù Trung Quốc vẫn tuyên bố tôn trọng các quyền đó, nhưng các điều khoản trong Luật an ninh quốc gia mới lại cho thấy không phải vậy. Trên thực tế, việc thu hồi Hồng Kông thiếu triệt để khiến Hồng Kông luôn là vấn đề nhức nhối của Trung Quốc trong suốt 24 năm qua. Trung Quốc dường như chưa bao giờ chấp nhận các điều khoản bàn giao năm 1997 và đã từng bước theo đuổi một cách có hệ thống việc thay đổi tất cả các quyền và quy tắc dân chủ mà người dân Hồng Kông được hưởng, đồng thời áp đặt những tiêu chuẩn đối với người dân

Hồng Kông giống như với người dân Đại lục. Để thúc đẩy việc thu hồi hoàn toàn Hồng Kông, Trung Quốc đã tiến hành một loạt động thái trước khi ban hành Luật an ninh quốc gia, bao gồm: nỗ lực thông qua Luật an ninh lần đầu tiên (năm 2003), cải cách giáo dục (năm 2012), bác bỏ quy chế phổ thông đầu phiếu hay sự trỗi dậy của phong trào “Chiếm trung tâm” (năm 2014), vụ những người bán sách mất tích (năm 2015), bác bỏ tư cách của các nhà lập pháp (năm 2016-2017), Dự luật dẫn độ (năm 2019).

Trong những năm gần đây, trước tiềm lực trong nước và vị thế quốc tế gia tăng vô cùng mạnh mẽ, Trung Quốc đã mất “kiên nhẫn chiến lược” đối với vấn đề Hồng Kông. Trung Quốc đã không thể “đợi” đến năm 2047 để thu hồi Hồng Kông hoàn toàn như quy định của Luật cơ bản. Bằng nhiều cách thức khác nhau, một mặt, Trung Quốc liên tục mở rộng quyền kiểm soát chính trị, can dự vào nền kinh tế cũng như quyền tự trị toàn diện của Hồng Kông; mặt khác, một phần nào đó vẫn tiếp tục thúc đẩy quyền tự do về kinh tế để duy trì chức năng của thành phố này như một trung tâm tài chính bên ngoài và một “trạm trung chuyển” của hàng hóa, các dòng đầu tư quốc tế vào Đại lục.

Ngày 30/6/2020, Luật an ninh quốc gia áp dụng cho Hồng Kông được biểu quyết thông qua và chính thức bổ sung vào Luật cơ bản của Hồng Kông. Chính phủ Trung Quốc, chính quyền Hồng Kông và phe “ủng hộ Bắc Kinh” ở Hồng Kông cho rằng phong trào biểu tình kéo dài cao điểm từ hơn một năm trước đó (tính từ khi Dự luật dẫn độ có kế hoạch thông qua), và làn sóng đấu tranh, thậm chí là phản kháng lúc âm ỉ, lúc mạnh mẽ suốt từ phong trào “cách mạng Ô dù” năm 2014, là những diễn biến phức tạp, khó lường tại đặc khu. Nguy cơ bạo lực leo thang, có chính phủ nước ngoài hậu thuẫn khiến thanh thế của thể lực “Hồng Kông độc lập” gia tăng là mối nguy cơ mới rất lớn đối với an ninh, phát triển của Hồng Kông nói riêng, Trung Quốc nói chung. Cho nên, Luật an ninh quốc gia sẽ là công cụ để ổn định xã hội Hồng Kông và Bắc Kinh cho rằng đây là phương án bắt buộc, cần thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu hiện tại và lâu dài. Toàn bộ tiến trình lập pháp chỉ mất hơn một tháng, do Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc chủ

trì, bỏ qua quyền của cơ quan lập pháp Hồng Kông, không tiến hành tham vấn rộng rãi nhân dân Hồng Kông. Vì thế, khi ban hành văn bản luật này, Trung Quốc vấp phải sự công kích mạnh mẽ của phái dân chủ ở Hồng Kông. Luật an ninh quốc gia có tính chất “khắc nghiệt” hơn so với Dự luật dẫn độ; làm “xói mòn” Điều 23 Luật cơ bản; làm “lung lay” nguyên tắc “Một nước, hai chế độ”, “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông” cũng như tính độc lập tư pháp của Hồng Kông.

Nội dung cơ bản của Luật an ninh quốc gia gồm các điểm cốt lõi sau: *một là*, các tội phạm ly khai, lật đổ nhà nước, khủng bố và câu kết với các phần tử nước ngoài để gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia bị phạt tù với mức án cao nhất là chung thân; *hai là*, các công ty hoặc nhóm vi phạm Luật an ninh quốc gia sẽ bị phạt và có thể bị đình chỉ hoạt động; *ba là*, làm hư hại một số phương tiện giao thông và thiết bị được coi là hành động khủng bố; *bốn là*, bất kỳ ai bị kết án vi phạm Luật an ninh quốc gia sẽ không được tham gia bất kỳ cuộc bầu cử nào của Hồng Kông; *năm là*, sẽ thành lập một cơ quan an ninh của Chính phủ Trung ương tại Hồng Kông. Hoạt động của cơ quan an ninh quốc gia mới và nhân viên của cơ quan này do Chính phủ Trung ương chỉ định. Bộ máy cơ quan an ninh mới sẽ hoạt động độc lập, bao gồm nhiều lực lượng, không thuộc thẩm quyền giám sát và không phải báo cáo chính quyền địa phương; *sáu là*, cơ quan chức năng có thể theo dõi và giám sát điện thoại những người bị nghi ngờ là gây nguy hiểm cho an ninh quốc gia; *bảy là*, Luật an ninh quốc gia áp dụng cho cả cư dân thường trú và cư dân không thường trú tại Hồng Kông; *tám là*, việc quản lý các tổ chức phi chính phủ và cơ quan thông tấn báo chí nước ngoài ở Hồng Kông sẽ được tăng cường.

Như vậy, điểm cốt yếu của Luật an ninh quốc gia là cơ sở để các cơ quan an ninh, tình báo quân đội và công an Trung Quốc công khai mở văn phòng và hoạt động tại đặc khu Hồng Kông dưới dạng thức “bảo đảm an ninh”, “hướng dẫn và hỗ trợ” cảnh sát Hồng Kông thực thi luật pháp tại đặc khu. Trước đây, lực lượng công an, quân đội Trung Quốc không có quyền hành pháp tại Hồng Kông. Văn bản Luật an ninh quốc gia đã trao cho chính quyền Trung Quốc đại lục quyền hạn và không

gian rất lớn để áp dụng luật pháp ở Hồng Kông. Hơn nữa, nội dung đã cho thấy Luật an ninh quốc gia lần ất không ít quyền hạn của Luật cơ bản.

Tiếp đó, ngày 07/7/2020, để thực hiện Luật an ninh quốc gia, Trung Quốc đã khai trương Văn phòng Bảo vệ an ninh quốc gia của Chính phủ Trung ương tại Đặc khu hành chính Hồng Kông (HKSAR). Theo Luật an ninh quốc gia mới ban hành, Văn phòng này chịu trách nhiệm phân tích và đánh giá những diễn biến liên quan tới công tác bảo vệ an ninh quốc gia ở Hồng Kông, đưa ra các ý kiến và đề xuất về những chiến lược lớn và chính sách quan trọng; đồng thời giám sát, hướng dẫn, điều phối và hỗ trợ đặc khu đảm nhận các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia. Ngoài ra, Văn phòng trên còn thu thập và phân tích tin tình báo, các thông tin về an ninh quốc gia, xử lý các hành động vi phạm đe dọa đến an ninh quốc gia.

Những nỗ lực cứng rắn của Chính phủ Trung ương Trung Quốc nhằm can dự sâu rộng vào chính trị nội bộ, từ đó kiềm chế Hồng Kông đã tạo ra cuộc “khủng hoảng” hay chí ít là những biến động chính trị rất lớn, làm suy giảm nghiêm trọng năng lực và động lực phát triển, gây ra sự bất ổn và tổn hại đến niềm tin đã có từ lâu đối với quyền tự trị của đặc khu này.

Nhìn lại thực tế cho thấy, diễn biến chính trị tại Hồng Kông như đã phân tích đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố rất cơ bản là do chính sách của Chính phủ Trung ương Trung Quốc. Nếu tính từ thời điểm phát triển mạnh mẽ (đầu những năm 2000) đến nay, một Trung Quốc trỗi dậy và liên tục tìm kiếm sự hiện diện ở khắp nơi trên thế giới đã lựa chọn theo đuổi một chính sách tham vọng, quyết liệt trong nhiều vấn đề. Điển hình là Trung Quốc đã sử dụng các phương thức vũ vè, gây sức ép, tạo sự phụ thuộc kinh tế, đe dọa, thậm chí có hành động vi phạm chủ quyền và nhiều phương thức khác nhằm gia tăng sức ảnh hưởng trên toàn cầu. Từ chính sách vi phạm Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982 trong tranh chấp ở Biển Đông, tranh chấp lãnh thổ với Ấn Độ, đe dọa sáp nhập vùng lãnh thổ Đài Loan bằng cách sử dụng vũ lực nếu hòn đảo này tuyên bố độc lập, mở rộng quyền kiểm soát đối với Hồng Kông, tranh chấp với Nhật Bản trên quần đảo Senkaku - theo cách gọi của người Nhật, trong khi Trung Quốc gọi là Điều Ngư - cho tới việc mở rộng sự hiện diện của hải quân ở khu vực Ấn Độ

Dương, ở bất kỳ đâu Trung Quốc cũng chứng tỏ sự chủ động, quyết liệt. Và cao điểm của những nỗ lực của Trung Quốc nhằm chấm dứt quyền tự trị của Hồng Kông là việc ban hành Luật an ninh quốc gia được đánh giá là “hà khắc” tại đặc khu vào ngày 30/6/2020.

Việc “cưỡng chế” thi hành Luật này đã dẫn tới một cuộc giằng co bế tắc giữa Trung Quốc và Hồng Kông, giữa Hồng Kông và thế giới cũng như giữa Trung Quốc với phần còn lại. Quyết định của Trung Quốc trong việc áp đặt Luật này bị nhiều quốc gia phương Tây đánh giá là đi ngược lại “tiểu Hiến pháp” (Luật cơ bản) của đặc khu; cách thức thông qua Luật an ninh quốc gia hầu như không nhận được sự đồng tình của các đại diện Hội đồng Lập pháp Hồng Kông bởi nó trái với những thông lệ trong quá khứ, đồng thời gợi nhớ đến những luật lệ từng được thiết lập để duy trì trật tự ở các vùng lãnh thổ đặc biệt. Cụ thể, căng thẳng bắt đầu khi Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ soạn thảo Luật an ninh quốc gia. Động thái này trực tiếp vi phạm Điều 18 Luật cơ bản của Hồng Kông - có hiệu lực sau khi Anh trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc vào năm 1997. Luật cơ bản vốn là công cụ hạn chế Trung Quốc áp dụng luật quốc gia đối với đặc khu, ngoại trừ các vấn đề về quốc phòng và ngoại giao. Do vậy, việc ban hành đạo luật mới đã làm xáo trộn cục diện chính trị ở Hồng Kông, hạn chế mức độ tự trị cao mà khu vực thuộc địa cũ của Anh được hưởng theo nguyên tắc “Một nước, hai chế độ” kể từ khi được trao trả về cho Trung Quốc đại lục quản lý.

Luật mới này còn gây tranh cãi khi mang lại cho Trung Quốc quyền tư pháp chưa từng có đối với Hồng Kông, trong đó có thẩm quyền xét xử các vụ án, tiến hành xét xử bí mật mà không cần có bồi thẩm đoàn và thẩm quyền vận hành cơ quan an ninh quốc gia. Việc ban hành Luật an ninh quốc gia đánh dấu một nấc thang đặc biệt trong “quá trình thu hồi lần thứ hai” để Hồng Kông về sâu hơn, thực chất hơn với Trung Quốc (lần thu hồi thứ nhất năm 1997 được đánh giá là chưa triệt để, chưa sâu rộng, chưa toàn diện). Đây cũng là diễn biến quan trọng nhất, mở ra thời kỳ mới của những xung động chính trị, kinh tế cao điểm

của Hồng Kông, có tác động mạnh mẽ đến đặc khu hành chính này cũng như Trung Quốc, khu vực và thế giới.

Nhiều ý kiến cho rằng, sau này, nền chính trị cũng như số phận của Hồng Kông sẽ có thay đổi lớn. Luật an ninh quốc gia mới thể hiện sự mất kiên nhẫn của Trung Quốc trong suốt nhiều thập niên qua đã lên đến đỉnh điểm, khi phong trào biểu tình quy mô lớn liên tục nổ ra (tính từ năm 2014 đến nay), Trung Quốc cuối cùng đã phải sử dụng biện pháp cứng rắn để xử lý khủng hoảng. Sau này, những người bảo vệ pháp luật vốn tự hào về hệ thống luật pháp mạnh mẽ và các tòa án độc lập ở Hồng Kông sẽ không còn được hưởng đặc quyền như vậy nữa.

Những điểm chính trong các biến động này sẽ có tác động sâu rộng đến cuộc sống ở đặc khu với 7,5 triệu dân, làm lung lay dữ dội vị thế trung tâm tài chính hàng đầu thế giới của Hồng Kông. Câu hỏi đặt ra là: Tại sao Trung Quốc lại muốn làm như vậy? Và câu trả lời là: Trung Quốc đã lưu ý tới Điều 23 Luật cơ bản của Hồng Kông, trong đó quy định thành phố phải ban hành luật an ninh quốc gia để cấm các hành vi “phản quốc, ly khai, nổi loạn và lật đổ” Chính phủ Trung ương Trung Quốc, nhưng trên thực tế, Hồng Kông không ban hành được luật riêng. Ý định của Trung Quốc bị thúc đẩy bởi các cuộc biểu tình ở Hồng Kông vào năm 2019 và càng được củng cố bởi lời đề nghị mà vị quan chức hàng đầu của Bắc Kinh tại Hồng Kông - Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Chính phủ Trung ương Lạc Huệ Ninh đưa ra về sự cần thiết ban hành Luật an ninh quốc gia mới nhằm chống lại những người biểu tình bạo lực và các phần tử ủng hộ độc lập. Trước đó, mặc dù Điều 23 Luật cơ bản đã bảo vệ các quyền cơ bản của người dân Hồng Kông và ngăn chặn Chính phủ Trung ương có hành động hạn chế các quyền như tự do ngôn luận và tự do báo chí, song Trung Quốc vẫn tìm cách ban hành một điều luật vào năm 2003 nhằm thay đổi các quyền tự do này, dẫn đến các cuộc biểu tình quy mô lớn trên đường phố, khiến Giám đốc An ninh Diệp Lưu Thục Nghi phải từ chức vì không thể kiểm soát được tình hình. Luật an ninh quốc gia mới hiện nay được cho là sẽ thay đổi hệ thống lập pháp Hồng Kông bằng cách trực tiếp ban hành quy định mới.

Người dân Hồng Kông coi đây là hồi kết của nguyên tắc “Một quốc gia, hai chế độ” vốn mang lại cho họ quyền tự trị dưới hình thức hạn chế, và đó là lý do tại

sao Luật an ninh quốc gia mới gây ra nhiều lo ngại và nỗi thất vọng bởi nó đồng nghĩa với sự chấm dứt quyền tự trị của Hồng Kông.

Các nước phương Tây cũng phản ứng rất mạnh mẽ trước sự ra đời của Luật an ninh quốc gia bởi họ lo ngại Luật này sẽ xóa bỏ các quyền tự do trên diện rộng, một yếu tố thiết yếu bảo đảm vị thế trung tâm tài chính toàn cầu của Hồng Kông. Khi Hồng Kông trở về Trung Quốc, Trung Quốc hứa hẹn cho phép thành phố này được tự chủ ở mức độ cao trong 50 năm theo nguyên tắc “Một quốc gia, hai chế độ”. Tuy nhiên, các nhà hoạt động dân chủ tỏ ra nghi ngờ và chỉ ra rằng Trung Quốc đang ngày càng thắt chặt sự “kìm kẹp” đối với thành phố cảng sôi động này. Về phần mình, Trung Quốc vẫn luôn phản đối sự can thiệp của các yếu tố nước ngoài vào công việc nội bộ.

Vốn được Chính phủ Trung ương ủng hộ bổ nhiệm, nhà lãnh đạo Hồng Kông Lâm Trịnh Nguyệt Nga đã gọi những người phản đối Luật an ninh quốc gia mới và làn sóng chống đối Luật này là “kẻ thù của nhân dân”. Lâm Trịnh Nguyệt Nga cáo buộc những người ủng hộ độc lập thông đồng với các thế lực nước ngoài và phá hoại an ninh Hồng Kông. Để biện minh cho Luật an ninh quốc gia, Trung Quốc đã so sánh việc ban hành Luật này với việc “cài đặt phần mềm diệt virus”, khẳng định rằng Luật mới chỉ nhằm vào một nhóm nhỏ những kẻ gây rối và không làm xói mòn các quyền hợp pháp đã giúp Hồng Kông trở thành trung tâm tài chính nhộn nhịp cũng như không ảnh hưởng đến các quyền hay lợi ích của nhà đầu tư. Trái lại, phản ứng về việc Luật mới được thông qua và thực thi, nhận thức về mối đe dọa và cảm giác bất an của người dân Hồng Kông lại rõ ràng đến mức nhiều người lo sợ về quyền lợi trong tương lai của họ và đã lên kế hoạch rời khỏi vùng lãnh thổ này để đến các quốc gia khác, nơi họ được chào đón.

Nhằm tìm kiếm nơi sinh sống an toàn, những người chạy trốn khỏi Hồng Kông bắt đầu tham vấn các chuyên gia nhập cư, luật sư, đại lý bất động sản và các cổng thông tin để được giúp đỡ và hướng dẫn. Những yêu cầu như vậy đã xuất hiện ở Malaixia, Ôxtrâylia, Anh, Thái Lan, Canada và Philíppin. Trong số này, Ôxtrâylia được ưa thích nhất và là nơi những người Hồng Kông giàu có muốn di cư tới. Phản ứng của người dân Hồng Kông với Luật mới này khiến người ta nhớ lại cuộc di cư

mà thành phố này từng chứng kiến vào năm 1997, khi được bàn giao từ Anh về cho Trung Quốc đại lục. Hồng Kông rất cuộc có thể sẽ phải chịu thiệt hại vì những người tài năng hoặc những người có tài sản lớn sẽ di cư đến những nơi tươi sáng hơn. Tình trạng thoái vốn cũng sẽ xảy ra vì những người giàu sẽ đem tiền đầu tư vào nơi định cư mới của họ. Các nước Anh, Ôxtrâylia, Hoa Kỳ và vùng lãnh thổ Đài Loan sẵn sàng trải thảm đỏ cho những người Hồng Kông quyết định chọn những điểm đến này là nơi sinh sống. Trào lưu di cư này sẽ là một trong những tác nhân dẫn tới sự sụt giảm về vị thế là trung tâm tài chính lớn ở châu Á của Hồng Kông. Bởi vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi Trung Quốc cáo buộc rằng các quốc gia chào đón những người Hồng Kông di cư là đang can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc.

Lập trường của Trung Quốc về Hồng Kông cần phải được xem xét trong bối cảnh rộng hơn liên quan đến tham vọng trở thành siêu cường duy nhất (vượt Hoa Kỳ), mà Trung Quốc đã ấp ủ từ lâu. Hồng Kông chỉ là một ví dụ thể hiện ý định và mục tiêu của Trung Quốc. Nhờ kiểm soát tốt và sớm dịch bệnh trong khi toàn thế giới tập trung chiến đấu với đại dịch COVID-19, Trung Quốc đã tận dụng thời cơ phô trương sức mạnh trên nhiều mặt trận khác nhau. Mong muốn hướng sự chú ý của dư luận trong nước sang các vấn đề bên ngoài Trung Quốc vì lo sợ những bất ổn nảy sinh từ bên trong có thể là một lời giải thích khác cho hành động quyết liệt của Trung Quốc.

Tiếp sau Luật An ninh quốc gia, ngày 11/3/2021, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc đã biểu quyết thông qua "Quyết định về hoàn thiện hệ thống bầu cử ở Đặc khu hành chính Hồng Kông" với 2.895 phiếu tán thành, 1 phiếu trắng và không có phiếu phản đối [Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Quyết định này tổng cộng có 9 điều, trong đó trọng điểm là: Ủy ban bầu cử Hồng Kông (gồm 1.500 người ở 5 lĩnh vực) có trách nhiệm bầu chọn các ứng cử viên cho chức vụ trưởng đặc khu hành chính, một số thành viên của Hội đồng Lập pháp, đề cử các ứng cử viên trưởng đặc khu hành chính và ứng cử viên nghị sĩ Hội đồng Lập pháp...

Trọng tâm của việc thay đổi Ủy ban bầu cử là thành phần và trao quyền. Về mặt số lượng, ủy ban này sẽ được mở rộng từ 1.200 lên 1.500 ủy viên, đồng thời tăng thêm một lĩnh vực mới. Quyết định nêu rõ Hồng Kông sẽ thành lập một “Ủy ban bầu cử có tính đại diện rộng rãi, phù hợp với tình hình thực tế của Đặc khu hành chính Hồng Kông, phản ánh lợi ích chung của xã hội”. Ủy ban bầu cử Hồng Kông trước đây gồm 1.200 thành viên, chức năng chính là đề cử và bầu chọn các ứng cử viên cho chức vụ trưởng đặc khu. Các thành viên đến từ 4 lĩnh vực chính (bao gồm kinh doanh và tài chính; các lĩnh vực chuyên môn; lao động, dịch vụ xã hội; tôn giáo), mỗi lĩnh vực có 300 thành viên và các chính trị gia.

Lĩnh vực thứ 5 mới được bổ sung theo Quyết định này sẽ bao gồm đại biểu tham dự Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khu vực Hồng Kông, Ủy viên Chính Hiệp toàn quốc khu vực Hồng Kông và các thành viên ở Hồng Kông có liên quan đến các tổ chức đoàn thể có tính toàn quốc. Quyết định còn nêu rõ trưởng đặc khu hành chính Hồng Kông do Ủy ban bầu cử bầu và Chính phủ Trung ương bổ nhiệm. Các ứng cử viên cho chức vụ trưởng đặc khu phải được trên 188 thành viên của Ủy ban bầu cử cùng đề cử và trên 15 thành viên từ mỗi lĩnh vực trong số 5 lĩnh vực nêu trên tham gia đề cử. Ủy ban bầu cử bầu chọn ứng cử viên trưởng đặc khu bằng cách bỏ phiếu kín (mỗi người một phiếu), ứng cử viên trưởng đặc khu phải được hơn một nửa tổng số thành viên của Ủy ban bầu cử ủng hộ.

Trước đây, một số lượng lớn các thành viên của Ủy ban bầu cử là các nhân sĩ ủng hộ chính quyền, cuộc bầu cử trưởng đặc khu luôn bị chỉ trích là một “cuộc bầu cử vòng tròn nhỏ”. Kế hoạch cải cách của Bắc Kinh dường như đã khiến vòng tròn này trở nên nhỏ hơn.

Quyết định quy định: số lượng nghị sĩ Hội đồng Lập pháp Hồng Kông mỗi khóa là 90 người được bầu thông qua ba phương thức: bầu cử Ủy ban bầu cử, bầu cử nhóm chức năng và bầu cử trực tiếp cấp quận. Hội đồng Lập pháp ban đầu có tổng cộng 70 ghế, trong đó 35 ghế được bầu trực tiếp ở khu vực và 35 ghế được bầu từ khu vực bầu cử chức năng. Trong khu vực bầu cử chức năng có 5 ghế “ủy viên hội đồng siêu quận” được đề cử và ứng cử bởi các ủy viên hội đồng quận, được những cử tri không có quyền bầu cử ở các khu vực bầu cử chức năng khác bầu ra và

được coi là một trong những ghế nghị sĩ thông qua bầu cử trực tiếp; các ghế khác do phe ủng hộ chính quyền chiếm ưu thế. Theo cơ chế ban đầu, nếu phe ủng hộ dân chủ có thể nhận được hơn 1/3 số phiếu bầu, sẽ cấu thành “thiểu số then chốt” trong Hội đồng Lập pháp, có khả năng lật ngược các dự luật gây tranh cãi lớn mà các nhà chức trách muốn thúc đẩy. Ngoài ra, số ghế tăng lên đồng nghĩa với việc tỷ lệ bầu cử trực tiếp giảm xuống.

Quyết định còn quy định thành lập Ủy ban thẩm tra tư cách ứng cử viên Hồng Kông, phụ trách việc thẩm tra và xác nhận tư cách các ứng cử viên cho Ủy ban bầu cử, các ứng cử viên cho chức vụ trưởng đặc khu và các ứng cử viên cho Hội đồng Lập pháp. Hiện chưa rõ Ủy ban thẩm tra này sẽ do ai hoặc cơ quan nào chịu trách nhiệm, nếu phán đoán theo phạm vi thẩm tra thì quyền lợi của Ủy ban này tương đối lớn. Ban đầu, đối với việc đề cử chức vụ trưởng đặc khu, quyền lực của Chính phủ Trung ương ở giai đoạn cuối cùng mới có chỗ để phát huy. Tuy nhiên, thông qua cơ chế thẩm tra, Chính phủ Trung ương có thể kiểm soát trực tiếp việc bổ nhiệm nhân sự trong hệ thống chính trị của Hồng Kông trong tương lai.

Theo quan điểm của Trung Quốc, do có nhiều lỗ hổng trong hệ thống bầu cử Hồng Kông, một số lực lượng chống đối đã không thừa nhận rằng Hiến pháp và Luật cơ bản đã tạo nên trật tự hành pháp của Hồng Kông, câu kết với các thế lực thù địch phương Tây để thâm nhập bộ máy quản lý của Hồng Kông, đặc biệt là Ủy ban bầu cử trưởng đặc khu, Hội đồng Lập pháp và Hội đồng địa phương. Theo nhận định của *The Straits Times* (Singapore), những diễn biến này được xem là thách thức đối với an ninh quốc gia và việc thực thi nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ", đồng thời có thể ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của Hồng Kông [The Straits Times, 2021].

Quyết định trên là một biện pháp mạnh mà Quốc hội Trung Quốc áp đặt đối với Hồng Kông kể từ sau khi Luật an ninh quốc gia mới tại Hồng Kông được ban hành hồi tháng 6/2020. Động thái này nhằm tăng cường sự kiểm soát của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông, đánh dấu thể chế chính trị của Hồng Kông bước sang một giai đoạn mới. Căn cứ theo đó, Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc được trao quyền sửa đổi Phụ lục 1 “Các biện pháp bầu

trưởng đặc khu” và Phụ lục 2 “Các biện pháp bầu và thủ tục biểu quyết của Hội đồng Lập pháp” trong Luật cơ bản Hồng Kông. Sau đó, chính quyền Hồng Kông sẽ sửa đổi luật địa phương của Hồng Kông theo các Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đã sửa đổi.

Quyết định này của Chính phủ Trung ương Trung Quốc cho thấy mục tiêu hướng tới sự “hoàn thiện” hệ thống bầu cử của Hồng Kông và bảo đảm “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông, lấy những người yêu nước làm chủ thể”. Ngay sau khi Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc biểu quyết về quyết định có liên quan, Trưởng Đặc khu hành chính Hồng Kông Lâm Trịnh Nguyệt Nga đã ra tuyên bố cho biết “kiên định ủng hộ và cảm ơn chân thành” đối với quyết định của Chính phủ Trung ương. Tuy nhiên, các chuyên gia phân tích chính trị cho rằng quyết định này đã làm suy yếu cam kết về “Một nước, hai chế độ” và làm tổn hại rất lớn đến tiến trình dân chủ của Hồng Kông.

Phó Chủ tịch Hiệp hội nghiên cứu Hồng Kông và Ma Cao toàn quốc, Giáo sư danh dự của Đại học Trung Văn Hồng Kông Lưu Triệu Giai cho rằng, sau các động thái lập pháp của Chính phủ Trung ương, Đặc khu hành chính Hồng Kông hiện đang phải đối mặt với 5 hoạt động chống phá chính quyền đáng chú ý, cụ thể như sau:

Một là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước không ngừng thách thức chủ quyền quốc gia, bao gồm cả việc chất vấn và phủ nhận chủ quyền quốc gia đối với Hồng Kông, quyền quản lý toàn diện của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông và công khai thách thức Chính phủ Trung ương cũng như thẩm quyền của Luật cơ bản. Những thế lực này còn công khai hoặc ngầm đưa ra chủ trương chia rẽ đất nước, phủ nhận thực tế rằng Hồng Kông là lãnh thổ vốn có của Trung Quốc từ thời cổ đại, công khai hoặc bí mật xúi giục các hành động lật đổ quyền lực nhà nước, lợi dụng phương tiện truyền thông trong và ngoài nước để xuyên tạc chủ trương “Một nước, hai chế độ”...; câu cứu các thế lực bên ngoài can thiệp các vấn đề của Hồng Kông, nỗ lực “quốc tế hóa” vấn đề Hồng Kông và yêu cầu các nước phương Tây áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Trung Quốc đại lục và đặc khu Hồng Kông.

Hai là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước tiếp tục phá hoại và bóp méo giá trị của nhà nước pháp quyền ở Hồng Kông, bao gồm cả việc phủ nhận sự phù

hợp của Hiến pháp quốc gia tại Hồng Kông và không thừa nhận Hiến pháp quốc gia và Luật cơ bản cùng tạo thành trật tự hành pháp của Hồng Kông, cố tình hiểu sai Hiến pháp quốc gia và Luật cơ bản.

Ba là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước tấn công nhánh hành pháp. Mặc dù cho đến nay, phe đối lập vẫn chưa thể giành được quyền kiểm soát tại Hội đồng Lập pháp, nhưng không thể loại trừ hoàn toàn khả năng lực lượng này sẽ giành được quyền lực thống trị tại Hội đồng Lập pháp trong tương lai. Ngay cả khi không chiếm đa số ghế trong Hội đồng Lập pháp, phe đối lập vẫn cố ý không thừa nhận vị trí trưởng đặc khu, làm giảm uy tín, vai trò quản trị của đặc khu, không ngừng kích động và vận động quần chúng chống lại chính quyền.

Bốn là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đã cản trở việc xử lý các vấn đề kinh tế và đời sống của người dân. Trong một thời gian dài, Hồng Kông đã mắc kẹt trong hàng loạt mâu thuẫn sâu sắc về kinh tế - xã hội, đời sống của người dân chưa được quan tâm và giải quyết triệt để. Nguyên nhân là do các thế lực thù địch đã biến những vấn đề chính trị thành những vấn đề “quan trọng nhất” của Hội đồng Lập pháp, gạt ra ngoài lề các nghiên cứu, nghị quyết giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội và đời sống của người dân, cản trở việc xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan, làm cho những vấn đề đó ngày càng nghiêm trọng hơn, gây nên sự bất bình của người dân đối với chính quyền.

Năm là, các thế lực thù địch trong và ngoài nước không ngừng kích động các cuộc đấu tranh chính trị để gây chia rẽ xã hội. Các lực lượng này và những người ủng hộ họ tập trung vào việc đạo đức hóa, cực đoan hóa và đối lập hóa các vấn đề chính trị, thậm chí cả các vấn đề phi chính trị, cản trở mọi sự thỏa hiệp và thương lượng.

Do đó, Chính phủ Trung ương cho rằng, để đạt được mục tiêu chiến lược “người yêu nước quản lý Hồng Kông”, cần phải thực hiện các cải cách toàn diện cần thiết đối với chế độ bầu cử của Hồng Kông, coi trọng các vấn đề như phương thức bầu cử, hoạt động bầu cử và kinh phí, đánh giá tư cách ứng cử viên, những cam kết của các nghị sĩ trước khi nhậm chức, việc kiểm tra, giám sát các nghị sĩ sau khi hoàn thành chức trách..., trong đó quan trọng nhất là vấn đề thẩm tra tư cách ứng cử viên, tránh để lực lượng chống đối lọt vào danh sách ứng cử viên.

Bên cạnh việc ban hành Luật an ninh quốc gia, sửa các luật cũ để gia tăng can dự vào Hồng Kông, tính từ thời điểm ngày 30/6/2020 đến tháng 6/2021, lực lượng cảnh sát an ninh Hồng Kông, Trung Quốc đã bắt giữ 107 người theo Luật An ninh quốc gia và khởi tố 57 người, trong đó đa phần bị từ chối bảo lãnh [[Hong Kong Security Bureau, 2021]. Vụ án đầu tiên theo Luật An ninh quốc gia, liên quan đến Đồng Anh Kiệt (Tong Ying-kit), được quyết định xét xử không có bồi thẩm đoàn. Một số cơ quan truyền thông phương Tây cho rằng việc áp dụng cơ chế xét xử không có bồi thẩm đoàn và các quy định đặc thù của Luật An ninh quốc gia sẽ là phép thử quan trọng đối với hệ thống tư pháp Hồng Kông [Reuters, 2021]. Phương Tây đánh giá: Luật an ninh quốc gia rõ ràng sẽ khiến Hồng Kông phải xóa bỏ truyền thống pháp quyền của mình. Nếu người Hồng Kông không muốn bị “dẫn độ” sang Trung Quốc đại lục thì Chính phủ Trung ương chỉ cần đưa cảnh sát mật và nhân viên an ninh đến thành phố này để hoạt động công khai. Luật an ninh quốc gia trên thực tế đã thay thế Luật cơ bản - vốn được xem là “tiểu Hiến pháp” của Hồng Kông với tuyên bố không một cơ quan nào của Chính phủ Trung ương có thể can thiệp vào công việc nội bộ của đặc khu hành chính này. Theo Luật an ninh quốc gia, Chính phủ Nhân dân Trung ương đã thành lập Văn phòng Bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu hành chính Hồng Kông (Office for Safeguarding National Security of the Central People's Government in the HKSAR) từ tháng 7/2020 để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của Luật. Đồng thời, Chính quyền Đặc khu Hồng Kông đã thành lập Quỹ đặc biệt trị giá 8 tỷ HKD nhằm đáp ứng các khoản chi cho công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong những năm tiếp theo; khoản kinh phí này không bao gồm chi tiêu của Văn phòng Bảo vệ an ninh quốc gia do Chính phủ Trung ương bảo đảm [Government of the HKSAR, 2021]. Trong vòng một vài tuần, các quan chức và nhân viên Trung Quốc đã nhanh chóng di chuyển đến khách sạn Metropark ở vịnh Causeway - nơi xuất phát điểm của hầu hết các cuộc biểu tình. Sau đó, Văn phòng này được mở rộng nhanh đến mức tiếp quản thêm khách sạn Island Pacific vào tháng 4/2021. Tính đến thời điểm Luật an ninh quốc gia có hiệu lực (30/6/2020), cảnh sát Hồng Kông đã bắt giữ hơn 9.000 người liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật phát sinh trong phong trào phản đối Dự

luật Dẫn độ năm 2019. Trong ngày đầu tiên Luật An ninh quốc gia có hiệu lực (1/7/2020), cảnh sát tiếp tục bắt giữ khoảng 370 người tham gia biểu tình, trong đó có 10 trường hợp bị bắt vì bị nghi ngờ vi phạm Luật An ninh quốc gia [Hong Kong Police Force, 2020]. Kể từ đầu năm 2020, chính quyền Hồng Kông đã nhiều lần viện dẫn các quy định phòng, chống dịch COVID-19 để từ chối cấp phép hoặc không ban hành "thư không phản đối" (letter of no objection) đối với các cuộc biểu tình công cộng, bao gồm cả một số hoạt động tưởng niệm và tuần hành thường niên [U.S. Department of State, 2021].

Trong khi đó, ở một diễn biến khác, các nhà dân chủ ở Hồng Kông đã thăm dò bằng các phương thức khác nhau để duy trì phong trào dân chủ ngoài những cuộc biểu tình trên đường phố. Nguồn cổ vũ đáng kể đối với phong trào phản đối chính quyền là kết quả cuộc bầu cử Hội đồng quận ngày 24/11/2019, trong đó các ứng cử viên thuộc phe ủng hộ dân chủ giành khoảng 57% số phiếu phổ thông và 391 trong tổng số 452 ghế của Hội đồng quận [Electoral Affairs Commission, 2019]. Nhằm gia tăng cơ hội giành đa số ghế trong Hội đồng Lập pháp gồm 70 thành viên tại cuộc bầu cử dự kiến diễn ra ngày 6/9/2020, phe ủng hộ dân chủ đã tổ chức một cuộc bầu cử sơ bộ không chính thức vào ngày 11–12/7/2020 để lựa chọn các ứng cử viên có khả năng cạnh tranh cao nhất [Electoral Affairs Commission, 2020]¹. Các nhóm nghề nghiệp bao gồm bác sĩ, người làm công tác xã hội, viên chức, luật sư, giáo viên, kế toán, thanh tra viên, kiến trúc sư và nhân viên tài chính đã thành lập các nghiệp đoàn mới với tốc độ chưa từng có. Điều mà Chính phủ Trung ương xem là mối đe dọa an ninh quốc gia và cần được giải quyết thông qua Luật mới chính là hoạt động tập thể phi bạo lực, vốn đã trở thành tâm điểm trong năm 2020.

Văn phòng các vấn đề Hồng Kông và Ma Cao của Quốc vụ viện Trung Quốc lên án cuộc bầu cử sơ bộ vì cho rằng cuộc bầu cử này đã biến Hồng Kông thành căn cứ cho các cuộc “cách mạng màu”, cũng như các hoạt động xâm nhập và lật đổ chống lại nhà nước. Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Chính phủ Trung ương tại

¹. Do đại dịch COVID-19, cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp Hồng Kông khóa VII đã bị hoãn và dự kiến sẽ diễn ra vào ngày 19/12/2021 (BT).

Hồng Kông Lạc Huệ Ninh phát biểu rằng phe đối lập sẽ không bao giờ được phép nắm giữ một nửa cơ quan lập pháp để nắm quyền điều hành. Trung Quốc bày tỏ quan điểm tương tự về các cuộc đình công và tẩy chay nhằm mục tiêu làm tê liệt chính quyền Hồng Kông và giành quyền quản lý đặc khu hành chính này. Các cuộc tổng đình công vào ngày 05/8/2019 bị lên án là vi phạm nghiêm trọng trật tự công cộng và luật pháp, thách thức nguyên tắc cơ bản “Một nước, hai chế độ”.

Luật an ninh quốc gia và việc cải cách hệ thống bầu cử chính là phương tiện giúp Chính phủ Trung ương hoàn thành mục tiêu sau cùng. Các vụ bắt giữ và biện pháp hỗ trợ chỉ mang tính chất minh họa. Một trong những mục tiêu đặc biệt là nhân vật Lê Chí Anh, chủ tờ *Apple Daily* - ấn phẩm duy nhất ủng hộ dân chủ. Ngày 10/8/2020, 200 cảnh sát đã vây quanh tòa soạn báo, bắt giữ Lê Chí Anh cùng 2 con trai và 4 quản lý cấp cao. Lê Chí Anh (Jimmy Lai) bị truy tố theo Luật An ninh quốc gia và bị từ chối bảo lãnh. Ngày 14/5/2021, Chính quyền Hồng Kông ra lệnh phong tỏa khối tài sản trị giá khoảng 64 triệu USD của ông, bao gồm toàn bộ 71,26% cổ phần của ông trong Next Digital Ltd. và tài sản trong các tài khoản ngân hàng của ba công ty do ông sở hữu. Đây là lần đầu tiên các biện pháp phong tỏa tài sản theo Luật An ninh quốc gia được áp dụng đối với cổ phần của một công ty niêm yết tại Hồng Kông [Reuters, 2021]. Cùng thời điểm với Lê Chí Anh, Châu Đình (Agnes Chow) – một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào ủng hộ dân chủ tại Hồng Kông – cũng bị bắt giữ vào tháng 8/2020 với cáo buộc thông đồng với thế lực nước ngoài theo Luật An ninh quốc gia. Sau khi được tại ngoại có bảo lãnh, bà tiếp tục đối mặt với các thủ tục tố tụng liên quan đến các hoạt động biểu tình trước đó [Reuters, 2020].

Làn sóng trấn áp quy mô lớn nhất kể từ khi Luật An ninh quốc gia có hiệu lực là vụ bắt giữ 53 chính trị gia và nhà hoạt động thuộc phe ủng hộ dân chủ vào ngày 6/1/2021. Trong số này, 47 người bị truy tố ngày 28/2/2021 về tội *âm mưu thực hiện hành vi lật đổ chính quyền nhà nước* (conspiracy to commit subversion), và phần lớn sau đó bị từ chối bảo lãnh. Các bị cáo bị cáo buộc đã tổ chức và tham gia cuộc bầu cử sơ bộ không chính thức vào tháng 7/2020 nhằm lựa chọn các ứng cử viên có khả năng cạnh tranh cao nhất để tối đa hóa cơ hội giành đa số ghế trong

cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp dự kiến diễn ra ngày 6/9/2020. Những người bị bắt giữ bao gồm nhiều cựu nghị sĩ, nghị viên quận và các nhà hoạt động nổi tiếng như Hoàng Chi Phong (Joshua Wong) [Reuters, 2021].

Hội đồng Lập pháp được thành lập để bảo đảm các nhà dân chủ luôn nằm trong nhóm thiểu số bằng cách chỉ cho phép bầu cử trực tiếp đối với một nửa số ghế. Để ngăn chặn viễn cảnh lực lượng đối lập giành được đa số ghế, 12 ứng cử viên đã bị loại ngay từ đầu, sau đó hoãn cuộc bầu cử vào cuối tháng 7/2020, và cuối cùng là toàn bộ những nhân vật có triển vọng của phe dân chủ đã bị bắt giữ vào đầu năm 2021. Nhân vật Lâm Cảnh Nam - một trong số 47 ứng cử viên trong cuộc bầu cử sơ bộ bị buộc tội theo Luật an ninh quốc gia - thậm chí còn phải chịu cảnh chuỗi bán lẻ Abou Thai của mình bị cảnh sát bao vây và bị hải quan thu giữ một lượng hàng hóa trị giá 51.500 USD vào tháng 4/2021 với lý do thiếu nhãn an toàn.

Hai phát thanh viên và cũng là hai nhà hoạt động dân chủ Đàm Đắc Chí và Doãn Diệu Thăng, biệt danh “Giggs”, đã bị buộc tội xúi giục nổi loạn và bị giam giữ không bảo lãnh vì khuyến khích các cuộc biểu tình chống chính phủ thông qua các chương trình được nhiều người yêu thích.

Bên cạnh việc áp dụng Luật An ninh quốc gia, chính quyền Hồng Kông còn sử dụng Pháp lệnh Trật tự Công cộng (Public Order Ordinance) để truy tố nhiều chính trị gia và nhà hoạt động ủng hộ dân chủ, trong đó có Lý Trụ Minh (Martin Lee), một trong những nhân vật tiêu biểu của phong trào dân chủ Hồng Kông. Các bị cáo bị kết tội vì tổ chức hoặc tham gia các cuộc tụ tập trái phép trong thời gian diễn ra các cuộc biểu tình năm 2019 và phải chịu nhiều mức án khác nhau, từ án treo đến án tù. Nhiều nhân vật nổi tiếng như Lê Chí Anh (Jimmy Lai), Hoàng Chi Phong (Joshua Wong) và Châu Đình (Agnes Chow) cũng bị kết án trong các vụ án liên quan đến việc tổ chức hoặc tham gia các cuộc tụ tập trái phép. Sau khi Luật An ninh quốc gia có hiệu lực, một bộ phận các chính trị gia và nhà hoạt động đã rời Hồng Kông để sinh sống ở nước ngoài, trong khi nhiều người khác vẫn bị giam giữ hoặc tiếp tục đối mặt với các thủ tục tố tụng [Reuters, 2021; Reuters, 2023].

Nếu trước đây Hồng Kông hầu như không xuất hiện các vụ án liên quan đến hoạt động chính trị, thì sau khi Luật An ninh quốc gia có hiệu lực, nhiều chính trị

gia và nhà hoạt động ủng hộ dân chủ đã bị bắt giữ, truy tố hoặc kết án. Đồng thời, Hồng Kông cũng chứng kiến làn sóng di cư của một bộ phận cư dân và các nhà hoạt động sang các quốc gia như Anh, Canada và Australia. Tháng 4/2021, Hội đồng Lập pháp Hồng Kông thông qua Pháp lệnh sửa đổi Luật Di trú (Immigration (Amendment) Ordinance 2021), mở rộng một số thẩm quyền của Cơ quan Di trú trong quản lý hoạt động xuất nhập cảnh. Việc sửa đổi này đã làm dấy lên những tranh luận và quan ngại từ các tổ chức nhân quyền về khả năng ảnh hưởng đến quyền tự do đi lại của người dân, mặc dù Chính quyền Hồng Kông khẳng định luật không thiết lập cơ chế cấm xuất cảnh [Reuters, 2021].

Việc giam lỏng các nhà lãnh đạo đối lập đã lộ diện là chưa đủ. Họ lo ngại rằng vẫn còn hàng triệu kẻ gây rối giấu mặt khác; đằng sau mỗi cuộc biểu tình luôn có một đội quân gồm các mục sư, bác sĩ và nghệ sĩ tình nguyện. Năm 2019, tổng số người tuần hành tại Hồng Kông đã lên tới con số 1 triệu người vào ngày 09 tháng 6, 2 triệu người vào ngày 16 tháng 6 và 1,7 triệu người vào ngày 18 tháng 8. Mặt trận nhân quyền dân sự, nhà tổ chức các cuộc tuần hành ôn hòa, đang phải đối mặt với cuộc điều tra của cảnh sát liên quan tới các khoản tài trợ nhận được. Ngoài các cuộc biểu tình trên đường phố, sự ủng hộ dành cho phe ủng hộ dân chủ còn được thể hiện qua các cuộc bầu cử. Trong cuộc bầu cử Hội đồng quận ngày 24/11/2019, khoảng 1,67 triệu cử tri đã bỏ phiếu cho các ứng cử viên thuộc phe ủng hộ dân chủ, góp phần giúp lực lượng này giành thắng lợi áp đảo tại hầu hết các hội đồng quận. Tiếp đó, hơn 610.000 người tham gia cuộc bầu cử sơ bộ không chính thức của phe ủng hộ dân chủ diễn ra trong hai ngày 11–12/7/2020 nhằm lựa chọn các ứng cử viên có khả năng cạnh tranh cao nhất cho cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp dự kiến tổ chức vào tháng 9/2020 [Electoral Affairs Commission, 2019; Reuters, 2020]. Sau khi tăng cường kiểm soát an ninh và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tại Hồng Kông, Trung Quốc từng bước thúc đẩy quá trình hội nhập sâu hơn của đặc khu vào hệ thống quản trị quốc gia. Quá trình này không chỉ làm thay đổi môi trường chính trị và thu hẹp không gian hoạt động của các lực lượng đối lập, mà còn kéo theo việc tăng cường sự phối hợp giữa Hồng Kông với các cơ quan trung ương trong một số lĩnh vực quản trị nhà nước. Nhiều nghiên cứu cho rằng những điều chỉnh này phản

ảnh xu hướng củng cố mô hình quản trị thống nhất dưới nguyên tắc "Một quốc gia", đồng thời làm thay đổi đáng kể cách thức vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" sau năm 2020 [Fong, 2023]. Việc phân lớn của cải tập trung trong tay một số người đã khiến tình trạng tham nhũng ở Hồng Kông nặng nề hơn phần còn lại của Trung Quốc. Để xóa bỏ mọi thách thức đối với chế độ, Trung Quốc cần nỗ lực đưa trung tâm tài chính quốc tế Hồng Kông trở thành một thành phố của Đại lục.

3.1.2. Nguồn gốc những diễn biến chính trị tại Hồng Kông

Phiên bản của chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XIX do Anh đề xuất là Hồng Kông sẽ trở thành một thành phố tư bản. Nếu nói Hồng Kông mang đặc điểm của chủ nghĩa tư bản, thì đây chính là chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XIX chứ không phải chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nguyên tắc tài chính cứng nhắc và thiếu cơ sở vững chắc trong việc điều tiết phân phối thu nhập. Khoảng cách về chi phí lao động giữa Hồng Kông và Đại lục khiến Hồng Kông không thể phát triển ngành sản xuất chế tạo. Nếu những người trẻ tuổi không thể làm trong các ngành dịch vụ cao cấp như tài chính, y tế và pháp luật, thì chỉ có thể làm trong một số ngành dịch vụ cấp thấp, khiến kỹ năng và thu nhập của họ không được cải thiện trong thời gian dài. Ngành dịch vụ cấp cao thường đòi hỏi trình độ rất cao, nhưng sự cạnh tranh đằng sau chất lượng giáo dục lại chủ yếu bắt nguồn từ nguồn lực tài chính và mối quan hệ của phụ huynh. Do đó, vấn đề phân tầng xã hội ở Hồng Kông diễn ra rất nghiêm trọng, một người muốn vượt qua tầng lớp của mình là vô cùng khó khăn. Các ngành dịch vụ cấp cao như pháp luật và tài chính có thu nhập tương đối cao thường được tuyển dụng trên toàn cầu, điều này làm tăng thêm mức độ cạnh tranh khi tìm kiếm việc làm. Hơn 20 năm trước, sinh viên Hồng Kông có tiếng Anh giỏi hơn và tầm nhìn quốc tế hơn các sinh viên đến từ các trường đại học hàng đầu của Đại lục. Tuy nhiên, ngày nay, sinh viên Đại lục đã vượt lên trong những phương diện này, cộng thêm sự hiểu biết vốn có về Đại lục, khiến sự cạnh tranh việc làm trên lĩnh vực tài chính và pháp luật ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Năm 2019, lý do chính khiến 10 trong số 12 người đứng đầu kỳ thi giành Chứng chỉ Giáo dục của Hồng Kông (HKCEE) đã chọn học ngành y là bởi so với tài chính và pháp luật, việc làm của bác sĩ ít phải đối diện hơn với cạnh tranh đến từ bên ngoài.

Bên cạnh bất bình đẳng về thu nhập, một trong những thách thức kinh tế - xã hội nổi bật của Hồng Kông là tình trạng bất bình đẳng về tài sản, trong đó giá nhà ở tăng cao là yếu tố tác động mạnh nhất. Trong nhiều năm liên tiếp, Hồng Kông được xếp vào nhóm thị trường nhà ở có mức giá cao nhất thế giới. Theo báo cáo của Demographia, chỉ số khả năng chi trả nhà ở (Median Multiple) của Hồng Kông đạt khoảng 20,7, tức giá nhà trung bình cao gấp hơn 20 lần thu nhập trung bình hằng năm của hộ gia đình. Giá căn hộ bình quân trên thị trường vào thời điểm này vào khoảng 7 triệu HKD, khiến việc sở hữu nhà ở trở thành thách thức lớn đối với phần lớn người dân [Demographia, 2021]. Giá nhà ở cao ảnh hưởng rất lớn tới phân phối của cải. Dưới áp lực kép của phân phối thu nhập và phân phối của cải tại một thành phố hiện đại, giàu có bậc nhất châu Á, chúng ta rất dễ cảm nhận được sự tuyệt vọng của những người trẻ tuổi khi họ không nhìn thấy lối thoát về kinh tế. Quay trở lại thời điểm 10 năm trước, vấn đề mà xã hội Hồng Kông quan tâm nhất không phải là cuộc bầu cử theo hình thức phổ thông đầu phiếu gây nhiều tranh cãi sau này, mà là “quyền bá chủ bất động sản”. Mặc dù giá nhà chưa bằng một nửa so với hiện nay nhưng hầu hết người dân đều nghĩ rằng nhà ở là vấn đề quan trọng nhất của Hồng Kông, thay vì đặt vấn đề chính trị lên hàng đầu như hiện nay. Vào thời điểm đó, ở Hồng Kông rất thịnh hành phong trào tẩy chay “quyền bá chủ bất động sản”, như không đến các sàn giao dịch của các công ty bất động sản. Điều thú vị là dù giá nhà hiện nay tăng rất nhiều so với khi đó, nhưng hầu như không nghe thấy cụm từ “quyền bá chủ bất động sản”. Lý do rất đơn giản, dù sớm hay muộn người ta đều sẽ đặt một câu hỏi: nếu “quyền bá chủ bất động sản” là nguyên nhân của nhiều vấn đề, thì lý do “quyền bá chủ bất động sản” chưa được giải quyết là gì? Quả thực, giá nhà cao không chỉ do vấn đề kinh tế. Hồng Kông không thiếu đất, quỹ đất phục vụ cho mục đích ở chỉ chiếm 7% diện tích của đặc khu và chi phí xây dựng nhà chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong giá nhà. Vì sao một xã hội giàu có như vậy không thể xây dựng nhiều nhà hơn và những ngôi nhà lớn hơn để đáp ứng nhu cầu của người dân? Đây rõ ràng là một vấn đề chính trị. Giá nhà là sự phân phối của cải, vì vậy, sự biến động của giá nhà là sự phân phối lại của cải. Điều này ảnh hưởng ít nhất đến lợi ích của hai nhóm người là nhóm người sở hữu đất và nhóm người sở hữu nhà. Trong 10 năm

qua, do không có quyền lực thực chất, chính quyền đặc khu không thể vượt qua những trở ngại về quyền lợi, theo đó ít có hành động thực chất trong vấn đề đất đai. Điều này đã làm xói mòn hơn nữa cơ sở quyền lực của chính quyền đặc khu và tạo ra một vòng luẩn quẩn. Từ ý nghĩa này, chính quyền đặc khu cần phải có cơ sở quyền lực rộng rãi hơn để phá vỡ xiềng xích của những lợi ích có sẵn.

Chỉ riêng phân phối thu nhập và phân phối của cải đã đủ để khiến một xã hội nảy sinh nhiều vấn đề cần giải quyết. Tuy nhiên, kinh tế thường không phải là toàn bộ vấn đề, nếu chúng ta nghĩ rằng sau khi trở về Đại lục, chỉ cần kinh tế phát triển tốt, tư tưởng của người Hồng Kông sẽ tự nhiên được giải phóng; hoặc nhìn thấy các cuộc biểu tình là đã cảm thấy sự ghen ghét và đố kỵ của người Hồng Kông đối với sự phát triển của Đại lục, khiến tư tưởng của họ mất đi sự cân bằng,... thì đó đều là những ý kiến chủ quan. Vì ngoài kinh tế, sự khác biệt về ý thức hệ phương Đông - phương Tây và không gian chính trị mang bản sắc của Hồng Kông cũng là những vấn đề rất quan trọng. Phần lớn người dân Hồng Kông đều lớn lên và được giáo dục theo kiểu phương Tây. Một mặt, họ hiểu biết rất hạn chế về Đại lục, mặt khác ý thức hệ của họ quả thực đã bị phương Tây hóa. Các phương tiện truyền thông chính của Hồng Kông chủ yếu sử dụng tiếng địa phương và tiếng Anh, cơ bản không sử dụng tiếng phổ thông. Tình hình này sẽ rất khó tạo ra sự khác biệt mạnh mẽ về ý thức hệ và bản sắc ở các khu vực khác nhau. Nhìn chung, càng là người trẻ tuổi, thì bản sắc chính trị dựa trên sự phân biệt giữa Đại lục và Hồng Kông sẽ càng mạnh mẽ và cấp tiến hơn. Một mặt là do mối liên hệ giữa những người trẻ tuổi với Đại lục càng ít thì càng dễ lý tưởng hóa hơn, mặt khác là do cảm giác bất lực của những người trẻ tuổi khi đối diện với giá nhà ở cao và sẵn sàng phá vỡ mọi thứ để làm lại từ đầu. Những người Hồng Kông trên 40 tuổi đã chứng kiến sự cất cánh của nền kinh tế đặc khu và có nhiều cơ hội phát triển trong quá trình trưởng thành, nhiều người đã tích lũy được của cải và tương đối trân trọng môi trường xã hội ổn định. Điều này cũng tương tự như tình hình ở Đại lục trong giai đoạn 1960-1980. Tuy nhiên, những người trẻ tuổi hơn, sinh ra trong môi trường tương đối sung túc nhưng không có quá nhiều cơ hội, lại thường muốn lật đổ mọi thứ để khởi đầu lại. Đó cũng

là động lực thúc đẩy họ tham gia tích cực hơn vào tiến trình chính trị của Hồng Kông trong thời gian qua.

Vào cuối những năm 1960, Hồng Kông cũng từng xuất hiện tình trạng bất ổn xã hội, nhưng sau khi lên cầm quyền năm 1971, Thống đốc Hồng Kông Murray MacLehose đã thúc đẩy một loạt kế hoạch cải cách kinh tế - xã hội, bao gồm kế hoạch xây nhà ở 10 năm, phát triển các thị trấn mới, thành lập Ủy ban độc lập chống tham nhũng, xây dựng tàu điện ngầm... Những kế hoạch này được thực hiện đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo của Hồng Kông, giảm thiểu đáng kể các mâu thuẫn trong xã hội. Tất nhiên, môi trường hiện nay phức tạp hơn nhiều so với khi đó. Song, cho dù là trong quá khứ hay tương lai, với vai trò là cầu nối giữa phương Đông và phương Tây, Hồng Kông sẽ mãi là hòn ngọc phương Đông đáng được trân trọng và giữ gìn. Việc mở cửa với thế giới sẽ giúp Trung Quốc đại lục và đặc khu Hồng Kông tiếp tục phát triển thịnh vượng và hùng mạnh.

Tựu trung lại, những biến động chính trị mạnh mẽ diễn ra ở Hồng Kông trong thời gian gần đây là do:

Một là, Trung Quốc đã chủ động chuyển hoạt động sản xuất từ Hồng Kông sang Đại lục ngay sau khi được bàn giao; trong suốt 24 năm qua, hoạt động của các ngành khác cũng dịch chuyển theo, trong đó có các ngành dịch vụ. Nổi bật trong số đó là dịch vụ hàng hải và hậu cần. Nhiều hoạt động công nghệ cao đã chuyển sang Thâm Quyển. Một số dịch vụ chuyên nghiệp cũng phát triển mở rộng tại các thành phố ở Đại lục, làm suy yếu những lợi thế độc quyền mà Hồng Kông có được vào thời điểm bàn giao. Tất cả những điều này khiến cơ hội việc làm dành cho giới trẻ Hồng Kông dần ít đi và môi trường kinh tế suy giảm sức hấp dẫn.

Hai là, sau khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc năm 1997, dòng người từ Trung Quốc đại lục tiếp tục gia tăng thông qua cơ chế cấp Giấy phép một chiều (One-way Permit Scheme), chủ yếu nhằm phục vụ mục tiêu đoàn tụ gia đình. Từ sau năm 2003, mỗi ngày có khoảng 150 cư dân Trung Quốc đại lục được cấp phép định cư tại Hồng Kông theo cơ chế này, góp phần làm gia tăng quy mô dân số có nguồn gốc từ đại lục. Theo số liệu của Chính quyền Đặc khu Hồng Kông, đến giai đoạn nghiên cứu có khoảng 1,5–1,6 triệu người sinh tại Trung Quốc đại lục

đang cư trú tại Hồng Kông, chiếm khoảng 20% tổng dân số của đặc khu [Census and Statistics Department, 2021; Ma, 2015]. Sự gia tăng của nhóm cư dân này, cùng với quá trình hội nhập kinh tế - xã hội ngày càng sâu giữa Hồng Kông và Trung Quốc đại lục, đã tạo ra những thay đổi nhất định về cơ cấu dân cư, giao lưu văn hóa, ngôn ngữ và bản sắc xã hội, đồng thời trở thành một trong những vấn đề gây nhiều tranh luận trong đời sống chính trị - xã hội Hồng Kông. Điển hình như sự gia tăng cạnh tranh về cơ hội việc làm, nhà ở và môi trường giáo dục giữa người Hồng Kông bản địa và người Đại lục - nhiều người trong số họ làm việc trong lĩnh vực tài chính, là các chủ doanh nghiệp giàu có, con em các quan chức và gia đình quyền thế tại Đại lục. Đồng thời, dòng người nhập cư từ Đại lục còn dẫn đến các căng thẳng, xung đột về văn hóa. Thực tế cho thấy, người dân Đại lục hòa nhập không tốt với cộng đồng xã hội vốn mang đậm phong cách tư bản hiện đại của Hồng Kông. Ngoài người di cư, khách du lịch từ Đại lục cũng ồ ạt đến Hồng Kông. Tính từ năm 2015 tới nay, trung bình có trên 50 triệu lượt người tới Hồng Kông du lịch mỗi năm, gấp gần 7 lần dân số Hồng Kông. Mặc dù điều này tốt cho nền kinh tế Hồng Kông, nhưng lại làm gia tăng sức ép đối với các cơ sở công cộng như các hệ thống y tế và giao thông vận tải cũng như phát sinh nhiều vấn đề phức tạp khác.

Dòng người Đại lục di cư sang đã phá vỡ cấu trúc nền nếp, lối sống, bản sắc riêng của Hồng Kông vốn được định hình qua 155 năm tồn tại dưới thời tư bản Anh. Đó là lý do quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ sự trỗi dậy của “chủ nghĩa bản địa” ở Hồng Kông trong thời gian qua. Sự hỗn loạn đang diễn ra ở Hồng Kông phần nào phản ánh một cuộc khủng hoảng về bản sắc giữa cộng đồng dân cư cũ và mới. Các vấn đề kinh tế - xã hội này giúp lý giải tại sao các nỗ lực của Chính phủ Trung ương Trung Quốc nhằm áp đặt quyền kiểm soát đối với Hồng Kông trong những năm gần đây lại gặp phải sự phản đối quyết liệt như vậy. Năm 2012, người dân Hồng Kông đã phản đối thành công kế hoạch đưa ra một chương trình cải cách về giáo dục lòng yêu nước của Chính phủ Trung Quốc tại các trường học. Năm 2014, những người biểu tình thuộc phong trào “Chiếm trung tâm”, phong trào “cách mạng Ô dù” đã đòi quyền tự bầu chọn trưởng đặc khu hành chính mà không cần có sự chấp thuận của Trung ương. Tuy nhiên, kết

quả đã không đạt được như mong muốn. Và đến năm 2019, một phản ứng đặc biệt dữ dội đã xuất hiện tại Hồng Kông nhằm chống lại nỗ lực thông qua Dự luật dẫn độ (sau đó đã bị rút lại). Phản ứng này nhanh chóng biến thành một cuộc biểu tình quy mô lớn hơn chống lại giới lãnh đạo và hệ thống chính trị Hồng Kông kéo dài hơn một năm sau đó.

Ba là, theo “phiên bản” được xây dựng từ thế kỷ XIX, Hồng Kông sẽ trở thành một thành phố tư bản. Tuy nhiên, Chính phủ Trung ương đã áp dụng nguyên tắc tài chính cứng nhắc và thiếu cơ sở vững chắc trong việc điều tiết phân phối thu nhập. Ngoài ra, việc Chính phủ Trung ương cố gắng phổ quát “giá trị Đại lục” khiến người dân Hồng Kông hết sức bất bình.

Bốn là, có những nguồn gốc xã hội khác khiến Hồng Kông xuất hiện tranh chấp chính trị: (1) Hồng Kông còn nhiều hạn chế về cơ cấu kinh tế, thiếu động lực nội sinh và ngoại sinh để phát triển kinh tế mà chủ yếu dựa vào bất động sản và tài chính. (2) Xã hội Hồng Kông thiếu tính bao dung và linh hoạt của một xã hội hội nhập. Giữa các tầng lớp xã hội của Hồng Kông thiếu sự trao đổi, đặc biệt là khi những người trẻ tuổi không có không gian trưởng thành thì xã hội sẽ ngày càng mất đi sức sống. Ở Đại lục, một trong những con đường để mọi người có thể thay đổi địa vị xã hội là học đại học; nhưng ở Hồng Kông, người trẻ tuổi học đại học cũng chưa chắc có thể thay đổi được địa vị xã hội của mình. (3) Cục diện cạnh tranh ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã thay đổi. Trong nhóm "Bốn con rồng châu Á", Singapore hiện là nền kinh tế có GDP bình quân đầu người cao hơn Hồng Kông. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, khoảng cách về GDP bình quân đầu người giữa hai nền kinh tế đã gia tăng trong những năm gần đây, phản ánh sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng và khả năng thích ứng của mỗi nền kinh tế trước những biến động khu vực và quốc tế. Hệ thống chính trị Hồng Kông được thiết kế thiếu tính thể chế và đồng thuận chính trị. Điều này có thể được minh chứng bằng những ví dụ sau: Nền chính trị Hồng Kông hiện nay liên quan đến bốn bên là Chính phủ Trung ương; chính quyền đặc khu; phe yêu nước; phe “đổi lập” và các lực lượng quốc tế. Do đó, nhiều người Hồng Kông nói rằng bên thực sự nắm quyền ở Hồng Kông không phải là trưởng đặc khu mà là “quận Tây”. Còn ở phe “đổi lập”, “Câu

lạc bộ đua ngựa”- nơi tập trung nhiều “tinh hoa chính trị” theo hướng dân chủ, thúc đẩy tự trị lâu dài của Hồng Kông - luôn là nơi quyết định rất nhiều vấn đề. Một vấn đề khác là, người Anh đã cai trị Hồng Kông hơn 150 năm và có nhiều chính sách ăn sâu bám rễ tại đây. Trước khi trao trả Hồng Kông cho Trung Quốc năm 1997, Chính phủ Anh triển khai một số chính sách quốc tịch đối với cư dân Hồng Kông. Đáng chú ý, Chương trình Tuyển chọn Quốc tịch Anh (British Nationality Selection Scheme) năm 1990 trao cơ hội nhập quốc tịch Anh cho khoảng 50.000 hộ gia đình, trong khi khoảng 3 triệu cư dân Hồng Kông đã đăng ký hoặc đủ điều kiện đăng ký quy chế công dân hải ngoại Anh (British National (Overseas) – BN(O)). Mặc dù quy chế BN(O) vào thời điểm đó không đồng nghĩa với quyền cư trú tại Anh, nhưng sau năm 2021, Chính phủ Anh đã mở rộng lộ trình định cư và nhập quốc tịch cho người mang hộ chiếu BN(O), qua đó tạo điều kiện cho một bộ phận cư dân Hồng Kông di cư sang Vương quốc Anh [UK Home Office, 2021; House of Commons Library, 2021]. Số người này được quyền định cư ở Anh trong điều kiện có những biến động. Hiện nay, chỉ có người Anh mới biết danh sách này và sau khi Luật an ninh quốc gia được công bố, Anh tuyên bố đã sẵn sàng cho 3 triệu người này định cư dài hạn. Như vậy, Anh đã để lại “nút thông” khi rời khỏi Hồng Kông.

Năm là, vấn đề nhà ở và chi phí sinh hoạt cao đã trở thành một trong những nguyên nhân kinh tế - xã hội quan trọng làm gia tăng tâm lý bất mãn trong xã hội Hồng Kông. Trong nhiều năm liên tiếp, Hồng Kông được xếp vào nhóm thành phố có chi phí sinh hoạt và giá nhà ở cao nhất thế giới. Giá bất động sản tăng nhanh trong khi tốc độ tăng thu nhập của người dân không theo kịp, khiến khả năng tiếp cận nhà ở của nhiều hộ gia đình ngày càng suy giảm. Theo số liệu của Chính quyền Đặc khu Hồng Kông, khoảng 44,7% dân số đang sinh sống trong các khu nhà ở công cộng; đến giữa năm 2020 vẫn còn hơn 256.000 hồ sơ đăng ký nhà ở công cộng chưa được giải quyết và thời gian chờ trung bình đã kéo dài lên khoảng 5,4 năm. Tình trạng khan hiếm quỹ nhà ở, cùng với áp lực giá bất động sản và bất bình đẳng trong tiếp cận nhà ở, đã trở thành một trong những vấn đề xã hội nổi bật, góp phần làm gia tăng sự bất mãn của một bộ phận người dân đối với hiệu quả quản trị của chính quyền Hồng Kông [Hong Kong Housing Authority, 2020; Census and Statistics Department, 2020]

3.2. Phản ứng của Trung Quốc đối với diễn biến chính trị tại Hồng Kông

3.2.1. Mong muốn chung của người dân Hồng Kông

Trước hết, Trước hết, nhiều cư dân Hồng Kông mong muốn tiếp tục duy trì mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", bởi mô hình này bảo đảm mức độ tự trị cao của Đặc khu theo quy định của Luật Cơ bản Hồng Kông. Theo Điều 5 của Luật Cơ bản, hệ thống tư bản chủ nghĩa và lối sống hiện hành của Hồng Kông được duy trì trong 50 năm kể từ ngày 1/7/1997, tức đến năm 2047. Trong bối cảnh đó, một bộ phận người dân bày tỏ mong muốn các đặc điểm cốt lõi của mô hình này tiếp tục được duy trì sau thời điểm 2047. Đây cũng là một trong những nội dung được phản ánh trong nhiều phong trào phản đối và biểu tình tại Hồng Kông từ năm 2003, đặc biệt là các cuộc biểu tình năm 2014 và năm 2019, với yêu cầu bảo vệ mức độ tự trị và các quyền được quy định trong Luật Cơ bản [The Basic Law of the Hong Kong SAR, 1990; Ma, 2015].

Thứ hai, bên cạnh các yêu cầu về cải cách chính trị, một bộ phận người dân Hồng Kông cũng kỳ vọng chính quyền nâng cao hiệu quả quản trị và giải quyết các vấn đề dân sinh, đặc biệt là giá nhà ở tăng cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ, bất bình đẳng thu nhập và sự suy giảm cơ hội dịch chuyển xã hội của giới trẻ. Những vấn đề này được nhiều nghiên cứu xem là các nguyên nhân kinh tế - xã hội góp phần làm gia tăng sự bất mãn và tạo nền tảng cho các phong trào phản đối tại Hồng Kông trong những năm gần đây [Ma, 2015; Fong, 2017]. Chính sách của chính quyền Hồng Kông hiện nay chỉ nhằm thỏa mãn tầng lớp thượng lưu trong giới doanh nghiệp và sự hài lòng của Chính phủ Trung ương. Người Hồng Kông nhận thức phổ biến rằng quyền phổ thông đầu phiếu trong cuộc bầu cử trưởng đặc khu và các ủy viên Hội đồng Lập pháp sẽ mang lại cho họ một chính phủ vì nhân dân. Họ nhấn mạnh, quyền phổ thông đầu phiếu cũng được quy định trong Luật cơ bản. Đa số người Hồng Kông băn khoăn tới ba điểm sau: (1) Mô hình “Một nước, hai chế độ” được xem là một điều tốt đẹp tính đến thời điểm này, nhưng có được duy trì thực chất đến năm 2047 (hoặc xa hơn nữa) hay chỉ tồn tại hình thức? Một bộ phận người dân và lực lượng đối lập cho rằng phạm vi quyền tự trị của Hồng Kông trên thực tế đã bị thu hẹp do sự gia tăng ảnh hưởng của Chính phủ Trung ương đối với công tác

quản trị của Đặc khu. Quan điểm này trở thành một trong những nội dung tranh luận nổi bật trong đời sống chính trị Hồng Kông sau năm 2014 [Ma, 2015; Fong, 2017]. Việc “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông” trên thực tế không tồn tại, “quận Tây” (nơi đặt Văn phòng liên lạc của Chính phủ Trung ương) mới là lực lượng quản lý các quyết sách của Hồng Kông. Hồng Kông đã bị đặt dưới sự giám sát trực tiếp của Nhóm điều phối vấn đề Hồng Kông và Ma Cao. Nhóm này do Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Hàn Chính chủ trì, gồm các thành viên: Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Đinh Tiết Tường, Chủ nhiệm Văn phòng Ủy ban Công tác đối ngoại Trung ương Dương Khiết Trì, Trưởng Ban Công tác mặt trận thống nhất Trung ương Vuu Quyền, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Vương Nghị và Bộ trưởng Bộ Công an Triệu Khắc Chí. (2) Lợi ích của Hồng Kông và Trung Quốc sẽ được điều chỉnh, cân đối như thế nào trong các cuộc cải cách hệ thống quản trị và đại diện hiện nay khi Chính phủ Trung ương muốn “hòa trộn sâu sắc” sự phát triển của Hồng Kông với Đại lục? (3) Giả sử làn sóng biểu tình dừng lại, lực lượng đấu tranh dân chủ này có thể ngồi cùng Trung ương để thảo luận và giải quyết các vấn đề một cách sòng phẳng, thiện chí hay không?

Trên thực tế, tại Hồng Kông, cả phe “ủng hộ Bắc Kinh” lẫn phe ủng hộ dân chủ đều tin rằng mô hình “Một nước, hai chế độ” là mô hình phù hợp nhất cho Hồng Kông đến năm 2047 và sau đó. Đây là không gian chính trị nền tảng để Hồng Kông có thể tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, trong khi phe “ủng hộ Bắc Kinh” cho rằng người Hồng Kông cần hợp tác với Chính phủ Trung ương và xây dựng lòng tin lẫn nhau để thực hiện thành công mô hình này, thì phe ủng hộ dân chủ lại không tin rằng Chính phủ Trung ương hoàn toàn tuân thủ những cam kết mà họ đã đưa ra khi tiếp quản Hồng Kông từ tay Anh vào năm 1997 và Chính phủ Trung ương sẽ không đối xử bình đẳng với các thủ lĩnh phong trào biểu tình. Trong đó, tháng 8/2014, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc tuyên bố các ứng cử viên cho chức vụ đứng đầu Đặc khu Hồng Kông trước tiên phải nhận được sự chấp thuận của hơn một nửa Ủy ban đề cử gồm 1.200 thành viên (đa số thuộc phe “ủng hộ Bắc Kinh”) - điều này đi ngược lại với mong muốn của làn sóng đấu tranh dân chủ. Phe ủng hộ dân chủ cho rằng đó không phải là quyền phổ thông đầu phiếu vì đã tước bỏ quyền

đề cử các ứng cử viên của người dân Hồng Kông. Hay một vấn đề khác là, Chính phủ Trung ương liên tục nhấn mạnh Hồng Kông cần phải chủ động ban hành đạo luật an ninh vì cho rằng các thế lực nước ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã kích động tình trạng hỗn loạn ở Hồng Kông. Theo Điều 23 Luật an ninh quốc gia, Đặc khu Hồng Kông cần phải chủ động ban hành luật để xử lý mọi hành vi phản quốc, ly khai, nổi dậy, lật đổ Chính phủ Trung ương, hoặc đánh cắp các bí mật nhà nước; cấm các tổ chức hoặc cơ quan chính trị nước ngoài tiến hành các hoạt động chính trị ở đặc khu; đồng thời cấm các tổ chức hoặc cơ quan chính trị của đặc khu thiết lập quan hệ với các tổ chức hoặc cơ quan chính trị nước ngoài. Làn sóng biểu tình cho rằng việc ban hành Luật an ninh quốc gia là không cần thiết và sẽ cản trở tiến trình dân chủ, không nhằm làm cho xã hội Hồng Kông tốt lên. Do không tin tưởng Chính phủ Trung ương nên họ đã cầu viện sự ủng hộ, tiếng nói của cộng đồng quốc tế để ngăn Trung Quốc “bội ước”.

3.2.2. Quan điểm nền tảng chi phối chính sách của Chính phủ Trung Quốc với Hồng Kông

Qua các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước Trung Quốc (Sách trắng năm 2014; Quyết định của Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc năm 2020; Kế hoạch phát triển Vùng Vịnh lớn năm 2019; Báo cáo Đại hội XX năm 2022; các bài phát biểu của Tổng Bí thư Tập Cận Bình), có thể khái quát năm định hướng lớn trong chính sách của Trung ương đối với Hồng Kông, bao gồm

(1) Hồng Kông phải do những người yêu nước quản lý (điều này cho thấy sự không khoan nhượng đối với lực lượng đấu tranh dân chủ hiện nay);

(2) Chính phủ Trung ương có thẩm quyền bổ nhiệm trưởng đặc khu và các quan chức chủ chốt (chứ không phải người dân bầu trực tiếp, điều này dẫn tới sự xói mòn quyền tự trị của chính quyền Hồng Kông);

(3) Hệ thống luật pháp, các cơ chế thực thi và hệ thống luật bảo vệ an ninh quốc gia cần được hoàn thiện. Điều này đồng nghĩa với việc phải ban hành Luật an ninh quốc gia - vốn từng bị các cuộc biểu tình rầm rộ từ năm 2003 đến nay ngăn chặn, và Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc phải đóng vai trò

chủ động trong việc diễn giải Luật cơ bản chứ không phải Hội đồng Lập pháp của Hồng Kông;

(4) Hồng Kông phải hội nhập tốt hơn với Vùng vịnh lớn chứ không tồn tại riêng rẽ, độc lập như hiện nay, điều này cho thấy yêu cầu gắn kết nền kinh tế Hồng Kông với đời sống của khu vực rộng lớn phía Nam Trung Quốc.

(5) Giới công chức và giới trẻ Hồng Kông cần được tăng cường giáo dục quốc gia và vun đắp tinh thần yêu nước, điều này ngụ ý áp dụng trở lại chương trình giáo dục lòng yêu nước từng bị gác lại sau các cuộc biểu tình năm 2012.

Chính phủ Trung ương xác định các vấn đề cần phải giải quyết trong việc xử lý vấn đề Hồng Kông bao gồm:

Một là, mối quan hệ giữa Đại lục hóa và quốc tế hóa ở Hồng Kông;

Hai là, mối quan hệ giữa việc phát huy vai trò và việc hỗ trợ sự phát triển của Hồng Kông;

Ba là, mối quan hệ giữa “Một quốc gia” và “Hai chế độ”;

Bốn là, duy trì tốt mối quan hệ giữa các nhà kinh doanh lớn, tầng lớp thấp và tầng lớp trung lưu trong xã hội. Trung Quốc thường rất coi trọng các nhà kinh doanh lớn, nhưng trong cuộc bầu cử, số phiếu bầu mà họ giành được rất ít; trong khi đó, tầng lớp trung lưu và tầng lớp thấp chiếm đa số phiếu bầu nhưng lại thiếu cảm giác được quan tâm.

3.2.3. Phương châm giải quyết vấn đề Hồng Kông hiện nay của Chính phủ Trung Quốc

Một là, Chính phủ Trung ương sẽ giữ vững nguyên tắc “Một quốc gia, hai chế độ”. Thực tiễn cho thấy, chính sách “Một quốc gia, hai chế độ” ở Hồng Kông nhìn chung là thành công và không thể từ bỏ kể cả khi vấn đề Hồng Kông trở nên phức tạp. Đây cũng là cam kết của Chủ tịch Trung Quốc Đặng Tiểu Bình trong đàm phán để thu hồi Hồng Kông: “Một nước, hai chế độ” sẽ không thay đổi trong 50 năm. Do đó, về hình thức, Trung Quốc cần tiếp tục cho thế giới thấy việc thực hiện nghiêm túc phương châm này đối với Hồng Kông trong những năm còn lại.

Hai là, tình hình Hồng Kông đã trở thành vấn đề phức tạp, là vấn đề riêng của Trung Quốc nhưng có sự can dự quốc tế và có tầm ảnh hưởng toàn cầu, do vậy

cần chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với những tình huống xấu nhất. Chính phủ Trung ương đã chuẩn bị cho việc chính quyền đặc khu không thể kiểm soát tình hình và phải hành động. Tiền lệ lịch sử cho thấy, trong cuộc đàm phán Anh - Trung Quốc được tổ chức vào năm 1983, Anh vẫn kiên trì phương án của mình sau khi cân nhắc về tuyên bố của Đặng Tiểu Bình rằng nếu sự trở về của Hồng Kông không được giải quyết bằng các cuộc đàm phán hòa bình thì Trung Quốc sẽ đơn phương thu hồi.

Ba là, Chính phủ Trung ương và cơ quan đại diện tại Hồng Kông phải khắc phục ba nhận thức sai lầm là Hồng Kông không có vai trò gì, Hồng Kông đã không thể cứu được nữa và trưởng đặc khu không có năng lực cầm quyền. Nếu Hồng Kông không có vai trò gì, thì vì sao Hoa Kỳ phải sử dụng quân bài Hồng Kông? Vì sao phải làm cho Hồng Kông trở nên hỗn loạn?

Bốn là, đối mặt với bốn thách thức nội tại của Hồng Kông và sự tương tác từ phía Hoa Kỳ và phương Tây: dư luận, bạo lực, chính trị và kinh tế khiến Hồng Kông trở nên hỗn loạn.

Năm là, giữ vững niềm tin - tin tưởng Chính phủ Trung ương và chính quyền đặc khu có thể xử lý tốt vấn đề này; tin tưởng cảnh sát Hồng Kông; tin tưởng sức mạnh của quân đội Trung Quốc; tin tưởng người dân Hồng Kông; tin tưởng dư luận chính thống của cộng đồng quốc tế.

Sáu là, sử dụng toàn diện các biện pháp trên sáu lĩnh vực: pháp luật, tổ chức, ngoại giao, kinh tế, chính trị và dư luận. Hồng Kông là một xã hội được vận hành dựa trên pháp luật, người dân tin tưởng luật pháp, nên bản thân Chính phủ Trung ương cũng phải cố gắng tổ chức các phương án dựa theo luật pháp. Trong nội bộ Trung Quốc có quan điểm cho rằng phải sử dụng các tổ chức cách mạng để đối phó với các tổ chức phản đối cách mạng. Hồng Kông vốn có rất nhiều tổ chức yêu nước, tại sao không liên kết lại để tạo nên sức mạnh. Về phương diện ngoại giao, Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã đề ra nhiều phương án nhằm giải quyết tình hình, nhất là sau khi công bố Luật an ninh quốc gia tại Hồng Kông, “cỗ máy” ngoại giao Trung Quốc đã vận hành hết công suất để tránh đổ vỡ uy tín quốc tế của quốc gia này. Bên cạnh đó, chính quyền đặc khu thường xuyên, thậm chí hằng ngày, công bố mức độ tổn thất mà nền kinh tế và ngành du lịch của Hồng Kông phải gánh chịu do tình trạng

hỗn loạn, nhấn mạnh người dân Hồng Kông sẽ chịu tác động trực tiếp từ việc tiếp tục tình trạng hỗn loạn. Việc biểu tình sau khi có Luật an ninh quốc gia không phải là tranh chấp pháp lý đơn giản, nên phải sử dụng các biện pháp chính trị để đối phó.

3.2.4. Chính sách cụ thể của Chính phủ Trung Quốc đối với Hồng Kông

Trong thời gian kể từ khi Hồng Kông được trao trả cho Đại lục, chính sách của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông được đề ra tương ứng với những giai đoạn sau:

(1) Giai đoạn 1997-2003, chính sách cơ bản của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông là “không can thiệp” mà theo cách nói của Đặng Tiểu Bình là “nước sông không phạm nước giếng”. Sau khi được trao trả cho Đại lục, Văn phòng liên lạc của Chính phủ Trung ương tại Hồng Kông cũng không tiếp xúc với chính quyền đặc khu. Thẳng thắn mà nói, không tiếp xúc thì làm sao có thể liên lạc? Hơn nữa, do thực hiện chính sách “Một nước, hai chế độ”, nên sau năm 1997, êkíp cầm quyền của Trưởng đặc khu Đổng Kiến Hoa được chuyển trực tiếp từ chính quyền Hồng Kông thuộc Anh. Ngoài việc xóa bỏ chức thống đốc Hồng Kông và thay thế bằng chức trưởng đặc khu do Đổng Kiến Hoa đảm nhiệm, các chức vụ khác vẫn được giữ nguyên như trước. Để duy trì sự ổn định, ngay cả Luật cơ bản của Hồng Kông cũng quy định các vấn đề an ninh quốc gia sẽ do Hồng Kông tự quyết định.

(2) Giai đoạn 2003-2007, nội dung cốt lõi trong chính sách của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông vẫn là “không can thiệp”, nhưng được bổ sung ba từ: “có hành động”. Sau khi Hồng Kông trở về Đại lục, theo thông lệ, kế hoạch phát triển tổng thể của Trung Quốc không bao hàm Hồng Kông, ngay cả số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê quốc gia về dân số Trung Quốc cũng không bao gồm người Hồng Kông. Sau đó, do phát hiện ra không có cơ quan nào lên kế hoạch cho vấn đề Hồng Kông từ khi Hồng Kông được trao trả, nên vào năm 2003, Chính phủ Trung ương đã thành lập Nhóm điều phối vấn đề Hồng Kông và Ma Cao. Trên thực tế, trước năm 1997, ở Đại lục có nhiều tổ chức nghiên cứu về Hồng Kông. Sau khi Hồng Kông được trao trả, các tổ chức này cho rằng vấn đề của Hồng Kông đã được giải quyết nên đều giải thể. Sau năm 2003, các tổ chức nghiên cứu Hồng Kông ở Đại lục

đã từng bước được thành lập trở lại. Tuy nhiên, trên thực tế, số người làm công tác nghiên cứu về Hồng Kông và Ma Cao ở Đại lục cho đến nay vẫn còn rất ít.

(3) Giai đoạn từ năm 2007 đến nay, chính sách của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông đã được điều chỉnh thành “tích cực điều hành và điều hành hiệu quả”. Chính sách mang tính khái quát này cũng chịu sự phê phán của nhiều người Hồng Kông bản địa vốn cho rằng Hồng Kông đang do “Văn phòng phía Tây (Tây Hoàn)² quản lý” (ý chỉ Trung ương quản lý), chứ không phải là “người Hồng Kông quản lý Hồng Kông”. Đây rõ ràng là một quan điểm cho thấy rõ bản chất chính sách của Chính phủ Trung ương đối với Hồng Kông. Năm 2008, chính quyền Hồng Kông muốn thực hiện nền giáo dục của Đại lục, song do vấp phải sự phản đối của phe đối lập nên cuối cùng phải gác lại. Tháng 12/2013, Hiệp hội nghiên cứu Hồng Kông và Ma Cao được thành lập. Ngày 10/6/2014, Trung Quốc lần đầu công bố Sách trắng về “Một nước, hai chế độ”. Ngày 31/8/2014, Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc đưa ra phương án cải cách chính trị, chuyển sang thực hiện hình thức phổ thông đầu phiếu kép (bầu trưởng đặc khu và Hội đồng Lập pháp), nhưng sau đó vấp phải sự phản đối của phe đối lập và buộc phải gác lại.

Nếu nghiên cứu, tổng kết chính sách của Chính phủ Trung Quốc đối với Hồng Kông trong 70 năm kể từ khi nước Trung Quốc mới được thành lập (1949-2019) thì sẽ thấy rõ trọng điểm của các thời đại có sự khác biệt: Thời Mao Trạch Đông, chính sách đối với Hồng Kông là “Dự định dài hạn và tận dụng đầy đủ”; thời Đặng Tiểu Bình là “Một nước, hai chế độ và khôi phục chủ quyền”; thời Giang Trạch Dân là “Chuyển giao ổn định và trở về thuận lợi”; thời Hồ Cẩm Đào là “Một nước, hai chế độ và tự trị cao độ”; thời Tập Cận Bình hiện nay chuyển thành “Quản lý toàn diện và phát triển hội nhập với đời sống Đại lục”.

Giống như phương châm “ba không” (không dám tham nhũng, không thể tham nhũng và không muốn tham nhũng) trong chiến dịch chống tham nhũng, công tác quản lý ở Hồng Kông hiện nay cũng phải coi trọng phương châm “ba không” (không dám phản đối, không thể phản đối và không muốn phản đối). Cụ thể: *một là,*

5. Chính quyền đặc khu nằm ở Trung Hoàn và Văn phòng liên lạc của Trung ương nằm ở Tây Hoàn.

không dám phản đối. Trước mối đe dọa an ninh quốc gia, điều quan trọng nhất là làm cho những người bị kích động và không có lý trí không dám phản đối. Sách lược hành động của cảnh sát ở tuyến đầu là nếu tăng các vụ bắt giữ, xét xử và tuyên án, chắc chắn sẽ gia tăng mức độ răn đe. Họ tin rằng việc xây dựng và thực thi Luật an ninh quốc gia tại Hồng Kông có thể tăng cường hơn nữa khả năng răn đe. Tất nhiên, mức độ răn đe phụ thuộc vào mức độ thực thi pháp luật. *Hai là*, không thể phản đối. Đối diện với sự xuất hiện trên thực tế của các tổ chức có quy mô và chặt chẽ đằng sau các phần tử bạo lực ở Hồng Kông, phương châm này sẽ nhằm vào các tổ chức đằng sau, đặc biệt là các tổ chức khủng bố địa phương và các lực lượng bên ngoài, tất nhiên họ sẽ không thuộc diện “không dám phản đối”, đồng thời tiếp tục tổ chức các hoạt động biểu tình và chế tạo vũ khí. Điều này đòi hỏi phải có thông tin tình báo sâu rộng thì mới có thể đi trước một bước để đập tan âm mưu của họ, khiến họ không thể phản đối. Tuy nhiên, ngay cả khi chính quyền Hồng Kông học tập Ma Cao trong việc thành lập Hội đồng Bảo vệ an ninh quốc gia, nhưng do cơ quan đặc vụ Hồng Kông (1943-1995) đã bị giải tán, các cơ quan thực thi pháp luật trước đây chỉ tập trung vào công tác an ninh trật tự, thiếu kinh nghiệm chống khủng bố và ngăn chặn các lực lượng bên ngoài nên công tác tình báo không dễ để triển khai trong thực tế. Hiện nay, mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về việc Luật an ninh quốc gia được thực thi tại Hồng Kông, nhưng chắc chắn Chính phủ Trung Quốc sẽ thiết lập cơ quan bảo vệ an ninh quốc gia ở Hồng Kông để hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Hồng Kông cung cấp thông tin tình báo, tăng cường khả năng bảo vệ an ninh quốc gia; tổ chức tấn công các tổ chức khủng bố địa phương và các lực lượng bên ngoài ở Hồng Kông. *Ba là*, không muốn phản đối, đây cũng là phương châm quan trọng và khó khăn nhất trong ba phương châm. Hai phương châm đầu tiên chủ yếu là tăng cường bộ máy nhà nước, nhưng chỉ dựa vào biện pháp hành chính và pháp lý thì không đủ để đạt được sự ổn định lâu dài. Để làm cho người Hồng Kông không muốn phản đối, phải bắt đầu từ ý thức hệ (giáo dục, truyền thông, gia đình, giáo hội...). Việc phá hoại nền kinh tế Hồng Kông bằng cách sử dụng sức mạnh quân sự để áp đặt quy tắc trong trường hợp khẩn cấp sẽ không phải là điều có lợi đối với Trung Quốc. Tuy nhiên, những tác động tiêu cực đối với sự

thịnh vượng của Đại lục sẽ không đủ lớn để ngăn cản Chính phủ Trung Quốc làm bất kỳ điều gì mà họ cho là cần thiết để duy trì quyền kiểm soát đối với Hồng Kông.

- Những vấn đề Chính phủ Trung Quốc yêu cầu chính quyền Hồng Kông rút kinh nghiệm qua quá trình xử lý vấn đề Hồng Kông

Thứ nhất, vì Hồng Kông là một xã hội dân chủ hóa cao độ với những công dân xã hội hóa, nên việc quản trị của chính phủ không thể đơn thuần phụ thuộc quá nhiều vào giới kinh doanh như mô hình truyền thống, mà cần có sự đại diện cân bằng và phải xử lý các nhu cầu, lợi ích hợp lý ở các cấp độ khác nhau. Làm thế nào để tăng cường sự đại diện, tiếp thu và đáp ứng các lợi ích của giới phi kinh doanh là một vấn đề lớn đối với việc quản trị của chính quyền trong tương lai.

Thứ hai, tư duy “đếm đủ phiếu” là tư duy hành chính máy móc, chứ hoàn toàn không phải là tư duy dựa trên quản trị tốt và đồng thuận chính trị. Việc chỉ tập trung giành đủ số phiếu có thể dẫn đến sự chuyên chế trong dân chủ, đồng thời có thể thúc đẩy hành động của những người có hành vi cản trở luật pháp tích cực và các công dân bất hợp tác. Những nguy cơ tiềm ẩn này đã được phơi bày trong cuộc chiến lần này. Do đó, việc quản trị trong tương lai của chính quyền đặc khu cần phải có đầy đủ các ý kiến đồng thuận và tranh thủ sự ủng hộ của đa số.

Thứ ba, đối với một vấn đề lập pháp gây ra sự tranh cãi gay gắt trong xã hội, khi ra quyết sách, chính quyền cần bảo đảm công khai đầy đủ thông tin và thúc đẩy sự tham gia của công chúng bằng các thủ tục pháp lý để tăng cường tính minh bạch của quyết sách và phản ứng tương tác.

Thứ tư, việc xử lý khủng hoảng của trường đặc khu cũng tồn tại một số vấn đề nhất định và hiệu ứng “mềm mỏng” đã giảm đi tương đối. Việc cảnh sát xác định tính chất “bạo động” của biểu tình chưa được cân nhắc thận trọng về mặt chính trị, song có thể được biện hộ bởi các tiêu chuẩn luật pháp và chấp pháp, tuy nhiên việc làm này đã kích động hơn nữa sự nhạy cảm và mối lo ngại về sự an toàn của những người biểu tình, không giúp làm xoa dịu tình hình hay triển khai đối thoại hợp lý.

Căn cứ trên việc rút kinh nghiệm đó, các giải pháp mà chính quyền Hồng Kông cần thực hiện là:

Thứ nhất, về mặt nguyên tắc, cần nỗ lực giảm bớt sức nóng của phong trào, khuyến khích và ủng hộ chính quyền đặc khu triển khai tham vấn xã hội rộng rãi, tập trung tinh thần và sức lực vào việc đề ra các chính sách giải quyết các vấn đề kinh tế dân sinh, khôi phục lòng dân.

Thứ hai, cần phải kiên quyết đáp trả các yêu cầu chính trị quá mức kiểu “đục nước béo cò” của phe đối lập (chẳng hạn như yêu cầu trưởng đặc khu từ chức, rút lại hoàn toàn Dự luật dẫn độ hay Luật an ninh quốc gia...), không thể buông lỏng, làm tê liệt quyền quản trị Hồng Kông.

Thứ ba, sau khi xem xét toàn diện những lợi ích và tổn thất của chính sách quản trị Hồng Kông trong phong trào biểu tình, đặc biệt là sự phát triển, nâng cấp của phe đối lập và các thế lực nước ngoài về mặt tư tưởng, tổ chức và cách thức tiến hành phong trào, cũng như các vấn đề nổi bật và hiện trạng chính sách về việc thực hiện công bằng trong xã hội Hồng Kông, cần phải cải tiến thích đáng sự phân chia trách nhiệm từ Chính phủ Trung ương đến chính quyền đặc khu, tăng cường khả năng quản trị thực tế.

Thứ tư, gia tăng sự tiếp nhận và ủng hộ của người Hồng Kông đối với việc xây dựng Vùng vịnh lớn, giúp xã hội Hồng Kông giải quyết trên thực tế các vấn đề dai dẳng như sự phân hóa giàu - nghèo do phát triển và những khó khăn liên quan tới sự phát triển xã hội. Đương nhiên, chính sách “dân chủ kinh tế” ở Vùng vịnh lớn ở mức độ nhất định có thể làm giảm bớt và giải quyết các mâu thuẫn xã hội ở Hồng Kông. Tuy nhiên, việc theo đuổi dân chủ, cảm giác an toàn và vấn đề đồng thuận quốc gia của người Hồng Kông vẫn cần có những giải pháp thích hợp trong phạm vi đặc khu.

- Chính phủ Trung ương Trung Quốc tự tin sẽ can dự thành công Hồng Kông bởi:

Thứ nhất, Trung Quốc từ lâu đã nuôi dưỡng giới tinh hoa kinh doanh tại Hồng Kông bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong hoạt động kinh tế tại Đại lục.

Thứ hai, Trung Quốc vẫn thường xuyên duy trì một số cán bộ trung thành hoạt động bí mật tại Hồng Kông; củng cố mối quan hệ với phong trào lao động

Hồng Kông; đồng thời các cơ quan an ninh còn có chân rết trong hầu hết băng nhóm tội phạm ngầm, có thể sử dụng làm công cụ hữu hiệu trong những trường hợp cần thiết.

Thứ ba, Theo đánh giá của Chính phủ Trung Quốc, quy mô ngày càng lớn của nền kinh tế Trung Quốc đại lục cho phép nước này giảm thiểu tác động từ những biến động kinh tế tại Hồng Kông. Điều này được phản ánh qua sự thay đổi về tương quan quy mô kinh tế giữa hai bên: năm 1997, GDP của Hồng Kông tương đương khoảng 18% GDP của Trung Quốc đại lục, song tỷ lệ này đã giảm đáng kể trong những năm tiếp theo [The State Council Information Office of the PRC, 2021]. Phần lớn hoạt động ngoại thương của Trung Quốc đều được tiến hành thông qua Hồng Kông, đem lại cho Trung Quốc nguồn ngoại tệ mạnh cần thiết. Các công ty Trung Quốc gây vốn phần lớn là trên thị trường chứng khoán Hồng Kông. Tuy nhiên, năm 2018, GDP của Hồng Kông chỉ bằng 2,7% GDP của Đại lục, Thâm Quyển cũng đã vượt Hồng Kông về GDP. Kim ngạch xuất khẩu qua Hồng Kông năm 2020 chiếm chưa đầy 12% tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc. Tổng giá trị thị trường của các sản phẩm giao dịch chứng khoán nội địa của Trung Quốc ở Thượng Hải và Thâm Quyển đã vượt xa Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông; các công ty Trung Quốc cũng có thể niêm yết chứng khoán ở Frankfurt, London, New York và những nơi khác.

Thứ tư, Trung Quốc tin rằng người dân Hồng Kông bất mãn tăng sâu không phải vì lý do chính trị mà là do vấn đề kinh tế. Họ bị kích động bởi các lực lượng bên ngoài, lại đang phải đối mặt với thực tế đời sống khó khăn, nhất là tiền thuê nhà tăng với tốc độ chóng mặt. Giới lãnh đạo Trung Quốc cũng nhận định, Hoa Kỳ và các nước tư bản không thể áp dụng các biện pháp trừng phạt cứng rắn vì sự tác động lợi ích qua lại giữa hai bên.

Thứ năm, trước năm 2020, dòng đầu tư ra và vào Trung Quốc vẫn có xu hướng chảy qua các công ty cổ phần mẹ trong lĩnh vực tài chính được thành lập ở Hồng Kông, nhằm hưởng lợi từ các biện pháp bảo vệ mang tính pháp lý trong môi trường quốc tế được Hoa Kỳ bảo trợ. Nhưng Luật đầu tư nước ngoài mới của Trung Quốc (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020) và những thay đổi chính sách khác mới đây đồng nghĩa với việc dòng đầu tư này sẽ sớm có thể bỏ qua Hồng Kông.

Thứ sáu, Theo đánh giá của Chính phủ Trung Quốc, tác động trực tiếp của việc Hoa Kỳ điều chỉnh chính sách thương mại đối với Hồng Kông là tương đối hạn chế. Hàng hóa có xuất xứ Hồng Kông xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Hoa Kỳ hằng năm chỉ đạt khoảng 3,7 tỷ HKD (tương đương khoảng 450 triệu USD), chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Đặc khu. Đồng thời, mặc dù Hoa Kỳ vẫn là một thị trường quan trọng đối với hoạt động tái xuất khẩu của Hồng Kông, giá trị tái xuất khẩu sang thị trường này chỉ chiếm khoảng 26% tổng giá trị tái xuất khẩu của Đặc khu trong những năm gần đây. Trên cơ sở đó, phía Trung Quốc cho rằng việc Hoa Kỳ chấm dứt một số ưu đãi thương mại đối với Hồng Kông không tạo ra tác động mang tính quyết định đối với nền kinh tế của Đặc khu [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 2021]. Trong khi đó, với việc các bến cảng, khu thương mại tự do ở các tỉnh (khu vực) ở Trung Quốc đang được tăng tốc xây dựng, tỷ lệ này có thể sẽ giảm hơn nữa và sẽ không chịu ảnh hưởng bởi lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ.

Cuối cùng, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng việc giới thượng lưu Hồng Kông không ủng hộ người biểu tình, trong khi đó những người dân thường ở Hồng Kông sợ thay đổi sẽ gây nên tình trạng bất ổn kéo dài đã khiến các cuộc biểu tình dần mất đi sự ủng hộ của công chúng và cuối cùng sẽ chấm dứt.

Đây là những lý do khiến Chính phủ Trung Quốc để cho các phong trào đấu tranh tự suy yếu dần, thay vì có những hành động khiến dư luận bên ngoài chú ý, lên án.

3.3. Phản ứng của một số quốc gia đối với vấn đề Hồng Kông

3.3.1. Phản ứng của Hoa Kỳ

Sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Hồng Kông xuất phát từ Đạo luật chính sách Hoa Kỳ - Hồng Kông được Tổng thống Hoa Kỳ George H.W. Bush phê chuẩn vào tháng 10/1992. Đạo luật này bảo đảm rằng nếu đạt mức độ tự trị cao, Hồng Kông sẽ được coi là một thực thể tách biệt với Trung Quốc trong các vấn đề thương mại và kinh tế quốc tế khác. Sự ủng hộ đối với việc xây dựng nền dân chủ và coi đó là “nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ” đã được đưa vào đạo luật này, sau đó kết hợp với nhân quyền và trở thành cơ sở cho sự thịnh vượng kinh tế

lâu dài của Hồng Kông. Sau Hoa Kỳ, một loạt các quốc gia phương Tây đã dành cho Hồng Kông quyền ưu đãi cao trong các hợp tác kinh tế với điều kiện bảo đảm môi trường chính trị tự trị, làm cơ sở đặc biệt quan trọng để Hồng Kông phát triển.

Những diễn biến chính trị thời gian qua cho thấy, bản chất vấn đề Hồng Kông là tiêu điểm mới của cạnh tranh chiến lược nước lớn mà Hoa Kỳ đã khéo léo, chủ động thúc đẩy và nhằm vào ba yếu tố: tạo xung động mới của môi trường an ninh chiến lược của Trung Quốc; tạo ra những bất lợi, khó khăn đối với môi trường kinh tế Trung Quốc; làm giảm sút uy tín kinh tế, chính trị và hình ảnh quốc tế của Trung Quốc.

Đòn bẫy chính của Hoa Kỳ là Đạo luật thông qua năm 2019, quy định những ưu tiên về thương mại dành cho Hồng Kông gắn liền với quyền tự trị (nếu quyền này tiếp tục được bảo đảm). Nếu mất đi quyền tự trị, Hồng Kông sẽ mất luôn cả vị thế đặc biệt của mình và phải tuân theo các quy tắc thương mại vốn đang được áp dụng với Trung Quốc. Điều này cũng đồng nghĩa với những hạn chế nghiêm ngặt hơn về đầu tư, xuất khẩu, các loại hình dịch vụ (nhất là lĩnh vực tài chính, vận tải biển, hàng không) cũng như phải chịu mức thuế cao hơn.

Trong trường hợp Hoa Kỳ bãi bỏ vị thế Khu vực thuế quan độc lập của Hồng Kông, bản thân Hồng Kông sẽ phải đối mặt với bốn tác động vô cùng lớn: *Thứ nhất*, vị thế cảng trung chuyển của Hồng Kông không còn nữa. Cụ thể là giá trị cảng trung chuyển của Hồng Kông đối với Trung Quốc, đặc biệt là trong quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, sẽ giảm mạnh. Vị thế quốc tế hàng đầu của cảng Victoria sẽ cơ bản không còn (trước đây tất cả hàng hóa khi đi qua cảng này đến Hoa Kỳ, các nước châu Âu, Nhật Bản, Ôxtrâyliia, Hàn Quốc đều không phải kiểm tra thông quan hàng hóa và được nhận ưu đãi đặc biệt về thuế). Tính từ đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI tới trước khi những diễn biến chính trị trở nên căng thẳng, trung bình mỗi năm có khoảng 12% hàng hóa Trung Quốc xuất khẩu sang Hồng Kông hoặc trung chuyển qua Hồng Kông. Tuy tỷ lệ giảm nhiều so với mức 45% của năm 1992, nhưng do quy mô kinh tế của Trung Quốc tăng mạnh, nên tỷ lệ 12% cũng là vấn đề rất lớn. Bên cạnh đó, hơn 90% hàng hóa Hồng Kông xuất khẩu sang Hoa Kỳ là thuộc dạng trung chuyển. Nếu Hồng Kông không còn là Khu vực

thuế quan độc lập, hoạt động thương mại trung chuyển sẽ lao dốc mạnh, trực tiếp khiến người lao động trong lĩnh vực này mất việc làm. Ngân sách của Hồng Kông sẽ giảm mạnh. Trong giai đoạn 2017–2019, ngành thương mại và logistics là một trong những trụ cột của nền kinh tế Hồng Kông, đóng góp khoảng 22%–25% GDP và tạo việc làm cho khoảng 727.500 lao động. Riêng lĩnh vực logistics đóng góp khoảng 3,2% GDP và sử dụng khoảng 180.600 lao động, phản ánh vai trò quan trọng của Hồng Kông với tư cách là một trung tâm thương mại và trung chuyển hàng hóa quốc tế [Hong Kong Trade Development Council, 2020]. *Thứ hai*, tiến trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang phát triển ngành công nghệ cao, công nghệ mới của Hồng Kông sẽ gặp phải trở ngại không nhỏ. Không còn là Khu vực thuế quan độc lập, Hồng Kông không được nhập khẩu các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ mới của Hoa Kỳ. Trước đây, Hồng Kông có thể đặt mua các sản phẩm siêu máy tính của Hoa Kỳ, nhưng hiện nay Hồng Kông không thể làm được điều này. Do đó, Hồng Kông sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc chuyển đổi kết cấu ngành nghề sang phát triển công nghệ cao, công nghệ mới. *Thứ ba*, ngành công nghiệp bán địa của Hồng Kông sẽ bị ảnh hưởng nặng nề. Dù ngành dịch vụ chiếm hơn 90% GDP của Hồng Kông, nhưng ở đặc khu này vẫn tồn tại một số lượng ít các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ. Tuy đóng góp không nhiều, nhưng ngành công nghiệp bán địa vẫn tạo ra hàng hóa xuất khẩu. Nếu Hồng Kông mất vị thế là Khu vực thuế quan độc lập, những doanh nghiệp công nghệ còn sót lại sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Nếu Hồng Kông muốn chấn hưng trở lại ngành công nghệ có giá trị gia tăng cao thì cũng không có được các điều kiện hỗ trợ tương ứng. *Thứ tư*, phản ứng dây chuyền sẽ ảnh hưởng tới nhiều ngành nghề khác. Theo đó, hoạt động của các ngành như thương mại, tài chính... chắc chắn sẽ giảm sút mạnh, đặc biệt là khi Hoa Kỳ hủy bỏ chính sách ưu đãi về tài chính đối với Hồng Kông.

Một điều đáng chú ý là nếu các nước phương Tây khác theo bước Hoa Kỳ, không thừa nhận vị thế Khu vực thuế quan độc lập của Hồng Kông, thì ảnh hưởng đối với Khu hành chính đặc biệt này sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Làn sóng rút chạy của các doanh nghiệp khỏi Hồng Kông sẽ diễn ra mạnh khi ưu đãi và tính tự do kinh doanh không còn, các doanh nghiệp này cũng không tới Đại lục mà khả năng lớn sẽ

đầu tư vào các thị trường mới. Thiệt hại về vốn cũng sẽ rất đáng kể trước sự thoái vốn quy mô lớn của các doanh nghiệp tài chính; thị trường chứng khoán Hồng Kông sẽ tổn hại đến mức mất đi vị thế là một trong những thị trường hàng đầu thế giới, hiện nắm giữ gần 3/4 lượng chứng khoán được chào bán lần đầu tiên ra công chúng của các công ty hàng đầu Trung Quốc. Các kênh đầu tư phương Tây cũng sẽ không lựa chọn Hồng Kông làm bàn đạp để đầu tư vào toàn bộ châu Á như đã từng diễn ra (trước đây các doanh nghiệp hàng đầu toàn cầu có thể đặt nhà máy, dây chuyền sản xuất ở một nước đang phát triển châu Á, trong đó có Đại lục, nhưng trụ sở doanh nghiệp luôn đặt tại Hồng Kông).

Xét ở khía cạnh khác, để đối phó với mối đe dọa từ Trung Quốc, phe phương Tây do Hoa Kỳ đứng đầu buộc phải tìm kiếm và tận dụng các không gian kiềm chế chiến lược với Trung Quốc. Trong bầu không khí chính trị hiện nay, nhìn chung, việc giải quyết hòa bình vấn đề Hồng Kông tương đối khó xảy ra. Ý đồ của phương Tây là rất rõ ràng, hy vọng Hồng Kông có thể phát huy ảnh hưởng sau khi trở về Trung Quốc. Do đó, vấn đề của Hồng Kông là vấn đề của Trung Quốc và phe phương Tây do Hoa Kỳ lãnh đạo. Từ lâu, phương Tây luôn lấy Hồng Kông làm công cụ kiềm chế chiến lược Trung Quốc: nếu Trung Quốc muốn Hồng Kông tiếp tục là cầu nối với phương Tây, thì phải tiếp tục duy trì lợi ích của phương Tây ở Hồng Kông và duy trì vai trò của Hồng Kông trong việc thúc đẩy Trung Quốc “diễn biến hòa bình”. Vì thế, sự bùng nổ của vấn đề Hồng Kông không những phản ánh sự thay đổi của Hồng Kông, mà còn phản ánh sự thay đổi của tình hình quốc tế, một đặc trưng cho quá trình hội nhập của Trung Quốc với đời sống của chủ nghĩa tư bản thế giới vốn đã hết thời cơ vàng, đang rơi vào khó khăn. Ngay cả khi Trung Quốc tuyên bố chủ trương phát triển hòa bình và không bao giờ tìm kiếm quyền bá chủ, thì điều đó cũng không thể thay đổi quyết tâm của phương Tây do Hoa Kỳ lãnh đạo đối với việc kiềm chế toàn diện sự phát triển của Trung Quốc, cho dù điều này cũng gây tổn hại đến lợi ích của họ. Xung đột thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc đã chứng minh điều này, đặc biệt những gì đã và sẽ diễn ra tới đây trong bối cảnh đại dịch COVID-19 sẽ đẩy quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc đến bờ vực khó cứu vãn.

Thực tế thời gian qua cho thấy, ngay sau khi Trung Quốc công bố Luật an ninh quốc gia đối với Hồng Kông, các cường quốc kinh tế quan trọng nhất thế giới đã lần lượt cùng nhau thu hồi vị thế kinh tế đặc biệt của đặc khu này. Làn sóng tháo chạy của các doanh nghiệp và nguồn vốn khỏi Trung Quốc diễn ra đồng thời với quyết định của các nước. Việc thông qua Luật an ninh quốc gia là “đấu chấm hết cho thời kỳ thịnh vượng của Hồng Kông”. Trước diễn biến hiện nay, các nước phương Tây, nhất là Hoa Kỳ, đưa ra một số yêu cầu đối với Trung Quốc trong vấn đề Hồng Kông như sau: *một là*, chính sách đối với Hồng Kông phải minh bạch, thống nhất, diễn giải đúng Luật cơ bản; *hai là*, phải có một cơ chế thống nhất để làm việc, sở dĩ xuất hiện nhiều vấn đề ở Hồng Kông tới mức như vậy là vì có nhiều cơ quan của Đại lục cùng can dự vào các vấn đề của Hồng Kông; *ba là*, quyết sách phải tôn trọng nguyên tắc chung, việc sửa đổi Dự luật dẫn độ được đưa ra trong tình trạng chưa được kiểm chứng đầy đủ, khi vấp phải sự phản đối thì nhanh chóng bị rút lại; *bốn là*, phải tôn trọng thể chế hiện nay của Hồng Kông bởi đó là sự tôn trọng chính Trung Quốc. Tuy nhiên, những yêu cầu này khó được Trung Quốc đáp ứng.

Trong khi đó, trước khi Trung Quốc thông qua Luật an ninh quốc gia đối với Hồng Kông, ngày 29/6/2020, Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Wilbur Ross đã đưa ra tuyên bố rằng các quy định của Bộ này về việc trao cho Hồng Kông quy chế đãi ngộ, trong đó có quy định miễn giấy phép xuất khẩu, sẽ bị đình chỉ ngay khi Trung Quốc thông qua Luật an ninh quốc gia đối với Hồng Kông. Theo tuyên bố của Bộ trưởng W. Ross, những hành động tiếp theo nhằm chấm dứt quy chế đối xử đặc biệt dành cho Hồng Kông cũng đang được đánh giá trong bối cảnh Hoa Kỳ tăng cường gây sức ép với Trung Quốc liên quan đến quyết định áp đặt Luật an ninh quốc gia đối với vùng lãnh thổ này. Ngày 03/7/2020, Hạ viện Hoa Kỳ đã nhất trí về các biện pháp trừng phạt cứng rắn đối với các quan chức Trung Quốc và cảnh sát Hồng Kông sau khi Trung Quốc áp đặt Luật an ninh quốc gia nhằm trấn áp tình trạng bất ổn tại đặc khu này. Cụ thể trước đó, ngày 01 tháng 7, tức một ngày sau khi chính quyền Hồng Kông bắt giữ hàng trăm người biểu tình, Hạ viện Hoa Kỳ nhanh chóng thông qua dự luật đã được Thượng viện Hoa Kỳ thông qua vào tuần trước đó. Do có sự thay đổi về thủ tục, Thượng viện Hoa Kỳ cần phải bỏ phiếu một lần nữa. Sau đó Thượng viện

cũng nhất trí thông qua dự luật này hôm 02 tháng 7 và đệ trình lên Nhà Trắng để Tổng thống Donald Trump ký ban hành thành luật.

Ngày 07/7/2020, Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo tuyên bố Hoa Kỳ sẽ làm tất cả để bảo vệ người dân Hồng Kông, những người cần quyền tự do cơ bản. Ông M. Pompeo lưu ý rằng Vương quốc Anh - nước cai trị Hồng Kông cho đến năm 1997 - đã nhất trí đón nhận đến “3 triệu người có khả năng muốn rời khỏi” vùng lãnh thổ này; đồng thời ông nhấn mạnh: “Về phần mình, Hoa Kỳ sẽ làm tất cả có thể để bảo vệ những người đang tham gia các hoạt động đơn giản là đòi hỏi những quyền tự do cơ bản, bình thường nhất”. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo tiếp tục cho rằng Trung Quốc đã không thực hiện đầy đủ các cam kết liên quan đến việc duy trì mức độ tự trị cao của Hồng Kông sau năm 1997. Ông đồng thời khẳng định Hoa Kỳ sẽ áp dụng các biện pháp nhằm truy cứu trách nhiệm đối với những cá nhân mà phía Hoa Kỳ cho là có liên quan đến các quyết định làm suy giảm quyền tự trị của Hồng Kông [U.S. Department of State, 2020]. Trong bài phát biểu trước Thượng viện Hoa Kỳ để vận động cho dự luật, Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ Chris Van Hollen, một nhà ủng hộ hàng đầu cho Đạo luật tự trị Hồng Kông³, đã khẳng định: “Đây là thời điểm mang tính cấp bách. Và thời điểm hiện nay không thể thích hợp hơn”. Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa Pat Toomey nói: “Thông qua dự luật này, Thượng viện cho thấy rõ rằng chúng ta đang đứng về bên nào” [27]. Dự luật này kêu gọi trừng phạt các quan chức, cá nhân vi phạm quyền tự trị của Hồng Kông, và các định chế tài chính có giao dịch với những người bị phát hiện tham gia bất kỳ cuộc trấn áp nào tại thành phố này. Các nghị sĩ cho biết việc dự luật được đệ trình gấp lên Quốc hội là do các hành động mới đây của Trung Quốc và nhằm thể hiện sự ủng hộ với những người biểu tình ở Hồng Kông. Sau khi Luật an ninh quốc gia có hiệu lực từ ngày 30/6/2020, các cuộc tuần hành phản đối vẫn tiếp tục diễn ra. Ngày 2/7/2020, hàng nghìn người đã tham gia biểu tình tại Hồng Kông; trong đó, một số người hô các khẩu hiệu ủng hộ độc lập cho Hồng Kông, bất chấp nguy cơ bị xử lý theo quy định mới. Cùng thời điểm, Trung

³. Đạo luật tự trị Hồng Kông được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua ngày 25/6/2020, theo đó Chính phủ Hoa Kỳ sẽ áp đặt các biện pháp trừng phạt các cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc Trung Quốc kìm hãm quyền tự trị của Hồng Kông (BT).

Quốc nhiều lần yêu cầu Hoa Kỳ chấm dứt can thiệp vào các vấn đề của Hồng Kông [Báo Nhân Dân điện tử, 2020]. Hoa Kỳ đã bắt đầu hủy bỏ quy chế đặc biệt của Hồng Kông, ngừng xuất khẩu vũ khí và hạn chế thành phố này tiếp cận các sản phẩm công nghệ cao.

Ngày 14/7/2020, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã ký sắc lệnh yêu cầu chấm dứt quy chế ưu đãi thương mại đặc biệt dành cho Đặc khu hành chính Hồng Kông. Đây được coi là bước đi nhằm trừng phạt Trung Quốc sau khi quốc gia này ban hành và thực thi Luật an ninh quốc gia tại Hồng Kông từ cuối tháng 6/2020. Ngoài việc gây thêm căng thẳng trong mối quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ, động thái trên của Hoa Kỳ cũng tạo ra các cuộc thảo luận sôi nổi trên diễn đàn chính trị Hồng Kông. Theo báo *HK01* (Hồng Kông), việc Chính phủ Hoa Kỳ chấm dứt địa vị đặc biệt của Hồng Kông theo luật pháp Hoa Kỳ đã gây ra những lo ngại cho người dân Hồng Kông về việc mất đi địa vị trung tâm tài chính quốc tế của đặc khu. Tuy nhiên, một số học giả Hồng Kông cho rằng mức độ trừng phạt của Hoa Kỳ lần này ít hơn dự kiến và tác động đến tình hình tài chính Hồng Kông là có hạn.

Ngày 16/3/2021, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã cập nhật các lệnh trừng phạt theo Đạo luật tự trị Hồng Kông, đưa vào danh sách thêm 24 quan chức tham gia soạn thảo hoặc thực thi Luật an ninh quốc gia đầy tranh cãi đang được áp dụng ở thành phố này. Trung Quốc gần đây đã thông qua nhiều thay đổi nhằm cải cách sâu rộng quy trình bầu cử tại Hồng Kông, song những biện pháp trừng phạt mới nhất của Hoa Kỳ để trả đũa việc Đại lục lấn át quyền của Hồng Kông lại vẫn được cân nhắc khá kỹ và chỉ dừng ở mức độ nhằm vào một số cá nhân. Danh sách trừng phạt mà Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa ra theo Đạo luật tự trị Hồng Kông trước đây chỉ gồm 10 cá nhân. Số 24 quan chức vừa được thêm vào danh sách này gồm 15 thành viên của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc, 1 ủy viên Trung ương tại Hồng Kông, 1 thành viên Văn phòng các vấn đề Hồng Kông và Ma Cao cùng 7 nhân vật thuộc các cơ quan an ninh quốc gia tại cả Đại lục và Hồng Kông. Những quan chức bị đưa vào danh sách lần này lại trùng với các cá nhân mà Văn phòng Kiểm soát tài sản nước ngoài của Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa vào danh sách “Những công dân cần giám sát đặc biệt” hồi tháng 12/2020 do liên đới “Sắc

lệnh Hành pháp bình thường hóa Hồng Kông” dưới thời Tổng thống Donald Trump. Tuy nhiên, việc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa những cá nhân nói trên vào danh sách trừng phạt mới lại khiến họ không còn bị định danh là “Công dân bị giám sát đặc biệt” nữa theo cả Đạo luật tự trị Hồng Kông và Sắc lệnh Hành pháp; theo đó, các biện pháp trừng phạt có thể được mở rộng, cho phép các lệnh trừng phạt gián tiếp được áp dụng đối với các tổ chức tài chính. Chính quyền của Tổng thống Joe Biden đang phát đi tín hiệu cho thấy họ sẽ vẫn coi trọng vấn đề Hồng Kông như thời người tiền nhiệm. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken và Cố vấn An ninh quốc gia Hoa Kỳ Jake Sullivan có cuộc gặp với những người đồng cấp Trung Quốc ở Alaska trong 2 ngày 18 và 19/3/2021. Đây là cuộc gặp song phương lớn đầu tiên giữa hai nước dưới thời Tổng thống J. Biden. Việc Hoa Kỳ đưa ra các biện pháp trừng phạt mới chỉ một ngày trước khi cuộc họp này diễn ra cho thấy chính quyền J. Biden, giống như người tiền nhiệm của mình, sẽ tiếp tục coi trọng vấn đề Hồng Kông trong tương quan mối quan hệ với Trung Quốc. Việc Hoa Kỳ có sự ủng hộ lưỡng đảng trong việc phải có chính sách cứng rắn với Trung Quốc cũng như việc Tổng thống J. Biden coi trọng mối quan hệ đa phương với các đồng minh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cho thấy quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc sẽ tiếp tục căng thẳng dưới thời Tổng thống J. Biden về nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề Hồng Kông. Các biện pháp trừng phạt mà Hoa Kỳ đưa ra ngày 16/3/2021 là những bước tiếp theo sau khi đã công khai ủng hộ các đồng minh như Nhật Bản và Ôxtrâyliia đối phó với sự nổi lên của Trung Quốc trong khu vực. Hoa Kỳ nhắm vào những cá nhân có vai trò trong cuộc khủng hoảng chính trị Hồng Kông, vì vậy các tổ chức tài chính tại đây giao dịch với những cá nhân này cũng sẽ đối mặt với việc gia tăng nguy cơ bị trừng phạt gián tiếp. Ngoại trưởng Hoa Kỳ A. Blinken đã công khai cảnh báo rằng các tổ chức tài chính nước ngoài cũng có thể bị trừng phạt nếu họ thực hiện nhiều giao dịch đáng kể với các cá nhân vừa bị Hoa Kỳ bổ sung vào danh sách trừng phạt. Như vậy, các tổ chức tài chính hoạt động tại Hồng Kông sẽ phải nỗ lực hơn nữa nhằm bảo đảm không bị liên lụy thông qua việc giám sát chặt chẽ các khách hàng hiện tại của họ cũng như kiểm tra kỹ thông tin của các khách hàng mới. Sau khi Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố danh sách các cá nhân bị trừng phạt, Chính

phủ Hoa Kỳ đã có 60 ngày trước khi chính thức đệ trình báo cáo lên Quốc hội về bất kỳ tổ chức tài chính nào có liên quan tới những cá nhân vừa bị đưa vào danh sách trừng phạt. Kể từ khi Đạo luật tự trị Hồng Kông của Hoa Kỳ được thông qua, các tổ chức tài chính tại thành phố này đã kiểm tra gắt gao danh sách khách hàng của mình bởi lo ngại về cả hai khả năng bị Hoa Kỳ áp dụng biện pháp trừng phạt và rơi vào rắc rối vì những tài sản của các nhà hoạt động dân chủ, nếu chiếu theo Luật an ninh quốc gia. Trước đó, tháng 12/2020, Bộ Tài chính Hoa Kỳ cho biết: chưa xác định bất kỳ ngân hàng hay tổ chức tài chính nào có liên quan tới 10 cá nhân bị định danh trong danh sách trừng phạt của Hoa Kỳ.

Về phía mình, Trung Quốc nhấn mạnh Luật an ninh quốc gia mà nước này áp dụng cho Hồng Kông không làm tổn hại đến các quyền của Hồng Kông mà chỉ giúp khôi phục sự ổn định sau nhiều tháng bất ổn vì các cuộc biểu tình ủng hộ dân chủ. Với việc áp dụng Luật an ninh quốc gia, thật ra đối tượng trừng trị của Trung Quốc không phải là những tiếng nói hiếm hoi đòi độc lập. Chính vì muốn bảo vệ an toàn cho chế độ chính trị mà Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình mới xem chiến tranh thương mại do Hoa Kỳ phát động cũng như nghị quyết của Quốc hội Hoa Kỳ chống Trung Quốc, nhất là tại Tân Cương, đã chà đạp nhân quyền và là những yếu tố làm tăng thêm rủi ro cản trở Trung Quốc thực hiện tham vọng chiếm vị trí trung tâm trên sân khấu quốc tế. Do vậy, họ cần phải xóa bỏ ngay phong trào phản kháng tại Hồng Kông. Trong bối cảnh Hoa Kỳ và châu Âu bận tâm chống dịch, COVID-19 đúng là cơ hội “trời cho” để Trung Quốc ra tay thách thức. Phản ứng trước việc Hoa Kỳ thông qua Đạo luật tự trị Hồng Kông, ngay trong ngày 02 tháng 7, Trung Quốc bày tỏ thái độ “rất tiếc và kiên quyết phản đối” dự luật của Hoa Kỳ, đồng thời nói thêm rằng các vấn đề Hồng Kông là vấn đề nội bộ của Trung Quốc. Theo Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Triệu Lập Kiên, Trung Quốc kêu gọi Hoa Kỳ “ngừng can thiệp vào các vấn đề Hồng Kông” và sẽ “có biện pháp đối phó mạnh mẽ” nếu Hoa Kỳ tiếp tục thực thi các dự luật liên quan [Thông tấn xã Việt Nam, 2020a]. Về phía chính quyền Hồng Kông, ngày 15/7/2020, bà Diệp Lưu Thục Nghi (Regina Ip Lau Suk-ye), thành viên Hội đồng Hành pháp Hồng Kông và Chủ tịch Đảng Tân Dân, đã chỉ trích các biện pháp của Hoa Kỳ liên quan đến Luật an ninh

quốc gia, cho rằng những biện pháp này can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc và không phản ánh đúng địa vị hiến chế của Đặc khu Hành chính Hồng Kông. Bà cho rằng các biện pháp của Hoa Kỳ có thể ảnh hưởng đến hợp tác học thuật và tư pháp giữa Hồng Kông với Hoa Kỳ, nhưng sẽ không làm suy giảm vị thế của Hồng Kông với tư cách là một trung tâm tài chính quốc tế. Đồng thời, bà khẳng định Chính phủ Trung Quốc và chính quyền Đặc khu sẽ có các biện pháp đáp trả phù hợp đối với các động thái trừng phạt của Hoa Kỳ [Thông tấn xã Việt Nam, 2020 b].

3.3.2. Phản ứng của một số quốc gia và tổ chức quốc tế khác đối với quá trình biến động chính trị tại Hồng Kông

Hàn Quốc: Ngày 30/6/2020, sau khi Trung Quốc thông qua Luật an ninh quốc gia được cho là nhằm thắt chặt kiểm soát tại vùng lãnh thổ tự trị, Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cho rằng điều quan trọng là Hồng Kông được hưởng “mức độ tự trị cao”. Trong cuộc họp báo, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Hàn Quốc Kim In-chul khẳng định Chính phủ Hàn Quốc tôn trọng Tuyên bố chung Trung - Anh năm 1984 và Luật Cơ bản của Hồng Kông, đồng thời cho rằng điều quan trọng là Hồng Kông tiếp tục duy trì sự ổn định, thịnh vượng và mức độ tự trị cao theo nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ" [Thông tấn xã Việt Nam, 2020c]. Hàn Quốc tái khẳng định rằng Hồng Kông là một khu vực quan trọng có mối quan hệ chặt chẽ với Hàn Quốc về mặt trao đổi nhân dân và kinh tế. Ông Kim In-chul cho biết Hàn Quốc đang "theo dõi chặt chẽ" việc thực thi Luật an ninh quốc gia và các tác động của đạo luật này [Thông tấn xã Việt Nam, 2020c]. Bộ Ngoại giao Hàn Quốc còn chỉ ra tầm quan trọng của mối quan hệ ổn định và hòa giải giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, dường như đề cập quyết định của Hoa Kỳ đình chỉ quy chế đối xử ưu đãi đối với Hồng Kông là một dấu hiệu rõ ràng phản đối luật mới của Trung Quốc.

Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO): Ngay trong ngày 30/6/2020, Tổng thư ký Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) Jens Stoltenberg đã chỉ trích Luật an ninh quốc gia của Trung Quốc dành cho Đặc khu Hồng Kông, đồng thời cho rằng Trung Quốc đang làm suy yếu quyền tự trị của vùng lãnh thổ này. Trong bài phát biểu tại một diễn đàn trực tuyến, ông J. Stoltenberg còn khẳng định:

“Rõ ràng rằng Trung Quốc không chia sẻ các giá trị của chúng tôi - như dân chủ, tự do và pháp quyền... Luật an ninh quốc gia mới làm suy yếu quyền tự trị của Hồng Kông” [32]. Trong ngày 30/6/2020, Liên minh châu Âu cũng đưa ra cảnh báo về những hậu quả nghiêm trọng đối với Trung Quốc, song không nêu nội dung cụ thể.

Nhật Bản: Ngày 02/7/2020, Chánh Văn phòng Nội các Nhật Bản Yoshihide Suga cho biết: Nhật Bản theo dõi các sự kiện ở Hồng Kông với “sự quan tâm cao”, trong bối cảnh cảnh sát Đặc khu hành chính Hồng Kông đang tăng cường các vụ bắt bớ sau khi Trung Quốc áp đặt Luật an ninh quốc gia tại đây. Ông Y. Suga nhấn mạnh rằng quan hệ kinh doanh chặt chẽ của Nhật Bản với Hồng Kông được dựa trên cơ chế “Một nước, hai chế độ” của Hồng Kông. Luật mới do Trung Quốc “áp đặt” đối với Hồng Kông sẽ trừng phạt các tội ly khai, lật đổ chính quyền, khủng bố và thông đồng với các lực lượng nước ngoài với hình phạt cao nhất là tù chung thân. Ngày 13/8/2020, Ngoại trưởng Nhật Bản Toshimitsu Motegi tuyên bố rằng những vụ bắt giữ đối với nhà hoạt động dân chủ Hồng Kông Châu Đình và ông trùm truyền thông Lê Trí Anh đã làm dấy lên quan ngại về các quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí ở Hồng Kông.

Anh: Ngày 03/7/2020, Thủ tướng Anh Boris Johnson cho rằng nước Anh cần phải phải bảo vệ người dân Hồng Kông. Ông B. Johnson nhấn mạnh: phải bảo vệ những “người bạn của chúng ta ở Hồng Kông,... bảo vệ sự tự do, quyền tập hợp cho đến quyền tự do phát ngôn của họ. Năm 1984, chúng ta đã đưa ra cam kết bảo vệ họ... để bảo đảm rằng chúng ta sát cánh với họ, và chúng ta sẽ thực hiện điều đó” [32]. Ngay sau đó, Nhật báo *Times* đưa tin Anh sẽ hủy bỏ thỏa thuận dẫn độ với Hồng Kông kể từ ngày 20 tháng 7 để đáp trả Luật an ninh quốc gia được Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua vào cuối tháng trước - đối với đặc khu này. Theo Nhật báo *Times*, Ngoại trưởng Anh Dominic Raab sẽ công bố quyết định trên trước Hạ viện Anh trong cùng ngày.

Ngày 08/4/2021, Anh đã cam kết đưa ra khoản tiền 43 triệu bảng Anh (tương đương khoảng 59 triệu USD) để giúp những người đến từ Hồng Kông tìm việc làm, nhà ở và trường học theo một sáng kiến cho phép hàng triệu người Hồng Kông tái định cư sau khi Trung Quốc áp đặt Luật an ninh quốc gia mới ở đặc khu này. Dự

kiến phần lớn số tiền trên sẽ được chính quyền địa phương chi cho các chương trình hỗ trợ học tiếng Anh và chi phí nhà ở cho những người mới đến. Chính phủ Anh cũng sẽ thành lập 12 văn phòng khu vực trên không gian mạng để hỗ trợ một số công việc như đăng ký chăm sóc sức khỏe và trường học; đồng thời tư vấn về cách thành lập doanh nghiệp ở Anh. Bộ trưởng phụ trách các vấn đề cộng đồng của Anh Robert Jenrick khẳng định: “Chương trình này sẽ bảo đảm những người có quốc tịch Anh (ở nước ngoài) và gia đình của họ có một khởi đầu tốt nhất ngay khi họ đến nơi, đồng thời hỗ trợ để giúp họ tìm nhà, trường học cho con cái, cơ hội và sự thịnh vượng”.

Ôxtrâylia: Ngày 09/7/2020, Chính phủ Ôxtrâylia tuyên bố đình chỉ thỏa thuận dẫn độ với Đặc khu Hồng Kông và Chính phủ Trung Quốc. Trong thông báo, Thủ tướng Ôxtrâylia Scott Morrison cho biết Luật an ninh quốc gia mà Trung Quốc mới áp dụng tại Hồng Kông thể hiện “một sự thay đổi tình huống cơ bản” đối với nhiều chính phủ trên khắp thế giới. Bên cạnh đó, ông S. Morrison cũng nêu lên sự quan ngại rằng do hậu quả của Luật an ninh quốc gia mới, nhiều người dân Hồng Kông sẽ tìm cách chuyển ra nước ngoài sinh sống, thay vì lựa chọn ở lại. Sau khi bàn bạc và thống nhất, Ủy ban Nội các an ninh Ôxtrâylia nhất trí đưa ra quyết định nói trên và đã chính thức thông báo với chính quyền Hồng Kông và Trung Quốc. Ông S. Morrison cũng cho biết, thị thực cho người Hồng Kông đang sinh sống ở Ôxtrâylia sẽ được gia hạn thêm 5 năm và người dân Hồng Kông đang du học hoặc sinh sống theo diện thị thực lao động tại nước này có thể được xem xét cấp quy chế cư trú vĩnh viễn, đồng thời đề nghị các doanh nghiệp nên chuyển từ Hồng Kông đến Ôxtrâylia. Ôxtrâylia cũng cập nhật khuyến cáo du lịch đối với công dân tới Hồng Kông, trích dẫn các câu hỏi về việc giải thích Luật an ninh quốc gia và nguy cơ người Ôxtrâylia bị bắt giữ (theo Luật an ninh quốc gia) và bị đưa sang Trung Quốc đại lục để truy tố. Thủ tướng Australia Scott Morrison cho biết các quyết định của Chính phủ Australia được đưa ra nhằm phản ứng trước những tác động mà Luật an ninh quốc gia có thể gây ra đối với mức độ tự trị và môi trường pháp lý của Hồng Kông. Ông khẳng định Australia, cùng với nhiều quốc gia khác, đã nhiều lần bày tỏ quan ngại về việc ban hành và thực thi đạo luật này [Thông tấn xã Việt Nam,

2020d]. Chính phủ Ôxtrâyliia không mong đợi số lượng lớn các đơn xin cấp thị thực mới từ Hồng Kông và các quy trình phê duyệt cũng như xin cấp thị thực sẽ không thay đổi. Động thái của Ôxtrâyliia không triệt để như quyết định của Anh về việc mở đường cho khoảng 3 triệu người Hồng Kông trở thành công dân Anh, song cũng góp phần phản ánh mối quan tâm toàn cầu về luật mới của Trung Quốc đối với lãnh thổ Đặc khu Hồng Kông.

Niu Dilân: Ngày 9/7/2020, Chính phủ Niu Di-lân thông báo đang rà soát một số cơ chế hợp tác với Hồng Kông, bao gồm các thỏa thuận dẫn độ, kiểm soát xuất khẩu đối với các mặt hàng chiến lược và khuyến cáo du lịch. Ngoại trưởng Winston Peters cho rằng việc Trung Quốc ban hành Luật an ninh quốc gia đã làm thay đổi đáng kể bối cảnh thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến Hồng Kông, qua đó trở thành cơ sở để Niu Di-lân xem xét điều chỉnh một số chính sách đối với Đặc khu này [Thông tấn xã Việt Nam, 2020e]. Ngày 28/7/2020, Ngoại trưởng Niu Dilân Winston Peters tuyên bố đình chỉ hiệp ước dẫn độ với Đặc khu Hồng Kông cũng như đưa ra một số sửa đổi trong bối cảnh Trung Quốc quyết định thông qua Luật an ninh quốc gia tại đây. Ông W. Peters cho biết, Niu Dilân sẽ xử lý hàng hóa quân sự cũng như thiết bị công nghệ được thiết kế phù hợp cho cả mục đích dân sự và quân sự xuất khẩu tới Hồng Kông như cách thức xử lý những mặt hàng xuất khẩu tới Trung Quốc. Bên cạnh đó, khuyến cáo đi lại cũng đã được cập nhật nhằm cảnh báo công dân Niu Dilân cảnh giác trước những nguy cơ từ Luật an ninh quốc gia mới được áp dụng tại Hồng Kông.

Liên minh châu Âu (EU): Ngày 13/7/2020, các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) đã đồng ý xem xét việc hạn chế xuất khẩu những thiết bị có thể được sử dụng để đàn áp chính trị sang Hồng Kông⁴ trong bối cảnh Chính phủ Trung Quốc áp đặt Luật an ninh quốc gia tại đặc khu hành chính này. Ngoài ra, các thành viên EU cũng sẽ rà soát lại các thỏa thuận về dẫn độ và thị thực với Hồng Kông sau khi Trung Quốc áp đặt luật này, hành động bị chỉ trích là hạn chế nghiêm trọng các quyền tự chủ và tự do tương đối lâu nay đã áp dụng tại trung tâm tài chính châu Á

⁴. Ngày 28/7/2020, EU chính thức tuyên bố hạn chế xuất khẩu sang Hồng Kông các thiết bị có thể được sử dụng để theo dõi và trấn áp.

này. Đại diện cấp cao về chính sách an ninh và đối ngoại của EU Josep Borrell cho biết, phiên bản cuối cùng của Luật an ninh quốc gia “hà khắc hơn dự kiến” và các ngoại trưởng của khối đã nhóm họp tại Brussels (Bi) và đồng ý làm việc về một phản ứng đồng bộ của châu Âu. Ông J. Borrell chỉ rõ thông điệp của EU trong bối cảnh này có tính hai mặt. Với người dân Hồng Kông là sự hỗ trợ của EU về quyền tự chủ và tự do cơ bản của họ, EU sẽ tiếp tục sát cánh với người dân nơi đây. Với Trung Quốc, thông điệp được đưa ra là các hành động gần đây của quốc gia này đã làm thay đổi các quy tắc, điều này đặt ra vấn đề phải xem xét lại cách tiếp cận của EU và rõ ràng chúng sẽ có tác động đến mối quan hệ giữa hai bên. Cùng với việc hạn chế xuất khẩu các hàng hóa có thể dùng để đàn áp chính trị, EU cũng sẽ đưa ra các biện pháp hỗ trợ người dân Hồng Kông, bằng cách cho phép họ tới châu Âu một cách dễ dàng hơn thông qua việc cấp thị thực, học bổng và trao đổi học thuật.

Ngày 21/01/2021, Nghị viện châu Âu (EP) đã thông qua một nghị quyết kêu gọi “các lệnh trừng phạt có mục tiêu” đối với các quan chức Trung Quốc và Hồng Kông chịu trách nhiệm về việc bắt giữ các nhà hoạt động dân chủ Hồng Kông.

Ngày 05/3/2021, Liên minh châu Âu (EU) tuyên bố rằng các đề xuất cải tổ hệ thống bầu cử tại Đặc khu Hồng Kông sẽ ảnh hưởng đến nguyên tắc dân chủ và làm suy giảm mức độ tự trị của Đặc khu. Theo EU, các đề xuất này "có khả năng sẽ tạo ra những hệ quả tiêu cực sâu rộng đối với các nguyên tắc dân chủ cũng như các đại diện được bầu một cách dân chủ tại Hồng Kông", đồng thời đi ngược lại các cam kết trước đây liên quan đến cơ chế bầu cử của Đặc khu. EU cũng khẳng định sẵn sàng xem xét các biện pháp bổ sung nhằm ứng phó với tình trạng suy giảm các quyền tự do chính trị và quyền con người tại Hồng Kông [Nghị viện châu Âu, 2021, tr. 4].

Ngày 31/7/2020, Chính phủ Đức quyết định đình chỉ Hiệp định dẫn độ với Hồng Kông sau khi chính quyền Đặc khu thông báo hoãn cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp với lý do đại dịch COVID-19. Giải thích về quyết định này, Ngoại trưởng Đức Heiko Maas nhấn mạnh: "Chúng tôi nhiều lần khẳng định kỳ vọng Trung Quốc thực hiện các nghĩa vụ theo luật pháp quốc tế. Điều đó bao gồm việc bảo đảm các quyền và quyền tự do được Luật Cơ bản của Hồng Kông quy định, đặc biệt là quyền được tham gia các cuộc bầu cử tự do và công bằng" [Bộ Ngoại giao Đức,

2020]. Theo Ngoại trưởng Đức, quyết định của chính quyền Hồng Kông về việc loại trên 10 ứng cử viên đối lập khỏi cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp là hành động cắt giảm tiếp nữa quyền của người dân Hồng Kông. Động thái này được đưa ra tiếp sau vụ 4 nhà hoạt động Hồng Kông bị Cơ quan An ninh quốc gia mới thành lập bắt giữ, điều khiến Đức hết sức quan ngại.

Pháp: Ngày 03/8/2020, Chính phủ Pháp thông báo ngừng quá trình phê chuẩn Hiệp định dẫn độ với Hồng Kông sau khi Trung Quốc ban hành Luật An ninh quốc gia đối với Đặc khu. Trong thông cáo chính thức, Bộ Ngoại giao Pháp khẳng định: "Xét tới những diễn biến mới nhất, Pháp sẽ không tiếp tục quá trình phê chuẩn Hiệp định dẫn độ được ký ngày 4/5/2017 giữa Pháp và Đặc khu Hành chính Hồng Kông" [Bộ Ngoại giao Pháp, 2020].

Ireland: Ngày 23/10/2020, Chính phủ Ireland thông báo đình chỉ Hiệp định dẫn độ với Hồng Kông. Phát biểu trước Quốc hội Ireland, Ngoại trưởng Simon Coveney cho rằng Luật an ninh quốc gia đã được ban hành mà không có sự tham vấn đầy đủ của người dân Hồng Kông và bày tỏ quan ngại về những tác động của luật này đối với nguyên tắc pháp quyền và tính độc lập của hệ thống tư pháp. Ông nhấn mạnh rằng quyết định đình chỉ Hiệp định dẫn độ là "một tín hiệu rõ ràng về những quan ngại của Ireland đối với pháp quyền và sự xói mòn tính độc lập của hệ thống tư pháp tại Hồng Kông, vốn đã được cam kết theo nguyên tắc 'Một quốc gia, hai chế độ'" [Bộ Ngoại giao Ireland, 2020]

Canada: Ngày 03/7/2020, Canada cũng thông báo sẽ dừng thực thi hiệp ước dẫn độ giữa Canada và Hồng Kông, đồng thời không cho phép xuất khẩu các sản phẩm quân sự nhạy cảm sang đặc khu hành chính này, lý do là vì Trung Quốc áp đặt Luật an ninh quốc gia mới tại Hồng Kông. Thủ tướng Canada Justin Trudeau ngay trong ngày 03/7/2020 cho biết, Canada áp dụng thêm các biện pháp bổ sung liên quan đến nhập cư để hỗ trợ người dân Hồng Kông muốn “thoát khỏi” đặc khu này. Tuy nhiên, ông J. Trudeau không công bố chi tiết, cụ thể về biện pháp nhập cư nêu trên. Ngoại trưởng Canada François Philippe Champagne cho biết Canada thực thi các biện pháp trên do Luật an ninh quốc gia mà Trung Quốc mới áp dụng tại Hồng Kông vi phạm những ý kiến chỉ trích cho rằng sẽ lấy đi quyền tự trị Trung

Quốc đã hứa trao cho đặc khu này hồi năm 1997. Theo ông F. Champagne, Luật an ninh quốc gia đối với Hồng Kông đã bỏ qua lời cam kết của Trung Quốc về chính sách “Một nước, hai chế độ” tại đặc khu này. Thông báo trên của Canada được đưa ra sau khi các đồng minh của nước này, như Hoa Kỳ, Anh và Ôxtrâyliia đều đã có hành động phản đối Luật an ninh quốc gia mới của Trung Quốc. Ngày 12/11/2020, Canada tuyên bố sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để tăng lớp thanh niên Hồng Kông có thể học tập và làm việc tại quốc gia Bắc Mỹ này. Theo đó, bất cứ cư dân Hồng Kông nào tốt nghiệp đại học trong 3 năm qua đều có thể nộp đơn xin việc làm tại Canada trong 3 năm và sẽ được tạo điều kiện thuận lợi hơn để có thể được cấp thẻ Thường trú nhân ở Canada. Canada cũng sẽ đẩy nhanh quy trình xử lý đề vơ/chồng và con cái của các cư dân này có thể đến Canada. Trước đó, từ ngày 06/11/2020, Canada bắt đầu mở cửa đối với người tị nạn Hồng Kông. Trong đó, Canada đã bắt đầu chấp nhận các nhà hoạt động dân chủ của Đặc khu Hồng Kông là người tị nạn.

Liên minh tình báo Five Eyes: Ngày 18/11/2020, ngoại trưởng năm nước thuộc liên minh tình báo Five Eyes (gồm Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada, Australia và New Zealand) đã ra tuyên bố chung bày tỏ quan ngại sâu sắc trước quyết định của Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Trung Quốc về việc bãi nhiệm các nghị sĩ đối lập tại Hội đồng Lập pháp Hồng Kông. Tuyên bố cho rằng động thái này làm suy giảm đáng kể mức độ tự trị cao, các quyền và quyền tự do được bảo đảm theo Luật Cơ bản và Tuyên bố chung Trung Quốc - Anh. Đồng thời, các ngoại trưởng nhấn mạnh: "Chúng tôi kêu gọi Chính phủ Trung Quốc xem xét lại những hành động chống lại cơ quan lập pháp được bầu của Hồng Kông và ngay lập tức phục hồi tư cách của các thành viên Hội đồng Lập pháp" [Foreign, Commonwealth & Development Office, 2020].

Nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7): Ngày 12/3/2021, ngoại trưởng Nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7, gồm Canada, Pháp, Đức, Italy, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ) cùng Đại diện cấp cao của Liên minh châu Âu về Chính sách Đối ngoại và An ninh đã ra tuyên bố chung bày tỏ quan ngại sâu sắc trước quyết định của Trung Quốc về việc

cải cách hệ thống bầu cử tại Hồng Kông. Tuyên bố cho rằng quyết định này làm suy giảm đáng kể các yếu tố dân chủ trong hệ thống bầu cử và phản ánh xu hướng thu hẹp không gian dành cho các quan điểm đối lập tại Đặc khu. Đồng thời, tuyên bố nhấn mạnh: "Những thay đổi được Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Trung Quốc thông qua, cùng với việc bắt giữ hàng loạt các nhà hoạt động và chính trị gia ủng hộ dân chủ, làm suy yếu mức độ tự trị cao của Hồng Kông theo nguyên tắc 'Một quốc gia, hai chế độ'. Gói biện pháp này cũng làm suy giảm tính đa nguyên chính trị, đi ngược mục tiêu phổ thông đầu phiếu được quy định trong Luật Cơ bản và ảnh hưởng đến quyền tự do ngôn luận được bảo đảm trong Tuyên bố chung Trung Quốc – Anh" [Ngoại trưởng Nhóm G7 và Đại diện cấp cao của Liên minh châu Âu, 2021]. Các ngoại trưởng G7 và đại diện cấp cao của EU kêu gọi Trung Quốc hành động phù hợp với Tuyên bố chung Trung Quốc - Anh và các nghĩa vụ pháp lý khác của nước này, đồng thời tôn trọng các quyền cơ bản và quyền tự do ở Hồng Kông như được quy định trong Luật cơ bản. Các quan chức trên cũng kêu gọi Trung Quốc và chính quyền Hồng Kông khôi phục niềm tin vào các thể chế chính trị của Hồng Kông và chấm dứt sự áp bức tùy tiện đối với những người thúc đẩy các giá trị dân chủ, bảo vệ các quyền cơ bản và quyền tự do.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN): Tổ chức này không ban hành tuyên bố chung riêng về vấn đề Hồng Kông. Cách tiếp cận này phản ánh nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên cũng như các đối tác, vốn là một trong những chuẩn mực cơ bản của ASEAN. Theo Tiến sĩ Chheang Vannarith, Chủ tịch Viện Tầm nhìn châu Á (Asian Vision Institute), việc ASEAN không đưa ra lập trường công khai về vấn đề Hồng Kông còn xuất phát từ những cân nhắc về lợi ích kinh tế và chiến lược, bởi Trung Quốc là một trong những đối tác kinh tế quan trọng của ASEAN. Ông nhận định: "Vì Trung Quốc là đối tác kinh tế chính của ASEAN, nên việc gây căng thẳng với Trung Quốc không nằm trong lợi ích của khu vực. Lợi ích kinh tế là ưu tiên hàng đầu trong các mối quan hệ đối ngoại của ASEAN" [Chheang Vannarith, 2020].

Campuchia, Lào, Mianma và Philipin đã công khai tuyên bố tôn trọng chủ quyền của Trung Quốc và ủng hộ Luật an ninh quốc gia tại Hồng Kông. Hầu hết các

quốc gia này có quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc và được hưởng lợi từ sự viện trợ và hỗ trợ kinh tế của Trung Quốc, mặc dù có một số nhóm nước vẫn không thoải mái với mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc và sự hiện diện của công nhân Trung Quốc trong khu vực. Ngoài việc là đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN, Trung Quốc đã đầu tư ồ ạt vào Đông Nam Á theo khuôn khổ Sáng kiến “Vành đai và Con đường” đầy tham vọng. Một số dự án đang trong quá trình chuẩn bị gồm có tuyến đường sắt bờ biển phía Đông Malaixia, đường sắt cao tốc Jakarta - Bandung và tuyến đường tàu điện chở khách và hàng hóa ở Lào. Một số ý kiến của các nước ủng hộ Trung Quốc chủ yếu xuất phát từ sự gắn kết đặc biệt với quốc gia này.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên: Triều Tiên vốn coi Trung Quốc là người bảo trợ lớn nhất của họ, không nghi ngờ gì đã hoan nghênh Luật an ninh quốc gia mới đối với Hồng Kông. Ngày 02/7/2020, Báo *Rodong Sinmun* - cơ quan ngôn luận của Đảng Lao động Triều Tiên - đăng bài viết bày tỏ sự ủng hộ đối với Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng Trung Quốc - Hoa Kỳ gia tăng, trong đó có những bất đồng liên quan đến việc Trung Quốc ban hành Luật An ninh quốc gia đối với Hồng Kông. Bài viết nhấn mạnh: "Điều quan trọng nhất là Hoa Kỳ đang bôi nhọ chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, gọi Bắc Kinh là một chế độ độc tài và phủ nhận hoàn toàn chính quyền này... Quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ đang chuyển sang một cuộc đối đầu toàn diện. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ Trung Quốc trong cuộc đối đầu này", đồng thời cho rằng sức ép của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc sẽ không đạt được mục tiêu đề ra. Bài viết cũng nhận định rằng việc Hoa Kỳ gia tăng sức ép trên nhiều lĩnh vực đã khiến quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ rơi vào giai đoạn căng thẳng chưa từng có [Rodong Sinmun, 2020], đồng thời viện dẫn một loạt hành động mà Hoa Kỳ đã thực hiện, trong đó có cả việc Thượng viện Hoa Kỳ thông qua Đạo luật tự trị Hồng Kông để trả đũa Luật an ninh quốc gia.

Bêlarút: Ngày 05/3/2021, Bêlarút đã thay mặt 70 quốc gia trình bày bài diễn văn chung tại kỳ họp thứ 46 của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UNHRC), trong đó nhấn mạnh rằng các công việc của Hồng Kông là công việc nội bộ của Trung Quốc và các thế lực bên ngoài không nên can thiệp vào vấn đề này. Bài diễn văn nêu rõ: “Không can thiệp vào công việc nội bộ của những quốc gia có chủ quyền

là một nguyên tắc quan trọng được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc và là một tiêu chuẩn cơ bản chi phối các mối quan hệ quốc tế. Tuyên bố ủng hộ Trung Quốc thực thi chính sách “Một nước, hai chế độ” ở Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông (HKSAR)... rằng HKSAR là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc và các công việc của Hồng Kông là công việc nội bộ của Trung Quốc, vốn không chịu bất cứ sự can thiệp từ bất kỳ thế lực bên ngoài nào”. Bài diễn văn cũng yêu cầu các bên liên quan tôn trọng chủ quyền của Trung Quốc và chấm dứt can thiệp vào các công việc nội bộ của quốc gia này, trong đó có các công việc của Hồng Kông.

3.4. Ảnh hưởng của biến động chính trị đối với Hồng Kông và Trung Quốc

3.4.1. Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với an ninh, phát triển của Trung Quốc

Một là, vấn đề Hồng Kông tác động trực tiếp đến an ninh chính trị, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc.

Đối với Trung Quốc, các biến động chính trị tại Hồng Kông không chỉ là những bất ổn xã hội diễn ra trong phạm vi một đặc khu hành chính, mà còn được nhìn nhận dưới góc độ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và sự thống nhất lãnh thổ. Nếu như phong trào "Chiếm Trung tâm" (Occupy Central) năm 2014 chủ yếu phản ánh những bất đồng về cải cách chính trị và phương thức lựa chọn Trưởng Đặc khu thì các cuộc biểu tình năm 2019 đã phát triển với quy mô, cường độ và mức độ đối đầu lớn hơn nhiều. Trong quá trình đó, một số khẩu hiệu mang nội dung "tự quyết", "độc lập Hồng Kông", cùng với các hoạt động kêu gọi sự ủng hộ của một số quốc gia và tổ chức bên ngoài, khiến Chính phủ Trung ương Trung Quốc cho rằng bản chất của vấn đề không còn đơn thuần là mâu thuẫn xã hội hay tranh chấp về chính sách, mà đã chuyển thành thách thức trực tiếp đối với chủ quyền quốc gia, hiệu lực quản trị và an ninh chính trị của Nhà nước Trung Quốc.

Từ nhận thức đó, Trung Quốc từng bước điều chỉnh cách tiếp cận đối với vấn đề Hồng Kông theo hướng coi bảo đảm an ninh quốc gia là điều kiện tiên quyết để duy trì ổn định và phát triển lâu dài của đặc khu. Đây là cơ sở để Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thông qua Quyết định về việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi nhằm bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu hành chính

Hồng Kông (tháng 5/2020), tiếp đó là việc ban hành Luật an ninh quốc gia có hiệu lực từ ngày 30/6/2020. Đồng thời, Trung Quốc tiến hành cải cách chế độ bầu cử, hoàn thiện cơ chế thực hiện nguyên tắc "những người yêu nước quản lý Hồng Kông" và tăng cường vai trò quản trị của Chính phủ Trung ương đối với đặc khu. Những điều chỉnh này phản ánh sự chuyển dịch đáng kể trong tư duy quản trị của Bắc Kinh, từ việc nhấn mạnh "mức độ tự trị cao" sang đặt trọng tâm vào yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và quyền quản trị toàn diện của Chính phủ Trung ương.

Ở góc độ an ninh chính trị, các biến động tại Hồng Kông còn làm gia tăng mối quan ngại của Trung Quốc về nguy cơ lan tỏa của các hoạt động phản kháng và tác động của các yếu tố bên ngoài đối với ổn định chính trị trong nước. Theo quan điểm chính thức của Bắc Kinh, sự ủng hộ của một số chính trị gia và tổ chức phương Tây đối với người biểu tình, cùng việc ban hành Đạo luật Nhân quyền và Dân chủ Hồng Kông của Hoa Kỳ năm 2019, đã làm cho vấn đề Hồng Kông vượt khỏi phạm vi quản trị địa phương để trở thành một nội dung trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ và các nước phương Tây. Trung Quốc cho rằng các lực lượng bên ngoài đã lợi dụng vấn đề Hồng Kông nhằm gây sức ép đối với quá trình phát triển và kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc, đồng thời tìm cách thúc đẩy xu hướng ly tâm, làm suy giảm sự thống nhất quốc gia.

Những lo ngại này càng gia tăng khi các cuộc biểu tình nhận được sự hưởng ứng của nhiều tầng lớp xã hội Hồng Kông. Nhiều nhóm nghề nghiệp như nhân viên y tế, luật sư, giáo viên, nhà báo, công chức, kế toán, nhân viên tài chính và phi hành đoàn đã tham gia hoặc bày tỏ sự ủng hộ đối với phong trào phản kháng. Đặc biệt, trong cuộc bầu cử Hội đồng quận ngày 24/11/2019, các ứng cử viên thuộc phe ủng hộ dân chủ, nhiều người trong số đó công khai ủng hộ năm yêu sách của phong trào biểu tình, đã giành 391/452 ghế và chiếm đa số tại 17/18 hội đồng quận [HKSAR Government, 2019]. Diễn biến này được Trung Quốc đánh giá là dấu hiệu cho thấy những biến động chính trị đã chuyển hóa thành sự thay đổi tương quan chính trị trong hệ thống quản trị của Hồng Kông, làm gia tăng nguy cơ đặc khu dần vượt ra

ngoài sự kiểm soát của Chính phủ Trung ương nếu không có những điều chỉnh thể chế phù hợp.

Một khía cạnh khác cũng tác động đáng kể đến nhận thức an ninh của Trung Quốc là sự thay đổi về bản sắc chính trị và tâm lý xã hội tại Hồng Kông. Theo các cuộc khảo sát của Chương trình Nghiên cứu Dư luận thuộc Đại học Hồng Kông (HKUPOP), sau các cuộc biểu tình năm 2019, bản sắc "người Hồng Kông" tiếp tục được nhiều người lựa chọn hơn so với bản sắc "người Trung Quốc", trong khi tỷ lệ người bày tỏ niềm tự hào khi trở thành công dân Trung Quốc sau năm 1997 giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi Hồng Kông được trao trả cho Trung Quốc. Sau khi Luật an ninh quốc gia được ban hành năm 2020, một cuộc khảo sát khác cho thấy khoảng **37,2%** số người được hỏi cho biết đã cân nhắc khả năng di cư ra nước ngoài [HKUPOP, 2019; HKPORI, 2020]. Đối với Bắc Kinh, đây không chỉ là sự thay đổi về tâm lý xã hội mà còn phản ánh những thách thức đối với quá trình củng cố bản sắc quốc gia, tăng cường sự gắn kết giữa Hồng Kông với đại lục và duy trì nền tảng chính trị của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ".

Không chỉ tác động đến chính sách đối với Hồng Kông, các biến động chính trị còn góp phần làm thay đổi nhận thức của Trung Quốc về mối quan hệ giữa phát triển và an ninh. Trước năm 2019, việc duy trì môi trường kinh doanh ổn định, bảo đảm vai trò trung tâm tài chính quốc tế của Hồng Kông và thúc đẩy hội nhập quốc tế được xem là những ưu tiên nổi bật trong chính sách đối với đặc khu. Tuy nhiên, sau các biến động chính trị, yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia được đặt lên vị trí ưu tiên như điều kiện nền tảng để duy trì phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Điều này thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau Đại hội XIX và đặc biệt là Đại hội XX, khi yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển và an ninh, giữa mở cửa và tự chủ, giữa bảo vệ chủ quyền quốc gia với duy trì môi trường quốc tế thuận lợi được nhấn mạnh hơn trong hoạch định chiến lược quốc gia.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, tác động quan trọng nhất của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc là làm thay đổi nhận thức về các thách thức đối với an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia trong bối cảnh mới. Các biến động chính trị giai đoạn 2014–2020 cho thấy những nguy cơ đối với an ninh quốc gia không chỉ

xuất phát từ các yếu tố quân sự truyền thống mà còn có thể nảy sinh từ những bất ổn chính trị - xã hội, sự phân hóa về bản sắc và tư tưởng trong xã hội, cũng như sự can dự của các nhân tố bên ngoài. Từ đó, Trung Quốc từng bước đặt yêu cầu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và duy trì ổn định chính trị ở vị trí ưu tiên cao hơn trong hoạch định chính sách đối với Hồng Kông. Đây là cơ sở quan trọng để Bắc Kinh điều chỉnh tư duy và cách tiếp cận đối với vấn đề Hồng Kông trong tổng thể chiến lược bảo đảm an ninh quốc gia.

Hai là, vấn đề Hồng Kông thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh mô hình quản trị "Một quốc gia, hai chế độ" và hoàn thiện cơ chế bảo đảm an ninh quốc gia.

Một trong những tác động sâu sắc nhất của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc là thúc đẩy quá trình điều chỉnh mô hình quản trị đặc khu theo hướng tăng cường vai trò của Chính phủ Trung ương trong bảo đảm chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và hiệu quả quản trị. Nếu như trong giai đoạn đầu sau khi Hồng Kông trở về Trung Quốc (1997), Trung ương Trung Quốc chủ yếu nhấn mạnh việc thực hiện đầy đủ Luật Cơ bản, nguyên tắc "Hồng Kông do người Hồng Kông quản lý" và "mức độ tự trị cao", thì những biến động chính trị từ năm 2014, đặc biệt là các cuộc biểu tình quy mô lớn năm 2019, đã thúc đẩy Bắc Kinh điều chỉnh cách tiếp cận đối với việc thực hiện mô hình "Một quốc gia, hai chế độ". Trọng tâm của sự điều chỉnh là tăng cường yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản trị Đặc khu Hành chính Hồng Kông và thực hiện nguyên tắc "những người yêu nước quản lý Hồng Kông", nhằm bảo đảm mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" được triển khai ổn định và lâu dài [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Theo quan điểm chính thức của Trung Quốc, những diễn biến tại Hồng Kông từ năm 2014 đến năm 2020 cho thấy mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" chỉ có thể được thực hiện đầy đủ và ổn định khi nguyên tắc "Một quốc gia" được bảo đảm vững chắc. Trung Quốc cho rằng trong một thời gian dài, việc chưa coi trọng đầy đủ công tác giáo dục lòng yêu nước, nâng cao ý thức quốc gia và hoàn thiện cơ chế bảo vệ an ninh quốc gia tại Hồng Kông đã tạo ra những hạn chế trong quản trị, làm gia tăng các hoạt động bị Bắc Kinh coi là đe dọa chủ quyền, an ninh quốc gia và tạo điều kiện cho các thế lực bên ngoài can dự vào công việc của Hồng Kông. Trên cơ

sở đó, Trung Quốc nhấn mạnh việc tăng cường thực hiện nguyên tắc "những người yêu nước quản lý Hồng Kông" và hoàn thiện hệ thống quản trị của Đặc khu là điều kiện để bảo đảm thực hiện ổn định, lâu dài mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021; Tập Cận Bình, 2022].

Trên cơ sở đó, Sau các biến động chính trị tại Hồng Kông, Trung Quốc đã triển khai một loạt biện pháp cải cách thể chế nhằm hoàn thiện mô hình quản trị Đặc khu Hành chính Hồng Kông. Bước ngoặt quan trọng là việc Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa XIII thông qua "Quyết định về việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi nhằm bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông" ngày 28/5/2020. Quyết định này tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc ban hành Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu Hành chính Hồng Kông, có hiệu lực từ ngày 30/6/2020 [Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Trung Quốc, 2020a]. Đây là lần đầu tiên kể từ khi Hồng Kông trở về Trung Quốc, Bắc Kinh trực tiếp xây dựng một đạo luật về an ninh quốc gia áp dụng tại đặc khu, thể hiện sự thay đổi đáng kể trong phương thức quản trị đối với Hồng Kông.

Luật An ninh quốc gia quy định bốn nhóm hành vi bị xử lý gồm: ly khai đất nước, lật đổ chính quyền nhà nước, hoạt động khủng bố và thông đồng với thế lực nước ngoài gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Đồng thời, luật cũng thiết lập nhiều thiết chế mới như Ủy ban Bảo vệ an ninh quốc gia của Đặc khu hành chính Hồng Kông; Văn phòng Bảo vệ an ninh quốc gia của Chính phủ Nhân dân Trung ương tại Hồng Kông; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trung ương và chính quyền đặc khu trong xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh quốc gia [42]. Những điều chỉnh này cho thấy Bắc Kinh đã chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa trên cơ chế tự quản của Hồng Kông sang mô hình kết hợp giữa quyền tự trị của đặc khu với sự bảo đảm trực tiếp của Chính phủ Trung ương đối với các vấn đề an ninh quốc gia.

Cùng với việc ban hành Luật An ninh quốc gia, Trung Quốc tiếp tục cải cách hệ thống chính trị và bầu cử tại Hồng Kông theo nguyên tắc "những người yêu nước quản lý Hồng Kông". Tháng 3/2021, Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc thông qua *Quyết định về việc hoàn thiện hệ thống bầu cử của Đặc khu Hành chính Hồng*

Kông. Trên cơ sở quyết định này, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc đã sửa đổi Phụ lục I và Phụ lục II của Luật Cơ bản liên quan đến phương thức lựa chọn Trưởng Đặc khu và thành lập Hội đồng Lập pháp. Theo đó, quy mô Ủy ban Bầu cử được mở rộng từ 1.200 lên 1.500 thành viên; cơ chế rà soát tư cách ứng cử viên được thiết lập; cơ cấu ghế trong Hội đồng Lập pháp được điều chỉnh; đồng thời bổ sung quy trình xem xét, xác nhận điều kiện tham gia tranh cử của các ứng cử viên [Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc Trung Quốc, 2021]. Những cải cách này nhằm bảo đảm bộ máy quản trị Hồng Kông vận hành theo định hướng mà Chính phủ Trung ương cho là phù hợp với yêu cầu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích phát triển lâu dài của đất nước.

Bên cạnh những điều chỉnh về thể chế, Trung Quốc cũng chú trọng tăng cường xây dựng bản sắc quốc gia tại Hồng Kông thông qua việc hoàn thiện chương trình giáo dục quốc dân, giáo dục lịch sử Trung Quốc, giáo dục về Hiến pháp và Luật Cơ bản, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước đối với thanh niên. Bắc Kinh cho rằng đây là giải pháp lâu dài nhằm củng cố nền tảng xã hội của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", hạn chế nguy cơ tái diễn các biến động chính trị quy mô lớn và tăng cường sự gắn kết giữa Hồng Kông với đại lục [34].

Những điều chỉnh nêu trên không chỉ có ý nghĩa đối với quản trị Hồng Kông mà còn tác động trực tiếp đến chiến lược phát triển và thống nhất quốc gia của Trung Quốc. Đối với Bắc Kinh, việc bảo đảm mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" vận hành ổn định tại Hồng Kông có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì uy tín của mô hình này, đồng thời tạo tiền đề cho các tính toán chiến lược lâu dài liên quan đến vấn đề Đài Loan. Chính vì vậy, sau các biến động chính trị, Trung Quốc ngày càng nhấn mạnh nguyên tắc "Một quốc gia" là tiền đề để thực hiện "Hai chế độ", đồng thời coi việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và quyền quản trị toàn diện của Chính phủ Trung ương là "lằn ranh đỏ" không thể vượt qua trong quá trình thực hiện mô hình này.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, tác động quan trọng của vấn đề Hồng Kông không nằm ở việc phủ nhận mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", mà ở việc

thúc đẩy Trung Quốc hoàn thiện cơ chế thực thi mô hình này theo hướng tăng cường hiệu lực quản trị quốc gia. Những điều chỉnh về pháp luật, tổ chức bộ máy và cơ chế bầu cử cho thấy Bắc Kinh đã chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa vào mức độ tự trị của đặc khu sang kết hợp chặt chẽ hơn giữa quyền tự trị với trách nhiệm bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Điều này phản ánh xu hướng thể chế hóa các yêu cầu về an ninh trong quá trình quản trị Hồng Kông, qua đó củng cố vai trò của Chính phủ Trung ương trong thực hiện mô hình "Một quốc gia, hai chế độ".

Ba là, vấn đề Hồng Kông thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

Trong tiến trình cải cách mở cửa, Hồng Kông luôn giữ vị trí đặc biệt trong chiến lược phát triển của Trung Quốc. Với vai trò là trung tâm tài chính quốc tế, Hồng Kông trở thành cầu nối quan trọng giữa nền kinh tế Trung Quốc và thị trường toàn cầu thông qua các hoạt động huy động vốn, đầu tư quốc tế, thanh toán tài chính, thương mại và cung cấp các dịch vụ tài chính chất lượng cao. Nhờ đó, Hồng Kông giữ vai trò là một cầu phần quan trọng trong chiến lược mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển chất lượng cao của Trung Quốc [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Các biến động chính trị từ năm 2019 đã đặt ra yêu cầu phải nhìn nhận lại mức độ phụ thuộc của quá trình hội nhập kinh tế vào vai trò của Hồng Kông. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, những bất ổn tại đặc khu cho thấy các rủi ro chính trị có thể nhanh chóng tác động đến hoạt động đầu tư, huy động vốn, thương mại và kết nối tài chính quốc tế của Trung Quốc. Điều này buộc Bắc Kinh không chỉ tập trung khôi phục ổn định tại Hồng Kông mà còn phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc từ môi trường bên ngoài.

Một trong những điều chỉnh quan trọng là thúc đẩy quá trình tái cấu trúc không gian phát triển kinh tế quốc gia. Thay vì để Hồng Kông tiếp tục đảm nhận phần lớn vai trò kết nối với thị trường quốc tế, Trung Quốc từng bước xây dựng mạng lưới các cực tăng trưởng có tính hỗ trợ lẫn nhau. Việc đẩy mạnh phát triển Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao (Greater Bay Area), đồng

thời nâng cao vai trò của Thượng Hải, Thâm Quyển và Quảng Châu trong hệ thống tài chính và đổi mới sáng tạo quốc gia đã phản ánh rõ xu hướng này. Trong mô hình mới, Hồng Kông vẫn giữ vai trò là trung tâm tài chính quốc tế, nhưng được đặt trong một cơ chế liên kết vùng chặt chẽ hơn với các đô thị lớn của đại lục nhằm phân tán rủi ro và nâng cao hiệu quả phối hợp phát triển.

Song song với đó, Trung Quốc cũng đẩy nhanh quá trình hoàn thiện năng lực tự chủ của nền kinh tế. Các biến động tại Hồng Kông cùng với sức ép từ cạnh tranh chiến lược Trung Quốc - Hoa Kỳ đã làm nổi bật yêu cầu phải giảm phụ thuộc vào các nguồn lực bên ngoài, nhất là trong các lĩnh vực tài chính, công nghệ và chuỗi cung ứng. Điều này góp phần thúc đẩy việc triển khai chiến lược "tuần hoàn kép", trong đó thị trường trong nước được xác định là động lực chủ đạo của tăng trưởng, còn thị trường quốc tế tiếp tục được khai thác theo hướng chủ động, đa dạng và linh hoạt hơn. Mặc dù chiến lược này được hình thành từ nhiều yếu tố, nhưng những biến động tại Hồng Kông đã trở thành một trong những nhân tố cho thấy sự cần thiết phải nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế trước các rủi ro địa - chính trị.

Một điều chỉnh đáng chú ý khác là sự thay đổi trong cách tiếp cận đối với hội nhập quốc tế. Nếu trước đây Hồng Kông được xem là cửa ngõ chủ yếu để Trung Quốc tiếp cận thị trường vốn và dịch vụ tài chính toàn cầu, thì sau các biến động chính trị, Bắc Kinh từng bước mở rộng các kênh kết nối quốc tế thông qua việc phát huy vai trò của nhiều trung tâm kinh tế trong nước, đồng thời tăng cường hợp tác kinh tế khu vực thông qua các cơ chế như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao. Cách tiếp cận này phản ánh xu hướng đa dạng hóa các không gian hội nhập nhằm giảm thiểu tác động của những biến động xảy ra tại một địa bàn cụ thể.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, tác động nổi bật của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc không phải là làm thay đổi mục tiêu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, mà là thúc đẩy quá trình điều chỉnh phương thức thực hiện các mục tiêu đó. Các biến động chính trị đã khiến Bắc Kinh chú trọng hơn đến việc xây dựng một cấu trúc phát triển cân bằng, đa trung tâm và có khả năng chống chịu cao hơn

trước những rủi ro từ môi trường quốc tế. Đây là bước điều chỉnh quan trọng trong chiến lược phát triển của Trung Quốc, phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình dựa nhiều vào lợi thế của một cửa ngõ quốc tế sang mô hình kết hợp giữa phát huy vai trò của Hồng Kông với nâng cao năng lực nội sinh và tăng cường liên kết giữa các trung tâm phát triển trong cả nước.

Bốn là, vấn đề Hồng Kông tác động đến việc điều chỉnh chính sách đối ngoại và nâng cao vị trí của vấn đề an ninh trong hoạch định chiến lược của Trung Quốc.

Các biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014, đặc biệt là cuộc khủng hoảng năm 2019, đã khiến vấn đề Hồng Kông không còn chỉ được xử lý trong phạm vi quản trị một đặc khu hành chính mà trở thành một nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong quá trình diễn ra các cuộc biểu tình, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế liên tục đưa ra tuyên bố bày tỏ quan ngại về tình hình Hồng Kông, đồng thời ban hành một số chính sách và biện pháp liên quan đến đặc khu. Theo quan điểm của Trung Quốc, những động thái này đã tác động trực tiếp đến môi trường đối ngoại của nước này, làm gia tăng sức ép trong quá trình bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích phát triển.

Đặc biệt, việc Hoa Kỳ ban hành Đạo luật Nhân quyền và Dân chủ Hồng Kông năm 2019 (Hong Kong Human Rights and Democracy Act), tiếp đó là Đạo luật Tự chủ Hồng Kông năm 2020 (Hong Kong Autonomy Act), cùng với việc áp dụng các biện pháp trừng phạt và điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông và một số cá nhân, tổ chức của Trung Quốc đã làm gia tăng đáng kể mức độ đối đầu giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, đồng thời đưa vấn đề Hồng Kông trở thành một nội dung nổi bật trong cạnh tranh chiến lược và quan hệ song phương giữa hai nước [Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2020]. Bên cạnh đó, Vương quốc Anh, Canada, Australia và Liên minh châu Âu cũng điều chỉnh các chính sách liên quan đến Hồng Kông, bao gồm sửa đổi chính sách thị thực, hợp tác tư pháp và kiểm soát xuất khẩu. Những điều chỉnh này khiến vấn đề Hồng Kông không còn chỉ là vấn đề quản trị nội bộ của Trung Quốc mà còn trở thành một nội dung quan trọng trong quan hệ đối ngoại của nước này, đặt ra yêu cầu xử lý trong quan hệ với nhiều đối tác lớn [Bộ Ngoại giao Trung Quốc, 2021]

Trước những sức ép từ bên ngoài, Trung Quốc nhất quán khẳng định vấn đề Hồng Kông thuộc chủ quyền quốc gia và hoàn toàn là công việc nội bộ của Trung Quốc. Bắc Kinh nhiều lần nhấn mạnh việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là lợi ích cốt lõi, kiên quyết phản đối mọi hình thức can thiệp từ bên ngoài vào các vấn đề liên quan đến Hồng Kông. Quan điểm này được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Trung Quốc, các Sách trắng về Hồng Kông và các tuyên bố chính thức của Bộ Ngoại giao Trung Quốc sau năm 2019 [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Những diễn biến liên quan đến Hồng Kông cũng góp phần thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh phương thức triển khai chính sách đối ngoại theo hướng chủ động hơn trong việc bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia. Bên cạnh việc tăng cường đấu tranh ngoại giao nhằm phản bác những quan điểm mà Bắc Kinh cho là can thiệp vào công việc nội bộ, Trung Quốc đồng thời đẩy mạnh ngoại giao đa phương, củng cố quan hệ với các nước đang phát triển và mở rộng hợp tác trong các cơ chế như BRICS, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), RCEP và Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Những điều chỉnh này nhằm tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi hơn cho phát triển đất nước, đồng thời nâng cao khả năng ứng phó trước các sức ép từ môi trường quốc tế.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, tác động đáng chú ý của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc là làm gia tăng sự gắn kết giữa chính sách đối nội và đối ngoại trong hoạch định chiến lược quốc gia. Nếu trước đây Hồng Kông chủ yếu được nhìn nhận như một vấn đề quản trị của đặc khu hành chính, thì sau các biến động chính trị, Bắc Kinh ngày càng đặt việc xử lý vấn đề Hồng Kông trong tổng thể chiến lược bảo vệ lợi ích cốt lõi và triển khai chính sách đối ngoại. Điều này phản ánh xu hướng lồng ghép chặt chẽ hơn giữa mục tiêu bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia với việc xây dựng môi trường đối ngoại thuận lợi phục vụ phát triển đất nước.

Nhìn chung, những biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014 đến nay đã tạo ra những tác động đa chiều đối với Trung Quốc, vượt ra ngoài phạm vi quản trị của một đặc khu hành chính. Các diễn biến này không làm thay đổi mục tiêu phát

triển của Trung Quốc, nhưng đã thúc đẩy Bắc Kinh điều chỉnh tư duy và phương thức quản trị quốc gia theo hướng coi trọng hơn yêu cầu bảo đảm an ninh chính trị, hoàn thiện thể chế quản trị, nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế và chủ động hơn trong việc xử lý các vấn đề đối ngoại liên quan đến lợi ích cốt lõi. Những điều chỉnh đó phản ánh nỗ lực của Trung Quốc trong việc duy trì ổn định chính trị, bảo đảm môi trường phát triển và tăng cường năng lực ứng phó trước những thách thức mới trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Đây cũng là cơ sở để đánh giá những tác động của vấn đề Hồng Kông không chỉ đối với bản thân Trung Quốc mà còn đối với môi trường chiến lược của khu vực Đông Á ở các nội dung tiếp theo của luận án.

3.4.2. Những vấn đề đặt ra đối với an ninh chính trị và phát triển kinh tế của Hồng Kông

Những biến động chính trị tại Hồng Kông từ năm 2014, đặc biệt là các cuộc biểu tình quy mô lớn năm 2019 và việc Trung Quốc ban hành Luật an ninh quốc gia năm 2020, đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình phát triển của Đặc khu. Nếu như trước đây, các vấn đề của Hồng Kông chủ yếu được nhìn nhận dưới góc độ phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thiện mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", thì sau các biến động chính trị, những hạn chế vốn tồn tại trong mô hình phát triển đã bộc lộ rõ nét hơn, đồng thời tạo ra những thách thức mới đối với an ninh chính trị, quản trị xã hội, tăng trưởng kinh tế và vị thế quốc tế của Hồng Kông.

Kết quả nghiên cứu ở các phần trước của luận án cho thấy, trước khi các cuộc biểu tình bùng phát, Hồng Kông đã tồn tại nhiều vấn đề mang tính cơ cấu. Nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào khu vực dịch vụ, đặc biệt là tài chính, thương mại và bất động sản; các ngành công nghệ cao và đổi mới sáng tạo phát triển chậm; già hóa dân số diễn ra nhanh; khoảng cách giàu nghèo và giá nhà ở luôn ở mức rất cao; cơ hội phát triển của thanh niên còn hạn chế; trong khi đó, sự khác biệt về nhận thức chính trị, bản sắc xã hội và quan hệ với Trung Quốc đại lục ngày càng rõ nét. Những vấn đề này vốn đã tạo áp lực đối với quá trình quản trị và phát triển của Đặc khu, nhưng trong bối cảnh biến động chính trị kéo dài, cạnh tranh chiến lược Trung Quốc - Hoa Kỳ gia tăng và đại dịch COVID-19 bùng phát, các hạn chế trên tiếp tục

cộng hưởng và khuếch đại lẫn nhau, làm cho Hồng Kông phải đối mặt với những thách thức mang tính toàn diện hơn.

Có thể thấy, các cuộc biểu tình từ năm 2014 đến nay không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến những khó khăn mà Hồng Kông đang phải đối mặt, mà chủ yếu đóng vai trò như một chất xúc tác, làm bộc lộ những mâu thuẫn đã tích tụ trong quá trình phát triển của Đặc khu suốt nhiều năm. Do đó, đánh giá tác động của vấn đề Hồng Kông không thể chỉ dừng lại ở việc xem xét các diễn biến chính trị đơn lẻ, mà cần đặt trong mối quan hệ giữa những hạn chế nội tại của mô hình phát triển với các tác động từ môi trường khu vực và quốc tế. Từ góc độ đó, sau các biến động chính trị, Hồng Kông đang đứng trước bốn nhóm vấn đề lớn: (i) bảo đảm ổn định chính trị và nâng cao hiệu quả quản trị; (ii) tái cơ cấu mô hình phát triển kinh tế; (iii) giải quyết thách thức về nguồn nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo; (iv) duy trì vị thế của một trung tâm tài chính quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Thứ nhất, thách thức đối với ổn định chính trị và quản trị xã hội.

Những biến động chính trị diễn ra tại Hồng Kông đặt ra yêu cầu cấp thiết phải củng cố ổn định chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường đồng thuận xã hội.

Một trong những hệ quả quan trọng nhất của các biến động chính trị tại Hồng Kông là làm bộc lộ rõ những hạn chế trong năng lực quản trị và điều hành xã hội của chính quyền Đặc khu. Trước năm 2014, nhiều vấn đề như bất bình đẳng xã hội, giá nhà ở cao, cơ hội phát triển của thanh niên, sự chênh lệch về điều kiện sống, cũng như khác biệt trong nhận thức về mối quan hệ giữa Hồng Kông với Trung Quốc đại lục đã tồn tại nhưng chưa phát triển thành các xung đột chính trị quy mô lớn. Tuy nhiên, khi kết hợp với những tranh cãi liên quan đến cải cách chính trị, ảnh hưởng của truyền thông xã hội, sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự và tác động của môi trường quốc tế, các vấn đề này đã chuyển hóa thành những mâu thuẫn xã hội sâu sắc, làm gia tăng sự phân hóa trong cộng đồng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản trị của chính quyền Đặc khu.

Để khôi phục trật tự xã hội và tăng cường năng lực quản trị sau các biến động chính trị kéo dài, Chính phủ Trung ương Trung Quốc và chính quyền Đặc khu Hồng Kông đã từng bước điều chỉnh toàn diện hệ thống quản trị theo hướng ưu tiên bảo đảm an ninh quốc gia và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Dấu mốc quan trọng nhất là việc Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua *Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu hành chính Hồng Kông* ngày 30/6/2020, qua đó thiết lập cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi ly khai, lật đổ chính quyền, hoạt động khủng bố và thông đồng với thế lực nước ngoài gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Trên cơ sở đó, Trung Quốc đồng thời thành lập Văn phòng Bảo vệ an ninh quốc gia của Chính phủ Trung ương tại Hồng Kông, kiện toàn cơ chế phối hợp giữa chính quyền trung ương với chính quyền Đặc khu trong thực thi pháp luật và bảo vệ an ninh quốc gia [Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc, 2020a].

Song song với việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống chính trị của Hồng Kông cũng được điều chỉnh theo hướng bảo đảm nguyên tắc "người yêu nước quản lý Hồng Kông". Tháng 3/2021, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua *Quyết định về hoàn thiện chế độ bầu cử của Đặc khu hành chính Hồng Kông*. Trên cơ sở đó, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc sửa đổi Phụ lục I và Phụ lục II của Luật Cơ bản Hồng Kông, điều chỉnh cơ cấu Ủy ban Bầu cử, nâng số lượng thành viên từ 1.200 lên 1.500, đồng thời thành lập Ủy ban Thẩm tra tư cách ứng cử viên nhằm xem xét, xác nhận tư cách của các ứng cử viên theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, số lượng đại biểu Hội đồng Lập pháp cũng được điều chỉnh từ 70 lên 90 ghế, trong khi tỷ lệ nghị sĩ được bầu trực tiếp giảm xuống, qua đó tăng vai trò của các cơ chế bầu cử gián tiếp và các giới chức năng trong hệ thống chính trị của Đặc khu [Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc, 2021].

Cùng với cải cách thể chế, chính quyền Hồng Kông cũng đẩy mạnh việc rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị trong các lĩnh vực giáo dục, công vụ và quản lý xã hội. Nội dung giáo dục về Hiến pháp Trung Quốc, Luật Cơ bản và Luật An ninh quốc gia được đưa vào chương trình giảng dạy; đội ngũ công chức được yêu cầu

tuyên thệ trung thành với Đặc khu Hồng Kông và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; việc quản lý các tổ chức xã hội, truyền thông và hoạt động chính trị được tăng cường nhằm hạn chế nguy cơ tái diễn các hoạt động biểu tình quy mô lớn và các hành vi bị cho là đe dọa an ninh quốc gia.

Những điều chỉnh trên đã tạo ra những chuyển biến rõ rệt về tình hình an ninh và trật tự xã hội của Hồng Kông. Từ sau năm 2020, các cuộc biểu tình bạo lực quy mô lớn tại Hồng Kông cơ bản chấm dứt; hoạt động giao thông, thương mại và dịch vụ từng bước trở lại bình thường; đồng thời môi trường đầu tư và kinh doanh cũng dần ổn định trở lại so với giai đoạn bất ổn 2019–2020 [Hong Kong Monetary Authority, 2020]. Tuy nhiên, quá trình tái cấu trúc hệ thống quản trị cũng làm thay đổi đáng kể phương thức vận hành của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", khi yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia ngày càng được đặt ở vị trí ưu tiên trong quản trị Hồng Kông [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021]. Điều này không chỉ tác động đến cấu trúc chính trị của Đặc khu mà còn trở thành một trong những nội dung gây nhiều tranh luận trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ và Vương quốc Anh [Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 2020]. Quá trình tái lập ổn định chính trị sau khi Luật an ninh quốc gia có hiệu lực đã kéo theo những thay đổi sâu sắc trong đời sống chính trị - xã hội của Đặc khu. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là sự thu hẹp đáng kể không gian hoạt động của các tổ chức chính trị và xã hội dân sự. Nếu như trước đây, các cuộc tuần hành ngày 01/7 hằng năm đã trở thành một hoạt động chính trị - xã hội mang tính truyền thống kể từ sau cuộc biểu tình phản đối Điều 23 của Luật Cơ bản năm 2003, thì từ năm 2020, các hoạt động này hầu như không còn được tổ chức. Đặc biệt, trong năm 2021, sau khi Luật An ninh quốc gia có hiệu lực, chính quyền Hồng Kông và các cơ quan đại diện của Chính phủ Trung ương tại Hồng Kông không chấp thuận nhiều đơn xin tổ chức tuần hành với lý do bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19; đồng thời, lực lượng cảnh sát từ chối cấp phép đối với một số cuộc tuần hành do các tổ chức ủng hộ dân chủ đề xuất. Những diễn biến này phản ánh sự thay đổi đáng kể của môi trường hoạt động chính trị tại Hồng Kông so với giai đoạn trước năm 2020 [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021]. Cùng với đó, nhiều

tổ chức xã hội dân sự từng có ảnh hưởng lớn trong đời sống chính trị Hồng Kông cũng phải thu hẹp hoạt động hoặc đối mặt với những sức ép pháp lý ngày càng gia tăng. Mặt trận Nhân quyền Dân sự (Civil Human Rights Front) – tổ chức từng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối nhiều cuộc biểu tình quy mô lớn – bị cơ quan cảnh sát điều tra về tính hợp pháp theo Sắc lệnh về các hiệp hội; nhiều lãnh đạo của tổ chức này bị kết án tù vì tham gia các cuộc biểu tình trái phép năm 2019. Tương tự, Liên minh Hồng Kông Hỗ trợ các phong trào dân chủ yêu nước của Trung Quốc - tổ chức nhiều năm đứng ra tổ chức lễ tưởng niệm sự kiện Thiên An Môn ngày 4/6 - cũng chấm dứt hoạt động sau khi chịu nhiều sức ép pháp lý; nhiều thành viên chủ chốt như Lý Trác Nhân, Hồ Tuấn Nhân và Thái Diệu Xương lần lượt bị truy tố hoặc kết án theo các quy định pháp luật hiện hành. Đặc biệt, lễ tưởng niệm sự kiện Thiên An Môn tại Công viên Victoria, vốn được tổ chức thường niên trong nhiều thập niên, không còn được tổ chức từ năm 2021, phản ánh sự thay đổi đáng kể trong không gian hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự tại Hồng Kông [Reuters, 2021].

Những thay đổi cũng diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực truyền thông và giáo dục. Sau hai cuộc khám xét của cảnh sát, việc bắt giữ nhà sáng lập Lê Trí Anh cùng nhiều thành viên ban lãnh đạo, nhật báo *Apple Daily*, một trong những tờ báo có ảnh hưởng lớn và công khai ủng hộ phong trào dân chủ, đã phải ngừng xuất bản vào ngày 24/6/2021 sau 26 năm hoạt động. Theo chính quyền Hồng Kông, việc xử lý báo *Apple Daily* được thực hiện trên cơ sở các quy định của Luật An ninh quốc gia liên quan đến các hành vi bị cho là gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Trong khi đó, nhiều học giả và cơ quan truyền thông quốc tế coi việc *Apple Daily* ngừng hoạt động là một dấu mốc quan trọng phản ánh sự thay đổi của môi trường báo chí tại Hồng Kông [Chính quyền Đặc khu hành chính Hồng Kông, 2021; Reuters, 2021]. Song song với đó, lĩnh vực giáo dục tại Hồng Kông cũng được điều chỉnh theo hướng tăng cường giáo dục về Hiến pháp, Luật Cơ bản và nhận thức về an ninh quốc gia. Theo kết quả một số cuộc khảo sát, một bộ phận giáo viên cho biết có ý định nghỉ việc trong bối cảnh môi trường làm việc và chính sách giáo dục có nhiều thay đổi; đồng thời, một số giáo viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm các

quy định nghề nghiệp hoặc liên quan đến các nội dung giảng dạy bị cơ quan quản lý xác định là không phù hợp. Những điều chỉnh này phản ánh sự thay đổi trong định hướng quản lý lĩnh vực giáo dục của Hồng Kông sau năm 2020 [Cục Giáo dục Đặc khu hành chính Hồng Kông, 2021].

Những điều chỉnh về thể chế và quản trị sau năm 2020 không chỉ làm thay đổi phương thức hoạt động của hệ thống chính trị mà còn tạo ra những tác động sâu rộng đối với tâm lý xã hội, môi trường đầu tư và triển vọng phát triển lâu dài của Hồng Kông. Những thay đổi cho thấy không gian chính trị - xã hội của Hồng Kông đã chuyển từ mô hình có mức độ đa nguyên và tự do cao sang mô hình quản trị đặt ưu tiên lớn hơn cho yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia. Những thay đổi trên được cho là đã tác động đến tâm lý của một bộ phận cư dân Hồng Kông, đặc biệt là giới trẻ, trí thức, giáo viên, nhà báo và lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao. Theo Giáo sư Toru Kurata (Đại học Rikkyo, Nhật Bản) trong một cuộc phỏng vấn với *Nikkei Asia*, sau khi Luật An ninh quốc gia được thực thi, Hồng Kông xuất hiện một "bầu không khí lo lắng" (*an atmosphere of anxiety*), khi nhiều người có xu hướng hạn chế bày tỏ quan điểm chính trị hoặc tham gia các hoạt động xã hội do lo ngại những rủi ro pháp lý có thể phát sinh [Nikkei Asia, 2021]. Việc nhật báo *Apple Daily* ngừng xuất bản, nhiều tổ chức xã hội dân sự chấm dứt hoạt động cùng với những điều chỉnh trong chính sách giáo dục theo hướng tăng cường giáo dục về Hiến pháp, Luật Cơ bản và Luật An ninh quốc gia phản ánh những thay đổi đáng kể trong môi trường truyền thông, giáo dục và quản trị xã hội tại Hồng Kông. Những diễn biến này cho thấy phương thức quản trị của chính quyền Đặc khu đã có những điều chỉnh quan trọng sau năm 2020, đồng thời phản ánh quá trình hoàn thiện việc triển khai mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" trong bối cảnh mới [Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Ở góc độ kinh tế, mặc dù tình hình an ninh được cải thiện đã góp phần tạo điều kiện để hoạt động thương mại và tài chính dần ổn định trở lại, song những thay đổi về môi trường thể chế cũng làm gia tăng tâm lý thận trọng của một bộ phận doanh nghiệp và nhà đầu tư quốc tế. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp đa quốc gia tiến hành rà soát chiến lược đầu tư, đánh giá lại rủi ro pháp lý và cân nhắc điều

chính việc phân bổ một số hoạt động sang các trung tâm tài chính khác trong khu vực. Đồng thời, xu hướng dịch chuyển của một bộ phận lao động có trình độ chuyên môn cao ra nước ngoài cũng được xem là một yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì lợi thế cạnh tranh của Hồng Kông trong dài hạn [Hong Kong Monetary Authority, 2020; Hong Kong Federation of Youth Groups, 2021]. Mặc dù quy mô dịch chuyển chưa làm thay đổi ngay vị thế của Hồng Kông với tư cách là một trung tâm tài chính quốc tế, nhưng đã phản ánh những sức ép mới mà Đặc khu phải đối mặt trong quá trình duy trì sức hấp dẫn về môi trường đầu tư, nguồn nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo.

Từ góc độ địa - chính trị, những thay đổi trong mô hình quản trị Hồng Kông cũng trở thành một trong những vấn đề gây nhiều tranh luận trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước phương Tây. Hoa Kỳ, Anh và một số quốc gia cho rằng việc thực thi Luật An ninh quốc gia đã làm thay đổi mức độ tự trị của Hồng Kông và dẫn tới việc áp dụng một số biện pháp trừng phạt, điều chỉnh chính sách đối với Đặc khu; trong khi Trung Quốc khẳng định đây là những biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia, khôi phục ổn định xã hội và bảo đảm sự phát triển lâu dài của Hồng Kông. Điều đó cho thấy, vấn đề Hồng Kông không còn chỉ là vấn đề quản trị nội bộ mà đã trở thành một nhân tố tác động trực tiếp đến môi trường đối ngoại và vị thế quốc tế của Đặc khu.

Từ những diễn biến trên có thể thấy, việc thực thi Luật An ninh quốc gia không chỉ tạo ra những thay đổi về mặt pháp lý mà còn thúc đẩy quá trình tái cấu trúc toàn diện môi trường chính trị - xã hội của Hồng Kông. Về ngắn hạn, các biện pháp này góp phần khôi phục trật tự xã hội, chấm dứt tình trạng bạo lực đường phố và tăng cường năng lực thực thi của chính quyền. Tuy nhiên, về dài hạn, Hồng Kông vẫn đứng trước yêu cầu phải xây dựng một mô hình quản trị có khả năng dung hòa giữa mục tiêu bảo đảm an ninh quốc gia với việc duy trì môi trường xã hội cởi mở, pháp quyền và sức hấp dẫn của một trung tâm tài chính quốc tế. Đây cũng là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với triển vọng phát triển của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" trong giai đoạn mới.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, có thể nhận thấy rằng thách thức lớn nhất đối với Hồng Kông sau các biến động chính trị không chỉ là khôi phục trật tự xã

hội, mà quan trọng hơn là giải quyết đồng thời những nguyên nhân mang tính cấu trúc đã tích tụ trong quá trình phát triển. Điều đó đòi hỏi chính quyền Đặc khu không chỉ tăng cường năng lực quản trị và hiệu lực thực thi pháp luật, mà còn phải cải thiện chất lượng quản trị công, giải quyết các vấn đề dân sinh, mở rộng cơ hội phát triển cho thanh niên và từng bước tạo dựng lại sự đồng thuận xã hội. Chỉ khi xử lý được đồng thời các yêu cầu về an ninh, phát triển và hội nhập, Hồng Kông mới có thể duy trì ổn định chính trị một cách bền vững và tiếp tục phát huy vai trò là cửa ngõ kết nối giữa Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu.

Thứ hai, thách thức đối với mô hình phát triển kinh tế

Những biến động chính trị đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cơ cấu mô hình phát triển kinh tế của Hồng Kông nhằm nâng cao khả năng thích ứng và duy trì vị thế cạnh tranh trong bối cảnh mới.

Những biến động chính trị từ năm 2014 đến nay, đặc biệt là cuộc khủng hoảng năm 2019 và tác động cộng hưởng của đại dịch COVID-19, đã cho thấy những khó khăn mà kinh tế Hồng Kông phải đối mặt không chỉ xuất phát từ các cú sốc bên ngoài mà còn bắt nguồn từ những hạn chế mang tính cơ cấu đã tích tụ trong nhiều năm. Mặc dù Hồng Kông vẫn duy trì vị thế là một trong những trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu, song mô hình tăng trưởng của Đặc khu bộc lộ rõ sự phụ thuộc quá lớn vào khu vực dịch vụ truyền thống, trong khi quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo và công nghệ cao diễn ra chậm hơn nhiều so với yêu cầu phát triển của khu vực và thế giới. Các biến động chính trị vì vậy không tạo ra những hạn chế mới, mà chủ yếu làm bộc lộ và gia tăng những điểm yếu vốn tồn tại trong cấu trúc phát triển của nền kinh tế Hồng Kông.

Trước hết, cơ cấu kinh tế của Hồng Kông vẫn mang tính đơn nhất, khi khu vực dịch vụ truyền thống chiếm trên 90% GDP. Đây là nền tảng quan trọng giúp Hồng Kông trở thành trung tâm tài chính, thương mại và logistics quốc tế, nhưng đồng thời cũng khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước các cú sốc từ môi trường bên ngoài. Trong giai đoạn diễn ra các cuộc biểu tình kéo dài cùng với tác động của đại dịch COVID-19, nhiều ngành dịch vụ như tài chính, thương mại, du lịch, vận tải, khách sạn và bán lẻ đều chịu ảnh hưởng do lượng khách quốc tế và khách từ

Trung Quốc đại lục suy giảm đáng kể. Mặc dù lĩnh vực tài chính vẫn duy trì được khả năng vận hành tương đối ổn định và tiếp tục giữ vai trò là trung tâm tài chính quốc tế của Hồng Kông, quy mô việc làm của ngành này chưa đủ để bù đắp sự suy giảm của các lĩnh vực dịch vụ khác; đồng thời, một số lĩnh vực tài chính mới và các sản phẩm tài chính có hàm lượng công nghệ cao vẫn phát triển với tốc độ chậm, chưa trở thành động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế [Hong Kong Monetary Authority, 2020]. Bên cạnh đó, mô hình phát triển của Hồng Kông trong nhiều năm chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tư duy ưu tiên lợi nhuận ngắn hạn. Nguồn lực của khu vực doanh nghiệp và dòng vốn đầu tư tập trung mạnh vào thị trường bất động sản, nơi có khả năng sinh lợi nhanh, trong khi các ngành công nghệ cao, nghiên cứu phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo và công nghiệp chiến lược – những lĩnh vực đòi hỏi vốn đầu tư lớn và thời gian thu hồi dài – chưa được quan tâm đúng mức. Hệ quả là, sau hơn hai thập niên kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1998, mặc dù các Trưởng Đặc khu Hồng Kông đã đề xuất nhiều chương trình và chính sách nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, quá trình hiện thực hóa các mục tiêu này nhìn chung còn diễn ra chậm và chưa đạt được kết quả như kỳ vọng. Vì vậy, nền kinh tế Hồng Kông vẫn chủ yếu dựa trên các lĩnh vực truyền thống như tài chính, thương mại và dịch vụ, trong khi một số trung tâm đổi mới sáng tạo trong khu vực phát triển với tốc độ nhanh hơn [Hong Kong Monetary Authority, 2020].

Một biểu hiện khác của những hạn chế trong mô hình phát triển là việc Hồng Kông chưa khai thác hiệu quả lợi thế của nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ" để thúc đẩy hợp tác kinh tế với Trung Quốc đại lục. Thay vì tận dụng vị trí cửa ngõ kết nối giữa thị trường quốc tế với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, trong một thời gian dài, sự khác biệt về nhận thức chính trị và tâm lý dè dặt trong một bộ phận xã hội đã ảnh hưởng đến tiến trình hội nhập kinh tế với Đại lục. Điều này làm cho nhiều cơ hội hợp tác về đầu tư, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp và kết nối chuỗi giá trị chưa được khai thác đầy đủ, trong khi lợi thế thể chế mà mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" mang lại chưa được chuyển hóa thành lợi thế cạnh tranh mới cho nền kinh tế Hồng Kông.

Trong bối cảnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của Vùng Vịnh lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao (Greater Bay Area) vừa mở ra cơ hội, vừa tạo sức ép đối với

Hồng Kông. Sau hơn bốn thập niên cải cách mở cửa, Thâm Quyển đã chuyển mình từ một đặc khu kinh tế thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu của Trung Quốc, tập trung nhiều doanh nghiệp công nghệ lớn và hệ sinh thái nghiên cứu, phát triển có sức cạnh tranh toàn cầu. Thành công của Thâm Quyển cho thấy xu hướng dịch chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào thương mại và tài chính sang mô hình dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong khi đó, nhiều nghiên cứu cho thấy nhận thức của một bộ phận người dân và doanh nghiệp Hồng Kông về những thay đổi của Trung Quốc đại lục vẫn còn chậm; nhiều người vẫn nhìn nhận Trung Quốc qua lăng kính của 20–30 năm trước, dẫn đến việc chưa tận dụng đầy đủ các cơ hội hợp tác từ quá trình phát triển của Vùng Vịnh lớn.

Không chỉ vậy, tiến trình quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ cũng đang đặt Hồng Kông trước yêu cầu phải đổi mới vai trò của mình trong hệ thống tài chính khu vực. Trong nhiều năm, Hồng Kông giữ vị trí trung tâm thanh toán đồng Nhân dân tệ ở nước ngoài lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, cùng với việc nhiều trung tâm giao dịch đồng Nhân dân tệ mới được hình thành tại châu Á, châu Âu và Trung Đông, lợi thế này không còn mang tính độc quyền như trước. Nếu Hồng Kông không chủ động tận dụng lợi thế địa lý, thể chế và quan hệ chặt chẽ với Trung Quốc đại lục để tham gia sâu hơn vào quá trình quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ, Đặc khu có nguy cơ đánh mất một trong những lợi thế cạnh tranh quan trọng trong lĩnh vực tài chính quốc tế.

Nghiên cứu đã chỉ ra, những biến động chính trị trong giai đoạn 2014–2020 đã cho thấy mô hình phát triển dựa chủ yếu vào dịch vụ tài chính, thương mại và bất động sản không còn đủ khả năng bảo đảm tăng trưởng bền vững cho Hồng Kông trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược và chuyển đổi kinh tế khu vực. Việc tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng cường đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành công nghệ cao, tận dụng hiệu quả cơ hội từ Vùng Vịnh lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao và phát huy vai trò trung tâm tài chính trong tiến trình quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ sẽ là những điều kiện quan trọng để Hồng Kông duy trì năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế chiến lược trong giai đoạn phát triển mới. Đồng thời, điều này cũng cho thấy tác động của vấn đề Hồng Kông không chỉ giới hạn ở lĩnh vực chính trị mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến định hướng điều

chính mô hình phát triển kinh tế của Đặc khu trong bối cảnh cạnh tranh địa - chính trị ngày càng gay gắt.

Thứ ba, thách thức về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Biến động chính trị làm gia tăng nguy cơ thất thoát nguồn nhân lực chất lượng cao, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh và triển vọng phát triển lâu dài của Hồng Kông. Trong nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng duy trì vị thế cạnh tranh của các trung tâm tài chính quốc tế. Đối với Hồng Kông, vấn đề này càng có ý nghĩa đặc biệt khi nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao như tài chính, logistics, dịch vụ chuyên nghiệp, công nghệ thông tin và công nghiệp sáng tạo. Tuy nhiên, những biến động chính trị kéo dài từ năm 2014, đặc biệt là sau năm 2019, cùng với tác động của đại dịch COVID-19 đã làm gia tăng xu hướng dịch chuyển lao động có trình độ cao ra nước ngoài, đặt Hồng Kông trước nguy cơ thiếu hụt nguồn nhân lực trong các ngành then chốt của nền kinh tế.

Theo báo cáo khảo sát do Viện Nghiên cứu và Đổi mới Thanh niên thuộc Liên đoàn Thanh niên Hồng Kông (HKFYG) công bố tháng 3/2021, hiện tượng thất thoát nhân tài không còn chỉ là một dự báo mà đã trở thành vấn đề được giới hoạch định chính sách quan tâm. Báo cáo cho rằng nếu trong 5 năm tiếp theo Hồng Kông mất khoảng 25% lực lượng nhân tài trẻ, Đặc khu có thể gặp nhiều khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt đối với các ngành công nghệ cao và những lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn cao [Hong Kong Federation of Youth Groups, 2021].

Để đánh giá xu hướng này, HKFYG đã tiến hành khảo sát 1.135 người dưới 34 tuổi có trình độ thạc sĩ trở lên trong thời gian từ 16/01 đến 02/02/2021. Khoảng 45% số người được khảo sát đang làm việc trong các ngành kinh tế trụ cột và các lĩnh vực có tiềm năng phát triển như tài chính, logistics, dịch vụ chuyên nghiệp, du lịch, công nghiệp sáng tạo và công nghệ thông tin. Kết quả cho thấy 24,2% số người được hỏi có kế hoạch ra nước ngoài làm việc trong vòng 5 năm tới, trong đó Vương quốc Anh là điểm đến được lựa chọn nhiều nhất. Đáng chú ý, trong nhóm có ý định dịch chuyển này, khoảng 30% đang làm việc trong các ngành nghề chuyên môn,

trong khi 41,5% cho rằng môi trường làm việc và sự cân bằng giữa công việc với cuộc sống ở nước ngoài hấp dẫn hơn Hồng Kông.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy yếu tố thu nhập không phải là động lực được lựa chọn nhiều nhất trong quyết định dịch chuyển lao động. Chỉ 12,4% số người được hỏi cho biết mức thu nhập kỳ vọng cao hơn là lý do chính, trong khi các nguyên nhân liên quan đến môi trường chính trị - xã hội ổn định và triển vọng phát triển nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao hơn, lần lượt là 36,7% và 34,9%. Điều này cho thấy quyết định dịch chuyển của nguồn nhân lực chất lượng cao chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó môi trường chính trị - xã hội và kỳ vọng phát triển nghề nghiệp có ảnh hưởng đáng kể bên cạnh các lợi ích kinh tế trực tiếp [Hong Kong Federation of Youth Groups, 2021].

Xu hướng này càng trở nên đáng chú ý trong bối cảnh cơ cấu dân số và lực lượng lao động của Hồng Kông đang có nhiều biến đổi. Theo Báo cáo dự báo nguồn nhân lực năm 2027 của Cục Lao động và Phúc lợi Hồng Kông, lực lượng lao động trong độ tuổi 15–34 được dự báo giảm đáng kể trong giai đoạn 2017–2027, trong khi nhu cầu sử dụng lao động của nền kinh tế vẫn tiếp tục gia tăng, đặc biệt ở các lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn và kỹ năng cao. Điều này cho thấy nguy cơ mất cân đối giữa cung và cầu lao động chất lượng cao có xu hướng gia tăng nếu không có các chính sách điều chỉnh và thu hút nhân lực phù hợp [Labour and Welfare Bureau, 2018]

Tuy nhiên, kết quả khảo sát của Liên đoàn Thanh niên Hồng Kông (HKFYG) cũng cho thấy hiện tượng thất thoát nhân tài chưa phải là xu hướng không thể đảo ngược. Khoảng 55% số người được khảo sát cho biết sẵn sàng quay trở lại Hồng Kông làm việc nếu có các điều kiện phù hợp. Trong số những điều kiện được đề cập, cơ hội phát triển nghề nghiệp, mức thu nhập hấp dẫn hơn và môi trường chính trị - xã hội ổn định là các yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định trở về. Trong khi đó, chỉ khoảng 16% số người được khảo sát cho biết có xu hướng định cư lâu dài ở nước ngoài. Kết quả này cho thấy việc xây dựng môi trường phát triển nghề nghiệp thuận lợi và duy trì ổn định kinh tế - xã hội có thể góp phần thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao quay trở lại Hồng Kông [Hong Kong Federation

of Youth Groups, 2021]. Những số liệu này cho thấy phần lớn lao động chất lượng cao vẫn duy trì mối liên hệ với Hồng Kông và quyết định quay trở lại phụ thuộc đáng kể vào khả năng cải thiện môi trường phát triển của Đặc khu.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, HKFYG đã đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế tình trạng thất thoát nhân tài và tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Các khuyến nghị tập trung vào ba nhóm giải pháp chính: (i) duy trì kết nối với cộng đồng người Hồng Kông ở nước ngoài thông qua mạng lưới các Văn phòng Kinh tế và Thương mại; (ii) tạo điều kiện thuận lợi để thu hút nhân lực quay trở lại, thông qua các chương trình thực tập dành cho sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài và mở rộng các hình thức làm việc linh hoạt, bao gồm làm việc từ xa; (iii) thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị doanh nghiệp và xây dựng môi trường làm việc hiện đại nhằm nâng cao khả năng thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao [Hong Kong Federation of Youth Groups, 2021].

Theo nghiên cứu sinh, hiện tượng dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao phản ánh tác động sâu hơn của những biến động chính trị đối với nền tảng phát triển dài hạn của Hồng Kông. Trong ngắn hạn, sự thiếu hụt nhân lực chưa tạo ra cú sốc lớn đối với thị trường lao động; tuy nhiên, nếu xu hướng này tiếp tục kéo dài trong bối cảnh già hóa dân số và nhu cầu nhân lực công nghệ cao gia tăng, Hồng Kông sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì năng lực đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành kinh tế mới và bảo đảm vị thế là trung tâm tài chính quốc tế. Do đó, bên cạnh việc khôi phục ổn định chính trị, xây dựng môi trường phát triển nghề nghiệp hấp dẫn và nâng cao chất lượng quản trị xã hội sẽ là những điều kiện quan trọng để Hồng Kông giữ chân và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ tư, thách thức đối với vị thế trung tâm tài chính quốc tế.

Cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ sau vấn đề Hồng Kông đặt ra những thách thức mới đối với việc duy trì vị thế trung tâm tài chính quốc tế của Hồng Kông. Bên cạnh những khó khăn nội tại của nền kinh tế, Hồng Kông còn phải đối mặt với những sức ép ngày càng gia tăng từ môi trường địa - chính trị quốc tế. Sau khi Trung Quốc ban hành Luật an ninh quốc gia vào cuối tháng 6/2020, vấn

đề Hồng Kông nhanh chóng trở thành một nội dung quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông không chỉ phản ánh sự thay đổi trong quan hệ song phương Trung Quốc - Hoa Kỳ mà còn đặt ra những thách thức mới đối với vị thế của Hồng Kông với tư cách là một trung tâm tài chính và thương mại quốc tế.

Ngày 14/7/2020, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã ký Sắc lệnh hành pháp về bình thường hóa việc đối xử đối với Hồng Kông (Executive Order on Hong Kong Normalization), chính thức chấm dứt cơ chế đối xử đặc biệt mà Hoa Kỳ dành cho Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông theo Đạo luật Chính sách Hồng Kông năm 1992. Theo sắc lệnh này, Hồng Kông không còn được hưởng cơ chế đối xử riêng trong các lĩnh vực như thương mại, kiểm soát xuất khẩu công nghệ nhạy cảm và một số chính sách kinh tế khác, mà được áp dụng các quy định tương tự như đối với Trung Quốc đại lục. Cùng ngày, Tổng thống Donald Trump cũng ký ban hành Đạo luật Tự chủ Hồng Kông [Hong Kong Autonomy Act], cho phép áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với các cá nhân, tổ chức và định chế tài chính bị xác định có liên quan đến việc thực thi Luật An ninh quốc gia tại Hồng Kông. Phát biểu tại Nhà Trắng, ông Donald Trump tuyên bố rằng Hồng Kông sẽ "không còn đặc quyền, không còn được đối xử đặc biệt về kinh tế và không còn được xuất khẩu công nghệ nhạy cảm", đồng thời khẳng định: "Hồng Kông từ nay sẽ được đối xử giống như Trung Quốc đại lục" [The White House, 2020; U.S. Congress, 2020].

Các biện pháp trên ngay lập tức tạo ra nhiều tranh luận về triển vọng phát triển của Hồng Kông. Một trong những mối quan tâm lớn nhất là nguy cơ Hồng Kông suy giảm vai trò trung tâm tài chính quốc tế nếu các doanh nghiệp nước ngoài điều chỉnh chiến lược đầu tư hoặc các tổ chức tài chính quốc tế thu hẹp hoạt động tại Đặc khu. Trong bối cảnh đó, nhiều ý kiến cho rằng việc Hoa Kỳ chấm dứt quy chế đặc biệt có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa, khiến một số quốc gia khác xem xét điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông, từ đó làm giảm lợi thế thể chế vốn là nền tảng cho sự phát triển của Đặc khu trong nhiều thập niên (Đàm Văn Hào, 2020 [35]). Theo Đàm Văn Hào, nếu cộng đồng quốc tế không còn nhìn nhận Hồng Kông theo mô hình "Hai chế độ", thì không chỉ kinh tế Hồng Kông chịu tác động mà ngay cả

Trung Quốc đại lục cũng có thể bị ảnh hưởng trong việc thu hút vốn đầu tư và tiếp cận nguồn ngoại tệ quốc tế.

Tuy nhiên, một số chuyên gia kinh tế Hồng Kông cho rằng tác động trực tiếp của việc Hoa Kỳ chấm dứt cơ chế đối xử đặc biệt đối với Hồng Kông thấp hơn so với nhiều dự báo ban đầu. Theo Mạch Tuy Tài, Phó Giáo sư Khoa Tài chính và Khoa học quyết định, Đại học Baptist Hồng Kông, kim ngạch xuất khẩu của Hồng Kông sang Hoa Kỳ chỉ chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng kim ngạch thương mại của Đặc khu. Bên cạnh đó, việc Hoa Kỳ hạn chế xuất khẩu một số công nghệ cao được cho là khó tạo ra tác động mang tính quyết định do Hồng Kông vẫn có khả năng tiếp cận các nguồn công nghệ thay thế từ các thị trường khác. Vì vậy, trong ngắn hạn, các biện pháp của Hoa Kỳ được đánh giá chủ yếu ảnh hưởng đến tâm lý thị trường và niềm tin của nhà đầu tư hơn là tạo ra những tác động trực tiếp đối với nền tảng kinh tế của Hồng Kông.

Liên quan đến khả năng Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp tài chính nghiêm khắc hơn, đặc biệt là trừng phạt các ngân hàng hoặc hạn chế giao dịch bằng đồng đô la Mỹ tại Hồng Kông, Mạch Tuy Tài cho rằng đây là kịch bản khó có khả năng xảy ra. Theo ông, nhiều ngân hàng lớn hoạt động tại Hồng Kông có mối liên kết chặt chẽ với cả thị trường Trung Quốc và thị trường tài chính quốc tế; do đó, việc Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp trừng phạt quy mô lớn không chỉ ảnh hưởng đến các tổ chức tài chính của Trung Quốc mà còn có thể tác động đến các ngân hàng quốc tế và lợi ích kinh tế của chính Hoa Kỳ. Ông cũng nhận định rằng việc hạn chế sử dụng đồng đô la Mỹ trong các giao dịch quốc tế có thể thúc đẩy xu hướng đa dạng hóa đồng tiền thanh toán và giảm sự phụ thuộc vào đồng đô la Mỹ trong thương mại quốc tế.

Ở chiều ngược lại, phía Trung Quốc khẳng định các biện pháp của Hoa Kỳ là sự can thiệp vào công việc nội bộ và sẽ không làm thay đổi quyết tâm thực thi Luật An ninh quốc gia tại Hồng Kông. Ngày 15/7/2020, Bộ Ngoại giao Trung Quốc triệu Đại sứ Hoa Kỳ để phản đối các biện pháp trừng phạt, đồng thời tuyên bố sẽ áp dụng các biện pháp đáp trả cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia. Theo Văn phòng Liên lạc của Chính phủ Trung ương tại Hồng Kông, việc Hoa Kỳ chấm dứt cơ chế ưu đãi

thương mại đối với Hồng Kông được cho là khó tạo ra những tác động đáng kể đối với nền kinh tế của Đặc khu, trong khi có thể ảnh hưởng đến lợi ích của các doanh nghiệp Hoa Kỳ đang hoạt động tại đây. Bà Lâm Trịnh Nguyệt Nga, Trưởng Đặc khu Hồng Kông khi đó, cũng nhận định rằng nếu Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp trừng phạt tài chính thì tác động sẽ không chỉ giới hạn ở Hồng Kông mà còn có thể ảnh hưởng đến các doanh nghiệp Hoa Kỳ có hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Đặc khu. Những nhận định này phản ánh lập trường của chính quyền Trung Quốc và chính quyền Đặc khu Hồng Kông, cho rằng các biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ có thể tạo ra những tác động hai chiều đối với cả hai bên [Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 2020].

Có thể thấy, các biện pháp điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ sau năm 2020 đã tạo ra những sức ép mới đối với môi trường đầu tư và tâm lý thị trường tại Hồng Kông, song chưa đủ làm thay đổi nền tảng cạnh tranh của Đặc khu với tư cách là cửa ngõ kết nối giữa Trung Quốc và nền kinh tế toàn cầu. Trong ngắn hạn, tác động chủ yếu thể hiện ở sự gia tăng bất định đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp quốc tế; tuy nhiên, về dài hạn, vị thế của Hồng Kông sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào khả năng duy trì các lợi thế cốt lõi như hệ thống tài chính quốc tế hóa, môi trường pháp lý, khả năng kết nối với thị trường Trung Quốc đại lục và vai trò trong chiến lược phát triển Vùng Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao. Điều này cho thấy, tác động của vấn đề Hồng Kông đã vượt ra ngoài phạm vi nội bộ Trung Quốc để trở thành một biến số quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến cục diện địa - chính trị và kinh tế của khu vực Đông Á.

3.5. Về bản chất vấn đề biến động chính trị ở Hồng Kông

Dựa trên các nghiên cứu thực trạng, có thể nhận định, biến động chính trị Hồng Kông trong những năm gần đây không phải là hiện tượng đơn lẻ hay bộc phát, mà là kết quả tích tụ của nhiều mâu thuẫn kéo dài kể từ sau năm 1997. Nhiều “dấu hiệu đáng ngại đã xuất hiện từ năm 2003” khi Trung Quốc bắt đầu kiểm soát, bắt giữ các cá nhân buôn bán tài liệu chỉ trích Chính phủ Trung ương, dẫn đến sự nghi ngờ về việc thu hẹp tự do vốn được bảo đảm theo mô hình “Một nước, hai chế độ”. Sự kiện mất tích của các chủ tiệm sách năm 2014 đã vượt qua “giới hạn đỏ”,

gây phản ứng dữ dội trong xã hội và cộng đồng quốc tế, thổi bùng lên phong trào “Cách mạng Ô dù”. Điều này đánh dấu một sự chuyển biến trong nhận thức của người dân rằng quyền tự trị và nền pháp trị của Hồng Kông đang dần bị xâm phạm khi mà người dân Hồng Kông vốn quen sống trong môi trường pháp trị kiểu Anh, có mức độ tự do cao, khó chấp nhận sự thay đổi nhanh chóng trong cấu trúc quản trị theo hướng tập trung vào Trung Quốc đại lục. Tất nhiên, không thể không nhắc đến sự cạnh tranh địa - chính trị giữa Trung Quốc và phương Tây; Hoa Kỳ có vai trò nhất định trong việc hỗ trợ các lực lượng đối lập, đào tạo kỹ thuật “phong trào dân chủ” nhằm thúc đẩy các “cách mạng màu” bên ngoài, làm phức tạp hóa nội tình Hồng Kông vì biến đặc khu trở thành điểm giao thoa xung đột chiến lược giữa Trung Quốc và các cường quốc phương Tây. Có thể khái quát một số vấn đề mang tính bản chất về biến động chính trị Hồng Kông bằng các nội dung sau:

Thứ nhất, sự xung đột thể chế giữa hai mô hình pháp trị đối lập. Nhìn ở góc độ cấu trúc, nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện các biến động chính trị ở Hồng Kông xuất phát từ nhận thức và văn hoá chính trị, khi người Hồng Kông chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ thống pháp trị kiểu Anh, nơi vốn đề cao quyền tự do cá nhân, minh bạch và độc lập tư pháp. Trong khi đó, tiến trình hoàn thiện và hiện đại hóa nền pháp trị của Trung Quốc đại lục chưa hoàn thiện khiến nhiều người Hồng Kông thiếu niềm tin vào thể chế đại lục, từ đó hình thành tâm lý hoài nghi dài hạn đối với những thay đổi chính sách từ chính quyền Trung ương. Bên cạnh mâu thuẫn thể chế, các yếu tố kinh tế - xã hội đóng vai trò quan trọng làm gia tăng sự bất mãn trong xã hội Hồng Kông.

Thứ hai, sự gia tăng can thiệp của Trung Quốc trong quá trình “thu hồi sâu” Hồng Kông. Trong khi người Hồng Kông quen với mô hình tự do kiểu Anh, Trung Quốc lại muốn thống nhất trong quản trị để tránh hình thành khu vực “khác biệt chính trị” kéo dài. Song tiến trình “thu hồi sâu” của Trung Quốc đã làm đứt gãy niềm tin của dân chúng, trong khi các lực lượng bên ngoài tận dụng tình hình để can dự. Vì vậy, Hồng Kông trở thành “điểm nóng quốc tế” - nơi giao nhau giữa yêu cầu thống nhất quốc gia, mong muốn bảo vệ bản sắc địa phương và cạnh tranh địa - chính trị toàn cầu. Thực tế chỉ rõ, vấn đề biến động chính trị tại Hồng Kông phản

ánh sự va chạm sâu sắc giữa hai mô hình thể chế và hai hệ thống pháp trị đối lập: một bên là truyền thống pháp trị tự do kiểu Anh được duy trì lâu dài tại đặc khu, bên kia là mô hình quản trị tập trung mang đặc trưng của Trung Quốc đại lục.

Thứ ba, tiến trình Trung Quốc gia tăng can thiệp vào các lĩnh vực chính trị, pháp luật và quản trị xã hội - đã làm suy giảm mạnh niềm tin của người dân Hồng Kông vào sự bền vững của mô hình “Một nước, hai chế độ”. Biểu tình năm 2019 đánh dấu đỉnh điểm của biến động chính trị. Khoảng 1 triệu người xuống đường ngày 9/6/2019 và 2 triệu người ngày 16/6/2019 cho thấy mức độ phản ứng chưa từng có trong lịch sử hiện đại Hồng Kông. Mặc dù nguyên nhân trực tiếp là Dự luật dẫn độ, song những diễn biến trước đó như các nhà lập pháp bị tước quyền, các nhà xuất bản mất tích, nhà báo nước ngoài bị từ chối thị thực, hay các bản án liên quan “Cách mạng Ô dù” bị kháng cáo có hệ thống đã làm người dân tin rằng Bắc Kinh đang mở rộng ảnh hưởng lên Hồng Kông. Trong sự kiện ngày 12/6/2019, khi cảnh sát sử dụng bạo lực mạnh tay, đã tạo ra sự phẫn nộ lớn hơn, biến phong trào từ phản đối chính sách thành phong trào đòi dân chủ và bảo vệ quyền tự trị. Trong nửa cuối năm 2019, xung đột giữa cảnh sát và người biểu tình chuyển hướng sang bạo lực leo thang. Mạng lưới tàu điện ngầm trở thành mục tiêu và chứng cứ video bị xóa trong nhiều vụ việc, khiến người dân nghi ngờ các cơ quan vận hành đứng về phía chính quyền. Các trường đại học như Đại học Trung văn và Đại học Bách khoa bị phong tỏa và chiếm đóng, hàng nghìn sinh viên bị bắt giữ. Các trường hợp tử vong, thương tích của cả người dân và cảnh sát làm cho phong trào trở thành cuộc đối đầu toàn diện giữa chính quyền và một bộ phận lớn dân chúng, thể hiện sự đổ vỡ nghiêm trọng trong lòng tin xã hội.

Thứ tư, tác động của bất bình đẳng kinh tế và khủng hoảng xã hội dài hạn. Biến động chính trị đã gây ảnh hưởng mạnh đến vị thế kinh tế vốn là ưu thế hàng đầu của Hồng Kông. GDP năm 2020 giảm 6,1%, dù khả quan hơn dự báo nhưng cho thấy nền kinh tế chịu cú sốc sâu sắc. Niềm tin nhà đầu tư suy giảm, nguy cơ khủng hoảng tài chính hiện hữu khi bất ổn kéo dài. Hồng Kông vốn là “cửa ngõ” để các tập đoàn phương Tây tiếp cận Trung Quốc, nhưng Luật an ninh quốc gia làm phương Tây áp đặt các biện pháp hạn chế và trừng phạt, đẩy đặc khu vào thế đối

đầu trong cạnh tranh chiến lược nước lớn khiến Hồng Kông bị mô tả là “điểm nóng tạo xung động lớn trong đời sống quốc tế”, làm gia tăng sự bất định trong hoạt động kinh tế và tài chính. Mặt khác, từ năm 2008, giá nhà tăng đến 320% trong khi mức lương chỉ tăng dưới 50%, khiến Hồng Kông trở thành nơi có giá nhà đất đắt đỏ nhất thế giới. Khoảng cách giàu nghèo gia tăng nhanh chóng, đặc biệt trong bối cảnh dòng người giàu từ Trung Quốc đại lục đổ về mua bất động sản, tạo cảm giác bị lấn át và đánh mất kiểm soát trong tầng lớp trung lưu và người trẻ. Căng thẳng kinh tế này trực tiếp nuôi dưỡng các phong trào phản kháng, bởi nhiều người trẻ không nhìn thấy tương lai trong một thị trường bất động sản quá đắt đỏ và một môi trường chính trị đang bị siết chặt. Song song với đó, các vấn đề kinh tế - xã hội như bất bình đẳng gia tăng, giá nhà cao ngất ngưỡng và cơ hội phát triển hạn chế đối với giới trẻ đã tiếp thêm năng lượng cho sự bất mãn xã hội, khiến những xung đột chính trị trở nên phức tạp và khó kiểm soát hơn.

Thứ năm, tác động mạnh mẽ của cạnh tranh địa - chính trị, đặc biệt là vai trò Hoa Kỳ. Vấn đề Hồng Kông từ lâu không chỉ dừng lại ở phạm vi nội bộ Trung Quốc, mà đã trở thành một mặt trận quốc tế nơi các lực lượng bên ngoài đóng vai trò quan trọng. Hoa Kỳ và một số nước phương Tây bị cáo buộc có các hoạt động hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho lực lượng đối lập tại Hồng Kông, từ việc tài trợ, đào tạo, cung cấp các giáo trình mang hơi hướng “cách mạng màu” đến việc tạo điều kiện để hình thành các mạng lưới tổ chức biểu tình quy mô lớn. Một số cơ chế can thiệp mềm được đề cập trong tài liệu, như sự hiện diện của các “trung tâm Mỹ” trong các trường đại học lớn ở Hồng Kông, cho thấy sự tác động dài hạn lên môi trường học thuật và phong trào sinh viên. Ngoài ra, các kênh truyền thông và tôn giáo, đặc biệt là hoạt động của “Giáo hội trực tuyến Hồng Kông”, được xem là đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa thông điệp chống đối, huy động quần chúng và duy trì năng lượng của phong trào phản kháng.

Thứ sáu, tính chất quốc tế hóa của các phong trào phản kháng. Không chỉ là vấn đề nội bộ, Hồng Kông còn trở thành điểm nóng có tính quốc tế hóa sâu sắc. Với vị thế là trung tâm tài chính toàn cầu và là cầu nối giữa Trung Quốc và phương Tây, mọi biến động tại đặc khu đều nhanh chóng lan tỏa ra môi trường quốc tế. Cạnh

tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã biến các phong trào phản kháng, các điều chỉnh pháp lý hay các chính sách quản trị của Bắc Kinh thành những sự kiện mang hàm ý địa - chính trị rộng lớn hơn, khiến các biến động chính trị tại Hồng Kông trở nên phức tạp, kéo dài và khó giải quyết trong khuôn khổ một tiếp cận thuần túy nội bộ. Mặt khác, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa Trung Quốc và phương Tây, Hồng Kông được xem như một “điểm tựa” quan trọng của phương Tây để tiếp cận Trung Quốc, đồng thời là cửa ngõ để Trung Quốc hội nhập với thế giới. Do đó, bất kỳ động thái nào của Bắc Kinh nhằm siết chặt quyền tự trị của đặc khu đều lập tức dẫn tới phản ứng mạnh từ các quốc gia phương Tây, đó có thể là trừng phạt, gây sức ép ngoại giao hoặc tăng cường hỗ trợ các lực lượng đối lập. Điều này làm cho vấn đề Hồng Kông trở thành một phần của cuộc đối đầu chiến lược rộng lớn hơn, nơi các biến động chính trị tại đặc khu mang ý nghĩa vượt xa ranh giới địa lý và tác động đến cấu trúc quyền lực của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Thứ bảy, Luật an ninh quốc gia đánh dấu bước tái định hình căn bản trật tự chính trị Hồng Kông. Việc Trung Quốc ban hành Luật an ninh quốc gia năm 2020 trở thành bước ngoặt quan trọng, tái định hình toàn bộ trật tự chính trị - an ninh của Hồng Kông theo hướng tăng cường kiểm soát và củng cố chủ quyền quốc gia. Việc Trung Quốc thông qua Luật an ninh quốc gia tháng 6/2020 là bước ngoặt mang tính lịch sử. Luật này không chỉ định nghĩa bốn tội danh - ly khai, lật đổ, khủng bố, thông đồng với nước ngoài - mà còn cho phép các cơ quan an ninh, tình báo và công an Trung Quốc mở văn phòng và hoạt động trực tiếp tại Hồng Kông. Đây là thay đổi căn bản, bởi trước đó lực lượng an ninh đại lục không được quyền hành pháp tại đặc khu. Các tổ chức dân sự như Mặt trận Nhân quyền dân sự bị điều tra và nhiều lãnh đạo bị bắt. Cơ quan tư pháp, vốn được xem là trụ cột của mô hình “Một nước, hai chế độ”, bị ảnh hưởng rõ rệt khi nhiều thẩm phán đối mặt với áp lực chính trị trong xử lý các vụ án liên quan biểu tình. Tỷ lệ người trẻ nhận mình là “người Hồng Kông” lên đến 81,8% trong khảo sát năm 2019, phản ánh sự phân rã bản sắc và khủng hoảng niềm tin vào mô hình chính trị do Bắc Kinh định hình.

Nhìn tổng thể, bất ổn tại Hồng Kông là kết quả của xung đột giữa một bên muốn bảo vệ bản sắc thể chế riêng và một bên muốn tái cấu trúc quyền lực để thống nhất quản trị theo mô hình Trung Quốc; sự can dự của các lực lượng bên ngoài đã khiến xung đột tại Hồng Kông khó được xử lý như một vấn đề thuần túy nội bộ và góp phần duy trì tính quốc tế hóa cao độ của mọi diễn biến tại đây. Đặc biệt, vấn đề Hồng Kông không chỉ là tranh chấp nội bộ về quyền tự trị và dân chủ hóa, mà là sự giao thoa của xung đột thể chế, khủng hoảng niềm tin, bất bình đẳng xã hội và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, tạo nên một điểm nóng chính trị mang tính phức hợp của thời đại.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã phân tích toàn diện tiến trình biến động chính trị tại Hồng Kông trong giai đoạn 2014 - 2020, làm rõ sự chuyển hóa từ các phong trào phản kháng mang tính cải cách thể chế sang trạng thái đối đầu chính trị sâu sắc, từ đó tạo ra những hệ quả địa - chính trị vượt ra ngoài phạm vi nội bộ.

Nội dung chương 3 tái hiện các mốc phát triển quan trọng của phong trào phản kháng, từ “Phong trào Ô dù” năm 2014 đến làn sóng biểu tình quy mô lớn năm 2019 liên quan đến dự luật dẫn độ. Các diễn biến này cho thấy sự tích tụ lâu dài của mâu thuẫn giữa yêu cầu duy trì quyền tự trị cao, bảo đảm các giá trị pháp quyền - dân chủ theo cơ chế “một quốc gia, hai chế độ”, với xu hướng gia tăng kiểm soát và tái khẳng định chủ quyền tuyệt đối từ phía chính quyền trung ương Trung Quốc. Quá trình này phản ánh sự va chạm giữa các hệ giá trị chính trị khác biệt trong cùng một không gian thể chế đặc thù.

Chương 3 cũng tập trung vào phân tích sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc, đặc biệt là việc ban hành Luật An ninh quốc gia năm 2020 đối với Hồng Kông. Đây được xem là bước ngoặt chiến lược, đánh dấu sự chuyển dịch từ cách tiếp cận linh hoạt, thận trọng sang ưu tiên ổn định chính trị và an ninh quốc gia ở mức cao hơn. Từ góc độ địa - chính trị, quyết sách này không chỉ nhằm tái lập trật tự nội bộ mà còn mang thông điệp răn đe đối với các thách thức tiềm tàng về chủ quyền và ly khai.

Đồng thời, chương 3 cũng làm rõ phản ứng của Hoa Kỳ và một số nước phương Tây, bao gồm việc điều chỉnh chính sách đối với Hồng Kông, áp đặt trừng phạt và gia tăng chỉ trích về vấn đề dân chủ, nhân quyền. Sự can dự này đã góp phần quốc tế hóa vấn đề Hồng Kông, khiến không gian vốn mang tính nội bộ trở thành một điểm ma sát trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Hồng Kông từ đó không chỉ là vấn đề quản trị đặc khu, mà trở thành biểu tượng và công cụ trong cuộc đấu tranh về chuẩn mực và ảnh hưởng giữa các cường quốc.

Tóm lại, Chương 3 cho thấy biến động chính trị tại Hồng Kông không đơn thuần là khủng hoảng xã hội cục bộ, mà là một quá trình tái cấu trúc quan hệ quyền lực giữa trung ương và đặc khu, đồng thời là điểm giao cắt giữa chủ quyền quốc gia, lợi ích kinh tế toàn cầu và cạnh tranh chiến lược nước lớn. Những diễn biến này đã làm thay đổi vị thế quốc tế của Hồng Kông, tác động tới môi trường an ninh - kinh tế khu vực Đông Á, và đặt ra những điều chỉnh dài hạn trong cách thức các chủ thể liên quan hoạch định chính sách.

CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG CỦA VẤN ĐỀ HỒNG KÔNG ĐỐI VỚI ĐỊA - CHÍNH TRỊ KHU VỰC ĐÔNG Á VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

4.1. Xu hướng phát triển của vấn đề Hồng Kông sau khi Luật An ninh quốc gia được ban hành

Việc Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc thông qua và ban hành Luật Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về bảo vệ an ninh quốc gia tại Đặc khu hành chính Hồng Kông hay còn gọi là Luật An ninh quốc gia (Hong Kong National Security Law - NSL) ngày 30/6/2020 đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tiến trình xử lý vấn đề Hồng Kông của Chính phủ Trung Quốc. Nếu giai đoạn 2014-2019 được đặc trưng bởi các cuộc biểu tình quy mô lớn, sự đối đầu gay gắt giữa chính quyền và lực lượng đối lập cùng sự gia tăng can dự của các nhân tố bên ngoài, thì từ sau năm 2020, vấn đề Hồng Kông bước sang một giai đoạn phát triển mới với những thay đổi đáng kể về môi trường chính trị, phương thức quản trị, định hướng phát triển kinh tế và vị trí của Hồng Kông trong chiến lược quốc gia của Trung Quốc.

Sau hơn năm năm triển khai Luật An ninh quốc gia và hơn hai năm thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ an ninh quốc gia của Đặc khu hành chính Hồng Kông (Safeguarding National Security Ordinance - Điều 23 của Luật Cơ bản, ban hành tháng 3/2024), những thay đổi tại Hồng Kông đã dần bộc lộ rõ nét. Thực tiễn cho thấy Hồng Kông không diễn biến theo các dự báo cực đoan trước đây, như sự sụp đổ của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ" hoặc việc mất hoàn toàn vị thế trung tâm tài chính quốc tế. Ngược lại, Hồng Kông đang trải qua quá trình tái cấu trúc toàn diện dưới sự dẫn dắt của Chính phủ Trung ương Trung Quốc, với mục tiêu đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, duy trì ổn định xã hội và tái định vị vai trò của đặc khu trong chiến lược phát triển quốc gia. Như nhận định của Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện Trung Quốc trong Sách trắng về thực tiễn "Một quốc gia, hai chế độ", việc kiên trì nguyên tắc này nhằm bảo đảm "sự thịnh vượng và ổn định lâu dài của Hồng Kông và Ma Cao" [Quốc vụ viện Trung Quốc, 2021].

Tuy nhiên, sự ổn định đạt được sau năm 2020 không đồng nghĩa với việc vấn đề Hồng Kông đã hoàn toàn khép lại. Trong khi môi trường chính trị và trật tự xã

hội từng bước được ổn định, Hồng Kông vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức mới như áp lực duy trì sức cạnh tranh của một trung tâm tài chính quốc tế, quá trình hội nhập sâu hơn với chiến lược phát triển của Trung Quốc đại lục, tác động của cạnh tranh chiến lược Trung Quốc - Hoa Kỳ và những tranh luận quốc tế liên quan đến mô hình "Một quốc gia, hai chế độ". Điều này cho thấy vấn đề Hồng Kông đã chuyển từ giai đoạn khủng hoảng chính trị nội bộ sang giai đoạn điều chỉnh mô hình quản trị và tái xác lập vị thế trong bối cảnh địa - chính trị mới.

Từ thực tiễn đó, luận án tập trung đánh giá những xu hướng phát triển chủ yếu của vấn đề Hồng Kông sau năm 2020. Trên cơ sở các diễn biến đã diễn ra, theo đó có thể thấy các xu hướng nổi bật bao gồm:

4.1.1. Xu hướng ổn định hóa đời sống chính trị và trật tự xã hội ở Hồng Kông

Sau khi Luật an ninh quốc gia được ban hành và có hiệu lực từ ngày 30/6/2020, đời sống chính trị và trật tự xã hội tại Hồng Kông đã có những chuyển biến căn bản so với giai đoạn 2014-2019. Nếu như trước năm 2020, Hồng Kông liên tục chứng kiến các cuộc biểu tình quy mô lớn, xung đột bạo lực trên đường phố, sự đối đầu gay gắt giữa lực lượng thực thi pháp luật với người biểu tình và tình trạng tê liệt cục bộ của bộ máy quản trị, thì từ sau năm 2020, môi trường chính trị - xã hội từng bước được ổn định, tạo điều kiện để chính quyền Đặc khu chuyển trọng tâm từ xử lý khủng hoảng sang phục hồi kinh tế và cải thiện quản trị xã hội. Đây là xu hướng nổi bật nhất trong tiến trình phát triển của vấn đề Hồng Kông sau khi Trung Quốc điều chỉnh chính sách quản lý đối với Đặc khu hành chính này.

Từ góc độ của Chính phủ Trung Quốc, việc khôi phục ổn định chính trị ở Hồng Kông được xem là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thực hiện đầy đủ và lâu dài nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ". Trong Sách trắng *Hong Kong: Democratic Progress Under the Framework of One Country, Two Systems* (2021), Quốc vụ viện Trung Quốc cho rằng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và cải cách chế độ bầu cử đã tạo cơ sở để khắc phục những khoảng trống thể chế từng dẫn đến bất ổn chính trị kéo dài. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định trong Sách trắng *Hong Kong: Safeguarding China's National Security Under the Framework of One Country, Two Systems* (2026), trong đó nhấn mạnh

rằng việc bảo vệ an ninh quốc gia là điều kiện để duy trì sự ổn định, bảo đảm môi trường phát triển và thực hiện lâu dài chính sách "Một quốc gia, hai chế độ" [State Council Information Office, 2021; State Council Information Office, 2026].

Trên thực tế, sau năm 2020, các hoạt động biểu tình quy mô lớn gần như không còn diễn ra; tình trạng bạo lực đường phố, phá hoại cơ sở hạ tầng công cộng và đối đầu trực tiếp với lực lượng cảnh sát giảm mạnh. Hoạt động của Hội đồng Lập pháp (LegCo), bộ máy hành chính và hệ thống tư pháp từng bước trở lại trạng thái bình thường. Việc tổ chức thành công các cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp năm 2021 và bầu cử Hội đồng Quận năm 2023 theo khuôn khổ thể chế mới phản ánh khả năng duy trì hoạt động ổn định của hệ thống chính trị sau quá trình cải cách. Mặc dù vẫn còn nhiều tranh luận về mức độ cạnh tranh chính trị, song xét từ góc độ quản trị công, Hồng Kông đã thoát khỏi trạng thái bất ổn kéo dài trước đây và từng bước khôi phục tính liên tục trong điều hành của chính quyền.

Sự ổn định về chính trị cũng tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), nền kinh tế Hồng Kông đã phục hồi tích cực sau đại dịch COVID-19, tốc độ tăng trưởng năm 2025 cao hơn dự báo trước đó; hệ thống tài chính tiếp tục duy trì khả năng chống chịu trước những biến động bên ngoài, trong khi vai trò của Hồng Kông với tư cách là trung tâm tài chính quốc tế và cầu nối giữa Trung Quốc đại lục với thị trường toàn cầu vẫn được giữ vững [International Monetary Fund, 2026]. Những đánh giá này cho thấy việc khôi phục trật tự xã hội không chỉ có ý nghĩa về chính trị mà còn góp phần củng cố niềm tin của thị trường, cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường khả năng thu hút dòng vốn quốc tế.

Tuy nhiên, trong giới học giả quốc tế vẫn tồn tại những cách tiếp cận khác nhau về bản chất của quá trình ổn định hóa tại Hồng Kông. Một số học giả cho rằng việc tăng cường các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia và cải cách thể chế đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, khôi phục năng lực điều hành của chính quyền và giảm thiểu nguy cơ bất ổn kéo dài. Ngược lại, một số nghiên cứu khác cho rằng sự ổn định hiện nay gắn liền với việc thu hẹp không gian hoạt động của các lực lượng đối lập, làm thay đổi cấu trúc cạnh tranh chính trị và phương thức tham gia của xã

hội dân sự. Brian C. H. Fong (2023) nhận định quá trình cải cách sau năm 2020 phản ánh sự điều chỉnh sâu sắc trong mô hình quản trị Hồng Kông dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Trung ương; trong khi Francis L. F. Lee và các cộng sự cho rằng những biến đổi sau phong trào phản đối Dự luật Dẫn độ năm 2019 đã làm thay đổi căn bản môi trường chính trị và hình thức tham gia chính trị của xã hội Hồng Kông [Brian C. H. Fong, 2023; Lee et al., 2022].

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, hai cách tiếp cận trên không hoàn toàn loại trừ lẫn nhau mà phản ánh những góc nhìn khác nhau về cùng một quá trình chính trị. Thực tiễn cho thấy Hồng Kông đã đạt được mức độ ổn định cao hơn so với giai đoạn trước năm 2020; đồng thời, mô hình quản trị của Đặc khu cũng đã có sự điều chỉnh đáng kể theo hướng tăng cường vai trò của Chính phủ Trung ương trong các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia. Nói cách khác, sự ổn định chính trị hiện nay không phải là sự quay trở lại trạng thái trước năm 2014, mà là kết quả của quá trình tái cấu trúc thể chế nhằm thiết lập một trạng thái cân bằng mới giữa yêu cầu bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia với mục tiêu duy trì môi trường phát triển và hội nhập quốc tế.

Xu hướng ổn định hóa đời sống chính trị và trật tự xã hội tại Hồng Kông nhiều khả năng sẽ tiếp tục được duy trì trong những năm tới, bởi khuôn khổ pháp lý về bảo vệ an ninh quốc gia đã cơ bản được hoàn thiện, bộ máy quản trị mới từng bước đi vào vận hành ổn định và chính quyền Đặc khu đang chuyển trọng tâm sang phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và cải thiện đời sống dân sinh. Tuy nhiên, để duy trì sự ổn định bền vững, Hồng Kông vẫn phải giải quyết đồng thời nhiều vấn đề như nâng cao hiệu quả quản trị, củng cố niềm tin xã hội, duy trì sức hấp dẫn của môi trường đầu tư và thích ứng với những tác động ngày càng rõ của cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và các nước phương Tây.

Có thể thấy, xu hướng ổn định hóa đời sống chính trị và trật tự xã hội sau năm 2020 là biến đổi rõ nét nhất của vấn đề Hồng Kông trong giai đoạn hiện nay. Xu hướng này không chỉ phản ánh sự thay đổi trong phương thức quản trị của Trung Quốc đối với Đặc khu hành chính Hồng Kông mà còn tạo nền tảng cho

những điều chỉnh tiếp theo về mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", chiến lược phát triển kinh tế và vị thế của Hồng Kông trong cục diện địa - chính trị Đông Á.

4.1.2. Xu hướng hoàn thiện mô hình quản trị Hồng Kông theo hướng tăng cường vai trò của Chính phủ Trung ương

Nếu xu hướng nổi bật sau năm 2020 là đời sống chính trị và trật tự xã hội tại Hồng Kông từng bước ổn định trở lại, thì nền tảng tạo nên sự ổn định đó chính là quá trình hoàn thiện mô hình quản trị của Đặc khu hành chính Hồng Kông theo hướng tăng cường vai trò lãnh đạo của Chính phủ Trung ương. Đây được xem là một trong những điều chỉnh quan trọng nhất trong chính sách của Trung Quốc đối với Hồng Kông kể từ khi Đặc khu được thành lập năm 1997.

Quá trình hoàn thiện mô hình quản trị được triển khai thông qua việc từng bước bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ thể chế. Sau khi ban hành Luật an ninh quốc gia năm 2020, Trung Quốc tiếp tục cải cách hệ thống bầu cử năm 2021 trên cơ sở nguyên tắc "những người yêu nước quản trị Hồng Kông", đồng thời thúc đẩy việc thực hiện Điều 23 của Luật Cơ bản thông qua việc ban hành Pháp lệnh Bảo vệ an ninh quốc gia năm 2024. Những điều chỉnh này hướng tới việc khắc phục những khoảng trống về thể chế và pháp luật được cho là đã bộc lộ trong các cuộc khủng hoảng chính trị giai đoạn 2014–2019, qua đó nâng cao hiệu lực quản trị và khả năng ứng phó với các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia [State Council Information Office, 2021; HKSAR Government, 2024].

Cùng với việc hoàn thiện thể chế, mối quan hệ giữa Chính phủ Trung ương và chính quyền Đặc khu cũng được điều chỉnh theo hướng tăng cường phối hợp trong các lĩnh vực liên quan đến chủ quyền, an ninh quốc gia và quản trị chính trị. Theo quan điểm chính thức của Trung Quốc, việc nhấn mạnh nguyên tắc "Một quốc gia" không nhằm thay đổi chính sách "Một quốc gia, hai chế độ", mà nhằm bảo đảm chính sách này được thực hiện ổn định và lâu dài trên cơ sở bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích phát triển của đất nước [State Council Information Office, 2021; State Council Information Office, 2026].

Nhiều học giả quốc tế cũng cho rằng sau năm 2020, mô hình quản trị Hồng Kông đã bước sang một giai đoạn điều chỉnh mới. Brian C. H. Fong nhận định các

cải cách thể chế đã làm gia tăng mức độ điều phối của Chính phủ Trung ương đối với hệ thống quản trị của Đặc khu, qua đó hình thành cơ chế quản lý tập trung hơn đối với các vấn đề chính trị và an ninh [Brian C. H. Fong, 2023]. Trong khi đó, Francis L. F. Lee cho rằng những thay đổi về pháp luật và thể chế đã làm biến đổi môi trường chính trị, cơ chế đại diện và phương thức tham gia của các chủ thể xã hội tại Hồng Kông [Francis L. F. Lee, 2022]. Mặc dù có những cách tiếp cận khác nhau, các nghiên cứu đều cho thấy mô hình quản trị của Hồng Kông đang được điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh chính trị và an ninh mới.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, xu hướng hoàn thiện mô hình quản trị Hồng Kông phản ánh sự chuyển dịch trong ưu tiên chính sách của Trung Quốc từ việc nhấn mạnh quyền tự chủ của Đặc khu sang chú trọng hơn yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia và hiệu quả quản trị. Tuy nhiên, sự điều chỉnh này không đồng nghĩa với việc phủ nhận những đặc trưng của mô hình "Một quốc gia, hai chế độ", bởi Hồng Kông vẫn duy trì hệ thống pháp luật theo thông luật, cơ chế tài chính - tiền tệ độc lập và vị thế là trung tâm tài chính quốc tế. Điều này cho thấy Trung Quốc đang hướng tới việc xây dựng một mô hình quản trị có khả năng dung hòa giữa yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia với mục tiêu duy trì vai trò quốc tế và sức cạnh tranh của Hồng Kông.

Có thể thấy, xu hướng hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng tăng cường vai trò của Chính phủ Trung ương là cơ sở thể chế quan trọng tạo nên sự ổn định chính trị của Hồng Kông sau năm 2020. Đồng thời, xu hướng này cũng phản ánh sự điều chỉnh trong tư duy quản trị của Trung Quốc nhằm thích ứng với những biến động của môi trường an ninh trong nước và quốc tế, tạo nền tảng cho việc tái định vị vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia.

4.1.3. Xu hướng tái định vị vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia của Trung Quốc

Sau khi tình hình chính trị và xã hội tại Hồng Kông từng bước ổn định, trọng tâm chính sách của Trung Quốc đối với Đặc khu đã chuyển từ xử lý khủng hoảng sang phát huy vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia. Đây là một xu hướng nổi bật sau năm 2020, phản ánh sự thay đổi trong cách tiếp cận của

Bắc Kinh: Hồng Kông không chỉ được nhìn nhận là một vấn đề về quản trị hay an ninh quốc gia mà còn là một cực tăng trưởng quan trọng phục vụ mục tiêu hiện đại hóa đất nước và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc.

Xu hướng này được thể hiện rõ trong Kế hoạch 5 năm lần thứ XIV (2021–2025) và Đề cương Quy hoạch phát triển Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông – Hồng Kông – Ma Cao (Greater Bay Area). Các văn kiện này đều xác định Hồng Kông giữ vai trò là trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, trung tâm quản lý tài sản, trung tâm huy động vốn quốc tế và cửa ngõ kết nối Trung Quốc với thị trường toàn cầu, đồng thời là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển chất lượng cao của đất nước [State Council of the People's Republic of China, 2019; The 14th Five-Year Plan, 2021].

Bên cạnh đó, Hồng Kông tiếp tục được đặt ở vị trí quan trọng trong việc triển khai chiến lược lưu thông kép (Dual Circulation Strategy). Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ ngày càng gay gắt, Hồng Kông được kỳ vọng phát huy vai trò cầu nối giữa thị trường trong nước với thị trường quốc tế thông qua các hoạt động huy động vốn, tài chính quốc tế, thương mại, logistics và đổi mới sáng tạo. Với hệ thống tài chính phát triển, đồng tiền có khả năng chuyển đổi tự do và môi trường pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế, Hồng Kông tiếp tục là địa điểm quan trọng để doanh nghiệp Trung Quốc tiếp cận nguồn vốn toàn cầu, đồng thời hỗ trợ quá trình quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ [The 14th Five-Year Plan, 2021; International Monetary Fund, 2026].

Một biểu hiện đáng chú ý của xu hướng này là việc Trung Quốc thúc đẩy mạnh mẽ quá trình liên kết phát triển giữa Hồng Kông với Quảng Đông và Ma Cao trong khuôn khổ Greater Bay Area. Việc phát triển các cơ chế kết nối về tài chính, hạ tầng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và lưu chuyển nguồn nhân lực không chỉ mở rộng không gian phát triển của Hồng Kông mà còn tạo điều kiện để Đặc khu tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Theo nhiều nghiên cứu, mô hình Greater Bay Area đang từng bước chuyển Hồng Kông từ vị thế một trung tâm kinh tế độc lập sang một bộ phận quan trọng trong mạng lưới phát triển

tích hợp của miền Nam Trung Quốc [The World Bank, 2023; International Monetary Fund, 2026].

Ở góc độ học thuật, nhiều học giả cho rằng việc tái định vị vai trò của Hồng Kông phản ánh sự điều chỉnh chiến lược phát triển của Trung Quốc trong bối cảnh môi trường quốc tế có nhiều biến động. Brian C. H. Fong cho rằng sau năm 2020, Bắc Kinh ngày càng nhấn mạnh vai trò của Hồng Kông như một cầu phân trong chiến lược phát triển quốc gia thay vì chỉ là một đặc khu có quyền tự chủ cao [Brian C. H. Fong, 2023]. Một số nghiên cứu của IMF và Ngân hàng Thế giới cũng cho rằng mặc dù phải đối mặt với nhiều sức ép từ cạnh tranh chiến lược và những biến động của kinh tế thế giới, Hồng Kông vẫn duy trì những lợi thế nổi trội về tài chính, dịch vụ chuyên nghiệp và kết nối quốc tế, qua đó tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Trung Quốc [International Monetary Fund, 2026; The World Bank, 2023].

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, việc tái định vị vai trò của Hồng Kông cho thấy chiến lược của Trung Quốc không chỉ hướng tới bảo đảm ổn định chính trị mà còn nhằm khai thác hiệu quả những lợi thế đặc thù của Đặc khu trong phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt, Hồng Kông vừa là trung tâm tài chính quốc tế, vừa là cầu nối giữa Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu, đồng thời là một mắt xích quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế Trung Quốc trước các tác động từ bên ngoài. Điều này cho thấy vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia không những không suy giảm mà đang được xác lập theo hướng rõ nét và toàn diện hơn.

Có thể thấy, xu hướng tái định vị vai trò của Hồng Kông trong chiến lược phát triển quốc gia phản ánh sự chuyển dịch từ tư duy xử lý khủng hoảng sang tư duy phát triển. Hồng Kông tiếp tục được Trung Quốc xác định là trung tâm tài chính quốc tế, cửa ngõ kết nối với thị trường toàn cầu và động lực quan trọng của Khu vực Vịnh lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao. Xu hướng này không chỉ tác động đến quá trình phát triển của Hồng Kông và Trung Quốc mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc kinh tế và địa - chính trị của khu vực Đông Á.

4.1.4. Xu hướng Hồng Kông tiếp tục là một điểm cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và các nước phương Tây

Mặc dù tình hình chính trị và xã hội tại Hồng Kông đã từng bước ổn định sau năm 2020, song vấn đề Hồng Kông vẫn tiếp tục là một nội dung quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và các nước phương Tây, đặc biệt là Hoa Kỳ và một số quốc gia châu Âu. Điều này cho thấy, từ một vấn đề chủ yếu mang tính nội bộ, Hồng Kông đã trở thành một trong những điểm giao thoa giữa các lợi ích chiến lược, giá trị chính trị và cạnh tranh ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế.

Trong những năm gần đây, Hoa Kỳ và một số nước phương Tây tiếp tục bày tỏ quan ngại về những thay đổi trong môi trường chính trị và pháp lý của Hồng Kông, đồng thời duy trì các biện pháp điều chỉnh chính sách như rà soát quy chế thương mại đặc biệt, áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với một số cá nhân, tổ chức và đưa ra các tuyên bố liên quan đến quyền con người, quyền tự do và mức độ tự chủ của Hồng Kông [U.S. Department of State, 2024; European Parliament, 2024]. Những động thái này phản ánh việc Hồng Kông vẫn được phương Tây xem là một nội dung trong chính sách đối với Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng.

Ở chiều ngược lại, Trung Quốc luôn khẳng định vấn đề Hồng Kông là công việc nội bộ và kiên quyết phản đối mọi hình thức can thiệp từ bên ngoài. Các văn kiện và tuyên bố chính thức của Trung Quốc nhấn mạnh rằng việc bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và thực hiện chính sách "Một quốc gia, hai chế độ" là quyền thuộc chủ quyền quốc gia, đồng thời coi các biện pháp của một số nước phương Tây là sự can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc [State Council Information Office, 2021; Ministry of Foreign Affairs of the People's Republic of China, 2024].

Từ góc độ nghiên cứu quốc tế, nhiều học giả cho rằng Hồng Kông đã trở thành một trong những biểu hiện cụ thể của cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Robert S. Ross nhận định cạnh tranh giữa hai nước không chỉ diễn ra trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ và quân sự mà còn mở rộng sang các vấn đề liên quan đến mô hình quản trị, giá trị chính trị và ảnh hưởng quốc tế [Robert S.

Ross, 2022]. Tương tự, David Shambaugh cho rằng Hồng Kông là một trong những chủ đề thường xuyên xuất hiện trong đối thoại và bất đồng giữa Trung Quốc với các nước phương Tây, qua đó phản ánh tính chất ngày càng toàn diện của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn [David Shambaugh, 2023].

Song, thực tiễn cũng cho thấy mặc dù còn tồn tại nhiều khác biệt về quan điểm chính trị, Hồng Kông vẫn duy trì vai trò là một trung tâm tài chính và thương mại quốc tế có tính kết nối cao. Nhiều doanh nghiệp, tổ chức tài chính và nhà đầu tư quốc tế vẫn tiếp tục hiện diện và mở rộng hoạt động tại Hồng Kông nhờ những lợi thế về hệ thống tài chính, môi trường kinh doanh, khung pháp lý và khả năng kết nối với thị trường Trung Quốc đại lục [International Monetary Fund, 2026; Hong Kong Monetary Authority, 2025]. Điều đó cho thấy cạnh tranh chiến lược chưa làm mất đi vai trò kinh tế quốc tế của Hồng Kông, nhưng đã khiến môi trường phát triển của Đặc khu chịu tác động lớn hơn từ những biến động trong quan hệ giữa các nước lớn.

Từ bối cảnh cạnh tranh chiến lược và phân cực gia tăng, xu hướng Hồng Kông tiếp tục là một điểm cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và các nước phương Tây nhiều khả năng sẽ còn kéo dài trong thời gian tới. Điều này xuất phát từ việc Hồng Kông không chỉ mang ý nghĩa về kinh tế mà còn gắn với các vấn đề chủ quyền, an ninh quốc gia, mô hình quản trị và vị thế quốc tế của Trung Quốc. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến Hồng Kông đều có thể tác động đến quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ cũng như cục diện địa - chính trị khu vực Đông Á. Xu hướng này không chỉ ảnh hưởng đến môi trường phát triển của Hồng Kông mà còn có tác động lan tỏa đến cấu trúc quan hệ quốc tế và quá trình biến đổi địa - chính trị ở khu vực Đông Á.

4.2. Tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị khu vực Đông Á

4.2.1. Tác động đối với an ninh chính trị, giải quyết xung đột, điểm nóng an ninh trong khu vực

Việc siết chặt kiểm soát tình hình chính trị - xã hội ở Hồng Kông, đặc biệt sau Luật An ninh được áp dụng vào năm 2020 và các biện pháp bổ sung sau đó là nguyên nhân lớn làm xói mòn các “không gian trung lập” về chính trị, từ đó gây ảnh

hưởng trực tiếp tới an ninh chính trị toàn khu vực nói chung. Vấn đề Hồng Kông làm gia tăng đối đầu về ngoại giao giữa các nước lớn trong khu vực, khi các Mỹ cùng các nước phương Tây dựa vào vấn đề nhân quyền, dân chủ ở Hồng Kông để đưa ra, áp dụng, gia tăng các hành động trừng phạt, phản ứng đơn phương. Trong khi đó, Trung Quốc vì để đảm bảo an ninh chính trị và tự chủ về chiến lược có thể mở rộng các hoạt động trấn áp ra ngoài biên giới quốc gia. Những biến động chính trị tại Hồng Kông cũng tạo ra xáo trộn tâm lý, thúc đẩy người Hồng Kông di cư có chọn lọc, di cư chính trị Những tác động đó làm giảm vai trò như một nơi trung gian cho đối thoại khu vực của Hồng Kông, từ đó tác động gián tiếp, có thể khiến cho tình hình an ninh chính trị tại khu vực Đông Á và Châu Á - Thái Bình Dương trở nên gia tăng căng thẳng và khó đoán định hơn.

Điểm mấu chốt để vấn đề Hồng Kông tác động đối với biến đổi địa - chính trị khu vực là vấn đề pháp lý và nghiệp vụ: Luật An ninh quốc gia 2020 do Bắc Kinh áp đặt đã trao nhiều quyền cho các cơ quan an ninh, trong đó bao gồm cả phạm vi xét xử mở rộng cho một số hành vi, đồng thời mở đầu xu hướng thu hẹp tự do dân sự ở đặc khu Hồng Kông. Sau đó, chính quyền Hồng Kông tiếp tục ban hành các quy định nội địa, ví dụ: Ban hành các văn bản thực thi Điều 23 trong Luật Cơ bản của Hồng Kông (trong đó quy định “Đặc khu hành chính Hồng Kông phải tự ban hành luật để cấm mọi hành vi phản quốc, ly khai, nổi loạn, lật đổ Chính quyền Nhân dân Trung ương, hoặc đánh cắp bí mật nhà nước, và để cấm các tổ chức hoặc nhóm chính trị nước ngoài tiến hành hoạt động chính trị tại Hồng Kông, cũng như ngăn cấm các tổ chức chính trị của Hồng Kông liên hệ với các tổ chức chính trị nước ngoài”); hay ban hành Pháp lệnh Bảo vệ An ninh Quốc gia (Safeguarding Ordinance) với 39 điều khoản, trong đó có 5 nhóm tội chính là tội phản quốc, kích động nổi loạn, trộm cắp bí mật nhà nước, tội phá hoại và can thiệp của thế lực nước ngoài. Pháp lệnh này còn được coi như “Luật An ninh Quốc gia nội địa của Hồng Kông” với một số điểm đáng lưu ý như: Mức án cao nhất là tù chung thân đối với tội phản quốc hoặc cấu kết với nước ngoài; mở rộng phạm vi xử lý các hành vi phạm tội ở nước ngoài; cho phép thời hạn tạm giữ dài hơn trước khi khởi tố, và hạn chế quyền tại ngoại; bảo mật thông tin và quản lý các tổ chức nước ngoài chặt chẽ

hơn [Government of the Hong Kong Special Administrative Region, 2024]. Những hành động này khiến khuôn khổ quản lý an ninh tại Hồng Kông ngày càng mở rộng hơn. Hệ quả là quyền hạn nhà nước gia tăng, không gian biểu đạt và hoạt động dân sự có xu hướng bị thu hẹp - đây là nguồn gốc trực tiếp dẫn đến nhiều tác động biến đổi đối với an ninh chính trị khu vực.

Những chính sách và hành động Bắc Kinh và chính quyền Hồng Kông đã kích hoạt một loạt phản ứng từ các nước phương Tây như hạn chế các đặc quyền, ưu đãi về visa, áp đặt các biện pháp trừng phạt, công bố danh sách cá nhân chịu chế tài hạn chế do liên quan đến các vấn đề Hồng Kông... Điều này làm tăng mức đối đầu giữa các nước lớn trong và ngoài khu vực, làm giảm không gian ngoại giao mềm giữa các bên liên quan. Đồng thời, khi các quan hệ kinh tế bị áp đặt các biện pháp mang tính chính trị hóa rộng rãi hơn, tương tác kinh tế - chính trị dễ bị “chiến trường hoá”, khiến các chính sách an ninh trở nên cứng rắn và công khai, ít có chỗ cho sự thỏa hiệp giữa các bên khi có mâu thuẫn, khác biệt quan điểm, từ đó làm gia tăng rủi ro tính toán sai lầm giữa các quốc gia, có thể tác động đến sự ổn định an ninh, chính trị tại khu vực Đông Á.

Khi lực lượng an ninh Hồng Kông tiến hành truy nã đối với các nhà hoạt động chính trị lưu vong bên ngoài lãnh thổ và thậm chí tác động vào người thân của họ ở trong nước để gây áp lực, điều này khiến các quốc gia đang có những nhà hoạt động chính trị lưu vong người Hồng Kông sinh sống sẽ phải đối mặt với nguy cơ trở thành “chiến trường” cạnh tranh chính trị giữa Bắc Kinh và phe đối lập. Hệ quả là một số quốc gia thứ ba như Anh, Canada, Hoa Kỳ và một số nước châu Âu đã tăng cường các cơ chế bảo hộ và theo dõi an ninh đối với những người Hồng Kông di cư vì lý do chính trị, trong khi điều này cũng có thể làm gia tăng những bất đồng ngoại giao với Trung Quốc. Đồng thời, một số quốc gia trong khu vực có xu hướng thận trọng hơn trong việc xử lý các trường hợp liên quan đến các nhân vật hoạt động chính trị của Hồng Kông nhằm tránh ảnh hưởng đến quan hệ với Bắc Kinh. Trường hợp Singapore từ chối cho phép Nathan Law nhập cảnh là một ví dụ cho thấy mức độ nhạy cảm của vấn đề này [The Associated Press, 2025].

Trước kia Hồng Kông từng là điểm trung gian cho các đối thoại thương mại, ngoại giao kênh 2, nơi tổ chức các hội thảo đa phương, nơi gặp gỡ giữa doanh nghiệp với các nhà ngoại giao. Nhưng khi tự do dân sự và không gian dân sự bị thu hẹp, các tổ chức, diễn đàn và nhân tố trung gian có xu hướng rút lui hoặc chuyển địa điểm, các cuộc hội thảo quốc tế hiện ít được tổ chức ở Hồng Kông hơn. Các nhà phân tích chính sách đã chỉ ra giá trị của Hồng Kông như một như “trung tâm” kết nối cho khu vực, và khi vai trò này suy yếu, đương nhiên sẽ gia tăng rủi ro đối với an ninh, chính trị khu vực Đông Á nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Thiếu nơi làm trung gian, hòa giải, thiếu trung tâm có vai trò kết nối các nước lớn, khiến nguy cơ hiểu nhầm gia tăng và sẽ khó có cơ chế giảm leo thang cho các điểm nóng an ninh chính trị tại khu vực (như Biển Đông, đảo Đài Loan, vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên ...)

Di cư chính trị và “chảy máu chất xám”- rủi ro an ninh phi truyền thống đối với Trung Quốc và Hồng Kông: Theo báo cáo, dòng người rời Hồng Kông bao gồm các kỹ sư, luật sư, chuyên gia tài chính, nhà báo... di cư sang Anh, Canada, Đài Loan, Singapore... lên tới hàng trăm ngàn người trong giai đoạn 2021-2024. Sự chuyển dịch nguồn nhân lực chất lượng cao này vừa làm thay đổi cân bằng kinh tế xã hội ở nơi đến, tăng áp lực về an sinh, xã hội và chính trị lên các nước nhận người di cư, đồng thời làm giảm “năng lực mềm” và đa dạng chính trị tại Hồng Kông và có thể kích hoạt các chính sách cạnh tranh giữa các nước láng giềng trong việc thu hút dòng vốn, thông tin và nguồn nhân lực... dẫn tới thay đổi, điều chỉnh chính sách tài chính-an ninh tại nhiều quốc gia trong khu vực.

Biến động chính trị tại Hồng Kông cũng làm phá vỡ niềm tin vào các quy tắc pháp quyền, tạo ra hiệu ứng lan tỏa chính trị trong khu vực. Các chiến dịch tại Hồng Kông nhắm vào báo chí độc lập (Apple Daily, Stand News), nhắm vào lãnh đạo xã hội dân sự, hay các vụ án an ninh lớn làm lung lay niềm tin khu vực vào yếu tố “pháp quyền tại Hồng Kông”. Khi các chuẩn mực pháp trị bị xói mòn, xuyên suốt khu vực xuất hiện rủi ro tạo “tiền lệ”, như việc chính quyền các nước trong khu vực có thể học cách dùng công cụ an ninh để đối phó bất đồng nội bộ, làm xói mòn không gian dân chủ trong khu vực.

Biến động chính trị tại Hồng Kông cũng làm gia tăng lối hành xử ưu tiên sử dụng biện pháp quân sự hơn là ngoại giao trong cạnh tranh chiến lược nước lớn. Tình hình tại Hồng Kông được dùng như một chỉ dấu cho việc sẵn sàng sử dụng biện pháp cứng rắn của Bắc Kinh trong nước và ngoài nước, khiến các cường quốc khác như Mỹ, Nhật, Úc lựa chọn gia cố các công cụ răn đe, tăng cường hợp tác an ninh với các đồng minh trong khu vực. Các phân tích chính sách của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế Hoa Kỳ (CSIS) cho rằng những diễn biến tại Hồng Kông đã làm gia tăng quan ngại về an ninh tại Đài Loan, đồng thời tác động đến nhận thức chiến lược của các quốc gia trong khu vực về vấn đề an ninh và cạnh tranh giữa các nước lớn [CSIS, 2022]

Việc giải quyết các vấn đề xung đột và điểm nóng khu vực ví dụ như tranh chấp hàng hải, tranh chấp chủ quyền, đối đầu quốc tế tại Biển Đông, Eo biển Đài Loan, bán đảo Triều Tiên... thường đòi hỏi sự kết hợp giữa sức mạnh quân sự, ngoại giao chính thức và các kênh trung gian hòa giải phi chính thức. Các kênh hòa giải phi chính thức hay còn gọi là Ngoại giao kênh 2, có vai trò quan trọng trong quản trị rủi ro, giảm leo thang căng thẳng và hướng tới đạt giải pháp ổn định quan hệ, ổn định cấu trúc khu vực. Hồng Kông từng là nơi tổ chức các cuộc đối thoại, hội thảo khu vực, gặp gỡ các học giả, các nhà ngoại giao giữa các bên, là kênh trung gian và địa điểm trung gian đóng vai trò quan trọng trong hòa giải khu vực. Nhưng trong bối cảnh Hồng Kông có nhiều biến động chính trị, các biện pháp kiểm soát gia tăng, Luật An ninh 2020 được áp dụng, quyền tự quyết và không gian dân chủ bị hạn chế thì quyền tự do hội thảo và các không gian tổ chức sự kiện cũng bị kiểm soát, dẫn đến việc các nước, các tổ chức quốc tế e ngại. Việc sử dụng Hồng Kông làm địa điểm trung gian để thực hiện các hoạt động ngoại giao đa phương được cân nhắc kỹ lưỡng và thận trọng hơn, do đó số lượng các hội nghị hòa giải quan trọng giữa các bên, liên quan đến các vấn đề xung đột, điểm nóng trong khu vực được tổ chức tại Hồng Kông có xu hướng giảm.

Các Tổ chức tư vấn chính sách, các Tổ chức phi chính phủ (NGO) là trung gian quan trọng trong vai trò tổ chức thực hiện các cuộc hội thảo và đối thoại không chính thức. Nhưng trước các chính sách mới được công bố ở Hồng Kông sau khi Luật an ninh quốc gia được áp dụng, các tổ chức này bị hạn chế hoạt động.

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các tổ chức xã hội dân sự tại Hồng Kông đang phải hoạt động trong khuôn khổ pháp lý chặt chẽ hơn, đặc biệt đối với các hoạt động có liên quan đến nguồn tài trợ hoặc hỗ trợ từ các tổ chức chính trị ở nước ngoài. Theo văn bản *LCQ12: Non-governmental organisations' acceptance of advantages from overseas organisations* do Chính phủ Đặc khu Hành chính Hồng Kông công bố ngày 19/3/2025, các tổ chức có nhận lợi ích hoặc hỗ trợ từ các tổ chức chính trị ở nước ngoài phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; trường hợp có hành vi bị xác định là gây nguy hại đến an ninh quốc gia sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành [Government of the HKSAR, 2025]. Sau khi Luật an ninh quốc gia năm 2020 được thực thi, nhiều tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phi chính phủ đã chấm dứt hoạt động hoặc giải thể, tiêu biểu như Hong Kong Alliance, Civil Human Rights Front và Hong Kong Professional Teachers' Union. Một số tổ chức quốc tế cũng thu hẹp hoặc chấm dứt hiện diện tại Hồng Kông. Chẳng hạn, Amnesty International tuyên bố đóng cửa hai văn phòng của mình tại Hồng Kông, cho rằng việc thực thi Luật An ninh quốc gia đã làm gia tăng đáng kể những rủi ro đối với hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự và bảo vệ quyền con người [Amnesty International, 2021].

Các tổ chức, sự kiện và truyền thông độc lập bị phong tỏa tài sản, bắt giữ lãnh đạo, hoặc đóng cửa do rủi ro pháp lý dưới khuôn khổ an ninh quốc gia và luật liên quan. Một số tổ chức báo chí quốc tế cũng điều chỉnh hoạt động do những quan ngại liên quan đến việc thực thi Luật An ninh quốc gia. Chẳng hạn, trong các ngày 25–26/4/2022, Câu lạc bộ Phóng viên Nước ngoài tại Hồng Kông (Foreign Correspondents' Club - FCC) đã quyết định hoãn trao Giải Báo chí Nhân quyền (Human Rights Press Awards) với lý do lo ngại sự kiện có thể vô tình vi phạm các quy định của Luật An ninh quốc gia [Reuters, 2022]. Một số hoạt động học thuật và xã hội cũng bị điều chỉnh hoặc hủy bỏ trong bối cảnh môi trường pháp lý về an ninh quốc gia được siết chặt. Tháng 11/2023, Trường Luật Đại học Hồng Kông (HKU) đã hủy một buổi tọa đàm về chủ đề độc lập tư pháp, sự kiện thu hút sự chú ý của dư luận quốc tế. Đồng thời, cuộc tuần hành truyền thống nhân Ngày Quốc tế Lao động năm 2023 cũng bị hủy sau khi ban tổ chức tuyên bố không tiếp tục tổ chức sự kiện

trong bối cảnh có những quan ngại liên quan đến an ninh và trật tự công cộng [Reuters, 2023].

Nhiều nghiên cứu, phân tích chính sách và bài viết của truyền thông quốc tế cho rằng không gian hoạt động của xã hội dân sự tại Hồng Kông đã thu hẹp đáng kể trong những năm gần đây. Reuters nhận định môi trường pháp lý mới đã làm gia tăng mức độ thận trọng trong hoạt động của các viện nghiên cứu, các tổ chức tư vấn chính sách và việc tổ chức các hội thảo học thuật, đến mức một số học giả mô tả đây là một "mùa đông" đối với cộng đồng nghiên cứu chính sách tại Hồng Kông [Reuters, 2024].

Nhằm củng cố vai trò của Hồng Kông như một trung tâm pháp lý và giải quyết tranh chấp quốc tế, ngày 30/5/2025, Trung Quốc đã ký Công ước thành lập Tổ chức quốc tế về Hòa giải (International Organization for Mediation - IOMed), đặt trụ sở tại Hồng Kông. Theo định hướng được công bố, tổ chức này được kỳ vọng sẽ từng bước trở thành một định chế quốc tế quan trọng trong lĩnh vực hòa giải, bổ sung cho các cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế hiện có như Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) và Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) [Xinhua, 2025]. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia và quan sát viên vẫn lo ngại về mức độ tín nhiệm và tính trung lập của tổ chức này và băn khoăn liệu các bên có ngại tham gia tổ chức này để thực hiện hòa giải các tranh chấp, đặc biệt là các tranh chấp có liên quan đến Trung Quốc.

Các nhà nghiên cứu, học giả là đối tượng đóng vai trò làm nhân chứng, người trung gian, chuyên gia, người hòa giải trong các tranh chấp, xung đột, điểm nóng tại khu vực. Tuy nhiên, khi chính quyền Trung ương Trung Quốc và chính quyền Hồng Kông mở rộng kiểm soát đối với người lưu vong, truy nã, hủy hộ chiếu đối với người hoạt động ở phong trào đối lập và áp dụng các biện pháp tương tự cả với gia đình họ, cùng với việc kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các địa điểm hoạt động chính trị bên ngoài lãnh thổ, sẽ khiến những cá nhân này có thể cảm thấy bị đe dọa, từ đó hạn chế tham gia trong việc giải quyết các tranh chấp. Điều này làm giảm vai trò của những nhân tố trung lập trong đàm phán đối với việc xử lý các điểm nóng an ninh - chính trị tại khu vực. Điển hình là vụ việc xảy ra năm 2025, khi cha của nhà hoạt động dân chủ người Hồng Kông đang sinh sống tại Hoa Kỳ, Anna

Kwok, bị buộc tội với cáo buộc có liên quan đến việc hỗ trợ tài chính cho một người đang bị truy nã theo Luật An ninh quốc gia. Trước đó, Anna Kwok đã bị phát lệnh truy nã theo Luật An ninh quốc gia và bị hủy hộ chiếu vào năm 2024. Vụ việc được nhiều hãng truyền thông quốc tế và một số tổ chức nhân quyền xem là một bước mở rộng đáng chú ý trong việc thực thi Luật An ninh quốc gia đối với những người có liên hệ với các cá nhân đang hoạt động ở nước ngoài; một số tổ chức nhân quyền mô tả đây là hình thức "collective targeting" (nhắm mục tiêu đối với thân nhân), qua đó làm gia tăng những quan ngại về tác động của các biện pháp thực thi pháp luật đối với cộng đồng người Hồng Kông ở nước ngoài [Reuters, 2025]. Không chỉ những người trực tiếp tham gia biểu tình, một số cá nhân thực hiện vai trò hỗ trợ hoặc điều phối tại hiện trường cũng phải đối mặt với các biện pháp xử lý hình sự. Điển hình là trường hợp một nhân viên công tác xã hội từng tham gia hỗ trợ tại các cuộc biểu tình ở Hồng Kông đã bị tòa án kết án 3 năm 9 tháng tù về tội tham gia bạo loạn. Vụ việc thu hút sự quan tâm của dư luận do người này trước đó được biết đến với vai trò hỗ trợ trao đổi giữa người biểu tình và lực lượng cảnh sát trong một số cuộc biểu tình [Reuters, 2024]. Dù chính quyền Hồng Kông đưa ra lý do là bà này đã dùng chính vai trò hòa giải để ủng hộ biểu tình, song trường hợp này cho thấy vai trò người trung gian trong bối cảnh phức tạp chính trị tại nội bộ Hồng Kông cũng có thể bị xem là hành động chống chính phủ, khiến những người tương tự muốn tham gia hòa giải khu vực trở nên e ngại. Do lo sợ rủi ro an ninh hoặc bị kiểm soát, các nhà nghiên cứu, học giả cũng rút lui hoặc thu hẹp phạm vi hoạt động, từ đó làm giảm khả năng kết nối giữa các bên đàm phán trong những giai đoạn căng thẳng.

Việc kiểm soát truyền thông, giảm không gian cho tổ chức giám sát độc lập cũng ảnh hưởng tới việc thu thập thông tin một cách khách quan. Dẫn đến việc trung gian và các bên tranh chấp có ít dữ liệu độc lập để đánh giá tình hình, tăng nguy cơ sai lầm trong việc ra quyết sách trong khủng hoảng.

Cách xử lý Hồng Kông gửi thông điệp về tính cứng rắn của Bắc Kinh trong việc xử lý phe đối lập trong các vấn đề nội bộ, khiến các bên liên quan đến các điểm nóng an ninh trong khu vực có thể diễn giải rằng Bắc Kinh sẵn sàng sử dụng biện

pháp mạnh để đạt mục tiêu kiểm soát tình hình. Những lo ngại đảm bảo an ninh, khiến các chủ thể trong khu vực như chính quyền Đài Loan, Triều Tiên các nước Đông Á, các nước ASEAN... sẽ gia tăng khả năng phòng thủ và thu hẹp không gian đàm phán.

4.2.2. Tác động đối với mô hình liên kết, cấu trúc kinh tế khu vực Đông Á

Biến động chính trị ở Hồng Kông không chỉ là vấn đề nội bộ của Hồng Kông và Trung Quốc, nó thay đổi vai trò của Hồng Kông trong mạng lưới kinh tế - tài chính và chuỗi liên kết khu vực, dẫn tới những thay đổi trong cấu trúc khu vực với những tác động chính như: dịch chuyển chức năng trung tâm tài chính - dịch vụ sang các trung tâm thay thế khác (như Singapore, Tokyo...); Tái phân bố dòng vốn và cơ sở đặt trụ sở trong khu vực; Thúc đẩy tích hợp Hồng Kông vào Vùng Vịnh lớn - Greater Bay Area (GBA). Hệ quả là làm thay đổi vai trò trung gian quốc tế của Hồng Kông và điều chỉnh cấu trúc logistics, thương mại và hạ tầng liên kết trong Đông Á.

Sự tác động của vấn đề Hồng Kông tới mô hình liên kết và cấu trúc khu vực thể hiện qua những khía cạnh sau:

Thứ nhất, vấn đề Hồng Kông làm thay đổi vai trò thị trường vốn và chức năng huy động vốn (IPOs, listings, capital raising):

Hồng Kông có vai trò truyền thống là đầu mối huy động vốn cho doanh nghiệp Trung Quốc tiếp cận vốn từ bên ngoài, nên khi niềm tin về khung pháp lý và độ mở của chính sách thay đổi, vai trò niêm yết và huy động vốn có thể dịch chuyển sang các trung tâm khác. Thực tế khi có những biến động chính trị tại Hồng Kông, thị trường đã có giai đoạn sụt giảm về vai trò này. Tuy nhiên nhờ các chính sách điều chỉnh thị trường (ví dụ như chương trình “Tech Fast Lane” / kênh niêm yết công nghệ nhanh (Technology Enterprises Channel)- một kênh đặc biệt tạo thuận lợi trong niêm yết và gọi vốn dành cho các công ty công nghệ và sinh học....) nên gần đây, thị trường IPO ở Hồng Kông có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ, chứng tỏ chức năng huy động vốn của Hồng Kông vẫn còn sức hút, nhất là đối với doanh nghiệp Trung Quốc. Báo cáo thị trường 2025 và các bản tin về IPO lớn cho thấy Hồng Kông vẫn dẫn đầu về một số chỉ tiêu IPO trong năm 2025. Các đợt IPO lớn

của doanh nghiệp Trung Quốc vẫn chọn sàn giao dịch chứng khoán Hồng Kông HKEx. Tuy nhiên dữ liệu giai đoạn 2020-2023 cũng cho thấy nhiều nhà phát hành và nhà đầu tư cũng vẫn đang cân nhắc Singapore hoặc các sàn khác trong giai đoạn bất ổn [Bloomberg Intelligence, 2024]. Vì vậy tác động hiện có cả hai kịch bản: Một là, Hồng Kông duy trì được vị thế huy động vốn nhờ yếu tố quy mô thị trường Trung Quốc và các chính sách hỗ trợ nên vẫn đóng vai trò trọng yếu. Ngược lại, nếu Hồng Kông không giữ được vị thế này, trong khu vực sẽ thấy sự phân mảnh thị trường vốn theo hướng đa trung tâm với nhiều trung tâm mới xuất hiện như: Singapore, Tokyo, New York, làm thay đổi các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp châu Á.

Thứ hai, vấn đề Hồng Kông tạo ra sự thay đổi về đặt trụ sở khu vực và lựa chọn dịch vụ tài chính, nghề nghiệp

Đối với các doanh nghiệp, lựa chọn nơi đặt trụ sở khu vực phụ thuộc vào khung pháp lý và tính ổn định chính trị, tiếp cận nhân tài, hệ sinh thái dịch vụ (ngân hàng, luật, kiểm toán), ưu đãi thuế và chi phí. Khi nhận thức về rủi ro chính trị tăng, một số tập đoàn đã dịch chuyển trụ sở hoặc thêm trụ sở phụ ở Singapore; hệ quả là tạo ra sự tái phân bổ các dịch vụ trung gian như tư vấn mua bán, sát nhập, dịch vụ ngân hàng cá nhân.... Theo báo cáo của Bloomberg Intelligence, năm 2023 Singapore có khoảng 4.200 trụ sở khu vực của các tập đoàn đa quốc gia, cao hơn đáng kể so với khoảng 1.336 tại Hồng Kông. Cùng với đó, một số doanh nghiệp quốc tế đã điều chỉnh chiến lược hiện diện tại châu Á bằng cách chuyển hoặc mở rộng các chức năng quản lý khu vực sang Singapore; điển hình là FedEx chuyển trụ sở khu vực AMEA sang Singapore, trong khi nhiều doanh nghiệp khác cũng tăng cường hiện diện tại đây nhằm đa dạng hóa rủi ro địa - chính trị và môi trường kinh doanh. Điều này thể hiện xu hướng nhiều quốc gia ưu tiên lựa chọn Singapore làm trung tâm tài chính châu Á, làm gia tăng trọng tâm dịch vụ tài chính ở Singapore và giảm mật độ mạng lưới chuyên môn như kế toán, tư pháp thương mại, tư vấn pháp lý quốc tế... tại Hồng Kông.

Thứ ba, vấn đề Hồng Kông làm thay đổi vai trò cung cấp các dịch vụ quản lý tài chính, mua bán tài sản và ngân hàng cá nhân cho nhóm cư dân giàu.

Các cá nhân giàu có và các văn phòng gia đình cân nhắc lựa chọn tài sản ở những nơi ổn định chính trị, đảm bảo quyền riêng tư, ưu đãi trong các quy định thuế và tiếp cận sản phẩm đầu tư. Tuy nhiên, những thay đổi trong nhận thức của nhà đầu tư về môi trường pháp lý và mức độ ổn định của Hồng Kông có thể làm thay đổi xu hướng phân bổ dòng tài sản xuyên biên giới giữa các trung tâm tài chính lớn như Hồng Kông, Singapore và Thụy Sĩ. Mặc dù Hồng Kông vẫn nằm trong nhóm ba trung tâm quản lý tài sản xuyên biên giới hàng đầu thế giới, cùng với Thụy Sĩ và Singapore, nhiều báo cáo gần đây cho thấy Singapore đang gia tăng lợi thế cạnh tranh và thu hút ngày càng nhiều dòng tài sản quốc tế [Boston Consulting Group, 2024]. Một số báo cáo của Bloomberg, Reuters cũng chỉ ra dòng vốn và cư dân giàu đang có xu hướng dịch chuyển sang Singapore trong những năm gần đây. Hệ quả cấu trúc đối với khu vực đó là sự phân bổ lại tài sản, làm thay đổi nơi “trú ẩn” thanh khoản trong khu vực, ảnh hưởng đến một loạt hoạt động dịch vụ đi kèm như ngân hàng cá nhân, dịch vụ kho bạc và hỗ trợ luật thuế xuyên biên giới.

Thứ tư, vấn đề Hồng Kông tác động đến thay đổi lựa chọn nơi giữ vai trò trung gian pháp lý và trọng tài khu vực.

Hồng Kông lâu nay được xem là ghế trọng tài, nơi giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại châu Á, trong đó uy tín tư pháp của Hồng Kông quyết định việc được chọn lựa cho vị trí này. Song nếu nhận thức về tính trung lập chính trị hoặc độc lập tư pháp của Hồng Kông yếu đi do các biến động chính trị, các bên có thể chọn Singapore, London hay Paris cho việc xử lý các tranh chấp thương mại. Một số phân tích trong lĩnh vực pháp lý và trọng tài thương mại quốc tế cho thấy các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế đã có xu hướng đánh giá lại việc lựa chọn địa điểm trọng tài. Trong đó, Singapore ngày càng được ưu tiên như một địa điểm giải quyết tranh chấp thay thế, trong bối cảnh xuất hiện những quan ngại về môi trường pháp lý và tác động của các biến động chính trị tại Hồng Kông [Jadhav, 2024]. Từ đó ảnh hưởng tới vị thế trung tâm pháp lý quốc tế khu vực của Hồng Kông. Hệ quả đối với cấu trúc khu vực là việc giảm số lượng tranh chấp quốc tế được xử lý tại Hồng Kông sẽ đồng thời làm suy giảm mạng lưới luật sư quốc tế, giảm số lượng cũng như chất lượng các dịch vụ chuyên môn và doanh thu pháp lý của cả khu vực.

Thứ năm, vấn đề Hồng Kông làm thay đổi hệ thống logistics, vận tải biển, vai trò cảng biển và chuỗi cung ứng trong khu vực.

Hồng Kông từng là một trung tâm logistics lớn; nhưng do lo ngại về an ninh pháp trị và rủi ro chính sách nếu xảy ra kịch bản xung đột tại đây đã khiến một số hãng vận tải và chủ tàu lớn cân nhắc chuyển hoạt động sang Singapore, hay Marshall Islands... Báo cáo cho thấy, các hãng giao vận đã điều chỉnh cờ tàu, trụ sở để tránh rủi ro chính trị và khả năng bị lôi kéo trong xung đột, FedEx cũng công bố chuyển trụ sở chính sang Singapore vào năm 2023. Hệ quả đối với cấu trúc khu vực đó là: việc dịch chuyển hoạt động logistics làm tái cấu trúc mạng vận tải hàng hải khu vực, hiệu ứng lan tới chuỗi cung ứng, bảo hiểm vận tải và dịch vụ cảng trong toàn khu vực.

Thứ sáu, vấn đề Hồng Kông tạo ra thay đổi trong chức năng tích hợp nội địa trong Vùng vịnh lớn (GBA): Hồng Kông chuyển từ vai trò trung gian trực tiếp toàn cầu sang cánh cổng đầu tư cho Trung Quốc đại lục.

Kế hoạch của chính quyền Trung Quốc trong việc phát triển khu vực Vịnh lớn (Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao) năm 2019 khuyến khích tích hợp sâu hơn, kết nối cơ sở hạ tầng, tiền tệ, tài chính, nghiên cứu và phát triển giữa (R&D) giữa Hồng Kông với các thành phố còn lại trong Vùng vịnh lớn (như Quảng Đông, Thâm Quyển, Quảng Châu...). Việc tích hợp này có thể khiến Hồng Kông trở thành một phần của mạng lưới nội địa Trung Quốc, hỗ trợ cho các dịch vụ đối nội và hải ngoại của Trung Quốc hơn là duy trì vị thế trung chuyển cho dòng vốn toàn cầu như trước đây. Sự thật là kế hoạch Vùng vịnh lớn vừa mở ra cơ hội về thị trường lớn, phát triển hạ tầng cho Hồng Kông, vừa thay đổi chức năng của Hồng Kông. Hệ quả đối với cấu trúc khu vực đó là: Về ngắn hạn Hồng Kông được hưởng lợi từ liên kết hạ tầng và thị trường của Vùng vịnh lớn, song về dài hạn, Hồng Kông có thể mất “vị trí trung chuyển” toàn cầu nếu chức năng chính chuyển về phục vụ kết nối đầu tư cho doanh nghiệp nội địa Trung Quốc. Điều này góp phần tái phân bổ vai trò trung gian trong khu vực Đông Á và Châu Á - Thái Bình Dương.

4.2.3. Tác động đối với trật tự an ninh chính trị khu vực Đông Á

Vấn đề Hồng Kông tạo ra nhiều thách thức đối với trật tự an ninh, chính trị khu vực Đông Á. Nhìn chung, những biến động chính trị ở Hồng Kông phần nào

phản ánh rõ những hạn chế và căng thẳng trong vận hành của các thể chế và chuẩn mực quốc tế tại khu vực Đông Á. Các quan điểm, tranh luận liên quan đến hệ giá trị pháp quyền, nghĩa vụ quốc tế và mức độ can dự của cộng đồng quốc tế cho thấy sự suy giảm tương đối sự đồng thuận thể chế, quy định chung trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng. Thay vì đóng vai trò điều tiết và giảm thiểu xung đột, nhiều thể chế quốc tế và khu vực tỏ ra không mấy hiệu quả trước những khác biệt sâu sắc về lợi ích của từng quốc gia hoặc giữa các quốc gia - dân tộc.

Ở *Đông Bắc Á*, vấn đề Hồng Kông làm gia tăng nghi ngờ về khả năng duy trì một trật tự khu vực dựa trên luật lệ thống nhất. Các chuẩn mực quốc tế bị diễn giải khác nhau tùy theo lợi ích và vị thế của từng chủ thể, dẫn đến tình trạng “chọn lọc thể chế” trong ứng xử chính sách. Điều này không chỉ làm suy yếu vai trò điều phối của các thể chế, mà còn góp phần thúc đẩy xu hướng song phương hóa hoặc liên minh hóa trong quan hệ khu vực. Trên thực tế, các tranh luận xoay quanh Hồng Kông cho thấy sự thiếu đồng thuận sâu sắc giữa các quốc gia về nội hàm và cách triển khai của các khái niệm như “pháp quyền”, “nghĩa vụ quốc tế” và “chủ quyền quốc gia”. Điều này làm suy giảm vai trò của luật lệ chung như một nền tảng điều tiết hành vi, đồng thời khiến trật tự khu vực trở nên phân mảnh hơn.

Từ góc độ thực tiễn, phản ứng của cộng đồng quốc tế đối với vấn đề Hồng Kông cho thấy rõ giới hạn của các cơ chế luật lệ trong việc điều hòa khác biệt giữa các chủ thể lớn. Nhiều quốc gia phương Tây nhấn mạnh việc tuân thủ các cam kết và chuẩn mực quốc tế liên quan đến Hồng Kông, coi đây là một phần của trật tự dựa trên luật lệ cần được bảo vệ. Ngược lại, Trung Quốc khẳng định việc xử lý vấn đề Hồng Kông thuộc phạm vi chủ quyền và luật pháp quốc gia, đồng thời cho rằng các can thiệp từ bên ngoài đi ngược lại nguyên tắc không can thiệp - một chuẩn mực quan trọng khác của luật pháp quốc tế. Sự đối lập này cho thấy luật lệ quốc tế không còn được hiểu như một bộ quy tắc thống nhất, mà trở thành không gian diễn giải và tranh chấp chính trị.

Khu vực Đông Á luôn tồn tại sự đa dạng lớn về thể chế chính trị, trình độ phát triển và ưu tiên chiến lược, bởi vậy, vấn đề Hồng Kông càng làm lộ rõ những khác biệt trong cách tiếp cận trật tự khu vực. Các quốc gia Đông Bắc Á, dù ủng hộ

trật tự dựa trên luật lệ, vẫn tỏ ra thận trọng trong việc can dự sâu vào vấn đề Hồng Kông do lo ngại những hệ lụy đối với quan hệ với Trung Quốc. Điều này chứng minh rằng, khi luật lệ không đi kèm với cơ chế thực thi hiệu quả và đồng thuận chính trị đủ mạnh, các quốc gia có xu hướng ưu tiên lợi ích chiến lược trước mắt hơn là bảo vệ các nguyên tắc trừu tượng.

Đối với Đông Nam Á, vấn đề Hồng Kông củng cố nhận thức rằng trật tự dựa trên luật lệ trong khu vực mang tính linh hoạt và chọn lọc hơn là thống nhất. Các quốc gia ASEAN tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp và đồng thuận, coi đây là cách thức duy trì ổn định trong một môi trường khu vực đa dạng và nhạy cảm. Trên thực tế, việc ASEAN tránh đưa ra các lập trường chung mạnh mẽ liên quan đến Hồng Kông cho thấy sự dè dặt trong việc áp dụng các chuẩn mực luật lệ mang tính đối đầu, nhằm tránh làm gia tăng chia rẽ nội bộ và đối đầu với các cường quốc. Tuy rằng đây không phải yếu tố làm sụp đổ trật tự khu vực dựa trên luật lệ, nhưng đã góp phần làm suy yếu niềm tin vào khả năng tồn tại của một hệ thống luật lệ thống nhất và có hiệu lực cao tại Đông Á. Thay vào đó, trật tự khu vực ngày càng mang tính “đa tầng” và “chọn lọc”, trong đó luật lệ, thể chế và quyền lực cùng tồn tại và tương tác. Chính thực tiễn này khiến các quốc gia trong khu vực phải điều chỉnh cách tiếp cận, chuyển từ kỳ vọng vào các chuẩn mực chung sang chiến lược linh hoạt, cân bằng và thích ứng trước một môi trường địa - chính trị ngày càng bất định.

Mặt khác, vấn đề Hồng Kông củng cố cách tiếp cận thận trọng và thực dụng của ASEAN. Trước nguy cơ các vấn đề nội bộ bị quốc tế hóa và trở thành điểm can dự của các nước lớn, các quốc gia Đông Nam Á tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp và đồng thuận, coi đây là cơ chế bảo vệ không gian tự chủ chiến lược. Từ góc nhìn thể chế, Hồng Kông cho thấy giới hạn của các chuẩn mực chung khi đối mặt với cạnh tranh quyền lực, đồng thời lý giải vì sao các quốc gia Đông Nam Á ưu tiên duy trì sự linh hoạt thể chế hơn là ràng buộc cứng. Các quốc gia Đông Nam Á nhìn nhận Hồng Kông như một ví dụ điển hình cho thấy mức độ nhạy cảm của các vấn đề nội bộ khi bị đặt trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn và xung đột giá trị. Từ đó, xu hướng chung của khu vực là gia tăng tính thận trọng, tránh bị cuốn vào các tranh luận mang tính đối đầu giữa các cường quốc.

Vấn đề Hồng Kông cũng góp phần củng cố cách tiếp cận thực dụng của ASEAN, trong đó ổn định, không can thiệp và cân bằng quan hệ với các nước lớn tiếp tục được coi là nguyên tắc then chốt. Các quốc gia Đông Nam Á nhìn nhận rằng, khi một không gian kinh tế - chính trị trở thành điểm nóng tranh chấp, những hệ quả tiêu cực không chỉ dừng lại ở chính trị, mà còn lan sang kinh tế, đầu tư và vị thế quốc tế. Do đó, bài học rút ra từ Hồng Kông là cần duy trì môi trường ổn định, quản trị hiệu quả và hạn chế tối đa nguy cơ quốc tế hóa các vấn đề nội bộ. Bên cạnh đó, sự điều chỉnh vai trò của Hồng Kông trong mạng lưới kinh tế khu vực cũng tạo ra những tác động gián tiếp đối với Đông Nam Á. Việc một số chức năng tài chính, dịch vụ và logistics của Hồng Kông bị phân tán mở ra cơ hội cho một số quốc gia ASEAN tham gia sâu hơn vào mạng lưới kinh tế khu vực. Tuy nhiên, các nước Đông Nam Á nhìn chung tiếp cận cơ hội này một cách thận trọng, coi đây là quá trình bổ trợ và chia sẻ vai trò, thay vì cạnh tranh trực tiếp hay thay thế hoàn toàn vị thế của Hồng Kông.

4.2.4. Tác động đối với cạnh tranh quyền lực, cạnh tranh chiến lược nước lớn tại khu vực

Từ những diễn biến thực tế cho thấy, vấn đề Hồng Kông phản ánh rõ nét sự dịch chuyển và va chạm quyền lực giữa các chủ thể quốc gia lớn trong hệ thống khu vực Đông Á, kể từ khi thành phố này trở thành điểm nóng tranh luận và xuất hiện sự can dự quốc tế thì Hồng Kông không còn đơn thuần là một vấn đề nội bộ, mà đã được “chiến lược hóa” trong cạnh tranh giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Thông qua những tác động lên Hồng Kông, cạnh tranh quyền lực không chỉ diễn ra ở các không gian truyền thống như quân sự hay thương mại, mà còn mở rộng sang lĩnh vực chính trị - pháp lý và kiểm soát không gian ảnh hưởng.

Đối với Trung Quốc, việc xử lý vấn đề Hồng Kông gắn chặt với yêu cầu bảo vệ chủ quyền, an ninh và ổn định chính trị, qua đó củng cố quyền kiểm soát đối với các không gian chiến lược nhạy cảm của cường quốc tỷ dân này. Trong khi đó, Hoa Kỳ và một số đồng minh, đặc biệt phương Tây muốn “uốn nắn Hồng Kông” như một điểm tựa để gây sức ép chiến lược, nhằm kiềm chế sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Theo đó, các chiến lược, chính sách được ban hành

bởi bất kỳ chủ thể nào cũng sẽ phản ánh lô-gic tối đa hóa lợi ích và an ninh trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi các giá trị và chuẩn mực thường được sử dụng như công cụ phục vụ mục tiêu quyền lực. Mặt khác, việc Trung Quốc xử lý vấn đề Hồng Kông không chỉ mang ý nghĩa giải quyết một trường hợp cụ thể, mà còn có tác động gián tiếp đến cách tiếp cận của nước này đối với các vấn đề nhạy cảm khác trong khu vực, đặc biệt là eo biển Đài Loan và các tranh chấp trên biển. Trên thực tế, Hồng Kông đã trở thành một “tiền lệ chính trị - pháp lý” quan trọng, thông qua đó Trung Quốc khẳng định ưu tiên cao nhất dành cho chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong bối cảnh gia tăng sức ép từ bên ngoài.

Những năm gần đây cho thấy, Trung Quốc có xu hướng nhấn mạnh hơn vào việc sử dụng công cụ pháp lý và thể chế trong nước để củng cố quyền kiểm soát đối với các không gian được coi là nhạy cảm. Việc ban hành và thực thi các cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm ổn định tại Hồng Kông phản ánh cách tiếp cận coi luật quốc gia là công cụ tối thượng trong bảo vệ chủ quyền. Cách tiếp cận này sau đó được phản ánh gián tiếp trong lập trường của Trung Quốc đối với các vấn đề khác như Đài Loan, khi Bắc Kinh ngày càng nhấn mạnh các biện pháp mang tính răn đe chính trị - pháp lý song song với các thông điệp về thống nhất và ổn định lâu dài.

Trong trường hợp mục tiêu thu hồi eo biển Đài Loan, vấn đề Hồng Kông góp phần củng cố nhận thức của Trung Quốc rằng các không gian có tính đặc thù về chính trị nếu không được kiểm soát chặt chẽ có thể trở thành điểm can dự của các thế lực bên ngoài. Thực tiễn biến động chính trị ở Hồng Kông cho thấy các tranh luận về tự trị, dân chủ và pháp quyền có thể nhanh chóng bị quốc tế hóa và gắn với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Điều này khiến Trung Quốc có xu hướng tiếp cận vấn đề Đài Loan với mức độ cảnh giác cao hơn, kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp chính trị, pháp lý và răn đe chiến lược nhằm ngăn ngừa nguy cơ “Hồng Kông hóa” theo hướng bất lợi cho lợi ích cốt lõi của mình.

Tương tự, trong các tranh chấp trên biển, đặc biệt là tại các vùng biển có ý nghĩa chiến lược, vấn đề Hồng Kông gián tiếp ảnh hưởng đến cách Trung Quốc khẳng định và bảo vệ lập trường của mình. Kinh nghiệm từ Hồng Kông cho thấy Bắc Kinh sẵn sàng chấp nhận sức ép quốc tế trong ngắn hạn để bảo đảm những lợi

ích được coi là cốt lõi. Điều này phần nào lý giải vì sao Trung Quốc duy trì lập trường kiên định, thậm chí cứng rắn hơn trong các tranh chấp trên biển, đồng thời nhân mạnh giải quyết vấn đề trên cơ sở luật pháp và quan điểm chủ quyền do mình xác lập, thay vì các cơ chế quốc tế mà Trung Quốc cho là không phản ánh đầy đủ lợi ích của mình.

Nhìn từ góc độ khu vực, cách tiếp cận của Trung Quốc đối với Hồng Kông đã góp phần định hình một thông điệp chiến lược rộng hơn: các vấn đề liên quan đến chủ quyền và an ninh quốc gia sẽ được xử lý theo lô-gic ưu tiên ổn định và kiểm soát, bất kể những phản ứng hay chỉ trích từ bên ngoài. Thông điệp này có tác động lan tỏa đến nhận thức và tính toán của các chủ thể khác trong khu vực Đông Á, khiến các vấn đề như Đài Loan hay tranh chấp trên biển không chỉ là tranh chấp lãnh thổ hay chính trị đơn lẻ, mà còn gắn chặt với cuộc cạnh tranh chiến lược lớn hơn giữa Trung Quốc và các nước bên ngoài khu vực. Như vậy, vấn đề Hồng Kông đóng vai trò như một “trường hợp tham chiếu” trong cách Trung Quốc tiếp cận và xử lý các vấn đề nhạy cảm khác trong khu vực. Thay vì tách biệt từng vấn đề, Bắc Kinh ngày càng tiếp cận chúng trong một tổng thể chiến lược thống nhất, nơi chủ quyền, ổn định và an ninh quốc gia được đặt ở vị trí trung tâm. Điều này góp phần làm gia tăng tính phức tạp của môi trường địa - chính trị Đông Á, đồng thời đặt ra những thách thức mới đối với các quốc gia trong khu vực trong việc dự báo và điều chỉnh chính sách.

Đối với các quốc gia Nhật Bản và Hàn Quốc, một mặt, họ chia sẻ lợi ích an ninh và liên minh chặt chẽ, sâu sắc với Hoa Kỳ; mặt khác, họ có mức độ phụ thuộc kinh tế lớn vào siêu cường tỷ dân bởi nguồn vốn và thị trường khổng lồ. Như vậy, vấn đề Hồng Kông là một trong những nguyên nhân lớn khiến tính bất định trong cấu trúc quyền lực Đông Bắc Á ngày càng gia tăng, buộc các quốc gia trong khu vực phải điều chỉnh chính sách theo hướng thận trọng, cân bằng và linh hoạt hơn. Điều này cũng phản ánh những giới hạn trong khả năng lựa chọn chính sách của các nước tầm trung trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng. Trên thực tế, Nhật Bản và Hàn Quốc đều là đồng minh chiến lược quan trọng của Hoa Kỳ, có mức độ gắn kết sâu sắc về an ninh và chia sẻ nhiều giá trị chính trị với phương Tây. Tuy nhiên,

đồng thời, cả hai quốc gia này cũng duy trì mối quan hệ kinh tế chặt chẽ và phụ thuộc đáng kể vào Trung Quốc - đối tác thương mại hàng đầu và một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng khu vực.

Thực trạng này thể hiện ở sự lựa chọn lập trường chính trị và ngoại giao. Nhật Bản và Hàn Quốc chịu sức ép từ Hoa Kỳ và các nước phương Tây trong việc thể hiện sự ủng hộ đối với các giá trị dân chủ, pháp quyền và trật tự dựa trên luật lệ. Việc im lặng hoặc phản ứng quá dè dặt có thể bị diễn giải là thiếu cam kết với liên minh và các chuẩn mực chung. Việc công khai chỉ trích hoặc can dự sâu vào vấn đề Hồng Kông lại tiềm ẩn nguy cơ làm tổn hại quan hệ với Trung Quốc, kéo theo những hệ lụy về kinh tế, thương mại và hợp tác khu vực. Thực tiễn cho thấy Nhật Bản lựa chọn cách tiếp cận thận trọng và có tính toán chiến lược, dù nhiều lần bày tỏ quan ngại về tình hình chính trị Hồng Kông trong các tuyên bố chung với các đối tác phương Tây, chính quyền Tokyo luôn cố gắng né tránh các hành động mang tính đối đầu trực tiếp với Bắc Kinh. Cách tiếp cận này phản ánh nỗ lực cân bằng giữa việc duy trì cam kết liên minh với Hoa Kỳ và bảo vệ lợi ích kinh tế - chiến lược dài hạn với Trung Quốc. Vấn đề Hồng Kông, vì vậy, trở thành một phép thử cho chiến lược “ngoại giao cân bằng” của Nhật Bản trong bối cảnh môi trường an ninh Đông Bắc Á ngày càng phức tạp.

Đối với Hàn Quốc, điều này thậm chí còn thể hiện rõ nét hơn do vị trí địa - chính trị đặc thù và mức độ phụ thuộc kinh tế cao vào Trung Quốc. Trong bối cảnh Seoul cần sự hợp tác của Bắc Kinh trong các vấn đề an ninh bán đảo Triều Tiên, việc lựa chọn lập trường cứng rắn về Hồng Kông có thể làm suy giảm không gian ngoại giao của Hàn Quốc. Thực tiễn cho thấy Hàn Quốc thường lựa chọn cách tiếp cận dè dặt, hạn chế đưa ra các tuyên bố trực diện về Hồng Kông, qua đó phản ánh ưu tiên chiến lược của nước này trong việc duy trì quan hệ ổn định với cả Hoa Kỳ và Trung Quốc. Từ góc độ rộng hơn, điều này cũng cho thấy tác động lan tỏa của cạnh tranh Trung - Mỹ đối với cấu trúc địa - chính trị Đông Bắc Á. Hồng Kông trở thành một “điểm thử” cho khả năng tự chủ chiến lược của các quốc gia tầm trung, buộc họ phải điều chỉnh chính sách theo hướng linh hoạt, tránh bị cuốn vào đối đầu trực diện, nhưng cũng không thể hoàn toàn đứng ngoài các tranh luận mang tính giá

trị và liên minh. Điều này làm gia tăng tính bất định của môi trường khu vực, đồng thời cho thấy giới hạn của các lựa chọn chính sách trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt.

Có thể nói, Hồng Kông với chức năng kép - vừa là điểm ảnh hưởng chính trị nội bộ vừa là công cụ đo lường trong cạnh tranh chiến lược Trung Quốc với Mỹ và các nước phương Tây, nên biến động ở Hồng Kông đã làm tăng việc sử dụng công cụ phi quân sự giữa các nước lớn như trừng phạt, áp thuế, hạn chế xuất khẩu, áp đặt các quy định visa, rút quy chế ưu đãi đặc biệt... làm cho cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực mang tính toàn diện và phức tạp hơn.

Vấn đề Hồng Kông cũng làm gia tăng sự phân hoá khu vực, khiến các nước lớn củng cố liên minh, đẩy mạnh chính sách tự chủ công nghệ và tăng chi phí quốc phòng, từ đó làm tăng nguy cơ tính toán sai ở những điểm an ninh của khu vực như Đài Loan, Biển Đông, Triều Tiên...

Trước biến động chính trị tại Hồng Kông, Trung Quốc dường như đã chấp nhận những “trả giá” về ngoại giao để đạt mục tiêu nội trị. Trước sức ép chiến tranh thương mại và áp thuế, tách rời chuỗi cung ứng, bao vây, hạn chế tiếp cận công nghệ của Mỹ và các nước phương Tây Trung Quốc đã đẩy mạnh thực hiện vòng tuần hoàn kép, mở rộng đối tác, tự lực về công nghệ, nâng cao năng lực của nền kinh tế. Trung Quốc cũng có bước đi chiến lược là tích hợp Hồng Kông vào Vùng Vịnh lớn... Những lựa chọn đó của Trung Quốc có thể nói đã làm thay đổi bản chất cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực Đông Á và Châu Á - Thái Bình Dương trong dài hạn.

Như vậy, vấn đề biến động chính trị Hồng Kông làm sâu sắc hơn cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, đồng thời tác động gián tiếp đến cách tiếp cận của các chủ thể như Nhật Bản và Hàn Quốc. Hồng Kông trở thành một không gian biểu tượng, nơi các tranh luận về chủ quyền, an ninh quốc gia và các giá trị dân chủ - pháp quyền được đặt trong thế đối lập. Thông qua các phản ứng chính sách, tuyên bố ngoại giao và biện pháp kinh tế liên quan đến Hồng Kông, cạnh tranh Trung - Mỹ không chỉ giới hạn trong phạm vi song phương, mà lan tỏa sang các diễn đàn và cấu trúc khu vực của Đông Á.

4.2.5. Tác động đối với chiến lược phát triển, chính sách ngoại giao của các quốc gia Đông Nam Á

Đối với khu vực Đông Nam Á, tác động của vấn đề Hồng Kông thể hiện rõ nét hơn ở phương diện nhận thức và điều chỉnh chiến lược, thay vì đối đầu trực diện. Nhìn chung, các quốc gia Đông Nam Á nhìn nhận Hồng Kông như một ví dụ điển hình cho thấy mức độ nhạy cảm của các vấn đề nội bộ khi bị đặt trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn và xung đột giá trị. Từ đó, xu hướng chung của khu vực là gia tăng tính thận trọng, tránh bị cuốn vào các tranh luận mang tính đối đầu giữa các cường quốc. Mặt khác, vấn đề Hồng Kông cũng góp phần củng cố cách tiếp cận thực dụng của ASEAN, trong đó ổn định, không can thiệp và cân bằng quan hệ với các nước lớn tiếp tục được coi là nguyên tắc then chốt. Thực tế, khi một không gian kinh tế - chính trị trở thành điểm nóng tranh chấp, những hệ quả tiêu cực không chỉ dừng lại ở chính trị, mà còn lan sang kinh tế, đầu tư và vị thế quốc tế, nên vấn đề của Hồng Kông để lại nhiều bài học kinh nghiệm, đặc biệt là cần duy trì môi trường ổn định, quản trị hiệu quả và hạn chế tối đa nguy cơ quốc tế hóa các vấn đề nội bộ.

Bên cạnh đó, sự điều chỉnh vai trò của Hồng Kông trong mạng lưới kinh tế khu vực cũng tạo ra những tác động gián tiếp đối với Đông Nam Á. Việc một số chức năng tài chính, dịch vụ và logistics của Hồng Kông bị phân tán mở ra cơ hội cho một số quốc gia ASEAN tham gia sâu hơn vào mạng lưới kinh tế khu vực. Tuy nhiên, các nước Đông Nam Á nhìn chung tiếp cận cơ hội này một cách thận trọng, coi đây là quá trình bổ trợ và chia sẻ vai trò, thay vì cạnh tranh trực tiếp hay thay thế hoàn toàn vị thế của Hồng Kông. Với vị thế là trung tâm tài chính, dịch vụ và trung chuyển quan trọng của Đông Á trong nhiều thập niên, những biến động tại Hồng Kông là nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng và chiến lược của các doanh nghiệp trong toàn khu vực. Khi môi trường pháp lý và chính trị của Hồng Kông trở nên kém ổn định và khó dự báo hơn, các chủ thể kinh tế quốc tế có xu hướng tìm kiếm các điểm đến thay thế nhằm phân tán hoặc né tránh các rủi ro nếu có thể.

Thực tiễn cho thấy, quá trình tái cơ cấu chuỗi cung ứng và dịch chuyển một phần dòng vốn quốc tế khỏi Hồng Kông đã tạo thêm cơ hội cho một số nền kinh tế

Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, trong việc thu hút đầu tư, phát triển các trung tâm tài chính và nâng cao vị thế trong mạng lưới kinh tế khu vực [Tuấn Anh, 2025]. Trong khi đó, Singapore có hệ thống pháp quyền ổn định và môi trường kinh doanh minh bạch đã củng cố hơn nữa vai trò trung tâm tài chính khu vực. Đồng thời, một số nền kinh tế Đông Nam Á khác, bao gồm Việt Nam, Indonesia và Thái Lan cũng được xem là những điểm đến mới trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tái cấu trúc. Điều này cho thấy sự suy giảm tương đối vai trò của Hồng Kông đã gián tiếp mở rộng không gian kinh tế cho Đông Nam Á trong mạng lưới sản xuất và dịch vụ khu vực.

Tuy nhiên, tác động này không mang tính đồng đều và tự động. Trên thực tế, việc Hồng Kông điều chỉnh vai trò không đồng nghĩa với sự dịch chuyển toàn diện các chức năng tài chính và dịch vụ sang Đông Nam Á mà chủ yếu diễn ra dưới hình thức phân tán và tái cấu trúc. Các trung tâm ở Đông Nam Á vừa có cơ hội thu hút dòng vốn, vừa phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gia tăng, cũng như yêu cầu nâng cao năng lực thể chế, hạ tầng và quản trị để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đặt ra thách thức không nhỏ đối với các quốc gia trong khu vực, nhất là trong việc cân bằng giữa mở cửa kinh tế và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội.

Ở cấp độ khu vực, sự điều chỉnh vai trò của Hồng Kông còn ảnh hưởng đến cách Đông Nam Á định vị mình trong cấu trúc kinh tế Đông Á. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, các quốc gia ASEAN có xu hướng thúc đẩy chiến lược đa dạng hóa quan hệ kinh tế, giảm phụ thuộc vào một trung tâm duy nhất và tăng cường liên kết nội khối. Vấn đề Hồng Kông, do đó, không chỉ là một sự kiện riêng lẻ, mà trở thành một yếu tố góp phần thúc đẩy quá trình tái cấu trúc mạng lưới kinh tế khu vực theo hướng phân tán, linh hoạt và đa trung tâm hơn. Như vậy, từ góc nhìn thực tiễn, sự điều chỉnh vai trò của Hồng Kông đã tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với Đông Nam Á, mở ra khả năng gia tăng vai trò của khu vực trong chuỗi giá trị và mạng lưới dịch vụ khu vực, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực thể chế và khả năng thích ứng trong một môi trường địa - chính trị và kinh tế ngày càng biến động. Chính trong bối cảnh đó, Đông Nam Á không chỉ là đối tượng chịu tác động gián tiếp từ vấn đề Hồng Kông,

mà còn là một không gian quan trọng để quan sát sự tái cấu trúc rộng lớn hơn của trật tự kinh tế Đông Á.

Tổng thể, vấn đề Hồng Kông đã tác động đa chiều đến biến động địa - chính trị khu vực Đông Á thông qua ba tầng nấc gắn kết: cạnh tranh quyền lực (hiện thực), thách thức đối với trật tự thể chế (tự do thể chế) và phân hóa về quan điểm, bản sắc (kiến tạo). Chính sự đan xen của ba yếu tố này đã làm gia tăng tính bất định và phức tạp của môi trường khu vực, khiến Đông Á trở thành một không gian địa - chính trị vừa cạnh tranh gay gắt, vừa thiếu đồng thuận chiến lược bền vững. Sự khác biệt trong cách tiếp cận giữa các nhóm quốc gia - từ các cường quốc đến các nước tầm trung và nhỏ - phản ánh rõ sự chia rẽ về lợi ích, giá trị và mức độ can dự. Hồng Kông trở thành một trong những điểm nút cho thấy trật tự khu vực không còn vận hành dựa trên các quy tắc và chuẩn mực tương đối ổn định, ngày càng chịu chi phối bởi cạnh tranh quyền lực và diễn ngôn chính trị.

Bên cạnh đó, vấn đề Hồng Kông cũng làm nổi bật xu hướng “chính trị hóa” các vấn đề kinh tế và “kinh tế hóa” các vấn đề chính trị trong khu vực Đông Á. Các quyết định liên quan đến đầu tư, thương mại, tài chính và logistics không còn thuần túy dựa trên hiệu quả kinh tế, mà ngày càng gắn với các cân nhắc chiến lược và an ninh. Điều này làm gia tăng mức độ bất định của môi trường khu vực, buộc các quốc gia phải nâng cao năng lực dự báo và điều chỉnh chính sách. Tác động của vấn đề này không nằm ở việc tạo ra một cuộc khủng hoảng khu vực trực tiếp, mà ở chỗ nó làm sâu sắc thêm các xu hướng sẵn có: cạnh tranh nước lớn, phân hóa giá trị, điều chỉnh vai trò các trung tâm kinh tế và gia tăng tính bất định chiến lược. Chính trong bối cảnh đó, Hồng Kông trở thành một trường hợp điển hình giúp nhận diện rõ hơn động lực, giới hạn và hệ quả của biến động địa - chính trị khu vực Đông Á trong giai đoạn hiện nay.

4.3. Tác động, ảnh hưởng của vấn đề Hồng Kông đến Việt Nam và hàm ý chính sách cho Đảng và Nhà nước Việt Nam.

4.3.1. Khái lược quan hệ giữa Việt Nam và Hồng Kông

Quan hệ Việt Nam với Hồng Kông là mối quan hệ lâu đời, có nền tảng vững chắc. Ngay từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, Hồng Kông (khi đó là thuộc địa Anh)

đã đóng vai trò là một trong những cảng trung chuyển lớn nhất khu vực, trạm trung gian thương mại giữa Đông Dương và Anh quốc. Nhiều hàng hóa như than, gạo, cao su, và hàng dệt từ Việt Nam được vận chuyển qua Hồng Kông. Theo sử liệu của *Hồng Kông Maritime Museum*, các thương nhân Hoa kiều và Anh quốc tại Hồng Kông từng thiết lập tuyến buôn bán với cảng Hải Phòng và Sài Gòn (khoảng thập niên 1880-1930).

Hồng Kông cũng là địa danh gắn với lịch sử hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Khi hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu đang diễn ra thuận lợi thì tình hình chính trị Trung Quốc có biến đổi lớn. Tháng 4-1927, Tưởng Giới Thạch làm đảo chính phản cách mạng, gây ra tình cảnh rối loạn chính trị. Họ tiến hành bắt bớ, giam cầm những người cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu; hoạt động của Nguyễn Ái Quốc bị theo dõi và giám sát chặt chẽ. Trước tình hình đó, đầu tháng 5-1927, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Quảng Châu đến Hương cảng Hồng Kông với tên gọi Tống Văn Sơ. Đến Hồng Kông, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Nhiệm vụ của Người là hợp nhất 3 tổ chức Đảng Cộng sản ở Việt Nam thành một chính đảng thống nhất của giai cấp vô sản. Địa điểm được chọn để tiến hành khai mạc hội nghị hợp nhất này là Tổng Vương Đài tại Hồng Kông. Địa điểm này đã trở thành nơi ghi nhiều dấu ấn: vừa là nơi diễn ra sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1930; nơi tổ chức Hội nghị Trung ương lần thứ nhất tháng 10/1930 và cũng là nơi chứng kiến Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hồng Kông. Kể từ khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ký tên vào bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Vecxay - Pháp, cho đến khi sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một nhân vật quan trọng trong kế hoạch lung bắt của thực dân Pháp. Cuộc mặc cả giữa mật thám Pháp ở Đông Dương và mật thám Anh ở Hồng Kông, đã dẫn đến cuộc vây ráp, bắt lén Nguyễn Ái Quốc (Tống Văn Sơ) ở số nhà 186 Tam Kung - Hương Cảng (6-6-1931). Ngôi nhà 186 Tam Kung nằm trong khu phố của những người lao động nghèo, đã từng là nơi ở bí mật của Nguyễn Ái Quốc và là cơ sở hoạt động bí mật của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hồng Kông.

Hồng Kông cũng là địa điểm chứng kiến tình bạn chân thành của Bác Hồ với luật sư Loseby. Khi biết tin Tống Văn Sơ bị bắt, đồng chí Hồ Tùng Mậu qua Liên đoàn Quốc tế cứu tế đỏ và đến gặp luật sư Loseby, một luật sư tiên bộ người Anh ở Hồng Kông nhờ giúp đỡ. Trong cuộc gặp gỡ và hỏi chuyện Tống Văn Sơ ở nhà lao, trước một người thanh niên Việt Nam gầy, xanh, song vẻ cương nghị, sự thông minh trong từng câu nói bằng tiếng Anh và đôi mắt sáng đầy ý chí đã làm luật sư xúc động. Luật sư Loseby đã chân tình nói: Tôi nhận giúp vì danh dự chứ không phải vì tiền [(Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, 1985)] ... Sau đó luật sư Loseby và đồng nghiệp đã nỗ lực tìm cách bào chữa và kịp thời ngăn chặn âm mưu của chính quyền Hồng Kông giao nộp Tống Văn Sơ cho chính quyền Pháp. Có thể nói, từ tháng 1/1930 khi đến Hồng Kông thực hiện nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đến khi được sự giúp đỡ của gia đình luật sư Loseby để cải trang thành một thương gia Trung Quốc giàu có, với một viên thư ký tháp tùng rời Hồng Kông vào mùa Xuân năm 1933, Nguyễn Ái Quốc đã có một thời gian dài đầy sóng gió ở vùng đất này. Trải qua hơn 20 tháng giam giữ ở Hồng Kông, tại nhà tù ở Victoria, ở phòng giam chỉ vừa một người nằm xiên xiên, xung quanh bịt song sắt và lưới sắt bùng bít, trải qua trải qua ba cuộc thẩm vấn của Thư ký Trung Hoa vụ Hồng Kông, chín phiên tòa xét xử tại Hồng Kông ...nhưng với tinh thần lạc quan cách mạng và dũng khí kiên cường, cách xử lý thông minh, tinh táo, khôn khéo, và được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản cùng một số luật sư chân chính, đặc biệt là Luật sư Loseby, cuối cùng Nguyễn Ái Quốc đã được tự do.

Tình cảm của Bác dành cho những người bạn Luật sư, cho nhân dân và đồng chí ở Hồng Kông cùng những địa điểm mang nhiều kỷ niệm và dấu ấn của Người trong thời gian ở Hồng Kông như Tống Vương Đài, ngôi nhà số 186 phố Tam Kung, nhà tù Victoria ở số 16 phố Old Bailey, hay Ký túc xá Hội Thanh niên Cơ Đốc giáo Trung Hoa (YMCA) (nơi Nguyễn Ái Quốc từng ở tạm để chữa bệnh viêm phổi và tránh sự theo dõi của mật thám Anh)... đã trở thành di sản tinh thần vô giá, tạo cơ sở cho phát triển quan hệ Việt Nam với Hồng Kông cũng như gắn kết quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Nền tảng gắn kết về lịch sử, tương đồng về văn hóa và gần gũi về địa lý, và đặc biệt là tình cảm gắn bó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cho hợp tác Việt Nam với Hồng Kông (Trung Quốc) không ngừng được củng cố và ngày càng phát triển. Kể từ khi Việt Nam thực hiện công cuộc Đổi mới, Hồng Kông đã đóng vai trò quan trọng trong hành trình kinh tế của Việt Nam. Hiện, Việt Nam và Hồng Kông hiện là đối tác quan trọng của nhau, quan hệ hợp tác hai bên phát triển trên nhiều lĩnh vực:

Hợp tác về chính trị - ngoại giao

Hiểu rõ tiềm năng hợp tác mang lại lợi ích cho cả hai bên, nên quan hệ chính trị - ngoại giao được thúc đẩy với nhiều hoạt động khá sôi động, tạo nên những kết quả tích cực. Dưới sự vận động tích cực của Tổng lãnh sự quán với rất nhiều cấp độ, nhiều hoạt động, nhiều cuộc thảo luận hoặc thư từ trao đổi, tháng 10/2023, Hồng Kông chính thức dỡ bỏ hạn chế về visa làm việc cho người Việt Nam. Vấn đề này đã từng là rào cản lớn nhất giữa Việt Nam và Hồng Kông, khiến các doanh nghiệp, người dân Việt Nam không thể tiếp cận và tận dụng được lợi thế trung tâm quốc tế của Hồng Kông. Dỡ bỏ hạn chế visa cũng đồng nghĩa với việc mở cửa thị trường Hồng Kông cho Việt Nam, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể khai thác, tận dụng thế mạnh của Hồng Kông với tư cách trung tâm tài chính, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, trung tâm hàng không, trung tâm pháp lý quốc tế, và cánh cửa quốc tế của Trung Quốc. Cùng với chính sách thị thực mới này, cộng đồng người Việt Nam sẽ dần tăng lên, nhiều người Việt Nam thuộc thế hệ trẻ sẽ sang Hồng Kông sinh sống và làm việc, góp phần đa dạng hóa cộng đồng Việt Nam tại Hồng Kông, trở thành những cầu nối giữa hai bên.

Trong lĩnh vực trao đổi đoàn, quan hệ giữa Việt Nam và Hồng Kông được tăng cường đáng kể trong năm 2023. Hồng Kông đã cử năm đoàn cấp cục trưởng sang thăm và làm việc tại Việt Nam. Ở chiều ngược lại, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã có chuyến thăm và làm việc tại Hồng Kông [Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023]. Đây cũng được đánh giá là thành công về mặt ngoại giao, thúc đẩy quan hệ, khiến cho quan hệ giữa Việt Nam và Hồng Kông trở nên sống động hơn.

Hợp tác về kinh tế:

Là một địa điểm "siêu kết nối" với Trung Quốc và mạng lưới thương mại toàn cầu, Hồng Kông đóng vai trò cửa ngõ quan trọng cho hàng hóa Việt Nam. Nơi đây cũng đóng vai trò là cửa ngõ quan trọng cho các doanh nghiệp từ Hồng Kông và Khu vực Vùng Vịnh lớn Quảng Đông-Hồng Kông-Macau muốn đầu tư vào Việt Nam. Nhiều năm qua, Hồng Kông luôn là một trong những đối tác thương mại và đầu tư quan trọng của Việt Nam. Hồng Kông là đối tác thương mại lớn thứ 11 và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Việt Nam. Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hồng Kông tiếp tục phát triển tích cực. Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai bên đạt 11,2 tỷ USD. Trong 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch thương mại song phương đạt 6,6 tỷ USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng xuất siêu sang Hồng Kông với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,0 tỷ USD, tăng 41,7%, trong khi kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 563,1 triệu USD, giảm 39,8% so với cùng kỳ [Bộ Công Thương, 2024]

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ Hồng Kông vào Việt Nam cũng đã tăng lên trong thời gian qua. Hiện nay, Việt Nam đã có rất nhiều ngành công nghiệp hỗ trợ và trở thành một trung tâm sản xuất rất quan trọng, với lợi thế đó dòng vốn đầu tư từ Hồng Kông vào Việt Nam sẽ còn tăng mạnh hơn nữa trong tương lai.

Do cơ cấu đặc trưng của nền kinh tế, Hồng Kông nhập khẩu đến 90% sản phẩm dành cho tiêu dùng nội địa. Đây là thị trường tiềm năng cho hàng hóa của các nước xuất khẩu nói chung và hàng hóa Việt Nam nói riêng, đặc biệt đối với những hàng hóa chất lượng cao. Hồng Kông luôn là đối tác tiềm năng, đáng tin cậy của doanh nghiệp Việt Nam, bởi không chỉ đem đến một môi trường kinh doanh ổn định mà còn giúp doanh nghiệp Việt mở rộng - kết nối với nhiều thị trường tiềm năng khác. Nhờ những lợi thế độc đáo theo chính sách “Một quốc gia, hai chế độ” và lợi thế về dịch vụ pháp lý quốc tế chất lượng cao nên cung cấp dịch vụ pháp lý là lĩnh vực hợp tác có tiềm năng to lớn giữa Việt Nam và Hồng Kông. Các ngành hàng khác nhất là lương thực, thực phẩm của Việt Nam cũng có nhiều tiềm năng khai thác thị trường Hồng Kông. Hiện ở Hồng Kông đã có nhiều người sử dụng công ty dịch vụ công nghệ thông tin của Việt Nam để cung cấp dịch vụ cho họ.

Chiều ngược lại, Việt Nam cũng là đối tác thương mại lớn thứ 2 trong ASEAN, sau Singapore, và thứ 7 trên toàn cầu của Hồng Kông. Việt Nam là một trong những nền kinh tế đầu tiên ký kết Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Hồng Kông với khoảng 90% giao dịch hàng hóa với Trung Quốc được thực hiện thông qua Hồng Kông. Việt Nam cũng là một trong những thị trường trọng điểm đầu tư của các công ty Hồng Kông, các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông và người dân Hồng Kông. Các doanh nghiệp Việt Nam đã tham gia hoạt động tài chính, IPO và các nghiệp vụ khác trên thị trường chứng khoán Hồng Kông. Các doanh nghiệp Việt Nam đã cử các chuyên gia và nhà quản lý từ Việt Nam sang Hồng Kông làm việc, đồng thời các công ty quốc tế, công ty Trung Quốc hay công ty Hồng Kông cũng mời các chuyên gia từ Việt Nam sang Hồng Kông nghiên cứu và trao đổi.

Năm 2023, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông đã hỗ trợ thúc đẩy đưa 7 đoàn doanh nghiệp Hồng Kông sang Việt Nam tìm hiểu khảo sát, với số lượng mỗi đoàn từ hàng chục đến gần trăm doanh nghiệp [Phạm Bình Đàm, 2024]. Những chuyến đi như vậy đã giúp các nhà đầu tư, doanh nghiệp Hồng Kông tiếp xúc, tìm hiểu kinh nghiệm đầu tư tại Việt Nam và sau đó họ đều muốn mở nhà máy, đầu tư. Tổng lãnh sự quán cũng thường xuyên vận động doanh nghiệp, các tập đoàn, giới tài chính, các CEO, các công ty cấp cao tăng cường hợp tác làm ăn, sản xuất kinh doanh với Việt Nam.

Hợp tác về văn hóa - giáo dục

Về phương diện văn hóa, mặc dù với nguồn lực khiêm tốn nhưng Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông đã cố gắng thúc đẩy các hoạt động hợp tác như: thúc đẩy ký kết thành công hợp tác đào tạo giữa Vụ Đào tạo của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Việt Nam với Học viện Biểu diễn nghệ thuật Hồng Kông - một trong những học viện hàng đầu trên thế giới.

Hợp tác giữa Việt Nam và Hồng Kông trong lĩnh vực giáo dục cũng đang có nhiều tiến triển. Việc Hồng Kông là một trong những trung tâm giáo dục hàng đầu thế giới với 5 trường nằm trong top 70 trường Đại học hàng đầu thế giới, cùng với chính sách trọng dụng nhân tài đã và đang mở ra nhiều cơ hội cho sinh viên nước

ngoài tới học tập và làm việc. Thời gian qua, Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông đã tích cực vận động các trường đại học tại Hồng Kông tăng cường tuyển sinh, cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam dưới nhiều hình thức khác nhau, nhằm tận dụng thế mạnh của Hồng Kông để phục vụ mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Việt Nam. Hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Hồng Kông có bước phát triển đáng kể trong những năm gần đây. Nếu trước đây số lượng học sinh, sinh viên Việt Nam có cơ hội học tập tại Hồng Kông còn hạn chế, thì đến năm 2023, Đại học Trung Văn Hồng Kông (Chinese University of Hong Kong – CUHK), thuộc nhóm 50 trường đại học hàng đầu thế giới, đã thống nhất cấp 96 học bổng cho học sinh Việt Nam. Tiếp đó, năm 2024, Đại học Hồng Kông (University of Hong Kong – HKU), thuộc nhóm 30 trường đại học hàng đầu thế giới, tiếp tục dành 26 học bổng cho học sinh, sinh viên Việt Nam [Mạc Luyện, Thạch Bình & Xuân Vịnh, 2023; Mạc Luyện & Thạch Bình, 2024]. Không chỉ dừng lại ở việc cấp học bổng cho sinh viên, Việt Nam và Hồng Kông còn mở rộng trao đổi học thuật, nghiên cứu chung, trao đổi giảng viên, đào tạo giảng viên...

Nói chung, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Hồng Kông đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Mỗi quan hệ này phát triển trên nền tảng mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc. Những biến động chính trị tại Hồng Kông thời gian qua ở khía cạnh nào đó cũng sẽ ảnh hưởng, tác động đến các lĩnh vực hợp tác, tiềm năng hợp tác giữa hai bên. Vì vậy nắm được những thay đổi tại Hồng Kông và những biến đổi địa - chính trị trong khu vực sẽ góp phần nhận thức đầy đủ hơn về các tác động cả trực tiếp và gián tiếp đến mối quan hệ, từ đó có đối sách phù hợp để thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Hồng Kông nói riêng, và quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc nói chung ngày càng hiệu quả và thực chất.

4.3.2. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam rút ra từ biến động chính trị tại Hồng Kông

Để đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam trước tác động của vấn đề Hồng Kông, cần đưa ra một số đánh giá, rút ra những bài học đối với vận động chính trị của Hồng Kông trong thời gian qua.

4.3.2.1. Bài học về quản lý hoạt động tôn giáo gắn với bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội

Biên động chính trị tại Hồng Kông cho thấy tôn giáo không chỉ là một thiết chế văn hóa - xã hội mà còn có thể trở thành một nhân tố tác động đến đời sống chính trị khi bị lôi kéo hoặc lợi dụng phục vụ các mục tiêu ngoài tôn giáo. Thực tế phong trào phản đối Dự luật Dẫn độ năm 2019 và các cuộc biểu tình kéo dài sau đó cho thấy, bên cạnh nhiều tổ chức tôn giáo thực hiện đúng chức năng mục vụ và hoạt động xã hội, một số tổ chức, chức sắc và tín đồ thuộc các giáo hội Cơ Đốc giáo và Công giáo đã tham gia hoặc ủng hộ các hoạt động biểu tình dưới nhiều hình thức khác nhau.

Thực tế phong trào biểu tình phản đối chính quyền Hồng Kông thúc đẩy sửa đổi Dự luật dẫn độ và thông qua Luật an ninh quốc gia kéo dài trong hơn một năm đã cho thấy, một số tổ chức tôn giáo (chủ yếu là các giáo hội Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo) ở Hồng Kông có “vai trò đặc biệt” trong các cuộc biểu tình và bạo lực. Dưới danh nghĩa “tôn giáo”, hoạt động của các tổ chức này thường ít bị chú ý, nhưng mức độ nguy hại đối với Hồng Kông là vô cùng lớn.

Do từng là thuộc địa của Anh trong thời gian dài, Hồng Kông có một cộng đồng Kitô giáo phát triển, trong đó Công giáo và Tin Lành đều có số lượng tín đồ đáng kể. Theo số liệu năm 2019, Hồng Kông có khoảng 889.000 tín đồ Kitô giáo, chiếm hơn 12% dân số của đặc khu [Government of the Hong Kong SAR, 2020]. Các cơ sở giáo dục do các tổ chức Kitô giáo quản lý chiếm tỷ trọng đáng kể trong hệ thống giáo dục Hồng Kông. Theo thống kê của Cục Giáo dục Hồng Kông, các trường do Công giáo và Tin Lành điều hành chiếm hơn một nửa tổng số trường tiểu học và trung học của đặc khu, với khoảng 285 trường tiểu học và 235 trường trung học [Education Bureau, 2019]. Một bộ phận lớn các trường học của Giáo hội, thông qua giáo dục tại trường để truyền bá tư tưởng chia rẽ đất nước, coi Trung Quốc là kẻ thù, khiến những học sinh này trở thành “vật hy sinh” cho các thế lực chống Trung Quốc gây rối loạn Hồng Kông. Nhà thờ Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo phân bố rải rác khắp Hồng Kông, trở thành nơi các tín đồ tập trung làm lễ vào mỗi dịp cuối tuần và tổ chức các hoạt động của Cộng đồng Công giáo Hồng Kông. Cộng

đồng Công giáo Hồng Kông cũng điều hành nhiều bệnh viện và cơ sở phúc lợi thông qua tổ chức như Caritas Hong Kong và các dòng tu. Ở Hồng Kông có nhiều bệnh viện do Công giáo quản lý (Caritas Medical Centre, Canossa Hospital, Precious Blood Hospital, St Paul's Hospital, v.v.), phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho toàn xã hội chứ không riêng tín đồ. Do vị trí lịch sử và mạng lưới dày đặc trường học, bệnh viện, tổ chức từ thiện... cộng đồng Kitô giáo có tiếng nói quan trọng trong các vấn đề xã hội và chính trị tại Hồng Kông. Nhiều tổ chức Kitô giáo và các nhân vật lãnh đạo tôn giáo cũng là nhân tố quan trọng trong các liên hệ xuyên biên giới.

Điều đáng chú ý là trong phong trào biểu tình tại Hồng Kông hiện nay, có không ít các giáo hội, chức sắc tôn giáo như mục sư và một bộ phận tín đồ lợi dụng cơ hội này để ủng hộ biểu tình phi pháp, che đậy hành vi bạo lực, sai trái của những người biểu tình cực đoan. Phong trào biểu tình 2019 tại Hồng Kông được mô tả là một phong trào quần chúng tự phát, trong đó có sự tham gia của nhiều sinh viên và thanh niên có xuất thân từ các tổ chức hoặc trường học có nền tảng Kitô giáo. Một số người biểu tình nói rằng họ tìm thấy niềm tin, hy vọng và động lực đạo đức từ giáo lý Kitô giáo, do đó họ coi việc tham gia phong trào biểu tình là “nghĩa vụ luân lý trong việc bảo vệ công lý”. Trong thời gian diễn ra phong trào biểu tình, một số nhà thờ tại Hồng Kông đã mở cửa để người tham gia biểu tình, những người lo ngại bị bắt giữ hoặc những người cần hỗ trợ tinh thần có thể nghỉ ngơi, cầu nguyện hoặc nhận hỗ trợ nhân đạo. Các tổ chức tôn giáo liên quan cho rằng đây là hoạt động mang tính nhân đạo và mục vụ. Một số mục sư và giáo dân thuộc các nhà thờ địa phương đã tình nguyện cung cấp hỗ trợ nhân đạo cho người biểu tình trong giai đoạn cao điểm phản đối Dự luật Dẫn độ 2019, bao gồm: tổ chức xe đưa đón, cung cấp nước uống, mặt nạ, nơi trú ngụ tạm thời, hoặc cầu nguyện cho người bị bắt giữ. Một số cơ sở tôn giáo còn bị cáo buộc là điểm tập kết cho người biểu tình, bị lợi dụng làm nơi ẩn náu hoặc tiếp tế, cung cấp trang bị (như mặt nạ phòng, chống độc, gậy, ô, khẩu trang...) cho người biểu tình. Nguồn tin từ cảnh sát Hồng Kông còn cho biết một số nhà thờ mở cửa suốt đêm, cho phép người biểu tình cất giữ vật dụng

và nghỉ ngơi để sau đó tiếp tục thực hiện các hành vi bạo lực (như đập phá cơ sở hạ tầng công cộng, tấn công cảnh sát [HK01, 2019]).

Trong đó, một số mục sư ra sức kích động chống Trung Quốc, thậm chí “gặp Trung Quốc là phản đối”; và trong các hoạt động biểu tình cực đoan ở Hồng Kông hiện tại đều có bóng dáng của họ. Các tổ chức thuộc Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo thì tiến hành kích động học sinh và giáo viên bãi khóa ở các trường học thuộc Giáo hội, hành động này cho thấy tôn giáo đã “đưa bàn tay đen bạo lực” tới các học sinh. Nhiều nhà thờ Công giáo còn lấy danh nghĩa tổ chức lễ cầu nguyện để tuyên truyền, tạo đà cho hoạt động biểu tình bạo lực, lợi dụng dư luận để hạn chế các hoạt động chấp pháp của lực lượng cảnh sát Hồng Kông. Kể từ khi bùng nổ phong trào biểu tình ở Hồng Kông (tháng 6/2019) đến nay, nhiều tổ chức thuộc Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo đã kích động tín đồ xuống đường biểu tình, cùng một số nhóm người biểu tình cực đoan thực hiện các hành động bạo lực, gây rối loạn Hồng Kông [30]. Trong số những người biểu tình bị bắt do thực hiện các hành động bạo lực có không ít tín đồ Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo. Những tín đồ này cùng với những người biểu tình cực đoan có mặt ở “tuyến đầu” cuộc biểu tình, cản trở cảnh sát chấp pháp thông thường và thậm chí có những hành vi bạo lực tấn công cảnh sát.

Giáo hội trực tuyến Hồng Kông cũng không đứng ngoài phong trào biểu tình hiện tại và được xem là một tổ chức tôn giáo tham gia vào những phong trào chính trị phức tạp tại Hồng Kông. Giáo hội trực tuyến Hồng Kông được thành lập năm 2014, trong thời gian diễn ra phong trào “Chiếm trung tâm”. Cụ thể, khi phong trào “Chiếm trung tâm” diễn ra, các phần tử chống Trung Quốc gây rối loạn Hồng Kông, tìm mọi cách kích động sinh viên, học sinh bãi khóa. Trang Facebook “Cha mẹ bảo vệ hành động bãi khóa của học sinh” (trang này có sự tham gia của nhiều mục sư và tín đồ Cơ Đốc giáo) đã cho rằng tổ chức tôn giáo (Giáo hội) truyền thống bị nhiều hạn chế về không gian và thời gian, nên không thể chỉ trong thời gian ngắn mà đạt được sự nhất trí về nhiều vấn đề, cần thành lập tổ chức tôn giáo phi truyền thống. Theo đó, một tổ chức tôn giáo trực tuyến có tên là Giáo hội trực tuyến Hồng Kông đã ra đời.

Giáo hội trực tuyến Hồng Kông là một tổ chức chính trị mang danh “Giáo hội”, phục vụ cho những hành động gây rối loạn Hồng Kông, tiến tới phá hoại sự ổn định chính trị - xã hội tại đặc khu này. Trong phong trào biểu tình ở Hồng Kông hiện tại, Giáo hội trực tuyến Hồng Kông hằng ngày thông qua trang Facebook của mình để phát đi thông tin tụ tập ủng hộ biểu tình, kích động và kêu gọi người biểu tình xuống đường, đồng thời liên kết với các giáo hội khác, tổ chức các hoạt động tụ tập ủng hộ biểu tình đòi dân chủ. Trang Facebook “Giáo hội trực tuyến Hồng Kông” được Trung Quốc đánh giá là “trận địa tuyên truyền hoạt động bạo lực”, kêu gọi những người biểu tình tổ chức nhiều hoạt động tụ tập ủng hộ bạo lực. Hành động của Giáo hội trực tuyến Hồng Kông được Trung Quốc nhận định là đã vượt xa quy định của giáo lý, đi ngược với nguyên tắc “tách rời tôn giáo với chính trị, truyền bá phúc âm, phục vụ xã hội” của các tổ chức tôn giáo, thậm chí trở thành công cụ của cuộc “cách mạng màu”. Những gì từng diễn ra trong cuộc “cách mạng màu” tại Ba Lan vào những năm 1980 và hàng loạt cuộc “cách mạng màu” sau đó đang lặp lại ở Hồng Kông. Tại Ba Lan, tổ chức “Công đoàn đoàn kết” ngoài việc được Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA) ủng hộ, còn nhận được sự giúp đỡ trực tiếp và mạnh mẽ của Giáo hoàng Vatican người Ba Lan và Giáo hội Thiên Chúa giáo Ba Lan. Có thể nói, phương thức ủng hộ của Giáo hội Thiên Chúa giáo Ba Lan lúc đó dành cho “Công đoàn đoàn kết” Ba Lan được Chính phủ Trung Quốc đánh giá chính là “bản gốc” của các phương thức và hành vi ủng hộ phong trào biểu tình hiện tại của các tổ chức tôn giáo (Giáo hội) Hồng Kông.

Từ thực tiễn Hồng Kông có thể thấy, bản thân tôn giáo không phải là nguyên nhân tạo ra bất ổn chính trị, nhưng trong những điều kiện nhất định, một số tổ chức hoặc cá nhân tôn giáo có thể bị lôi kéo, lợi dụng hoặc tự tham gia vào các hoạt động chính trị, làm gia tăng mức độ phức tạp của các cuộc khủng hoảng xã hội. Ngược lại, nếu được định hướng đúng đắn và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, tôn giáo là nguồn lực quan trọng góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy các giá trị nhân văn, đạo đức và tăng cường sự đồng thuận xã hội. Vì vậy, bài học cốt lõi rút ra từ Hồng Kông không phải là tăng cường kiểm soát tôn giáo đơn thuần, mà là xây dựng cơ chế quản trị hiệu quả nhằm phát huy các giá trị tích cực của tôn

giáo, đồng thời chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để phục vụ các mục tiêu chính trị hoặc gây mất ổn định xã hội.

Đối với Việt Nam, bài học từ Hồng Kông đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo theo hướng vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân theo Hiến pháp và pháp luật, vừa nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo. Đồng thời, cần phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các hoạt động nhân đạo, từ thiện; tăng cường đối thoại, xây dựng quan hệ hợp tác giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo trên cơ sở tôn trọng, đồng hành và trách nhiệm xã hội. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực dự báo, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng tôn giáo để kích động chia rẽ dân tộc, chống phá chế độ hoặc tạo cơ cho sự can thiệp từ bên ngoài, qua đó góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo nền tảng thuận lợi cho sự phát triển bền vững của đất nước.

4.3.2.2. Bài học về chủ động phòng ngừa nguy cơ "cách mạng màu" và giữ vững ổn định chính trị

Sự can thiệp của nước ngoài vào tình hình Hồng Kông thể hiện rõ nét hình hài của một cuộc “cách mạng màu”. Trung Quốc nhận định: tình hình chung cho thấy rằng các cuộc biểu tình từng diễn ra ở Hồng Kông là có sự sắp đặt trước và có tổ chức. Các đặc trưng khác của cuộc “cách mạng màu” như gương cao khẩu hiệu “dân chủ, tự do, nhân quyền”, lấy thay đổi chính quyền làm mục tiêu cơ bản; lợi dụng sự kiện đột phá để tạo ra phong trào chính trị đường phố; lợi dụng mâu thuẫn xã hội, kích động dư luận, xúi giục, lừa dối và lôi kéo đông đảo người dân tham gia... cũng được thể hiện đầy đủ trong phong trào phản đối sửa đổi điều lệ Dự luật dẫn độ hay phản đối Luật an ninh quốc gia. Chẳng hạn như phe đối lập và các phần tử bạo lực cực đoan ở Hồng Kông công khai khẩu hiệu kêu gọi “Khôi phục Hồng Kông, cách mạng thời đại”, yêu cầu trường đặc khu từ chức, đồng thời tuyên bố không loại trừ sẽ thành lập “Hội đồng Lập pháp lâm thời”..., đều thể hiện đầy đủ mục đích của họ chính là muốn lật đổ chính quyền đặc khu, giành quyền kiểm soát Hồng Kông.

Phong trào phản đối sửa đổi điều lệ Dự luật dẫn độ và thông qua Luật an ninh quốc gia diễn ra ở Hồng Kông từ năm 2019 mang đầy đủ đặc trưng của cuộc “cách mạng màu” bởi các lý do sau:

Một là, phong trào này nhận được sự ủng hộ công khai của chính quyền các nước như Hoa Kỳ, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôxtrâyliia, Đức, Pháp, ... và vùng lãnh thổ Đài Loan.

Hai là, Hoa Kỳ từ lâu đã tài trợ và nuôi dưỡng phe đối lập, hỗ trợ tích cực phe đối lập chuẩn bị tiến hành cuộc “cách mạng màu”. Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ thường kích động phong trào “cách mạng màu” ở bên ngoài, họ xây dựng các trường học riêng để đào tạo các nhân viên liên quan, ngoài ra còn có một bộ giáo trình hoàn chỉnh, tiến hành dạy một kèm một số thành viên của phe đối lập sử dụng “biện pháp phi bạo lực” để tiến hành “phong trào dân chủ”. Việc đào tạo được triển khai một cách hệ thống, toàn diện với rất nhiều khóa học, từ nguyên tắc 50 điểm để thực hiện “phong trào dân chủ” đến tổ chức biểu tình, bạo động, làm áp phích tuyên truyền, đối kháng với cảnh sát, thực hiện “đấu tranh phi bạo lực” như thế nào..., tất cả đều có giáo trình rất cụ thể. Bên cạnh đó, những chi tiết như làm thế nào để cấp dưới phân nhóm, các nhóm khác nhau cần chuẩn bị những gì trong các giai đoạn khác nhau, nên lộ diện để làm gì... cũng được giới thiệu hết sức rõ ràng trong giáo trình.

Sau phong trào "Chiếm Trung tâm" năm 2014, một số cơ quan và truyền thông chính thức của Trung Quốc cho rằng một bộ phận những người tham gia biểu tình đã nhận được sự hỗ trợ hoặc đào tạo từ các tổ chức ở nước ngoài, trong đó có đề cập đến Oslo Freedom Forum. Theo các nguồn này, các hoạt động kết nối và chuẩn bị cho phong trào đã được tiến hành từ trước khi các cuộc biểu tình nổ ra. Đại học Trung Văn Hồng Kông - nơi có nhiều giáo sư, giảng viên từng đào tạo tại Hoa Kỳ - đã thành lập một tổ chức gọi là “Trung tâm Hoa Kỳ ở Hồng Kông”, từ đó từng bước lũng đoạn giáo trình giảng dạy chung của 8 trường đại học Hồng Kông. Trung tâm Hoa Kỳ ở Hồng Kông đã tổ chức nhiều “khóa học chủ đề” hai ngày một đêm để huấn luyện sinh viên đại học là cốt cán của phong trào “Chiếm trung tâm” và phong trào biểu tình sau này. Những hành động này đủ để cho thấy, hoạt động can dự thực

tế của Hoa Kỳ ở Hồng Kông được tăng cường mạnh mẽ, thậm chí phong trào biểu tình có thể nhận được sự hỗ trợ toàn lực của Chính phủ Hoa Kỳ. “Khóa học chủ đề” do một số nhân vật chủ chốt của các đảng phái chính trị, học giả quốc tế và nhân vật chính trị bí ẩn truyền giảng; dạy học sinh làm thế nào đối diện với “sách lược đàm phán” trong phong trào biểu tình, kháng nghị quy mô lớn, đồng thời xác định cái gọi là “chốt chặn và lập trường không thể lùi bước” cho biểu tình ở Hồng Kông. Về hình thức, Trung tâm Hoa Kỳ ở Hồng Kông là một tổ chức liên minh đại học phi lợi nhuận, thành viên hội đồng quản trị bao gồm hiệu trưởng của nhiều trường đại học, nhưng trên thực tế, Tổng lãnh sự quán của Hoa Kỳ tại Hồng Kông mới là nơi “chống lưng” thực sự của tổ chức này. Quỹ Quốc gia hỗ trợ dân chủ (NED) của Hoa Kỳ cũng đứng đằng sau việc huấn luyện học sinh của phong trào biểu tình. Dương Kiến Lợi - phần tử cấp tiến chống Trung Quốc ở hải ngoại - đóng vai trò là trung gian giữa Hoa Kỳ và phe chống đối ở Hồng Kông, tổ chức “phong trào nghiên cứu học tập lãnh tụ thanh niên dân tộc” ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và vùng lãnh thổ Đài Loan, mời những phần tử đứng đầu của phong trào biểu tình, cầm đầu chống Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nói chuyện, hòa theo yêu cầu cấp kinh phí của NED và Quỹ Dân chủ Đài Loan, làm rối loạn Hồng Kông, từ đó tìm cách thâm nhập Đại lục [Lê Văn Sang, Lê Kim Sa, 2012].

Từ tình hình thực tế biểu tình ở Hồng Kông trong hơn một năm qua, Trung Quốc đánh giá rằng rất nhiều phần tử cực đoan đã được trải qua các khóa huấn luyện, đào tạo. Trong số các thanh niên tham gia biểu tình, nhiều người có trình độ văn hóa rất thấp, biểu ngữ phản đối của họ sơn phủ trên đường phố thường xuất hiện một số từ viết sai chính tả mà ngay cả học sinh tiểu học cũng rất ít khi mắc phải. Nhưng chính những người “chữ viết không xong” này lại được giới truyền thông phát hiện, khi diễu hành trên đường họ thể hiện nhiều cử chỉ chuyên nghiệp liên kết chặt chẽ với nhau, mỗi cử chỉ đều thể hiện cho một ý nghĩa. Bên cạnh đó, đội hình của những người hoạt động bạo lực lần này rất chỉnh chu, hàng thứ nhất ném đồ đạc, hàng thứ hai tiếp tế “đạn dược”, hàng thứ ba cầm gậy dài tấn công cảnh sát, người đứng sau cầm ô che chắn. Trên thực tế, những thủ đoạn này đã được đề cập trong giáo trình giảng dạy.

Trong giáo trình mang tên *CANVAS* có một chương hướng dẫn: “Khi bị trấn áp, phải nhớ tên quân cảnh⁵“, ngầm chỉ ra phải ghi nhớ thông tin cá nhân của cảnh sát, thông qua trả thù cảnh sát để phá tan ý chí của họ. Trong các cuộc bạo loạn lần này ở Hồng Kông, lập tức có người tìm kiếm thông tin cảnh sát Hồng Kông ở trên mạng, phát tán thông tin cá nhân của cảnh sát, kêu gọi mọi người trả thù họ và người nhà của họ.

Ngoài ra, phe đối lập Hồng Kông còn nhận được sự tài trợ dài hạn của Hoa Kỳ. Tài trợ của Hoa Kỳ đối với phe đối lập Hồng Kông được thông qua hai kênh: (1) Quỹ Quốc gia hỗ trợ dân chủ (NED). Mặc dù quỹ này lấy danh nghĩa là tổ chức phi lợi nhuận tư nhân, nhưng nguồn tiền chủ yếu được cấp phát thông qua Quốc hội Hoa Kỳ. Do đó, không ít tổ chức truyền thông gọi nó là “CIA thứ hai”. Theo thống kê, từ năm 1991 đến 2019, số tiền mà NED tài trợ cho các dự án ở Hồng Kông lên đến 13,64 triệu USD, trong đó mức tài trợ của các năm 1998, 2001, 2004, 2009, 2012, 2014, 2019 tăng rõ rệt. (2) Thông qua tài trợ của ông trùm truyền thông Lê Trí Anh - người sáng lập Tập đoàn truyền thông Next Digital Hồng Kông. Lê Trí Anh nhận được sự quan tâm của Hoa Kỳ sau khi đầu cơ kiếm lời ở Mianma, đã cung cấp tài chính duy trì quỹ đen chính trị cho 9 tổ chức và 14 nhân vật chính trị đối lập. Ba nhân vật khác trong “bè lũ 4 tên gây hại Hồng Kông” được Trung Quốc tổng kết bao gồm Trần Nhật Quân, Trần Phương An Sinh và Lý Trụ Minh cũng nhận tài trợ dài hạn của Lê Trí Anh, tổng cộng 9,8 triệu HKD [45].

Ba là, phong trào bạo loạn ở Hồng Kông hoàn toàn là hoạt động có chuẩn bị trước và có tổ chức. Trước mỗi lần xảy ra bạo loạn ở Hồng Kông trong năm 2019, phe phản đối đều đi vận động người dân thành phố xuống đường. Chẳng hạn như ngày 12/6/2019, họ kêu gọi mọi người bao vây Hội đồng Lập pháp, hỗ trợ việc “đấu tranh” và giúp đỡ người bị bắt giữ, đồng thời còn có thành viên của Hội đồng Lập pháp thuộc phe đối lập đến hiện trường dùng “uy thế quan chức” để gây áp lực đối với nhân viên cảnh sát... Tổ chức của các phân tử bạo lực cực đoan cũng rất nghiêm ngặt, mỗi lần hành động đều có người chuyên phụ trách việc cung ứng hậu cần, phát mũ bảo hiểm, mặt nạ cho những người đứng trước. Các cơ quan chức năng Hồng Kông chụp được ảnh ở trong tàu điện ngầm cho thấy, có người chuyên

⁵. Tức cảnh sát quân sự (BT).

phát tiền cho nhóm người “bất mãn với chính quyền”, theo đó những người “đi đầu” được nhận 3.000 HKD/ngày. Tại hiện trường biểu tình còn xuất hiện một số người nước ngoài khả nghi, họ giống như huấn luyện viên của giải đấu bóng rổ chuyên nghiệp nhà nghề Bắc Mỹ - NBA, trực tiếp giao nhiệm vụ cho nhóm người “bất mãn với chính quyền” này. Cơ quan chức năng Hồng Kông đã chụp được bức ảnh một người nước ngoài đứng ở bên đường đang thông qua phần mềm mạng xã hội để thông báo động thái của cảnh sát cho nhóm người “bất mãn với chính quyền”. Xét từ sự phân công trong giáo trình *CANVAS*, người nước ngoài này chính là người hướng dẫn của nhóm hỗ trợ, đứng tại hiện trường cùng các đối tượng khác trong nhóm để có thể huy động các phần tử bạo loạn bất cứ lúc nào. Một người nước ngoài khác cũng bị phát hiện liên tục xuất hiện ở hiện trường trong ba cuộc biểu tình quy mô lớn, bị chụp ảnh khi đang hò hét cùng nhóm người “bất mãn với chính quyền”, giống như đang chỉ huy. Bên cạnh đó, còn có một người nước ngoài trong diện tình nghi vì luôn có mặt ở hiện trường của các cuộc biểu tình, khi nhóm người “bất mãn với chính quyền” hành động thì anh ta đều đứng bên cạnh; khi nhóm người “bất mãn với chính quyền” nghỉ ngơi thì anh ta liền hóa thân thành “giảng viên”, nhóm thanh niên này hết sức chăm chú lắng nghe.

Ngoài ra, các đặc trưng khác của “cách mạng màu” như lấy khẩu hiệu đấu tranh “dân chủ, tự do, nhân quyền”, lấy thay đổi quan điểm chính trị của Chính phủ Trung ương và gây sức ép lên chính quyền Hồng Kông làm mục đích cơ bản; lợi dụng sự kiện bột phát để tạo nên phong trào chính trị đường phố; lợi dụng mâu thuẫn xã hội, thổi phồng dư luận, kích động, lừa dối, lôi kéo đông đảo quần chúng tham gia... cũng được thể hiện đầy đủ trong phong trào phản đối sửa đổi Dự luật dẫn độ, thông qua Luật an ninh quốc gia ở Hồng Kông.

Từ thực tiễn Hồng Kông có thể rút ra rằng, nguy cơ của một "cách mạng màu" không chỉ xuất phát từ sự can dự của các yếu tố bên ngoài mà còn bắt nguồn từ những hạn chế trong quản trị xã hội, những mâu thuẫn tích tụ trong nội bộ và khả năng các lực lượng bên ngoài khai thác các mâu thuẫn đó để thúc đẩy các mục tiêu chính trị. Vì vậy, việc phòng ngừa nguy cơ này không thể chỉ dựa vào các biện pháp an ninh, mà cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng nền tảng chính trị vững chắc, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, giải quyết kịp thời các vấn đề dân sinh,

tăng cường đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân đối với hệ thống chính trị.

Đối với Việt Nam, bài học quan trọng rút ra từ Hồng Kông là cần kiên định giữ vững ổn định chính trị, chủ động nhận diện và ứng phó từ sớm, từ xa với các nguy cơ có thể tác động đến an ninh quốc gia. Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị quốc gia theo hướng minh bạch, hiệu quả; giải quyết hài hòa các lợi ích xã hội; tăng cường năng lực dự báo chiến lược; chủ động đấu tranh với các hoạt động lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để kích động chia rẽ hoặc gây bất ổn xã hội. Cùng với đó, cần phát huy vai trò của công tác truyền thông, giáo dục chính trị, xây dựng sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, qua đó nâng cao sức đề kháng của hệ thống chính trị trước các tác động từ bên ngoài và những biến động phức tạp của môi trường địa - chính trị khu vực và quốc tế.

4.3.2.3. Bài học về chủ động ứng phó với tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đối với ổn định và phát triển đất nước.

Biến động chính trị tại Hồng Kông cho thấy, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, các vấn đề nội bộ của một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có thể nhanh chóng trở thành một nội dung của cạnh tranh địa - chính trị. Trường hợp Hồng Kông không chỉ phản ánh những mâu thuẫn trong quá trình thực hiện mô hình “một quốc gia, hai chế độ”, mà còn cho thấy sự đan xen giữa các yếu tố chính trị nội bộ với sự can dự và cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Điều này khiến Hồng Kông vượt ra khỏi phạm vi một vấn đề nội trị để trở thành một điểm nóng trong cấu trúc cạnh tranh chiến lược ở khu vực Đông Á [Brian C. H. Fong, 2022; Brian C. H. Fong, 2024].

Quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ đã chuyển từ hợp tác sang cạnh tranh chiến lược toàn diện trong hơn một thập niên qua, đặc biệt gia tăng dưới thời Tổng thống Donald Trump, tiếp tục kéo dài dưới thời Tổng thống Joe Biden và vẫn là xu hướng chủ đạo trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Donald Trump. Trong bối cảnh đó, Hồng Kông trở thành một trong những vấn đề nổi bật trong quan hệ giữa hai nước. Theo nhiều nhà phân tích, vấn đề Hồng Kông từ chỗ không phải là nhân tố gây căng

thăng lớn trong quan hệ Trung Quốc - Hoa Kỳ đã trở thành một nội dung quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc, khi Hoa Kỳ gia tăng các biện pháp gây sức ép đối với Bắc Kinh thông qua vấn đề Hồng Kông, còn Trung Quốc coi đây là sự can thiệp vào công việc nội bộ và kiên quyết thực hiện các biện pháp bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia [Steve Tsang, 2022; Brian C. H. Fong, 2022].

Một biểu hiện rõ nét của cạnh tranh chiến lược là việc Hoa Kỳ ban hành Đạo luật Tự trị Hồng Kông (Hong Kong Autonomy Act), chấm dứt nhiều chính sách ưu đãi dành cho đặc khu, đồng thời áp dụng các biện pháp hạn chế về thương mại, công nghệ và chế tài đối với một số quan chức Trung Quốc và Hồng Kông. Theo quan điểm của Trung Quốc, những động thái này vi phạm các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và là sự can thiệp trực tiếp vào công việc nội bộ của nước này. Đáp lại, Trung Quốc triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế sự can dự của các cơ quan và nhà ngoại giao Hoa Kỳ tại Hồng Kông, đồng thời tăng cường các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia sau khi Luật An ninh quốc gia được ban hành năm 2020. Những diễn biến đó cho thấy Hồng Kông đã trở thành một trong những điểm đối đầu trực tiếp trong cạnh tranh giữa hai cường quốc [Hong Kong Autonomy Act, 2020; Congressional Research Service, 2023].

Bên cạnh cạnh tranh về chính trị và pháp lý, Hồng Kông còn là địa bàn cạnh tranh về kinh tế, tài chính và truyền thông. Hoa Kỳ sử dụng các công cụ kinh tế nhằm gây sức ép đối với Trung Quốc thông qua việc điều chỉnh quy chế đặc biệt của Hồng Kông, trong khi Trung Quốc nỗ lực duy trì vai trò của đặc khu như một trung tâm tài chính quốc tế và cửa ngõ kết nối với nền kinh tế toàn cầu. Mặc dù nhiều ý kiến ở phương Tây cho rằng Luật An ninh quốc gia sẽ làm suy giảm vị thế của Hồng Kông, song cũng có những quan điểm cho rằng các tác động kinh tế của Luật này không hoàn toàn như dự báo, bởi vị thế thương mại quốc tế của Hồng Kông còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác như quy chế khu vực thuế quan độc lập của WTO, quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc với Liên minh châu Âu và sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn. Đáng chú ý, lập trường của Liên minh châu Âu đối với Hồng Kông có nhiều điểm khác với Hoa Kỳ khi chủ yếu dừng ở các tuyên bố chính trị, không áp dụng các biện pháp trừng phạt mạnh như Washington. Điều

này phản ánh sự khác biệt về lợi ích và cách tiếp cận của các chủ thể trong cạnh tranh chiến lược đối với Trung Quốc [Brian C. H. Fong, 2024; Congressional Research Service, 2023].

Từ thực tiễn Hồng Kông có thể rút ra rằng, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng mở rộng trên nhiều lĩnh vực, các vấn đề chính trị nội bộ có thể nhanh chóng bị quốc tế hóa và trở thành công cụ phục vụ lợi ích chiến lược của các chủ thể bên ngoài. Khi đó, một địa bàn có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế quan trọng không chỉ chịu tác động từ những mâu thuẫn nội tại mà còn phải đối mặt với sức ép ngày càng lớn từ sự đan xen lợi ích giữa các nước lớn. Do đó, việc giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm môi trường phát triển không chỉ phụ thuộc vào năng lực quản trị quốc gia mà còn gắn chặt với khả năng nhận diện, dự báo và ứng phó hiệu quả trước những biến động của môi trường chiến lược quốc tế [Brian C. H. Fong, 2022; Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021].

Đối với Việt Nam, bài học quan trọng rút ra từ trường hợp Hồng Kông là cần kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; không để đất nước bị cuốn vào cạnh tranh hoặc đối đầu giữa các nước lớn, đồng thời xử lý hài hòa quan hệ với các đối tác trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc. Cùng với đó, cần nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo chiến lược, theo dõi sát các xu hướng điều chỉnh chính sách của các nước lớn để chủ động xây dựng phương án ứng phó phù hợp; tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế và an ninh thông tin; phát huy vai trò của đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trong việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển, đồng thời giữ vững vai trò trung tâm của ASEAN và nâng cao vị thế của Việt Nam trong cấu trúc khu vực đang định hình [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021; Nguyễn Phú Trọng, 2023]

Nhìn rộng hơn, bài học từ Hồng Kông cho thấy trong bối cảnh cục diện khu vực và thế giới tiếp tục biến động nhanh chóng, năng lực giữ vững ổn định bên trong và chủ động thích ứng với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ trở thành một trong những yếu tố quyết định bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc gia. Đây cũng là yêu cầu có ý nghĩa lâu dài đối với Việt Nam trong quá

trình triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội XIII và Đại hội XIV của Đảng, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển đất nước với bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021].

4.3.3. Hàm ý chính sách đối với Việt Nam từ vấn đề Hồng Kông

Những kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy, vấn đề Hồng Kông không chỉ là một hiện tượng chính trị - pháp lý gắn với quá trình thực thi nguyên tắc “Một quốc gia, hai chế độ”, mà còn phản ánh sự tương tác phức tạp giữa các nhân tố nội trị, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và những biến đổi trong cấu trúc địa - chính trị khu vực Đông Á. Từ sau năm 2014, đặc biệt là sau các biến động năm 2019 và việc ban hành Luật an ninh quốc gia năm 2020, tác động của vấn đề Hồng Kông đã vượt ra khỏi phạm vi của một đặc khu hành chính, trở thành một nhân tố ảnh hưởng đến môi trường an ninh, kinh tế, đối ngoại và cục diện cạnh tranh chiến lược trong khu vực.

Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu trường hợp Hồng Kông không nhằm tìm kiếm một mô hình có thể vận dụng trực tiếp, bởi điều kiện lịch sử, thể chế chính trị và bối cảnh phát triển của hai bên có nhiều khác biệt. Giá trị tham khảo của trường hợp Hồng Kông nằm ở việc nhận diện những cơ chế tác động của các biến động chính trị đối với ổn định quốc gia, phát triển kinh tế và môi trường địa - chính trị khu vực, từ đó rút ra những bài học có ý nghĩa đối với quá trình hoạch định và thực thi chính sách trong điều kiện Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, đồng thời phải ứng phó với những tác động ngày càng sâu sắc của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của luận án, có thể thấy những hàm ý chính sách đối với Việt Nam không nên được hiểu đơn thuần là tập hợp các giải pháp xử lý một tình huống cụ thể, mà cần được tiếp cận như những định hướng có tính chiến lược, được rút ra từ cơ chế hình thành, phát triển và tác động của vấn đề Hồng Kông đối với biến đổi địa - chính trị Đông Á. Theo đó, các hàm ý chính sách dưới đây được xây dựng trên cơ sở tổng hợp những kết quả phân tích của luận án, đồng thời kế thừa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững độc lập, tự chủ, nâng cao năng lực quản trị

quốc gia và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Chúng không chỉ góp phần làm rõ ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu, mà còn là cơ sở tham khảo trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách của Việt Nam trước những biến động ngày càng phức tạp của môi trường khu vực và quốc

4.3.3.1. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội gắn với nâng cao năng lực quản trị quốc gia

Thứ nhất, chủ động phòng ngừa nguy cơ quốc tế hóa các vấn đề nội bộ

Một trong những kết quả nghiên cứu quan trọng của luận án là làm rõ cơ chế quốc tế hóa các vấn đề nội bộ thông qua trường hợp Hồng Kông. Thực tiễn cho thấy, các cuộc biểu tình và bất ổn chính trị tại Hồng Kông không chỉ phản ánh những mâu thuẫn kinh tế - xã hội và chính trị của đặc khu, mà trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ ngày càng gia tăng, đã nhanh chóng trở thành đối tượng can dự, diễn giải và khai thác của các chủ thể bên ngoài. Từ một vấn đề thuộc phạm vi quản trị nội bộ, Hồng Kông dần trở thành một điểm nóng địa - chính trị, tác động đến quan hệ giữa các nước lớn, môi trường an ninh khu vực và hình ảnh quốc tế của Trung Quốc. Điều này cho thấy, trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, ranh giới giữa vấn đề nội bộ và tác động bên ngoài ngày càng trở nên mờ nhạt; những bất ổn trong nước nếu không được xử lý kịp thời có thể nhanh chóng vượt khỏi phạm vi quản trị quốc gia và tạo ra những hệ lụy cả về chính trị, kinh tế và đối ngoại.

Đối với Việt Nam, giá trị tham khảo của trường hợp Hồng Kông không nằm ở sự tương đồng về điều kiện lịch sử hay thể chế, mà ở việc gợi mở yêu cầu nâng cao năng lực quản trị quốc gia nhằm phòng ngừa từ sớm, từ xa nguy cơ quốc tế hóa các vấn đề nội bộ. Điều này đòi hỏi hệ thống quản trị phải có khả năng nhận diện sớm các mâu thuẫn xã hội, xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở và hạn chế sự tích tụ của những bất cập có thể phát triển thành các điểm nóng chính trị - xã hội. Đặc biệt, đối với những lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, lao động, môi trường, an sinh xã hội hoặc các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, việc xây dựng cơ chế đối thoại thực chất, tăng cường tham vấn chính sách và nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, kiến nghị sẽ góp phần củng cố đồng thuận xã hội,

giảm thiểu nguy cơ để các vấn đề trong nước bị lợi dụng hoặc diễn giải theo những mục đích chính trị từ bên ngoài.

Một bài học đáng chú ý khác từ Hồng Kông là vai trò của không gian mạng và truyền thông số trong quá trình quốc tế hóa các vấn đề nội bộ. Sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng số đã làm thay đổi tốc độ lan truyền thông tin, mở rộng khả năng kết nối xuyên biên giới và tạo điều kiện để các sự kiện trong nước nhanh chóng thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế. Trong bối cảnh đó, năng lực truyền thông chiến lược cần được xem là một bộ phận cấu thành của năng lực quản trị quốc gia. Điều này không chỉ đặt ra yêu cầu cung cấp thông tin chính thống một cách kịp thời, minh bạch và nhất quán, mà còn đòi hỏi nâng cao năng lực phân tích, dự báo và định hướng truyền thông, góp phần hạn chế tác động của thông tin sai lệch, xuyên tạc hoặc các hoạt động gây ảnh hưởng từ bên ngoài. Đồng thời, việc nâng cao năng lực số, ý thức pháp luật và tư duy phản biện của người dân, nhất là thanh niên, sẽ góp phần tăng cường "sức chống chịu xã hội" trước các tác động của môi trường thông tin toàn cầu

Bên cạnh đó, nghiên cứu trường hợp Hồng Kông cũng cho thấy xử lý hiệu quả các vấn đề nội bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế không chỉ là yêu cầu của quản trị trong nước mà còn gắn chặt với công tác đối ngoại. Khi mọi diễn biến trong nước đều có khả năng thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, việc chủ động thông tin đối ngoại, giải thích kịp thời các chủ trương, chính sách và thực tiễn của Việt Nam sẽ góp phần hạn chế nguy cơ hiểu lầm hoặc bị lợi dụng trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Đồng thời, việc hoàn thiện khung khổ pháp lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật trong các lĩnh vực an ninh mạng, an ninh thông tin và các thách thức an ninh phi truyền thống cần được triển khai đồng bộ với cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, đối ngoại và bảo đảm an ninh quốc gia. Chỉ trên cơ sở đó, Việt Nam mới có thể nâng cao năng lực quản trị, chủ động kiểm soát các tác động từ bên ngoài, đồng thời duy trì môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Thứ hai, thực hiện phát triển bao trùm nhằm củng cố nền tảng ổn định chính trị - xã hội

Một trong những bài học có ý nghĩa lâu dài từ trường hợp Hồng Kông là ổn định chính trị - xã hội không thể chỉ được bảo đảm bằng các biện pháp quản lý hành chính hay kiểm soát an ninh, mà phải được xây dựng trên nền tảng của phát triển bao trùm và một hệ thống quản trị có khả năng dung hòa hiệu quả các lợi ích xã hội. Thực tiễn Hồng Kông cho thấy, mặc dù duy trì vị thế là một trong những trung tâm tài chính hàng đầu thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian dài, nhưng những hạn chế trong phân phối thành quả phát triển đã làm gia tăng các mâu thuẫn xã hội mang tính cấu trúc. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, giá nhà ở tăng cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ cùng với sự suy giảm cơ hội tiếp cận việc làm và an cư của thanh niên đã tạo ra tâm lý bất mãn kéo dài, trở thành một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến các đợt bất ổn chính trị trong giai đoạn 2014–2019.

Từ góc độ lý luận, trường hợp Hồng Kông cũng khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và ổn định chính trị - xã hội. Nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế chính trị đã chỉ ra rằng, khi thành quả tăng trưởng không được phân bổ hợp lý, niềm tin xã hội có xu hướng suy giảm và nguy cơ bất ổn gia tăng [Acemoglu & Robinson, 2012; Stiglitz, 2012]. Đặc biệt, đối với tầng lớp thanh niên, khoảng cách giữa kỳ vọng phát triển và khả năng tiếp cận các cơ hội về giáo dục, việc làm và nhà ở dễ dẫn đến tâm lý bất mãn, làm gia tăng nguy cơ xuất hiện các phong trào phản kháng trong điều kiện những mâu thuẫn xã hội không được giải quyết kịp thời. Điều đó cho thấy, phát triển bao trùm không chỉ là mục tiêu kinh tế - xã hội mà còn là điều kiện quan trọng để duy trì đồng thuận xã hội và củng cố tính chính danh của hệ thống quản trị.

Đối với Việt Nam, bài học rút ra không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, mà quan trọng hơn là bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững, việc thực hiện quan điểm "không để ai bị bỏ lại phía sau" cần tiếp tục được coi là định hướng chiến lược nhằm củng cố nền tảng ổn định chính trị - xã hội. Điều này đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa

tăng; mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, việc làm và các dịch vụ công cơ bản; phát triển chính sách nhà ở phù hợp với khả năng chi trả của người thu nhập trung bình và thấp, đặc biệt là thanh niên; đồng thời tạo điều kiện để lực lượng lao động trẻ nâng cao kỹ năng, thích ứng với quá trình chuyển đổi số và những thay đổi của thị trường lao động. Những chính sách này không chỉ góp phần giảm thiểu bất bình đẳng, mà còn củng cố niềm tin xã hội, tăng cường sự gắn kết giữa Nhà nước và người dân, qua đó nâng cao sức chống chịu của xã hội trước những tác động từ bên ngoài.

Từ thực tiễn Hồng Kông có thể thấy, ổn định chính trị - xã hội chỉ thực sự bền vững khi được xây dựng trên cơ sở đồng thuận xã hội và sự chia sẻ tương đối công bằng các thành quả phát triển. Vì vậy, phát triển bao trùm không chỉ là một mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là một giải pháp chiến lược nhằm phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ bất ổn, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường năng lực quản trị quốc gia và tạo nền tảng vững chắc cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Thứ ba, nâng cao năng lực quản trị đối với các lĩnh vực nhạy cảm trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Một bài học quan trọng từ trường hợp Hồng Kông là các lĩnh vực nhạy cảm như tôn giáo, nhân quyền, dân tộc hay quyền công dân không chỉ là những vấn đề thuộc phạm vi quản trị trong nước, mà trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế còn có thể trở thành đối tượng thu hút sự quan tâm, diễn giải và tác động của các chủ thể bên ngoài. Thực tiễn Hồng Kông cho thấy, khi các vấn đề này không được quản trị hiệu quả, thiếu cơ chế đối thoại và truyền thông phù hợp, chúng rất dễ bị quốc tế hóa, làm gia tăng sức ép đối với môi trường chính trị và đối ngoại của quốc gia.

Đối với Việt Nam, bài học rút ra không phải là hạn chế sự tham gia của các chủ thể xã hội, mà là tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị các lĩnh vực nhạy cảm theo hướng công khai, minh bạch, đối thoại và dự báo sớm. Điều này đòi hỏi xây dựng cơ chế tham vấn thường xuyên giữa Nhà nước với các tổ chức tôn giáo hợp pháp, kịp thời nắm bắt những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng

cường đồng thuận xã hội. Song song với đó là việc nâng cao năng lực phân tích, nhận diện sớm các nguy cơ an ninh phi truyền thống, nhất là các biểu hiện lợi dụng không gian mạng hoặc các hoạt động xuyên biên giới để tác động đến các lĩnh vực nhạy cảm.

Kinh nghiệm của Singapore cũng cho thấy, quản trị hiệu quả các vấn đề tôn giáo không chỉ dựa trên hệ thống pháp luật rõ ràng mà còn trên cơ chế đối thoại, tham vấn và truyền thông chính sách minh bạch. Việc duy trì khuôn khổ pháp lý thống nhất, áp dụng bình đẳng đối với các tổ chức tôn giáo, cùng với cơ chế cảnh báo sớm và xử lý kịp thời các tình huống nhạy cảm đã góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh xung đột, đồng thời giảm thiểu khả năng các vấn đề nội bộ bị diễn giải hoặc lợi dụng cho những mục đích chính trị từ bên ngoài. Đây là những kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình tiếp tục hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước đối với lĩnh vực tôn giáo trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Từ góc độ rộng hơn, bài học của Hồng Kông cho thấy hiệu quả quản trị các lĩnh vực nhạy cảm cần được đánh giá không chỉ ở khả năng duy trì ổn định xã hội trước mắt, mà còn ở năng lực củng cố niềm tin của người dân, tăng cường đồng thuận xã hội và bảo đảm môi trường chính trị ổn định cho phát triển lâu dài. Đây cũng là một nội dung quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực quản trị quốc gia, góp phần tăng cường sức chống chịu của Việt Nam trước những tác động ngày càng phức tạp của môi trường khu vực và quốc tế.

Thứ tư, tăng cường năng lực tự chủ chiến lược và sức chống chịu quốc gia trước cạnh tranh giữa các nước lớn

Một trong những kết quả nổi bật của luận án là làm rõ sự đan xen ngày càng chặt chẽ giữa các vấn đề chính trị nội bộ với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong bối cảnh địa - chính trị khu vực Đông Á biến đổi sâu sắc. Trường hợp Hồng Kông cho thấy, khi những bất ổn trong nước kéo dài và không được kiểm soát hiệu quả, chúng có thể nhanh chóng trở thành một bộ phận của cạnh tranh địa - chính trị, làm gia tăng sức ép từ bên ngoài đối với môi trường an ninh và phát triển của quốc gia. Điều này cho thấy, bảo đảm ổn định chính trị không chỉ là yêu cầu

của quản trị trong nước mà còn là điều kiện quan trọng để duy trì năng lực tự chủ chiến lược trong quan hệ quốc tế.

Từ góc độ đó, bài học rút ra đối với Việt Nam là cần tiếp tục nâng cao sức chống chịu của quốc gia trước các tác động từ môi trường bên ngoài thông qua việc củng cố đồng thuận xã hội, tăng cường hiệu quả quản trị và chủ động kiểm soát các nguy cơ phát sinh trong quá trình hội nhập. Đặc biệt, trong bối cảnh không gian mạng, các tổ chức xuyên quốc gia và các dòng thông tin xuyên biên giới ngày càng tác động mạnh đến đời sống chính trị - xã hội, việc nâng cao năng lực quản trị xã hội, hoàn thiện cơ chế đối thoại, quản lý minh bạch các hoạt động hợp tác quốc tế và tăng cường năng lực bảo đảm an ninh mạng có ý nghĩa quan trọng nhằm hạn chế nguy cơ các vấn đề trong nước bị lợi dụng hoặc bị lồng ghép vào cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

Trên phương diện đối ngoại, thực tiễn Hồng Kông cũng cho thấy các quốc gia và vùng lãnh thổ có vị trí địa - chiến lược quan trọng thường chịu tác động trực tiếp từ cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; kiên định nguyên tắc bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, cần tiếp tục phát huy hiệu quả trường phái đối ngoại và ngoại giao "Cây tre Việt Nam", duy trì quan hệ cân bằng với các nước lớn, tránh bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược hoặc rơi vào tình trạng phụ thuộc đối với bất kỳ một đối tác nào.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò tại các cơ chế hợp tác đa phương, đặc biệt là ASEAN và các diễn đàn khu vực, sẽ góp phần mở rộng không gian chiến lược, tăng cường khả năng cân bằng lợi ích giữa các đối tác và giảm thiểu nguy cơ rơi vào thế bị động trước những biến động của môi trường quốc tế. Thực tiễn Hồng Kông cho thấy, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng phức tạp, năng lực tự chủ chiến lược không chỉ được quyết định bởi tiềm lực quốc gia, mà còn bởi khả năng chủ động định vị vai trò, mở rộng quan hệ đối ngoại và xử lý linh hoạt các quan hệ lợi ích trong một môi trường địa - chính trị luôn biến động. Đây cũng là yêu

cầu quan trọng để Việt Nam vừa giữ vững môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển, vừa nâng cao vị thế và vai trò trong cấu trúc khu vực đang định hình.

Thứ năm, nâng cao năng lực dự báo chiến lược và chủ động thích ứng với các biến động của môi trường khu vực và quốc tế

Một bài học có ý nghĩa chiến lược từ trường hợp Hồng Kông là năng lực dự báo và khả năng chủ động thích ứng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả quản trị quốc gia. Thực tiễn cho thấy, việc chậm nhận diện các nguy cơ về chính trị, xã hội, tư tưởng và truyền thông đã khiến chính quyền Hồng Kông nhiều thời điểm rơi vào trạng thái bị động, chủ yếu phản ứng trước các diễn biến đã hình thành, làm gia tăng chi phí chính trị, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh không gian số phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh địa - chính trị ngày càng phức tạp, tốc độ lan truyền của các sự kiện và thông tin thường vượt xa tốc độ điều chỉnh chính sách. Điều đó cho thấy năng lực dự báo không chỉ là yêu cầu về mặt kỹ thuật, mà là một bộ phận cấu thành của năng lực quản trị quốc gia hiện đại.

Đối với Việt Nam, bài học rút ra là cần tiếp tục nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo chiến lược nhằm nhận diện sớm những xu hướng mới của môi trường khu vực và quốc tế, đặc biệt là các tác động gián tiếp từ cạnh tranh giữa các nước lớn, sự phát triển của công nghệ số, các thách thức an ninh phi truyền thống và những biến động trong dư luận xã hội. Việc xây dựng các kịch bản ứng phó đối với những tình huống có thể phát sinh sẽ góp phần nâng cao tính chủ động trong hoạch định và điều hành chính sách, hạn chế nguy cơ bị động trước những biến động bất ngờ của môi trường quốc tế.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm từ Hồng Kông cho thấy dự báo chiến lược chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi gắn với cơ chế phối hợp liên ngành và khả năng điều chỉnh chính sách một cách linh hoạt. Điều này đòi hỏi tăng cường sự phối hợp giữa các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và truyền thông trong quá trình phân tích, đánh giá tình hình và xử lý các vấn đề phát sinh. Một hệ thống quản trị có khả năng dự báo sớm, phản ứng nhanh và điều chỉnh kịp thời sẽ góp phần duy trì thế chủ động trong quản trị quốc gia, nâng cao sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, đồng thời tạo lập môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước trong dài hạn.

Có thể thấy, những bài học rút ra từ trường hợp Hồng Kông cho thấy, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế không chỉ là yêu cầu của quản trị trong nước mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực tự chủ chiến lược và củng cố vị thế quốc gia. Điều này đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa phát triển bao trùm, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản trị các lĩnh vực nhạy cảm, tăng cường sức chống chịu trước các tác động từ bên ngoài và chủ động dự báo, thích ứng với những biến động của môi trường khu vực và quốc tế. Đây chính là những hàm ý có ý nghĩa chiến lược mà luận án rút ra từ nghiên cứu trường hợp Hồng Kông đối với quá trình phát triển và hội nhập của Việt Nam trong giai đoạn mới.

4.3.3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia gắn với tận dụng quá trình tái cấu trúc không gian kinh tế khu vực

Thứ nhất, chủ động tận dụng quá trình tái cấu trúc mạng lưới trung tâm tài chính khu vực

Một trong những tác động đáng chú ý của những biến động chính trị tại Hồng Kông là sự điều chỉnh từng bước vai trò của các trung tâm tài chính trong khu vực Đông Á. Mặc dù Hồng Kông vẫn duy trì vị thế là một trung tâm tài chính quốc tế quan trọng, song những thay đổi trong môi trường chính trị và quản trị đã thúc đẩy nhiều doanh nghiệp, quỹ đầu tư và tổ chức tài chính thực hiện chiến lược đa dạng hóa địa điểm hoạt động nhằm phân tán rủi ro. Quá trình này không làm thay đổi ngay vị thế của Hồng Kông, nhưng đã tạo ra xu hướng phân bổ lại một số dòng vốn, dịch vụ tài chính và hoạt động quản trị khu vực sang các trung tâm khác như Singapore và một số đô thị có điều kiện phát triển phù hợp.

Từ góc độ nghiên cứu của luận án, đây không chỉ là sự dịch chuyển mang tính ngắn hạn mà phản ánh xu hướng tái cấu trúc không gian tài chính khu vực dưới tác động đồng thời của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu và yêu cầu đa dạng hóa điểm đến đầu tư. Xu hướng này mở ra cơ hội để các nền kinh tế có môi trường chính trị ổn định, thể chế ngày càng hoàn thiện và khả năng hội nhập cao từng bước nâng cao vị thế trong mạng lưới tài chính khu vực.

Đối với Việt Nam, bài học rút ra không phải là hướng tới thay thế vai trò của Hồng Kông, mà là chủ động nắm bắt những cơ hội mới do quá trình tái cấu trúc khu vực mang lại. Điều này đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính theo hướng minh bạch, ổn định và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế; phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường chứng khoán và các dịch vụ tài chính hiện đại; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hạ tầng số và môi trường đầu tư nhằm gia tăng sức hấp dẫn đối với các định chế tài chính quốc tế. Những điều kiện này sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút dòng vốn chất lượng cao và mở rộng vai trò trong mạng lưới tài chính khu vực.

Trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai định hướng xây dựng trung tâm tài chính quốc tế và khu vực, kinh nghiệm từ Hồng Kông cũng cho thấy lợi thế cạnh tranh không chỉ được quyết định bởi quy mô kinh tế hay ưu đãi chính sách, mà còn phụ thuộc vào chất lượng thể chế, tính ổn định của môi trường đầu tư, khả năng bảo đảm an toàn pháp lý và mức độ kết nối với thị trường tài chính toàn cầu. Vì vậy, việc xây dựng các trung tâm tài chính tại Việt Nam cần được đặt trong chiến lược phát triển dài hạn, dựa trên nền tảng cải cách thể chế, đổi mới quản trị và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thay vì chỉ hướng tới thu hút dòng vốn trong ngắn hạn.

Thứ hai, nâng cao vai trò của Việt Nam trong mạng lưới logistics và chuỗi cung ứng khu vực

Một trong những xu hướng nổi bật được luận án chỉ ra là những biến động tại Hồng Kông, cùng với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và quá trình điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu, đang thúc đẩy sự phân bố lại các hoạt động sản xuất, logistics và dịch vụ hỗ trợ trong khu vực Đông Á. Mặc dù Hồng Kông vẫn giữ vai trò quan trọng trong thương mại và tài chính quốc tế, song một số chức năng trung chuyển, quản trị chuỗi cung ứng và dịch vụ hậu cần đã có xu hướng dịch chuyển hoặc phân tán sang các địa điểm khác nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng tính linh hoạt của mạng lưới sản xuất khu vực.

Đối với Việt Nam, đây là cơ hội để từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, lợi thế này không tự hình thành mà phụ thuộc vào khả năng cải thiện môi trường đầu tư, chất lượng kết cấu hạ tầng và năng

lực kết nối giữa các phương thức vận tải. Do đó, cần tiếp tục phát triển hệ thống cảng biển, logistics, hạ tầng số và các trung tâm phân phối theo hướng đồng bộ, hiện đại; tăng cường kết nối giữa các vùng kinh tế trọng điểm với các hành lang kinh tế và mạng lưới vận tải quốc tế; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ logistics nhằm giảm chi phí giao dịch và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bên cạnh phát triển hạ tầng, Việt Nam cũng cần chủ động tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng có giá trị gia tăng cao thông qua thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ. Điều này đòi hỏi sự phối hợp giữa chính sách công nghiệp, thương mại, đầu tư và phát triển nguồn nhân lực để không chỉ tiếp nhận sự dịch chuyển của doanh nghiệp, mà còn từng bước nâng cao năng lực tham gia vào các khâu có giá trị cao hơn trong chuỗi sản xuất khu vực.

Từ thực tiễn Hồng Kông có thể thấy, lợi thế cạnh tranh của một nền kinh tế không chỉ được quyết định bởi vị trí địa lý mà còn bởi chất lượng kết nối hạ tầng, hiệu quả logistics và năng lực điều phối chuỗi cung ứng. Vì vậy, việc phát triển hệ thống logistics hiện đại cần được xem là một trong những điều kiện quan trọng để Việt Nam tận dụng hiệu quả quá trình tái cấu trúc kinh tế khu vực, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và tăng cường khả năng chống chịu trước các biến động của môi trường kinh tế quốc tế.

Thứ ba, phát triển các trung tâm kinh tế và không gian phát triển đặc thù trên nền tảng thể chế hiện đại

Một trong những bài học quan trọng từ trường hợp Hồng Kông là lợi thế cạnh tranh của một trung tâm kinh tế quốc tế không chỉ được quyết định bởi vị trí địa lý hay quy mô thị trường, mà trước hết phụ thuộc vào chất lượng thể chế, hiệu quả quản trị và mức độ hội nhập với mạng lưới kinh tế toàn cầu. Chính môi trường pháp lý ổn định, tính minh bạch của chính sách, khả năng bảo vệ quyền tài sản và sự thuận lợi trong hoạt động kinh doanh đã tạo nên sức hấp dẫn của Hồng Kông trong nhiều thập kỷ. Ngược lại, khi môi trường chính trị và quản trị xuất hiện những biến động, lợi thế cạnh tranh cũng chịu những tác động nhất định, tạo điều kiện cho quá trình phân bổ lại một số hoạt động kinh tế trong khu vực.

Đối với Việt Nam, xu hướng này đặt ra yêu cầu tiếp tục phát triển các trung tâm kinh tế và các không gian phát triển đặc thù trên cơ sở cải cách thể chế và đổi mới mô hình quản trị. Việc xây dựng các trung tâm tài chính, khu thương mại tự do hoặc các khu kinh tế có tính cạnh tranh quốc tế cần được triển khai theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước, bảo đảm sự đồng bộ giữa thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực kết nối quốc tế. Trong đó, các đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng cùng các khu vực có lợi thế về vị trí địa kinh tế có thể từng bước phát huy vai trò là các cực tăng trưởng mới, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tăng cường khả năng kết nối với các mạng lưới kinh tế khu vực và toàn cầu.

Bài học từ Hồng Kông cũng cho thấy việc phát triển các trung tâm kinh tế quốc tế cần được đặt trong một chiến lược tổng thể về phát triển quốc gia, tránh tư duy cạnh tranh đơn lẻ giữa các địa phương hoặc chạy theo các ưu đãi ngắn hạn. Điều quan trọng hơn là xây dựng được môi trường đầu tư ổn định, thể chế minh bạch, nguồn nhân lực có trình độ cao và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đủ sức thu hút các dòng vốn, doanh nghiệp và dịch vụ chất lượng cao. Đây mới là nền tảng tạo nên sức cạnh tranh bền vững trong bối cảnh các trung tâm kinh tế khu vực đang tiếp tục điều chỉnh vai trò và chức năng dưới tác động của những biến động địa - chính trị và địa - kinh tế.

Tóm lại, từ những biến động của Hồng Kông có thể thấy quá trình tái cấu trúc không gian kinh tế khu vực vừa tạo ra những thách thức mới, vừa mở ra cơ hội để Việt Nam nâng cao vị thế trong mạng lưới kinh tế khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, việc tận dụng các cơ hội này không phụ thuộc vào sự dịch chuyển của các dòng vốn hay doanh nghiệp, mà trước hết phụ thuộc vào năng lực cải cách thể chế, chất lượng quản trị, sức cạnh tranh của nền kinh tế và khả năng xây dựng các không gian phát triển hiện đại, có mức độ kết nối quốc tế cao. Đây cũng là định hướng có ý nghĩa chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trong bối cảnh cấu trúc kinh tế khu vực đang tiếp tục biến đổi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Chương 4 đã tập trung phân tích những tác động của vấn đề Hồng Kông đối với Trung Quốc, khu vực Đông Á và Việt Nam trên cả phương diện chính trị, kinh tế và địa - chính trị. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu ở các chương trước, chương đã làm rõ rằng những biến động chính trị tại Hồng Kông không chỉ tạo ra những hệ quả đối với quá trình quản trị và phát triển của đặc khu này cũng như của Trung Quốc, mà còn góp phần thúc đẩy những điều chỉnh trong môi trường địa - chính trị và địa - kinh tế khu vực Đông Á dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Qua đó, luận án khẳng định vấn đề Hồng Kông đã vượt ra ngoài phạm vi một vấn đề nội bộ của Trung Quốc để trở thành một nhân tố có ảnh hưởng nhất định đến môi trường an ninh, phát triển và quan hệ quốc tế của khu vực.

Kết quả nghiên cứu của Chương 4 cho thấy, tác động của vấn đề Hồng Kông diễn ra theo nhiều cấp độ và có tính chất đan xen. Đối với Trung Quốc, những biến động tại Hồng Kông vừa đặt ra những thách thức đối với việc duy trì ổn định chính trị, hoàn thiện mô hình quản trị theo nguyên tắc "Một quốc gia, hai chế độ", vừa tác động đến môi trường đầu tư, vị thế của Hồng Kông với tư cách là trung tâm tài chính quốc tế và hình ảnh đối ngoại của Trung Quốc. Đối với khu vực Đông Á, những biến động này phản ánh rõ sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa các vấn đề chính trị nội bộ với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình điều chỉnh cấu trúc địa - chính trị, dịch chuyển một bộ phận dòng vốn, chuỗi cung ứng và các hoạt động kinh tế trong khu vực. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy những tác động đó không làm thay đổi căn bản cấu trúc địa - chính trị Đông Á, mà chủ yếu làm gia tăng tính phức tạp, mức độ cạnh tranh và tốc độ điều chỉnh của môi trường khu vực.

Trên cơ sở những phát hiện nghiên cứu đó, luận án đã đề xuất hai nhóm hàm ý chính sách chủ yếu đối với Việt Nam. *Thứ nhất*, giữ vững ổn định chính trị - xã hội gắn với nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thông qua việc chủ động phòng ngừa nguy cơ quốc tế hóa các vấn đề nội bộ, thúc đẩy phát triển bao trùm, nâng cao hiệu quả quản trị các lĩnh vực nhạy cảm, tăng cường năng lực tự chủ chiến lược và nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động thích ứng với những biến động của

môi trường khu vực và quốc tế. *Thứ hai*, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia gắn với tận dụng quá trình tái cấu trúc không gian kinh tế khu vực, thông qua phát triển các trung tâm tài chính, logistics, chuỗi cung ứng và các không gian phát triển đặc thù trên nền tảng cải cách thể chế, đổi mới quản trị và hội nhập quốc tế sâu rộng. Hai nhóm hàm ý này được xây dựng trực tiếp từ các kết quả nghiên cứu của luận án, đồng thời phù hợp với yêu cầu bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trong bối cảnh khu vực tiếp tục biến đổi.

KẾT LUẬN

Biến động chính trị tại Hồng Kông phản ánh sự va chạm phức tạp giữa các yếu tố thể chế, xã hội và kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Từ một trung tâm tài chính - thương mại năng động hàng đầu châu Á, Hồng Kông đã phải đối mặt với làn sóng bất ổn chính trị sâu rộng, cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa ổn định chính trị, niềm tin thị trường và năng lực quản trị quốc gia. Việc phân tích nguyên nhân, tác động và bài học từ trường hợp này mang lại giá trị thực tiễn quan trọng cho Việt Nam, đặc biệt trong tiến trình hoàn thiện thể chế chính trị và bảo đảm phát triển bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, vấn đề Hồng Kông không chỉ là một vấn đề chính trị nội bộ của Trung Quốc mà còn là một hiện tượng địa - chính trị có tác động vượt ra ngoài phạm vi của một đặc khu hành chính. Bản chất của vấn đề Hồng Kông là sự tương tác giữa các nhân tố nội sinh và ngoại sinh, trong đó các mâu thuẫn về thể chế, kinh tế - xã hội, bản sắc chính trị và mô hình “Một quốc gia, hai chế độ” đan xen với tác động của toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Chính sự kết hợp này đã làm cho vấn đề Hồng Kông mang tính quốc tế hóa ngày càng rõ nét và trở thành một nhân tố ảnh hưởng đến môi trường chính trị, an ninh của khu vực Đông Á.

Những biến động tại Hồng Kông đã góp phần thúc đẩy quá trình điều chỉnh địa - chính trị và địa - kinh tế khu vực thông qua sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự điều chỉnh chính sách của nhiều quốc gia, sự dịch chuyển một phần dòng vốn, chuỗi cung ứng và vai trò của các trung tâm tài chính trong khu vực. Tuy nhiên, vấn đề Hồng Kông không làm thay đổi căn bản cấu trúc địa - chính trị Đông Á, mà là một trong những nhân tố thúc đẩy quá trình biến đổi địa - chính trị khu vực trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và những biến động của môi trường quốc tế.

Từ kết quả nghiên cứu, luận án rút ra rằng xu hướng phát triển của Hồng Kông trong thời gian tới là tiếp tục ổn định hóa về chính trị, hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng tăng cường vai trò và sự quản lý của Chính phủ Trung ương Trung Quốc, đồng thời tái định vị vai trò của Hồng Kông trong kết nối với các trung

tâm phát triển khác của Trung Quốc. Đồng thời, Hồng Kông vẫn sẽ là một trong các tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc với Mỹ và các nước phương Tây, từ đó sẽ tiếp tục có tác động đến môi trường địa - chính trị khu vực Đông Á.

Đối với Việt Nam, các bài học rút ra từ kinh nghiệm Hồng Kông có ý nghĩa sâu sắc trên nhiều phương diện.

Trước hết, việc duy trì ổn định chính trị - xã hội cần được xem là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển quốc gia. Ổn định không chỉ giúp củng cố niềm tin của người dân, mà còn là điều kiện tiên quyết để thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế. Song song với đó, Việt Nam cần chú trọng phát triển năng lực quản trị hiện đại, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng phản ứng nhanh của bộ máy nhà nước. Một hệ thống quản trị có khả năng lắng nghe, đối thoại và dự báo sớm biến động xã hội sẽ giúp ngăn ngừa các mâu thuẫn tiềm ẩn và giữ vững trật tự ổn định.

Bài học thứ hai là chú trọng phát triển bao trùm và công bằng xã hội. Kinh nghiệm Hồng Kông cho thấy sự chênh lệch thu nhập, bất bình đẳng cơ hội và sức ép sinh kế dễ trở thành điểm khởi phát bất ổn chính trị. Việt Nam cần kiên định mục tiêu tăng trưởng đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, cải thiện chính sách phúc lợi, giáo dục, nhà ở và việc làm cho thanh niên, qua đó củng cố lòng tin vào hệ thống chính trị.

Bài học thứ ba là tận dụng cơ hội từ sự dịch chuyển kinh tế khu vực nhưng kiểm soát chặt rủi ro tài chính. Khi Hồng Kông suy giảm vai trò trung tâm tài chính, dòng vốn và doanh nghiệp quốc tế có xu hướng tìm đến những môi trường ổn định hơn. Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này bằng việc phát triển thị trường vốn, nâng cấp khuôn khổ pháp lý, và xây dựng các trung tâm dịch vụ tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Đà Nẵng. Tuy nhiên, việc thu hút vốn cần đi kèm với cơ chế giám sát nghiêm ngặt, bảo đảm minh bạch, chống rửa tiền và ngăn ngừa luồng vốn đầu cơ ngắn hạn gây bất ổn vĩ mô.

Cuối cùng, duy trì cân bằng chiến lược trong quan hệ đối ngoại và tăng cường “sức đề kháng thể chế” là điều kiện bảo đảm cho Việt Nam phát triển bền vững. Trong môi trường khu vực đang biến động, chính sách đối ngoại độc lập, tự

chủ và đa phương hóa sẽ giúp Việt Nam vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa tránh bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn. Đồng thời, cần phát huy sức mạnh nội sinh của xã hội, củng cố lòng yêu nước, niềm tin vào thể chế và đồng thời tăng cường khả năng phản bác thông tin sai lệch trên không gian mạng - yếu tố từng bị lợi dụng để kích động bất ổn tại Hồng Kông./.

Những biến động mới của Hồng Kông cũng như sự vận động của cục diện khu vực Đông Á sẽ tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn trong thời gian tới. Đặc biệt cần thiết nghiên cứu thêm các bài học từ Hồng Kông để thực hiện phát triển thành công các trung tâm tài chính mới của Việt Nam./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Trần Thọ Quang, Trần Thị Thanh Tâm (2021), “Vấn đề Hồng Kông hiện nay và tác động”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (224) (T12/2021), tr. 33-46
2. Tran Thi Thanh Tam (2024), “The Dynamics of security and political situation in the Asia -Pacific and Southeast Asia region in the first three decades of 21st century and its impact on Viet Nam”, *International conference proceedings: New study and findings in Vietnamese politics and international politics*, Vietnam National University, Hanoi, University of social sciences and humanities, pp. 270-278
3. Tran Thi Thanh Tam (2025), “Hong Kong's role in China's development: Analysis and some policy connections with Viet Nam”, *The third international conference on issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University, Hanoi, University of Social Sciences and Humanities, Vol.1, pp. 413- 425

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Tuấn Anh (2025), “Hình thành một đầu mối thu hút vốn quốc tế hiệu quả hơn”, Báo nhân dân điện tử, ngày 22/9/2025, <https://nhandan.vn/hinh-thanh-mot-dau-moi-thu-hut-von-quoc-te-hieu-qua-hon-post909188.html>.
2. Anthony B. Chan (2017), *Lý Gia Thành - “Ông chủ của những ông chủ” trong giới kinh doanh Hồng Kông*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 16 -20, tr. 45- 55, tr. 175- 180.
3. Báo Liên hợp buổi sáng (Hồng Kông) (2021), “Liệu Hồng Kông (Trung Quốc) có tái bùng phát làn sóng di cư mới”, ngày 05/7/2021.
4. Báo Liên hợp buổi sáng (Hồng Kông) (2021), “Nguy cơ thất thoát nhân tài tại Hồng Kông (Trung Quốc) 5 năm tới”, ngày 15/3/2021.
5. Nguyễn Kim Bảo (1998), “Đầu tư trực tiếp của Hồng Kông vào nội địa Trung Quốc và triển vọng của nó sau năm 1997”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (4), tr. 61- 66.
6. Tiền Ích Bích, Vương Việt (2003), “Hiện trạng và triển vọng hợp tác tài chính và tiền tệ giữa Hồng Kông và Đại lục”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (4), tr. 60 - 67.
7. Claremnt (2021), “Đàn áp Hồng Kông - Trung Quốc sẽ bị “gậy ông đập lưng ông?” (Bản dịch của Thông tấn xã Việt Nam), Project-syndicate.org, California, ngày 10/3/2021, <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5330161>.
8. Hồ Châu (1997), “Hồng Kông sau tháng 7-1997 niềm vui, nỗi lo”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (3), tr. 54 -58.
9. Vương Kiến Dân (2007), “Hồng Kông - Thành tựu và những vấn đề cần suy nghĩ sau 10 năm trở về Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (5), tr. 67 - 73
10. Vũ Thùy Dương (Chủ biên) (2013), *Quan hệ “hai bờ, bốn bên” trong quá trình trở dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Trần Đa (2000), “Kinh tế Hồng Kông - Từ điều chỉnh đến phục hồi và chuyển đổi mô hình”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (6), tr. 63-69.
12. Thế Đoàn (2025), “Giải ngân vốn FDI 5 tháng đạt 8,9 tỷ USD cao nhất 5 năm qua”, Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, ngày 6-6-2025, <https://kinhtetrunguoc.vn/kinh-te/kinh-tet-vi-mo/giai-ngan-von-fdi-5-thang-dat-8-9-ty-usd-cao-nhat-5-nam-qua.html>
13. Joe Studwell (2018), *Những bố già châu Á: Tiền bạc và quyền lực ở Hồng Kông và Đông Nam Á*, NXB Thế giới, Hà Nội.
14. Lê Thu Hà (1996), “Vài nét về chiến lược xuất khẩu của Hồng Kông”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (2).
15. Đào Minh Hồng - Lê Hồng Hiệp (chủ biên) (2013), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Khoa QHQT - Đại học KHXH&NV TP HCM.
16. Phùng Thị Huệ (2010), *Hồng Kông mười năm trở về Trung Quốc - Thực trạng và triển vọng*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
17. Uyên Hương (2024), “Mở rộng cơ hội hợp tác thương mại Việt Nam - Hong Kong (Trung Quốc)”, Báo Tin Tức, Việt Nam. <https://baotintuc.vn/kinh-te>, truy cập ngày 02/11/2025.
18. Dương Văn Huy (2023), “Nguy cơ “bẫy địa - chính trị” ở khu vực Đông Nam Á và hàm ý đối với Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 22-11-2023, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/836302/nguy-co-%E2%80%9Cbay-dia---chinh-tri%E2%80%9D-o-khu-vuc-dong-nam-a-va-ham-y-doi-voi-viet-nam.aspx>
19. An Huy (2025), “Biến động địa - chính trị có thể ảnh hưởng mạnh đến kinh tế thế giới năm 2025”, Báo điện tử VnEconomic, ngày 30-12-2024, <https://vneconomy.vn/bien-dong-dia-chinh-tri-co-the-anh-huong-manh-den-kinh-te-the-gioi-nam-2025.htm>
20. Mạc Luyện, Thạch Bình, Xuân Vịnh (2023), “Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - Hồng Kông (Trung Quốc)”, Báo Tin Tức, Việt Nam. <https://baotintuc.vn/thoi-su>, truy cập ngày 03/11/2025.

21. Văn Thị Thanh Mai (2013), “Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông và tình bạn thủy chung Hồ Chí Minh - Loseby”, Bộ Quốc phòng, Việt Nam.
<https://bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/1723>, truy cập ngày 02/11/2025.
22. Lê Văn Mỹ (Chủ biên) (2020), *Trung Quốc và Mỹ với an ninh Đông Á từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc: Tác động và dự báo*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Minh báo (Trung Quốc) (2020), “Hồng Kông đang đánh mất sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài do bất ổn chính trị?”, ngày 08/12/2020.
24. Minh báo (Trung Quốc) (2021), “Cách giải quyết những mâu thuẫn Hồng Kông”, ngày 24/02/2021.
25. Hoàng Khắc Nam (2013), “Chủ nghĩa tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN* (29), Số 1, tr. 17-26.
26. Hoàng Khắc Nam (2018), “Cấu trúc trong quan điểm của Chủ nghĩa hiện thực mới: Từ xã hội học tới Kenneth Waltz”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 7.2018.
27. Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 30-12-2022, của Bộ Chính trị, “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố HCM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
28. Nguyễn Huy Quý (1996), “Hồng Kông trước ngày Trung Quốc khôi phục chủ quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (5), tr. 65-69.
29. Nguyễn Huy Quý (1997), “Những dự đoán về triển vọng Hồng Kông sau ngày chuyển giao chủ quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (3), tr. 47 -53.
30. Nguyễn Trần Quế (1995), “Hồng Kông trước và sau năm 1997”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (2), tr. 45.
31. Nguyễn Huy Quý (1997), “Luật cơ bản Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (bài dịch)”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (4,6), tr. 40-46.
32. Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên) (2013), *Chính trị Trung Quốc trong quá trình trở dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

33. Lê Văn Sang, Lê Kim Sa (2012), “Vấn đề lợi dụng Hồng Kông, Macao làm cửa ngõ và đầu mối trong tiếp cận thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu trỗi dậy của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (9), tr.48-55.
34. Tạp chí *Đa chiều* (Trung Quốc) (2021), “Liên minh Công đoàn Hồng Kông giải thể sau 31 năm tồn tại”, ngày 20/9/2021.
35. Tạp chí *Newsweek* (Nhật Bản) (2021), “Trung Quốc đang “thử” Mỹ ở Hồng Kông?” (Bản dịch của Thông tấn xã Việt Nam), ngày 08/7/2021.
<https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5545885>.
36. Tân Hoa xã (2021), “Hứa hẹn về cục diện mới cho Hồng Kông sau cải cách bầu cử”, ngày 16/9/2021.
37. Xuân Thắng, Duy Lợi (1997), “Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Hồng Kông và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (3), tr. 59 -70.
38. The Diplomat (2021), “*Yếu tố hủy hoại Hồng Kông*”, số 6/2021, tr. 3 -6
39. The National Interest (2021), “Tương lai nào cho Hồng Kông” (bản dịch của Thông tấn xã Việt Nam), ngày 24/6/2021. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5516215>.
40. The Straits Times (Xingapo) (2021), “Cải cách bầu cử ở Hồng Kông - Cơ hội hay thách thức” (Bản dịch của Thông tấn xã Việt Nam), ngày 09/4/2021.
<https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5380096>.
41. The Straits Times (Xingapo) (2021), “Những sự lựa chọn hạn chế của Mỹ đối với vấn đề Hồng Kông” (Bản dịch của Thông tấn xã Việt Nam), ngày 07/7/2021.
<https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5541311>.
42. ThinkChina.sg (2021), “Hồng Kông: “Một nước, hai chế độ” có còn được duy trì?”, ngày 5/3/2021.
43. Thông tấn xã Việt Nam: “Cuộc chiến tranh giành thị trường vốn Mỹ - Trung và vai trò của Hồng Kông”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5185142>.
44. Thông tấn xã Việt Nam (1997), “Kinh tế Hồng Kông đối diện với nhiều khó khăn, thách thức nghiêm trọng”.

45. Thông tấn xã Việt Nam (2017), “Trung Quốc tiếp tục trừng trị phe đối lập tại Hồng Kông”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5316682>, truy cập ngày 26/10/2025.
46. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Dư luận Hồng Kông xung quanh việc sửa đổi Luật cơ bản”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5367607>.
47. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Joe Biden “nổi gót” người tiền nhiệm trong vấn đề Hồng Kông”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5348055>.
48. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Trung Quốc tiếp tục trừng trị phe đối lập tại Hồng Kông”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5316682>.
49. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Kinh tế Hồng Kông đối diện với nhiều khó khăn, thách thức nghiêm trọng”, Bnews, ngày 28-02-2021. <https://bnews.vn/kinh-te-hong-kong-trung-quoc-doi-dien-voi-nhieu-thach-thuc-nghiem-trong/187501.html>, Access date 02/11/2025.
50. Thông tấn xã Việt Nam (2021), “Xung quanh kế hoạch cải tổ Hồng Kông”, ngày 16/3/2021, <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5339422>.
51. Thông tấn xã Việt Nam (2021), ““Xu hướng” giải thể của các tổ chức xã hội dân sự ở Hồng Kông”. <https://news.vnanet.vn/FrontEnd/PostDetail.aspx?id=5619282>
52. Thời báo Hoàn cầu (2020), “Xu hướng chuyển dịch tài khoản ngân hàng dưới tác động của Luật an ninh quốc gia”, ngày 17/12/2020.
53. Thời báo Hoàn cầu (2021), “Một số vấn đề liên quan đến việc hoàn thiện chế độ bầu cử của Hồng Kông”, ngày 30/3/2021.
54. Thương báo (Hồng Kông) (2020), “Nỗi lo trung và dài hạn của kinh tế Hồng Kông”, ngày 23/12/2020.
55. Thương báo (Hồng Kông) (2021), “Nguy cơ tấn công mạng đe dọa vị thế trung tâm tài chính của Hồng Kông (Trung Quốc)”, ngày 11/6/2021.
56. Tổng cục Thống kê (Trung Quốc) (2021), “Báo cáo về vai trò của lao động nhập cư đối với kinh tế Hồng Kông”, ngày 23/3/2021.
57. M.L. Titarenko (2013), *Ý nghĩa địa - chính trị vùng Viễn Đông, nước Nga, Trung Quốc và các nước châu Á khác*, NXB Bách khoa, Hà Nội.

58. Phạm Anh Tuấn (1997), “Vấn đề Hồng Kông trong quan hệ Mỹ - Trung”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (6), tr. 47- 50.
59. Vân Nguyễn (2024), “ASEAN là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong 5 năm tới”, *Tạp chí điện tử Vneconomy*.
<https://vneconomy.vn/asean-la-mot-trong-nhung-nen-kinh-te-tang-truong-nhanh-nhat-the-gioi-trong-5-nam-toi.html>, truy cập ngày 26/11/2024.
60. Đoàn Thị Cẩm Vân (2013), “Chủ nghĩa Tân Hiện Thực và Chủ nghĩa Tân Tự Do Trong nghiên cứu Quan hệ quốc tế”, Trường Đại học Duy Tân,
<https://xhmv.duytan.edu.vn/dang-doan-the-va6at/chu-nghia-tan-hien-thuc-va-chu-nghia-tan-tu-do-trong-nghien-cuu-quan-he-quoc-te-6qoc1>.
61. Hà Văn (2025), “Thủ tướng: Trung tâm tài chính quốc tế là nơi pháp luật được “thiết kế cho tương lai””, Báo Điện tử Chính phủ, ngày 2-8-2025,
<https://baochinhphu.vn/thu-tuong-trung-tam-tai-chinh-quoc-te-la-noi-phap-luat-duoc-thiet-ke-cho-tuong-lai-102250802111031754.htm>.
62. Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2020), *70 năm tiến trình xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2019), *40 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc nhìn lại và triển vọng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
64. Đinh Ngọc Vượng (2008), “Hệ thống chính trị và hệ thống pháp luật của Đặc khu hành chính Hồng Kông”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (3), tr. 62-70.

Tiếng Anh

65. Acemoglu D., & Robinson J. (2012), *Why nations fail: the origins of power, prosperity, and poverty*, New York.
66. AInvest (2025), “Hong Kong’s IPO Renaissance: Navigating Policy, Tech, and Capital Flows in 2025”, AInvest, Hong Kong. <https://www.ainvest.com/news/hong-kong-ipo-renaissance-navigating-policy-tech-capital-flows-2025-2506/>, Access date 26/10/2025.
67. Airports Council International (2014), “World Airport Traffic Report 2014”, Montreal. <https://aci.aero/data-centre/annual-traffic-data/>, Access date 26/10/2025.

68. Amnesty International (2021), “Amnesty International to close its Hong Kong offices”, London. <https://www.amnesty.org/en/latest/news/2021/10/amnesty-international-to-close-its-hong-kong-offices/>, Access date 02/11/2025.
69. Ang Y.Y (2016), *How China Escaped the Poverty Trap*, Ithaca, NY: Cornell University Press.
70. Arthur R. Kroeber (2016), *China’s Economy: What Everyone Needs to Know*, New York, NY: Oxford University Press.
71. Article 19 (2025), “Hong Kong: Rights groups denounce transnational repression of exiled activists’ families”, London. https://www.article19.org/resources/hong-kong-rights-groups-denounce-transnational-repression/?utm_source=source.com, Access date 02/11/2025.
72. Asia Asset Management (2025), Hong Kong. <https://www.asiaasset.com/post/29517-jchankeynote-0414>, Access date 26/10/2025.
73. Bary Buzan (2010), “China in International society: Is “Peaceful Rise” Possible?”, *The Chinese Journal of International Politics*, Vol.3 (1), pp. 5-36.
74. Bates Fill: *Rising Star* (2006), *China’s New Security Diplomacy*, Brookings Institution Press.
75. Bloomberg Intelligence (2024), “More multinationals are picking Singapore over Hong Kong for Asian headquarters”, *South China Morning Post*, Hong Kong. <https://www.scmp.com/news/asia/southeast-asia/article/3252820/more-multinationals-are-picking-singapore-over-hong-kong-set-asia-hubs>, Access date 26/10/2025.
76. Boston Consulting Group (2024), “Global Financial Wealth Rebounds by 7% in 2023, Driven by Buoyant Equity Markets”, Zurich. <https://www.bcg.com/press/10july2024-global-financial-wealth-rebounds>, Access date 26/10/2025.
77. Brian C. H. Fong (2023). Hong Kong’s governance restructuring under Beijing’s control. *Asian Survey*, 63 (2), pp.1–20.

78. Bromley D., Yao Y (2006), “Understanding China’s economic transformation: Are there lessons here for the developing world?”, *World Economics*, Vol.7, (2). pp.73-95.
79. Brown Michael E.(ed) (2000), *The Rise of China*, Cambridge, Mass, MIT Press.
80. Bruce Dickson (2016), *The Dictator’s Dilemma: The Chinese Communist Party’s Strategy for Survival*, Oxford: Oxford University Press.
81. Center for Strategic and International Studies (2022), “The Collapse of One China”, Center for Strategic and International Studies, Washington D.C.
<https://www.csis.org/analysis/collapse-one-china>, Access date 26/10/2025.
82. Charlie Campbell (2019), “We Are Risking Everything.’ Hong Kong's Young Rebels Stake Everything on Their Struggle”, *Time Magazine*, New York.
<https://time.com/5615570/hong-kong-youth-protesters-democracy/>, Access date 03/11/2025.
83. Chen J. and Dickson B.J. (2010), *Allies of the state: China's private entrepreneurs and democratic change*, Harvard University Press.
84. Chung Min Lee (2005), “China’s rise, Asia Dilemma”, *The National Interest* (81), pp. 88-94.
85. Chunman Zhang (2017), “How to Merge Western Theories and Chinese Indigenous Theories to Study Chinese Politics”, *Journal of Chinese Political Science*, Vol.22 (2), pp. 283-294.
86. David Shambaugh (2006): *Power Shift: China and Asia’s New Dynamics*, University of California Press.
87. Deer L. & Song L (2012), “China’s approach to rebalancing: A conceptual and policy framework”, *China & World Economy*, Vol.20 (1), pp. 1-26.
88. Department of Justice, HKSAR (2023), “HKSAR Government strongly disapproves and firmly rejects the US Hong Kong Policy Act Report”, HKSAR Government, Hông Kông.
https://www.doj.gov.hk/en/community_engagement/press/20230401_pr2.html, Access date 30/10/2025.

89. Education Bureau, HKSAR (2025), “Figures and Statistics — Key Statistics on Primary and Secondary Education”, Education Bureau, Hong Kong.
<https://www.edb.gov.hk/en/about-edb/publications-stat/figures/index.html>, Access date 02/11/2025
90. Evan S. Medeiros and M. Taylor Fravel (2003), “China’s New Diplomacy”, *Foreign Affairs*, Vol.82 (6), pp. 22-35.
91. Foot, R. (2023). China–US relations in an era of strategic competition. *International Affairs*, 99(1), pp. 1–18.
92. Gamaut R., Song L. (2006), & Yao Y.: “Impact and significance of state-owned enterprise restructuring in China”, *The China Journal*, pp. 35-63.
93. Government of the HKSAR (2025), “LCQ12: Non-governmental organisations’ acceptance of advantages from overseas organisations”, Hòng Kông.
<https://www.info.gov.hk/gia/general/202503/19/P2025031900253.htm>, Access date 02/11/2025.
94. He, K. (2022). Institutional balancing in the Indo-Pacific. *International Relationsof the Asia-Pacific*, 22(2), pp. 213–235.
95. Jacques deLisle (2010), “What’s Happened to Democracy in China? Elections, Law and Political Reform”, *Foreign Policy Research Institute*, pp. 1-8.
96. Jadhav, Isha (2024), “The Hong Kong Exodus: How Corporate Relocation Shapes the Landscape of International Commercial Arbitration”, *The Arbitration Brief*, London. <https://thearbitrationbrief.com/2024/04/02/the-hong-kong-exodus-how-corporate-relocation-shapes-the-landscape-of-international-commercial-arbitration/>, Access date 26/10/2025.
97. John Dotson (2012), “Outcomes of the Chinese Communist Party’s 18th National Congress”, US - China Economic and Security, *Review Commission Staff Research Report*. https://www.uscc.gov/sites/default/files/Research/18th-CCP_PartyCongress_Overview.pdf
98. Joshua Kurlantzick (2007) *Charm Offensive: How China’s soft power is transforming the world*, Yale University Press.

99. Joyce Zhou & Farah Master (2025), “China sets up international mediation body in Hong Kong”, *Reuters*, Hồng Kông. <https://www.reuters.com/en/china-sets-up-international-mediation-body-hong-kong-2025-05-30/>, Access date 31/10/2025.
100. Heritage Foundation (2021), “Hong Kong sat atop the Heritage Foundation’s annual Index of Economic Freedom for 25 years.”, *The Heritage Foundation*, Washington D.C. <https://www.heritage.org/international-economies/commentary/hong-kong-is-no-longer-what-it-was>, Access date 26/10/2025.
101. Hong Kong Economic and Trade Office (San Francisco) (2017), “Hong Kong ranked world’s freest economy for the 23rd consecutive year”, Government of the Hong Kông SAR, Hong Kong, <https://www.hketosf.gov.hk/ehk/ehongkong86/economy.htm>, Access date 26/10/2025.
102. Hong Kong Exchanges and Clearing Limited (2025), “Market Capitalisation History of Hong Kong Exchanges and Clearing from 2000 to 2025”, Hồng Kông, https://companiesmarketcap.com/hong-kong-exchanges-and-clearing/marketcap/?utm_source.com, Access date 28/10/2025.
103. Hong Kong Free Press (2023), ““Emotional meltdown”: Hong Kong Labour Day demo cancelled, as activist says security law prevents disclosing why”, Hồng Kông, <https://hongkongfp.com/2023/04/26/emotional-meltdown-hong-kong-labour-day-demo-cancelled/>, Access date 02/11/2025.
104. *Hong Kong Marine Department Yearbook 2010*, Hong Kong SAR Government. <https://www.mardep.gov.hk>, Access date 26/10/2025.
105. Hong Kong Monetary Authority (2018), “Hong Kong as a Gateway for Mainland’s Reform and Opening-up”, *Hong Kong Monetary Authority*, Hong Kong. <https://www.hkma.gov.hk/eng/news-and-media/insight/2018/02/20180208/>, Access date 26/10/2025.
106. Hong Kong Monetary Authority (HKMA) (2020), “Annual Report 2020”, Hồng Kông, https://www.hkma.gov.hk/media/eng/publication-and-research/annual-report/2020/AR2020_E.pdf, Access date 28/10/2025.

107. Hong Kong Port Development Council (2009), *Port Master Plan 2020, Government of the Hong Kong SAR*, Hong Kong.
<https://www.pdc.gov.hk/eng/plan2020/index.html>, Access date 26/10/2025
108. Investopedia (2016), “The Top 3 Financial Centers in the World”, Investopedia, New York.
<https://www.investopedia.com/articles/investing/030116/top-three-financial-centres-world.asp>, truy cập ngày 26/10/2025.
109. Kanis Leung (2025), “Social worker imprisoned nearly 4 years for mediation attempts at Hong Kong protests”, *Associated Press*, Hong Kong.
https://www.apnews.com/article/c0249f72b4d6df1922808867864e54c7?utm_source=chatgpt.com, Access date 02/11/2025.
110. Kevin G. Cai (2013): “China since the 18th Party Congress: A One - Year Assessment - Foreign Policy”, *Presented at the 55th Annual Conference of American Association for Chinese Studies*, October 12.
111. King G., Pan J. and Roberts M.E. (2013), “How censorship in China allows government criticism but silences collective expression”, *American Political Science Review*, Vol. 107 (02), pp. 1-18.
112. Knight J. (2013), *Nequality in China: an overview*, The World Bank Research Observer, Oxford University Press.
113. Ko K. and Weng C. (2012), “Structural changes in Chinese corruption”, *The China Quarterly*, Vol. 211, tr. 718-740.
114. KPMG China (2019), “China-Hong Kong IPO 2019 Review and Outlook for 2020”. <https://assets.kpmg.com/content/dam/kpmg/cn/pdf/en/2019/12/china-hk-ipo-2019-review-and-outlook-for-2020.pdf>, Access date 28/10/2025.
115. Landesa (2012.), “Insecure land rights: the single greatest challenge facing China’s sustainable development and continued stability”, *Rural Development Institute*, pp.1-2.
116. Leung J. (2015): “Xi's Corruption Crackdown: How Bribery and Graft Threaten the Chinese Dream”, *Foreign Affairs*, Vol. 94 (1), pp. 39 - 44.

117. Li & Fung Limited (2020), “Li & Fung delists from HKEX & sets course for long-term transformation”, Hồng Kông. <https://www.lifung.com/press-release/li-fung-delists-hkex-sets-course-long-term-transformation/>, Access date 28/10/2025
118. Li Cheng (2012), “The End of the CCP’s Resilient Authoritarianism?”, *The China Quarterly*, Vol. 211, pp. 595-623.
119. Linda Jakobson (2013), “China’s Foreign Policy Dilemma”, *Lowy Institute for International Policy*, Sydney. <https://www.lowyinstitute.org/publications/china-s-foreign-policy-dilemma>, truy cập ngày 05/02/2013
120. Lee, F. L. F. (2022). Repression and political participation in Hong Kong. *The China Quarterly*, (251), pp.1–22.
121. Liu, L. (2025). Geopolitical instability and political autonomy in global cities. *Comparative Sociology*, 24 (3), pp. 1–25.
122. Lloyd’s List (2014), *Top 100 Container Ports 2014 Report*, Lloyd’s List Intelligence, London. <https://lloydslist.maritimeintelligence.informa.com/>, Access date 26/10/2025.
123. Lorentzen Peter (2017), “Designing Contentious Politics in Post-1989 China”, *Modern China*, Vol 43 (5), pp. 459-493.
124. Lu J (2014): *Varieties of governance in China: migration and institutional change in Chinese villages*, Oxford University Press.
125. Maddison A (2009): “Measuring the economic performance of transition economies: some lessons from Chinese experience”, *Review of Income and Wealth*, Vol. 55 (1), pp. 423-441.
126. Marangos J. (2011): “Social change versus transition: The political economy of institutions and transitional economies”, *For Soc Econ*, Vol. 40 (1), pp. 119-137.
127. McKinney C.J., Oxley G., Lalic M., Curtis J., Samuel H. (2024), “Visas, security and access to services for Hongkongers living in the UK - Commons Library Debate Pack, 15 October 2024” (Number CDP 2024/0129), House of Commons Library, London.
<https://researchbriefings.files.parliament.uk/documents/CDP-2024-0129/CDP-2024-0129.pdf>, Access date 30/10/2025.

128. MERICS (2020), “Financial Hub at Risk”, MERICS, Berlin.
<https://merics.org/en/report/financial-hub-risk>, Access date 28/10/2025.
129. Michael D. Swaine (2014) “Chinese Views and Commentary on Periphery
130. Diplomacy”, *China Leadership Monitor* (44), pp. 1-43.
131. Michael D. Swaine (2013), “The 18th Party Congress and Foreign Policy: The Dog that Did Not Bark”, *China Leadership Monitor* (40), pp. 1-12.
132. Michael S. Chase (2012), “China’s Search for a “New Type of Great Power Relationship”, *China Brief*, Vol.12, (17). <https://jamestown.org/program/chinas-search-for-a-new-type-of-great-power-relationship>
133. Minxin Pei: (2012), “Superpower Denied? Why China’s “Rise” May Have Already Peaked”, *The Diplomat*. <https://thediplomat.com/2012/08/superpower-denied-why-chinas-rise-may-have-already-peaked>
134. Minxin Pei (2019), “Rewriting the rules of the Chinese Party State: Xi’s Progress in reinvigorating the CCP” (60), pp.1-9.
135. Natalie Wong (2025), “Why are Hong Kong think tanks facing a bleak future?”, South China Morning Post, Hồng Kông.
<https://www.scmp.com/news/hong-kong/politics/article/3294928/are-new-ideas-needed-hong-kongs-struggling-think-tanks-survive>, Access date 02/11/2025.
136. Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) (2022), “Triennial Central Bank Survey: Foreign exchange and OTC derivatives markets in 2022”, *Bank for International Settlements*, Basel. https://www.bis.org/statistics/rpfx22_fx.htm, Access date 28/10/2025.
137. Oi J.C., Babiarz K.S., Zhan L., Luo R. and Rozelle S. (2012): “Shifting fiscal control to limit cadre power in China's townships and villages”, *The China Quarterly*, Vol. 211, pp. 649-675.
138. Phạm Bình Đàm (2024), “2023 marks success of Vietnamese-Hong Kong relations: Consul General”, VietnamPlus, Hà Nội. <https://en.vietnamplus.vn/2023-marks-success-of-vietnamese-hong-kong-relations-consul-general-post276014.vnp>, Access date 02/11/2025.

139. Quốc vụ viện Trung Quốc (2021), “Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thông qua “Quyết định về hoàn thiện hệ thống bầu cử ở Đặc khu hành chính Hồng Kông”, Trang thông tin của Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Bắc Kinh. https://www.gov.cn/xinwen/2021-03/11/content_5592268.htm, Access date 28/10/2025.
140. Rappai M (2000), “Chinese Communist Party - back to business”, *Strategic Analysis*, Vol.23 (10), pp. 1815-1818.
141. Repnikova M (2017), *Media Politics in China: Improvising Power under Authoritarianism*, Cambridge University Press.
142. Reuters (2021), “Group behind Hong Kong’s annual Tiananmen vigil disbands amid probe”, Hồng Kông. <https://www.reuters.com/world/china/group-behind-hong-kongs-annual-tiananmen-vigil-disbands-amid-probe-2021-09-25/>, Access date 02/11/2025.
143. Reuters (2022), “Hong Kong's Foreign Correspondents' Club suspends human rights press awards”, Hồng Kông. <https://www.reuters.com/world/china/hong-kongs-foreign-correspondents-club-suspends-top-asian-human-rights-awards-2022-04-25/>, Access date 02/11/2025.
144. Reuters (2024), “Hong Kong passes security law which critics say further threatens freedoms”, Reuters, London. <https://www.reuters.com/world/china/hong-kong-legislature-unanimously-passes-new-national-security-law-2024-03-19/>, Access date 28/10/2025.
145. Reuters (2025), “Shipping firms pull back from Hong Kong to skirt US-China risks”, Reuters, London. <https://www.reuters.com/markets/shipping-firms-pull-back-hong-kong-skirt-us-china-risks-2025-03-06/>, Access date 26/10/2025.
146. Richard McGregor (2010), *The Party - The Secret World of China’s Communist Rulers*, New York: HarperCollins.
147. SCED (2023), “Hong Kong seeks to forge closer trade partnership with Vietnam”, Commerce and Economic Development Bureau, Hồng Kông. https://www.cedb.gov.hk/en/news/press_release/2023/pr10012023b.html, Access date 02/11/2025.

148. Scholars at Risk (2023), “University of Hong Kong — cancellation of planned talk by Timothy Owen (14 Nov 2023)”, New York.
<https://www.scholarsatrisk.org/report/2023-11-14-university-of-hong-kong/>, Access date 02/11/2025.
149. Shih Victor, Christopher Adolph and Mingxing Liu (2012), “Getting Ahead in the Communist Party: Explaining the Advancement of Central Committee Members in China”, *American Political Science Review*, Vol.106 (1), pp. 166 -187.
150. Shujie Yao (2012), “Can China Become the Next Superpower?”, *China Policy Institute*, Briefing Series - (21). [briefing-21-china-next-superpower.pdf](#)
151. Song L., Wu J. & Zhang Y. (2010): “Urbanization of migrant workers and expansion of domestic demand”, *Social Sciences in China*, Vol.31 (3), pp. 194-216.
152. Song Z., Storesletten K. & Zilibotti F. (2011): “Growing like China”, *American Economic Review*, Vol.101 (1), pp. 196 - 233.
153. Spence Jonathan (2012), *The Search for Modern China, Third Edition*, New York: W.W. Norton & Company.
154. Stiglitz J. (2012), *The price of inequality: How today’s divided society endangers our future*, Norton & Company, New York.
155. Stockmann D (2013), *Media commercialization and authoritarian rule in China*, Cambridge University Press.
156. Sujian Guo (2007), *Harmonious World and China’s New Foreign Policy*, Institute for Public Policy Research.
157. Susan V. Lawrence and Michael F. Martin (2013), “*Understanding China’s Political System*”, Congressional Research Service.
158. Sutter R. (2005), “China’s rise in Asia - Promises, Prospects and Implications for the United States”, *Asia-Pacific Center for Security Studies*,
https://apcss.org/wp-content/uploads/2010/PDFs/Ocasional%20Papers/OPChinasRise.pdf?utm_source.com
159. Svobik Milan W. (2013), *The Politics of Authoritarian Rule*, Cambridge: Cambridge University Press.

160. The Associated Press (2025), “Overseas Hong Kong pro-democracy activist Nathan Law denied entry to Singapore”, *Associated Press*, Beijing.
<https://apnews.com/article/697b9522656767ee4d878e3bd6988a62>, Access date 30/10/2025.
161. Tim Summers (2013), “China’s New Leadership: Approaches to International Affairs”, *Royal Institute of International Affairs*, London,
https://www.chathamhouse.org/sites/default/files/public/Research/Asia/0413bp_chinanewleaders.pdf
162. Truex Rory (2014), “The Returns to Office of a Rubber Stamp Parliament”, *American Political Science Review*, Vol.108 (2), pp. 235-251.
163. U.S. Department of State (2019), “2019 Hong Kong Policy Act Report”, U.S. Department of State, Washington D.C. <https://china.usc.edu/node/21079>, Access date 26/10/2025.
164. U.S. Department of State (2020), “2019 Report on International Religious Freedom - Hong Kong”, U.S. Department of State, Washington.
<https://www.state.gov/wp-content/uploads/2020/06/HONG-KONG-2019-INTERNATIONAL-RELIGIOUS-FREEDOM-REPORT.pdf>, Access date 02/11/2025.
165. Wang Y. (2014), “Coercive capacity and the durability of the Chinese communist state”, *Communist and Post-Communist Studies*, Vol. 47(1), pp. 13-25.
166. Wang, Yuhua and Carl Minzner (2015), “The Rise of the Chinese Security State”, *The China Quarterly*, Vol. 222, pp. 339-359.
167. William A. Joseph (ed.) (2014), *Politics in China: An Introduction*, second edition New York: Oxford University Press.
168. World Bank (2012), *Logistics Performance Index Report 2012*, World Bank Group, Washington D.C. <https://lpi.worldbank.org/report>, truy cập ngày 26/10/2025.
169. World Bank (2020), *Doing Business 2020: Comparing Business Regulation in 190 Economies - Economy Profile: Hong Kong SAR, China*, World Bank Group, Washington D.C.
<https://documents1.worldbank.org/curated/en/605801574948641730/pdf/Doing-Business-2020-Comparing-Business-Regulation-in-190-Economies.pdf>, Access

date 26/10/2025.

170. Xu C (2011): “The fundamental institutions of China’s reforms and development”, *Journal of Economic Literature*, Vol. 49 (4), pp. 1076-1151.

171. Yasuda J. (2017): *On Feeding the Masses. An Anatomy of Regulatory Failure in China*, Cambridge University Press.

172. Yong Nam Cho, Jong Jo Jeong (2008), “China’s Soft power - Discussions, Resources and Prospects”, *Asian Survey*, Vol. 48 (3), pp. 453-472

173. Z/Yen Group & China Development Institute (2025), “Global Financial Centres Index 37 - Hong Kong maintains third place globally”, Government of the Hong Kong SAR, Hong Kong.

<https://www.info.gov.hk/gia/general/202503/20/P2025032000391.htm>, Access date 26/10/2025.

174. Zheng Bijian (2005), “China’s “peaceful rise” to great power status”, *Foreign Affairs*, Vol.84, (5), pp. 18-24.

175. Zhao, S. (2022). Rethinking the China–U.S. strategic rivalry. *Journal of Contemporary China*, 31(136), pp.1–17.

176. Rudolf Kjellén: “Staten som Lifsform” (Tạm dịch: Nhà nước như một hình thức của cuộc sống), *Leipzig: Hirzel*, 1917, tr. 34 - 35, 203.

Tiếng Trung Quốc

177. 文匯報 / Wen Wei Po (2019), “宗教界應導人向善勿淪暴徒「庇護所」” ((Tạm dịch: “Giới tôn giáo nên hướng con người về điều thiện, đừng trở thành ‘nơi trú ẩn’ cho kẻ bạo loạn”)), Hong Kong.

<https://paper.wenweipo.com/2019/09/20/WW1909200002.htm>, Access date 03/11/2025.

178. HK01 (2019), “傳道人搞義載、上前線支援：教會和市民一同進步” (về việc một số nhà thờ mở cửa làm nơi nghỉ, tiếp tế vật tư cho người biểu tình), HK01, Hong Kong. <https://www.hk01.com/社區專題/347242/逃犯條例-傳道人搞義載-上前線支援-教會和市民一同進步>, Access date 03/11/2025.